Ngày soạn: 1/9/2023

Ngày dạy:

**Tuần 1**

**CHƯƠNG I: NHÀ Ở**

**Bài 1 - Tiết 1**

**NHÀ Ở ĐỐI VỚI CON NGƯỜI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Trình bày được vài trò củanhà ở đối với đời sống con người.

- Nêu được các đặc điểm chung của nhà ở hiện nay.

**2.Về năng lực:**

2.1 Năng lực chung:`

- Tự chủ và tự học:

+ Chủ động, tích cực học tập.

+ Vận dụng linh hoạt các kiến thức những kiến thức, kỹ năng về nhà ở, xây dựng nhà ở để nhận định, đánh giá không gian, hoàn cảnh nơi mình sinh sống.

- Giao tiếp và hợp tác:

+ Biết trình bày các ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học.

+ Thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

2.2 Năng lực công nghệ:

- Nhận thức công nghệ:

+ Nhận biết được vai trò của nhà ở đối với đời sống con người.

+ Nhận biết được các đặc điểm chung của nhà ở.

**3.Về phẩm chất:**

- Nhân ái:

+ Tôn trọng sự đa dạng về văn hóa của các dân tộc.

+ Gắn bó và yêu quý nơi ở của gia đình mình.

- Chăm chỉ:

+ Có ý thức về nhiệm vụ học tập.

+ Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng về nhà ở vào học tập và đời sống hằng ngày.

- Trách nhiệm: Quan tâm đến các hoạt động của các thành viên trong gia đình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:**

- Tìm hiểu mục tiêu bài học.

- Tìm hiểu các kiểu nhà ở phổ biến tại địa phương, các vật liệu xây dựng phổ biến ở địa phương.

- Chuẩn bị tài liệu giảng dạy: Sách giáo khoa, sách GV và các tư liệu liên quan.

- Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học:

+ Phiếu học tập, phiếu làm việc nhóm.

+ Tranh ảnh các kiểu nhà.

**2. Học sinh**

- Đọc trước bài “nhà ở đối với con người” ở nhà.

- Quan sát các kiểu nhà tại địa phương.

- Tìm hiểu những vật liệu xây dựng nhà ở tại địa phương.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Mở đầu**

**a) Mục tiêu:** Kích thích nhu cầu tìm hiểu về vai trò, đặc điểm của nhà ở.

**b) Nội dung:**

Thông qua xem tranh ảnh về tầm quan trọng của nhà ở đối với con người gắn với các tình huống trong thực tiễn, học sinh tham gia trả lời các câu hỏi để tạo hứng thú ngay từ đầu tiết học.

**c) Sản phẩm**: Phiếu trả lời của học, nội dung trả lời thông qua vấn đáp.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

+ GV chia lớp thành 6 nhóm, phân công cụ thể cho từng thành viên trong nhóm (trên giấy A4): Nhóm trưởng, thư kí, người thuyết trình, người quản lí thời gian (vai trò sẽ luân chuyển ở các hoạt động sau).

+ Phát phiếu trả lời.

+ Yêu cầu các nhóm xem tranh và tham gia trò chơi “Ai nhanh hơn”. Yêu cầu các nhóm ghi lại những tác động xấu của thiên nhiên vào bảng con trong thời gian nhanh nhất. Đồng thời đại diện nhóm trình bày hiểu biết ban đầu về tầm quan trọng của nhà ở.

**Thực hiện nhiệm vụ học tập:**

+ HS xem xong tranh (về mưa gió, bão, hạn hán…)

+ Ghi lại những tác động xấu của thiên nhiên vào bảng con nhóm. Đồng thời trình bày hiểu biết ban đầu về tầm quan trọng của nhà ở.

**Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**

+ Đại diện nhóm trình bày.

+ Nhóm khác nhận xét.

**Kết luận, nhận định:**

+ Giáo viên đưa ra đáp án của trò chơi.

+ HS chủ động kiểm tra đã trả lời được bao nhiêu câu đúng.

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu về vai trò nhà ở**  **a) Mục tiêu:** Giúp HS biết và hiểu về vai trò của nhà ở đối với con người.  **b) Nội dung:**  - Thông qua xem các tranh(hình 1.1) về các kiểu thời tiết xấu tác động đến con người kết hợp với các tình huống thực tiễn để học sinh biết và hiểu vai trò của nhà ở trong những hoàn cảnh khắc nghiệt của thiên nhiên bằng phiếu làm việc nhóm.  - Sau đó các nhóm HS sẽ quan sát các tranh ảnh( hình 1.2) liên quan để biết và hiểu về nhà ở đáp ứng các nhu cầu về sinh hoạt hằng ngày của các thành viên trong gia đình thông qua phiếu làm việc nhóm.  **c) Sản phẩm**: Sau khi HS hoàn thành các yêu cầu ở hoạt động 1, các em cần nêu được:  - Nhà ở là nơi trú ngụ của con người, bảo vệ con người tránh khỏi những ảnh hưởng xấu của thiên nhiên, môi trường.  - Nhà ở là nơi đáp ứng các nhu cầu về sinh hoạt hằng ngày của các thành viên trong gia đình.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **Chuyển giao nhiệm vụ học tập**:  + Phân thành 6 nhóm như hoạt động khởi động.  + Giáo viên phát phiếu làm việc nhóm và nói rõ các yêu cầu cần thực hiện trong phiếu học tập này.  + Cho học sinh xem tranh các kiểu thời tiết xấu: mưa bão, hạn hán, rét... trong thời gian khoản 3 phút.  + Sau khi xem tranh yêu cầu học sinh ghi vào phiếu học tập số 1. Thời gian để học sinh ghi nhận nội dung video là 2 phút.  + Kết thúc thời gian hoàn thiện phiếu học tập, giáo viên chiếu đáp án và yêu cầu các nhóm nhận xét chéo: N1-N3; N3-N5; N5-N1; N2-N4; N4-N6; N6-N2.  **Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  + HS nhận phiếu làm việc nhóm.  + HS tập trung xem tranh về các kiểu thời tiết xấu: mưa bão, hạn hán, rét...và thực hiện nhiệm vụ được giao trên phiếu làm việc nhóm.  + HS nhận xét chéo theo yêu cầu của giáo viên.  **Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  Đại diện nhóm báo cáo và giải thích, các thành viên khác trong nhóm có thể hỗ trợ đại diện nhóm.  **Kết luận, nhận định:**  + GV công bố đáp án của hoạt động 1. Sau đó, nhận xét tính chính xác, đầy đủ các phiếu làm việc nhómcủa các nhóm. Thông qua đó đánh giá từng nhóm và chốt những nội dung liên quan ở hoạt động 1 và khởi động.  + Làm rõ thêm vai trò nhà ở để học sinh ghi nhận, thực hiện.  + GV đặt vấn đề về các đặc đểm chung của nhà ở để đi đến hoạt động 2.  **Hoạt động 2: Tìm hiểu về đặc điểm chung của nhà ở**  **a) Mục tiêu:** Giúp HS biết và hiểu về đặc điểm chung của nhà ở.  **b) Nội dung:**  - HS sẽ quan sát hình 1.3 và trả lời các câu hỏi ở nội dung 2.1 theo yêu cầu của Gv; Từ đó HS sẽ nêu được cấu trúc chung của ngôi nhà, đồng thời nêu được nhiệm vụ của phần dùng để làm gì.  - HS tiếp tục quan sát hình 1.4 và trả lời các câu hỏi ở nội dung 2.2; Từ hình 1.4 HS sẽ kể được tên những hoạt động thường ngày của gia đình diễn ra ở những khu vực nào.  - Sau đó, HS tiến hành so sánh các khu vực nhà ở với trường học đang học rồi ghi vào phiếu làm việc nhóm để nhận biết một số khu vực chỉ có trong nhà ở.  - HS tập trung nghe GV đặt vấn đề những khu vực cần thiết không thể thiếu trong nhà ở dù rộng hay hẹp. Thông qua việc trả lời, trao đổi HS sẽ biết được các khu vực thiết yếu trong nhà ở.  **c) Sản phẩm:** Sau khi HS hoàn thành các yêu cầu ở hoạt động 2, các em cần nêu được:  - Nhà ở thường cấu tạo bởi 3 phần chính: móng nhà, thân nhà và mái nhà.  - Bên trong nhà thường có các khu vực chính: nơi tiếp khách, nơi ngủ nghỉ, nhà bếp, nơi tắm giặt, nhà vệ sinh,…  **d) Tổ chức thực hiện:**  **Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  + Phân nhóm làm việc: cặp đôi (2 bạn cùng bàn lập thành nhóm) và phát bản con.  + GV chiếu hình 1.3, nên các công việc cần hoàn thành ở nhiệm vụ này. Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, GV chốt vấn đề. Sau đó, yêu cầu HS ghi nhận nội dung cấu trúc chung của nhà ở.  + GV dẫn dắt HS liên hệ thực tiễn ở gia đình để kể được tên các khu vực là nơi diễn ra các hoạt động thường ngày. GV đặt vấn đề để đi đến các khu chính thường có trong nhà ở.  + Nhiệm vụ ở hình 1.4 GV yêu cầu HS tiếp tục làm việc cặp đôi (bạn bàn trên và bạn bàn dưới là một cặp).  + GV chiếu hình 1.4 và yêu cầu các cặp đôi ghi nội dung trả lời vào bảng còn. Yêu cầu các nhóm khác nhận xét, GV chốt vấn đề.  + GV đặt vấn đề: Nhà ở và trường các em đang học thì những khu vực nào nhà ở có còn trường học thì không?; Những khu vực nào được xem không thể thiếu dù nhà rộng hay hẹp? Sau khi trả lời xong GV chốt vấn đề, yêu cầu HS ghi nhận nội dung.  **Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  + HS kếp hợp thành cặp đôi và nhận bảng con.  + HS quan sát hình 1.3, hoàn thành các công việc được giao. Các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung. Sau đó, ghi nhận nội dung.  + HS liệt kê các khu vực là nơi diễn ra các hoạt động thường ngày. Từ đó, HS hiểu được các khu vực chình thường có trong nhà ở.  + Sau khi thay đổi thành viên cặp đôi, HS quan sát hình 1.4, hoàn thành các công việc được giao. Các cặp đôi khác nhận xét, bổ sung.  + HS tham gia trả lời các câu hỏi từ vấn đề GV nêu. HS khác nhận xét, bổ sung. Sau đó ghi nhận nội dung.  **Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  Đại diện cặp đôi báo cáo và giải thích, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  **Kết luận, nhận định:**  + GV công bố đáp án ở các nhiệm vụ của hoạt động 2. Sau đó, nhận xét tính chính xác, đầy đủ nội dung trả lời của các cặp đôi. Thông qua đó đánh giá từng cặp đôi và chốt những nội dung liên quan ở hoạt động 2 và khởi động.  + Làm rõ thêm đặc điểm chung của nhà ở để học sinh ghi nhận, thực hiện. | **1. Vai trò của nhà ở**  - Nhà ở là nơi trú ngụ của con người, bảo vệ con người tránh khỏi những ảnh hưởng xấu của thiên nhiên, môi trường.  - Nhà ở là nơi đáp ứng các nhu cầu về sinh hoạt hằng ngày của các thành viên trong gia đình.  **2. Đặc điểm chung của nhà ở**  - Nhà ở thường cấu tạo bởi 3 phần chính: móng nhà, thân nhà và mái nhà.  - Bên trong nhà thường có các khu vực chính: nơi tiếp khách, nơi ngủ nghỉ, nhà bếp, nơi tắm giặt, nhà vệ sinh,… |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS hiểu rõ hơn về vai trò,đặc điểm chung của nhà ở.

**b) Nội dung:**

HS tập trung nghe GV hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ phần luyện tập. Hoạt động cá nhân ở các câu 1,2( SGK/13). Ở từng câu hỏi HS sẽ nhận xét, bổ sung để hoàn chỉnh đáp án từng câu hỏi.

**c) Sản phẩm:** Đáp án các câu hỏi.

**d) Tổ chứcthực hiện**:

**Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

+ GV nêu cụ thể yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể để HS biết thực hiện cho đúng.

+ GV đọc từng câu hỏi để HS nhiên cứu tài liệu kết hợp hiểu biết thực tế trả lời các câu hỏi. Trong từng câu hỏi GV yêu cầu HS nhận xét, bổ sung để hoàn chỉnh câu trả lời. Cuối cùng GV chốt vấn đề.

**Thực hiện nhiệm vụ học tập:**

+ HS tập trung nghe GV hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ở phần luyện tập.

+ HS nghe các câu hỏi để nghiên cứu tài liệu trả lời các câu hỏi:

Làm việc cá nhân:

Câu 1: Ngoài các khu vực chính, trong nhà ở còn có các khu vực nào khác?

Câu 2: Những khu vực nào cố thể bố trí chung một vị trí?

HS có thể kết hợp kiến thức bài học với hiểu biết thực tế tại địa phương để trả lời 2 câu hỏi này.

**Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**

Cá nhân báo cáo và giải thích, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.

**Kết luận, nhận định:**

+ GV công bố đáp án ở các câu hỏi nhiệm vụ của hoạt động luyện tập. Sau đó, nhận xét tính chính xác, đầy đủ nội dung trả lời của từng HS. Thông qua đó đánh giá từng HS và chốt những nội dung liên quan ở hoạt động luyện tập.

+ GV dẫn dắt đi đến hoạt động vận dụng.

\* Gợi ý đáp án:

Câu 1: Nơi thờ cúng, góc học tập, nhà kho …

Câu 2: Đây là câu hỏi mở, GV khuyến khích HS liên thệ thực để để trả lời.

**Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS vận dụng những vấn đề liên quan đến nhà ở vào thực tiễn.

**b) Nội dung**: HS tập trung nghe GV hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ phần vận dụng. Hoạt động này HS sẽ về nhà làm việc cặp đôi. Tiết học sau các nhóm sẽ nộp sản phẩn của nhóm để đánh giá.

**c) Sản phẩm**: Đáp án bài tập vận dụng và bài tập về nhà.

**d) Tổ chứcthực hiện**:

**Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

+ GV nêu cụ thể yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể để HS biết thực hiện cho đúng.

+ GV nêu các câu hỏi ở phần vận dụng, đồng thời gợi ý nội dung câu hỏi để giúp HS có định hướng ban đầu để giải quyết bài tập.

HS phải nhận định phân chia các phòng, các khu vực trong nhà ở của mình.

**Thực hiện nhiệm vụ học tập:**

+ HS tập trung nghe GV hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ở phần vận dụng.

+ HS quan sát màng chiếu các câu hỏi, nghe GV định hướng nội dungcâu bài tập.

Hãy mô tả các khu vực chính trong ngôi nhà cuả gia đình em?

**Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**

Cá nhân hay đại diện nhóm báo cáo và giải thích, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.

**Kết luận, nhận định:**

Đầu giờ tiết học sau, các nhóm nộp sản phẩm học tập.Tiết học sau GV nhận xét, đánh giá các sản phẩm học tập các nhóm đã nộp.

**Duyệt**

**Tuần:**

**Ngày soạn: 8/9/2023**

**Ngày dạy:**

**TIẾT 2: NHÀ Ở ĐỐI VỚI CON NGƯỜI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Nêu được một số kiểu nhà ở đặc trưng của Việt Nam.

- Kể được tên một số vật liệu dùng để xây nhà.

**2. Về năng lực:**

2.1 Năng lực chung:`

- Tự chủ và tự học:

+ Chủ động, tích cực học tập.

+ Vận dụng linh hoạt các kiến thức những kiến thức, kỹ năng về nhà ở, xây dựng nhà ở để nhận định, đánh giá không gian, hoàn cảnh nơi mình sinh sống.

- Giao tiếp và hợp tác:

+ Biết trình bày các ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học.

+ Thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

2.2 Năng lực công nghệ:

- Nhận thức công nghệ:

+ Nhận biết được các kiểu nhà ở đặc trưng của Việt Nam.

+ Nhận biết được các loại vật liệu dùng trong xây dựng nhà ở.

- Giao tiếp công nghệ:

+ Biết được một số thuật ngữ về kiểu nhà ở, các vật liệu xây dựng nhà.

- Đánh giá công nghệ:

+ Xác định được kiểu nhà ở đặc trưng phù hợp cho các vùng miền của Việt Nam.

+ Xác định được loại vật liệu xây dựng phù hợp với từng kiểu nhà ở.

**3. Về phẩm chất:**

- Nhân ái:

+ Tôn trọng sự đa dạng về văn hóa của các dân tộc.

+ Gắn bó và yêu quý nơi ở của gia đình mình.

- Chăm chỉ:

+ Có ý thức về nhiệm vụ học tập.

+ Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng về nhà ở vào học tập và đời sống hằng ngày.

- Trách nhiệm: Quan tâm đến các hoạt động của các thành viên trong gia đình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:**

- Tìm hiểu mục tiêu bài học.

- Tìm hiểu các kiểu nhà ở phổ biến tại địa phương, các vật liệu xây dựng phổ biến ở địa phương.

- Chuẩn bị tài liệu giảng dạy: SGK, SGV và các tư liệu liên quan.

- Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học:

+ Phiếu học tập, phiếu làm việc nhóm.

+ Tranh ảnh các kiểu nhà ở Việt Nam

+ Tranh ảnh về các vật liệu xây dựng nhà

**2. Học sinh**

- Đọc trước bài “nhà ở đối với con người” ở nhà.

- Quan sát các kiểu nhà tại địa phương.

- Tìm hiểu những vật liệu xây dựng tại địa phương.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. Hoạt động:Mở đầu**

**a) Mục tiêu**: Kích thích nhu cầu tìm hiểu về 1 số kiến trúc nhà ở đặc trưng của Việt Nam, về vật liệu xây dựng nhà.

**b) Nội dung**:

Thông qua việc quan sát nhà ở khu vực sinh sống của học sinh, các em tham gia trả lời các câu hỏi để tạo hứng thú ngay từ đầu tiết học.

**c) Sản phẩm:** Nội dung trả lời thông qua vấn đáp.

**d) Tổ chứcthực hiện:**

**Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

+ GVđưa câu hỏi :

Cho biết xung quanh khu vực e sinh sống có các kiểu nhà nào?

Nhà đó được xây dựng bằng các vật liệu gì?

**Thực hiện nhiệm vụ học tập:**

+ HS suy nghĩ trả lời 2 câu hỏi.

**Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**

+ HS trả lời

**Kết luận, nhận định:**

+ Giáo viên đưa ra đáp án câu hỏi

+ HS chủ động kiểm tra đã trả lời được bao nhiêu câu đúng.

**B. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động :Tìm hiểu về một số kiến trúc nhà ở đặc trưng của Việt Nam**  **a) Mục tiêu**: Giúp HS biết và hiểu về một số kiểu nhà ở đặc trưng của Việt Nam.  **b) Nội dung**:  - HS làm việc cá nhân qua quan sát hình 1.5 và hoàn thành việc ghép hình với phần mô tả kiến trúc nhà ở.  -HS tập trung nghe GV gợi ý để phân biệt được kiểu nhà nhà chung cư và nhà liền kề; nhà bè và nhà sàn.  - Từ các thông tin trên HS sẽ trả lời được câu hỏi về mỗi kiểu kiến trúc nhà thường xuất hiện ở những khu vực nào và vì sao nó lại phổ biến ở khu vực đó.  Cuối hoạt động HS nêu lại một số kiến trúc nhà ở đặc trưng của Việt Nam.  **c) Sản phẩm**: Sau khi HS hoàn thành các yêu cầu ở hoạt động 3, các em cần nêu được:  Tùy theo điều kiện tự nhiên và tập quán của từng địa phương mà chúng ta có các kiểu kiến trúc nhà ở đặc trưng khác nhau.  - Nông thôn: thường có kiểu nhà ba gian truyền thống; hiện nay phổ biến kiểu nhà riêng lẻ, một hay nhiều tầng, mái ngói hay bê tông.  - Thành thị: có kiểu nhà liền kề, nhà chung cư, nhà biệt thự …  - Các khu vực khác: nhà sàn hay nhà nổi trên sông …  **d) Tổ chức thực hiện:**  **Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  + GV yêu cầu cá nhân HS quan sát hình 1.5 và hoàn thành việc ghép hình với phần mô tả kiến trúc nhà ở.  + GV yêu cầu HS phân biệt kiểu nhà ở đặc trưng: Nhà ở chung cư và nhà ở liền kề; nhà sàn và nhà nổi.  + GV đặt vấn đề: Vì sao mỗi khu vực lại có một kiểu nhà ở đặc trưng? Để HS tham gia trả lời để làm sáng tỏ vấn đề.  Lưu ý: Cuối mỗi nhiệm vụ GV phải chốt nội dung từng nhiệm vụ.  **Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  + HS quan sát và hoàn thành việc ghép hình với phần mô tả kiến trúc nhà ở.  + HS nghiên cứu phần mô tả cấu trúc nhà ở kết hợp quan sát hình 1.5 để phân tích điểm khác nhau của nhà chung cư với nhà ở liền kề; nhà sàn với nhà nổi.  + Từ những hình ảnh trên kết hợp với kiến thức bản thân HS được giải thích ở mỗi khu vực khác nhau thì có các kiểu nhà khác nhau.  **Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  Mỗi HS nghiên cứu tài liệu để hoàn thành các nhiệm vụ được giao, các thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung để làm sáng tỏ vấn đề.  **Kết luận, nhận định:**  + GV công bố đáp án ở các nhiệm vụ của hoạt động 3. Sau đó, nhận xét tính chính xác, đầy đủ nội dung trả lời của các HS. Thông qua đó đánh giá từng HS và chốt những nội dung liên quan ở hoạt động 3 và khởi động.  + Làm rõ thêm một số kiến trúc nhà ở đặc trưng của Việt Nam để học sinh ghi nhận.  + GV đặt vấn đề về các vật liệu xây dựng nhà ở để đi đến hoạt động tiếp theo.  **Hoạt động:Tìm hiểu về vật liệu xây dựng nhà**  **a) Mục tiêu:** Giúp HS biết và hiểu được được các vật liệu phổ biến thường dùng trong xây dựng nhà ở và cách tạo ra hỗn hợp trong xây dựng nhà ở bằng gạch và xi măng.  **b) Nội dung:**  - HS sẽ nhắc lại một số kiểu nhà ở đặc trưng của Việt Nam và cho biết kiểu nhà nào có cầu trúc đơn giản, chỉ có 1 tầng; kiểu nhà nào có cấu trúc phức tạp, nhiều tầng.  - HS nghiên cứu tài liệu kết hợp hiểu biết cá nhân để trả lời: Ngôi nhà cần xây dựng như thế nào để không bị sập, đổ khi có mưa, gió, giông, bão … thông qua vấn đề trên HS đi vào các nhiệm vụ của hoạt động 4.  - HS chia nhóm như hoạt động khởi động, yêu cầu HS quan sát hình 1.6 và trả lời các câu hỏi về các vật liệu xây dựng.  - Các nhóm sẽ liên hệ thực tế, kể thêm một số vật liệu xây dựng không có trong hình 1.6 và nêu công dụng của chúng.  -Các nhóm HS thảo luận nội dung sau: vật liệu nào thường dùng để xây dựng kiểu nhà có cầu trúc đơn giản, chỉ có 1 tầng; vật liệu nào thường dùng để xây dựng kiểu nhà nào có cấu trúc phức tạp, nhiều tầng? Vì sao lại dùng chúng?  - Các nhóm sẽ phân tích hình 1.7 và 1.8 để trả lời về việc tạo ra hỗn hợp vữa xi măng-cát; bê tông.  - HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được, đút kết thành kiến thức của bài học.  **c) Sản phẩm**: Sau khi HS hoàn thành các yêu cầu ở hoạt động 3, các em cần nêu được:  - Vật liệu xây dựng: là tất cả các loại vật liệu dùng trong xây dựng nhà ở và các công trình khác.  - Vật liệu xây dựng gồm:  + Vật liệu có sẵn trong tự nhiên: cát, đá, sỏi, gỗ, tre ….  + Vật liệu nhân tạo: gạch, ngói, xi măng, thép …  - Cát và xi măng được pha trộn tạo hỗn hợp vữa xi măng-cát. Vữa xi măng-cát kết hợp với đá hoặc sỏi tạo nên bê tông vững chắc.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  + GV yêu cầu HS nhắc lại một số kiểu nhà ở đặc trưng của Việt Nam và cho biết kiểu nhà nào có cầu trúc đơn giản, chỉ có 1 tầng; kiểu nhà nào có cấu trúc phức tạp, nhiều tầng.  + GV đặt vấn đề: Ngôi nhà cần xây dựng như thế nào để không bị sập, đổ khi có mưa, gió, giông, bão … thông qua vấn đề, GV dẫn dắt HS đi vào các nhiệm vụ của hoạt động 4.  + GV chia lớp thành 6 nhóm, mỗi nhóm 7 thành viên, phân công cụ thể cho từng thành viên trong nhóm (trên giấy A4): Nhóm trưởng, thư kí, người thuyết trình, người quản lí thời gian (vai trò sẽ luân chuyển ở các hoạt động sau), yêu cầu HS quan sát hình 1.6 và trả lời các câu hỏi về các vật liệu xây dựng.  + GV yêu cầu các nhóm liên hệ thực tế, kể thêm một số vật liệu xây dựng không có trong hình 1.6 và nêu công dụng của chúng.  + GV đặt vấn đề để các nhóm thảo luận: vật liệu nào thường dùng để xây dựng kiểu nhà có cầu trúc đơn giản, chỉ có 1 tầng; vật liệu nào thường dùng để xây dựng kiểu nhà nào có cấu trúc phức tạp, nhiều tầng? Vì sao lại dùng chúng?  + GV yêu cầu các nhóm phân tích hình 1.7 và 1.8 để về việc tạo ra hỗn hợp vữa xi măng-cát; bê tông.  + GV yêu cầu nhắc lại những thông tin vừa tìm được, đút kết thành kiến thức của bài học.  **Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  + HS nhắc lại một số kiểu nhà ở đặc trưng của Việt Nam và nêu được kiểu nhà có cầu trúc đơn giản, chỉ có 1 tầng; kiểu nhà có cấu trúc phức tạp, nhiều tầng.  + HS nghiên cứu tài liệu kết hợp hiểu biết cá nhân để trả lời: Ngôi nhà cần xây dựng như thế nào để không bị sập, đổ khi có mưa, gió, giông, bão …  + HS tiến hành phân chia nhóm, sau đó quan sát hình 1.6 và trả lời các câu hỏi về các vật liệu xây dựng.  + Nhóm HS liên hệ thực tế để kể thêm một số vật liệu xây dựng không có trong hình 1.6 và nêu công dụng của chúng.  + Nhóm tiến hành thảo luận: vật liệu nào thường dùng để xây dựng kiểu nhà có cầu trúc đơn giản, chỉ có 1 tầng; vật liệu nào thường dùng để xây dựng kiểu nhà nào có cấu trúc phức tạp, nhiều tầng? Vì sao lại dùng chúng? Sau đó, tiến hành báo cáo.  + Các nhóm HS phân tích hình 1.7 và 1.8 để về trả lời các câu hỏi việc tạo ra hỗn hợp vữa xi măng-cát; bê tông.  + Một vài HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được, đút kết thành kiến thức của bài học.  **Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  Đại diện nhóm báo cáo và giải thích, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  **Kết luận, nhận định:**  + GV công bố đáp án ở các nhiệm vụ của hoạt động nội dung 4. Sau đó, nhận xét tính chính xác, đầy đủ nội dung trả lời của các nhóm HS. Thông qua đó đánh giá từng nhóm HS và chốt những nội dung liên quan ở hoạt động nộ dung 4 và khởi động.  + Làm rõ thêm các vật liệu xây dựng nhà ở để học sinh ghi nhận. | **3. Một số kiến trúc nhà ở đặc trưng của Việt Nam**  - Nông thôn: thường có kiểu nhà ba gian truyền thống; hiện nay phổ biến kiểu nhà riêng lẻ, một hay nhiều tầng, mái ngói hay bê tông.  - Thành thị: có kiểu nhà liền kề, nhà chung cư, nhà biệt thự …  - Các khu vực khác: nhà sàn hay nhà nổi trên sông …  **4. Vật liệu xây dựng nhà**  - Vật liệu xây dựng: là tất cả các loại vật liệu dùng trong xây dựng nhà ở và các công trình khác.  - Vật liệu xây dựng gồm:  + Vật liệu có sẵn trong tự nhiên: cát, đá, sỏi, gỗ, tre ….  + Vật liệu nhân tạo: gạch, ngói, xi măng, thép …  - Cát và xi măng được pha trộn tạo hỗn hợp vữa xi măng-cát. Vữa xi măng-cát kết hợp với đá hoặc sỏi tạo nên bê tông vững chắc. |

**C.Hoạt động : Luyện tập**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS hiểu rõ hơn vềkiến trúc của nhà ở đặc trưng của Việt Nam, về vật liệu xây dựng nhà ở.

**b) Nội dung:**

HS tập trung nghe GV hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ phần luyện tập. Hoạt động cá nhân trả lờicâu hỏi3,4,5( sgk/13). Ở từng câu hỏi HS sẽ nhận xét, bổ sung để hoàn chỉnh đáp án từng câu hỏi.

**c) Sản phẩm**: Đáp án các câu hỏi .

**d) Tổ chứcthực hiện**:

**Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

+ GV nêu cụ thể yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể để HS biết thực hiện cho đúng.

+ GV đọc từng câu hỏi để HS nhiên cứu tài liệu kết hợp hiểu biết thực tế trả lời các câu hỏi. Trong từng câu hỏi GV Yêu cầu HS nhận xét, bổ sung để hoàn chỉnh câu trả lời. Cuối cùng GV chốt vấn đề.

**Thực hiện nhiệm vụ học tập:**

+ HS tập trung nghe GV hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ở phần luyện tập.

+ HS nghe các câu hỏi để nghiên cứu tài liệu trả lời các câu hỏi:

Câu 3: Tên kiến trúc nhà ở có trong hình? HS làm việc nhóm để trả lời.

Làm việc cá nhận:

Câu 4: Kiểu kiến trúc nhà nào nên xây dựng bằng bê tông cốt théo?

Câu 5: Ngôi nhà nào có kết cấu vững chắc nhất?

Cuối mỗi câu hỏi HS đều tham gia nhận xét, bổ sung và cuối cùng tập trung nghe GV chốt đáp án.

**Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**

Cá nhân báo cáo và giải thích, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.

**Kết luận, nhận định:**

+ GV công bố đáp án ở các câu hỏi nhiệm vụ của hoạt động luyện tập. Sau đó, nhận xét tính chính xác, đầy đủ nội dung trả lời của từng HS. Thông qua đó đánh giá từng HS và chốt những nội dung liên quan ở hoạt động luyện tập.

+ GV dẫn dắt đi đến hoạt động vận dụng.

\* Gợi ý đáp án:

Câu 3: a. nhà sàn; b. nhà liền kề; c. nhà chung cư.

Câu 4: Nhà liền kề, nhà chung cư, nhà biệt thự.

Câu 5: Đáp án C.

**D. Hoạt động : Vận dụng**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS vận dụng những vấn đề liên quan đến nhà ở vào thực tiễn.

**b) Nội dung**: HS tập trung nghe GV hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ phần vận dụng. Hoạt động này HS sẽ về nhà làm việc cặp đôi.Tiết học sau các nhóm sẽ nộp sản phẩn của nhóm để đánh giá.

**c) Sản phẩm:** Đáp án bài tập vận dụng và bài tập về nhà.

**d) Tổ chứcthực hiện**:

**Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

+ GV nêu cụ thể yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể để HS biết thực hiện cho đúng.

+ GV nêu các câu hỏi ở phần vận dụng, đồng thời gợi ý nội dung câu hỏi để giúp HS có định hướng ban đầu để giải quyết bài tập.

HS phải dựa vào đặc điểm của từng cấu trúc để nhận dạng kiểu kiến trúc nhà ở phổ biến ở đại phương.

**Thực hiện nhiệm vụ học tập:**

+ HS tập trung nghe GV hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ở phần vận dụng.

+ HS quan sát màng chiếu các câu hỏi, nghe GV định hướng nội dungcâu bài tập.

Nhận xét về các kiểu kiến trúc nhà phổ biến tại nơi em đang ở?

**Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**

Cá nhân hay đại diện nhóm báo cáo và giải thích, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.

**Kết luận, nhận định:**

Đầu giờ tiết học sau, các nhóm nộp sản phẩm học tập.Tiết học sau GV nhận xét, đánh giá các sản phẩm học tập các nhóm đã nộp.

**Duyệt**

**Tuần:**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**TIẾT 3: NHÀ Ở ĐỐI VỚI CON NGƯỜI**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức:**

- Mô tả được các bước chính để xây dựng một ngôi nhà.

**2. Về năng lực:**

2.1 Năng lực chung:`

- Tự chủ và tự học:

+ Chủ động, tích cực học tập.

+ Vận dụng linh hoạt các kiến thức những kiến thức, kỹ năng về nhà ở, xây dựng nhà ở để nhận định, đánh giá không gian, hoàn cảnh nơi mình sinh sống.

- Giao tiếp và hợp tác:

+ Biết trình bày các ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học.

+ Thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

2.2 Năng lực công nghệ:

- Nhận thức công nghệ:

+ Bước đầu hình thành ý niệm về quy trình công nghệ thông qua việc sắp xếp các bước trong quy trình xây dựng nhà ở.

- Giao tiếp công nghệ:

+ Biết được một số thuật ngữ về các công việc và các bước xây dựng nhà ở.

- Đánh giá công nghệ:

+ Xác định được loại vật liệu xây dựng phù hợp với từng kiểu nhà ở.

**3. Về phẩm chất:**

- Nhân ái: + Tôn trọng sự đa dạng về văn hóa của các dân tộc.

+ Gắn bó và yêu quý nơi ở của gia đình mình.

- Chăm chỉ: + Có ý thức về nhiệm vụ học tập.

+ Có ý thức vận dụng kiến thức, kỹ năng về nhà ở vào học tập và đời sống hằng ngày.

- Trách nhiệm: Quan tâm đến các hoạt động của các thành viên trong gia đình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:**

- Tìm hiểu mục tiêu bài học.

- Tìm hiểu các kiểu nhà ở phổ biến tại địa phương, các vật liệu xây dựng phổ biến ở địa phương.

- Chuẩn bị tài liệu giảng dạy: SGK,SGV và các tư liệu liên quan.

- Chuẩn bị đồ dùng, phương tiện dạy học:

+ Phiếu học tập, phiếu làm việc nhóm.

**2. Học sinh**

- Đọc trước bài “nhà ở đối với con người” ở nhà.

- Quan sát các kiểu nhà tại địa phương.

- Tìm hiểu những vật liệu xây dựng tại địa phương.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. Hoạt động:Mở đầu**

**a) Mục tiêu**:Kích thích nhu cầu tìm hiểu về quy trình xây dựng nhà ở.

**b) Nội dung:**

Thông qua việc quan sát thực tế, qua sách báo, tivi…Học sinh tham gia trả lời các câu hỏi để tạo hứng thú ngay từ đầu tiết học.

**c) Sản phẩm**: nội dung trả lời thông qua vấn đáp.

**d) Tổ chứcthực hiện**:

**Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

+ GVđưa câu hỏi: Theo em để có 1 căn nhà hoàn chỉnh cần trải qua các quy trình gì?

**Thực hiện nhiệm vụ học tập:**

+ HS suy nghĩ trả lời câu

**Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**

+ HS trả lời

**Kết luận, nhận định:**

+ Giáo viên đưa ra đáp án câu hỏi

+ HS chủ động kiểm tra đã trả lời được bao nhiêu câu đúng.

**B. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động :Tìm hiểu về quy trình xây dựng nhà ở**  **a) Mục tiêu:** Giúp HS biết và hiểu quy trình xây dựng và một số công việc cụ thể khi xây dựng nhà ở.  **b) Nội dung**:  - HS tập trung nghe GV khái quát các việc cần làm khi xây xây dựng nhà ở. Sau đó, HS quan sát h1.5 về quy trình xây dựng nhà ở cũng như một số việc cần làm khi xây dựng nhà ở.  - Từ thông tin trên các nhóm HS thảo luận để hoàn thành việc sắp xếp các bước theo quy trình xây dựng. Song song với đó, các nhóm tiếp tục quan sát hình 1.9 và sắp xếp các hình ảnh vào các bước xây dựng.  - Sau khi hết thời gian thảo luận, các nhóm báo cáo, nhóm khác nhận xét bổ sung và nghe GV chốt vấn đề.  **c) Sản phẩm**: Sau khi HS hoàn thành các yêu cầu ở hoạt động 3, các em cần nêu được:  Quy trình xây dựng nhà ở gồm 3 bước:  - Bước 1: chuẩn bị: chọn kiểu nhà, vẽ thiết kế, chọn vật liệu …  - Bước 2: Thi công: xây móng, dựng khung nhà, xây tường, lợp mái …  - Bước 3: Hoàn thiện: Trát tường, vét vôi, trang trí nội thất, lắp đặt hệ thống điện, nước …  **d) Tổ chức thực hiện**  **Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  + GV phân nhóm dạng cặp đôi, phân chia nhiệm vụ.  + GV chiếu video về các bước xây dựng nhà ở và nêu các nhiêm vụ cần thực hiện sau khi xem video trên.  + GV quan sát các nhóm để hõ trợ kịp thời.  + Hết thời gian thảo luận, GV yêu các nhóm báo cáo, nhóm khác nhận xét, bổ sung. Cuối cùng GV chốt lại vấn đề.  **Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  + HS phân chia nhóm, tự phân chia nhiệm vụ trong nhóm.  + HS tập trung xem video và hoàn thành các nhiệm vụ đã được giao trước đó.  + Nhóm HS có thể nêu khó khăn để GV giúp đỡ kịp thời.  + Hết thời gian thảo luận, đại diện nhóm báo cáo, nhóm khác sẽ nhận xét, bổ sung. Cuối cùng, nghe GV chốt vấn đề.  **Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  Đại diện nhóm báo cáo và giải thích, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.  **Kết luận, nhận định:**  + GV công bố đáp án ở các nhiệm vụ của hoạt động . Sau đó, nhận xét tính chính xác, đầy đủ nội dung trả lời của từng HS. | **5. Quy trình xây dựng nhà ở**  Quy trình xây dựng nhà ở gồm 3 bước:  - Bước 1: chuẩn bị: chọn kiểu nhà, vẽ thiết kế, chọn vật liệu …  - Bước 2: Thi công: xây móng, dựng khung nhà, xây tường, lợp mái …  - Bước 3: Hoàn thiện: Trát tường, vét vôi, trang trí nội thất, lắp đặt hệ thống điện, nước … |

**C.Hoạt động : Luyện tập**

**a) Mục tiêu**:Giúp HS hiểu rõ hơn vềquy trình xây dựng nhà ở.

**b) Nội dung**:

HS tập trung nghe GV hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ phần luyện tập. Hoạt độngcá nhân hoàn thành câu 6( sgk/13). Ở câu hỏi HS sẽ nhận xét, bổ sung để hoàn chỉnh đáp án từng câu hỏi.

**c) Sản phẩm**: Đáp án câu hỏi

**d) Tổ chứcthực hiện:**

**Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

+ GV nêu cụ thể yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể để HS biết thực hiện cho đúng.

+ GV đọc câu hỏi để HS nhiên cứu tài liệu kết hợp hiểu biết thực tế trả lời các câu hỏi. Trong câu hỏi GV yêu cầu HS nhận xét, bổ sung để hoàn chỉnh câu trả lời. Cuối cùng GV chốt vấn đề.

**Thực hiện nhiệm vụ học tập:**

+ HS tập trung nghe GV hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ở phần luyện tập.

+ HS nghe câu hỏi để nghiên cứu tài liệu trả lời các câu hỏi:

Câu 6: Các ngôi nhà đang thực hiện bước nào của quy trình xây dựng nhà?

Cuối mỗi câu hỏi HS đều tham gia nhận xét, bổ sung và cuối cùng tập trung nghe GV chốt đáp án.

**Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**

Cá nhân hay đại diện nhóm báo cáo và giải thích, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.

**Kết luận, nhận định:**

+ GV công bố đáp án ở các câu hỏi nhiệm vụ của hoạt động luyện tập. Sau đó, nhận xét tính chính xác, đầy đủ nội dung trả lời của từng HS. Thông qua đó đánh giá từng HS và chốt những nội dung liên quan ở hoạt động luyện tập.

+ GV dẫn dắt đi đến hoạt động vận dụng.

Câu 6: a. bước hoàn thiện (tô tường); b. bước hoàn thiện (lát nền); c. bước thi công (lợp mái).

**D. Hoạt động : Vận dụng**

**a) Mục tiêu**: Giúp HS vận dụng những vấn đề liên quan đến nhà ở vào thực tiễn.

**b) Nội dung**: HS tập trung nghe GV hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ phần vận dụng. Hoạt động này HS sẽ về nhà làm việc cặp đôi.Tiết học sau các nhóm sẽ nộp sản phẩn của nhóm để đánh giá.

**c) Sản phẩm**: Đáp án bài tập vận dụng và bài tập về nhà.

**d) Tổ chứcthực hiện:**

**Chuyển giao nhiệm vụ học tập**:

+ GV nêu cụ thể yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể để HS biết thực hiện cho đúng.

+ GV nêu câu hỏi ở phần vận dụng, đồng thời gợi ý nội dung câu hỏi để giúp HS có định hướng ban đầu để giải quyết bài tập.

Ngôi nhà mà e đang ở được thi công theo quy trình như thế nào?

**Thực hiện nhiệm vụ học tập:**

+ HS tập trung nghe GV hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ở phần vận dụng.

+ HS nghe câu hỏi.

**Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**

Cá nhân hay đại diện nhóm báo cáo và giải thích, thành viên còn lại có thể nhận xét, bổ sung.

**Kết luận, nhận định:**

Đầu giờ tiết học sau, các nhóm nộp sản phẩm học tập.Tiết học sau GV nhận xét, đánh giá các sản phẩm học tập các nhóm đã nộp.

**Duyệt**

**Tuần:**

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy:**

**TIẾT 4: SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRONG GIA ĐÌNH**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Về kiến thức:** Sau khi học xong bài này HS đạt được các kiến thức:

- Kể được các nguồn năng lượng thông dụng trong gia đình.

- Biết được lý do cần sử dụng tiết kiệm năng lượng.

**2. Về năng lực:** Sau khi học xong bài này HS đạt được các kĩ năng:

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát hình ảnh, kiến thức thực tế để tìm hiểu các nguồn năng lượng trong gia đình.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận để tìm ra các biện pháp sử dụng hiệu quả và tiết kiệm năng lượng.

**b. Năng lực công nghệ:**

- Năng lực nhận thức công nghệ: nhận biết được các nguồn năng lượng thông dụng để thực hiện các hoạt động thường ngày trong gia đình, nhận biết những tác hại của việc sản xuất và sử dụng các nguồn năng lượng thông dụng.

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm: có ý thức trong việc sử dụng và tiết kiệm các nguồn năng lượng trong gia đình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Tài liệu giảng dạy: SGK và SGV là tài liệu tham khảo chính.

- Đồdùng,phươngtiệndạyhọc:

+ Phiếu học tập.

+ Tranh 1,2,3,4

**2. Học sinh:**

- Đọc trước bài học trong SGK.

- Tìm hiểu nguồn năng lượng thông dụng tại địa phương.

- Quan sát cách sử dụng các nguồn năng lượng tại gia đình.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. **Hoạt động: Mở đầu**

**a) Mục tiêu:**

- Tạo hứng thú cho HS và tiếp nhận nội dung bài học.

**b) Nội dung**:Trò chơi: Ghép tranh.

Thể lệ:

- Khi có hiệu lệnh bắt đầu trò chơi, các nhóm sẽ sắp xếp và gắn các mảnh ghép lên khung để được một bức tranh hoàn chỉnh.

- Nhóm nào hoàn thiện phần ghép tranh của nhóm mình thì gắn tranh lên bảng theo hướng dẫn của giáo viên, nhóm nào hoàn thành chính xác và trong thời gian nhanh nhất sẽ là nhóm chiến thắng, thời gian tối đa cho trò chơi ghép tranh là 3 phút.

**c) Sản phẩm:**

- Tranh ghép của các nhóm.

|  |  |
| --- | --- |
| Năng lượng mặt trời là tài nguyên năng lượng gì? | Sự khám phá diệu kỳ của than củi - Than củi Việt Nam |
| Hình 1 | Hình 2 |
| Cối Xay Gió Hình ảnh | Định dạng hình ảnh JPG 500540392| vn.lovepik.com | Điện năng là gì ? - Chia sẻ kinh nghiệm về ô tô, xe máy, các tin tức tổng  hợp |
| Hình 3 | Hình 4 |

**d) Tổ chức hoạt động:**

**Nhiệm vụ 1.**

**Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

*-* GV chia lớp thành 4 nhóm.

- GV phổ biến luật chơi.

- Khi có hiệu lệnh bắt đầu trò chơi, các nhóm sẽ sắp xếp và gắn các mảnh ghép lên khung để được một bức tranh hoàn chỉnh.

- Nhóm nào hoàn thiện phần ghép tranh của nhóm mình thì gắn tranh lên bảng theo hướng dẫn của giáo viên, nhóm nào hoàn thành chính xác và trong thời gian nhanh nhất sẽ là nhóm chiến thắng, thời gian tối đa cho trò chơi ghép tranh là 3 phút.

**Thực hiện nhiệm vụ học tập:**

*-* HS nghe phổ biến luật chơi.

- HS thực hiện hoạt động trò chơi: gắn các mảnh ghép lên khung, sau khi hoàn thiện bức tranh lên gắn trên bảng.

- Sau 3 phút, kết thúc trò chơi.

- GV quan sát phần chơi của các nhóm.

**Báo cáo kết quả sản phẩmthực hiện nhiệm vụ học tập:**

- Bảng nhóm gắc các bức tranh lên bảng.

**Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét hoạt động.

- Nhận xét, đánh giá sản phẩm của các nhóm.

- Giám khảo công bố kết quả.

**Nhiệm vụ 2.**

**Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

- Yêu cầu HS quan sát 4 bức tranh.

- Yêu cầu HS nêu nội dung của 4 bức tranh.

- Yêu cầu HS quan sát và giải thích nội dung bức tranh đầu bài học trả lời câu hỏi: Vì sao tiết kiệm điện là góp phần bảo vệ tài nguyên thiện nhiên?

**Thực hiện nhiệm vụ học tập:**

- HS xem đoạn video.

- HS quan sát tranh trong SHS.

**Báo cáo kết quả sản phẩmthực hiện nhiệm vụ học tập:**

- HS trình bày nội dung 4 bức tranh theo nhìn nhận của cá nhân.

- HS trả lơời câu hỏi: Vì sao tiết kiệm điện là góp phần bảo vệ tài nguyên thiện nhiên?

Theo ý kiến cá nhân.

**Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét 🡪 dẫn dắt vào bài, nêu mục tiêu bài học.

**B. Hoạt động: Hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động: Tìm hiểu các nguồn năng lượng thường dùng trong ngôi nhà.**  **a) Mục tiêu:**  - Hướng dẫn HS nhận biết các nguồn năng lượng được sử dụng phổ biến trong ngôi nhà.  **b) Nội dung:**  - Các hoạt động thường ngày của con người có sử dụng năng lượng.  **c) Sản phẩm:**  - Nhận biết các nguồn năng lượng được sử dụng cho các hoạt động thường ngày của con người trong ngôi nhà.  **d) Tổ chức hoạt động:**  **Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo bàn tìm câu trả lời cho các câu hỏi sau:  + Hãy quan sát hình 2.1 SHS và cho biết những hoạt động đó là gì?  + Để thực hiện những hoạt động đó cần có những phương tiện và dụng cụ nào?  + Để vận hành những phương tiện, dụng cụ đó cần có những nguồn năng lượng nào?  + Nguồn năng lượng nào thường được dùng phổ biến cho các hoạt động của con người?  + Hãy kể thêm các nguồn năng lượng khác được sử dụng để thực hiện các hoạt động thường ngày trong gia đình.  **Thực hiện nhiện vụ: học tập**  - HS nghe nội dung câu hỏi.  - HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi.  **Báo cáo kết quả sản phẩm thực hiện nhiệm vụ:**  **học tập:**  - Đại diện HS trả lời câu hỏi.  - Dự kiến sản phẩm:  + Các hoạt động: Là quần áo, nấu ăn, học tập, làm việc, phơi quần áo.  + Các nguồn năng lượng được sử dụng: năng lượng điện, chất đốt, mặt trời.  + Các nguồn năng lượng khác: Gió.  **Kết quả, nhận định:**  - Các HS khác theo dõi, bổ sung.  - GV chính xác hoá kiến thức. | **1. Các nguồn năng lượng thường dùng trong ngôi nhà.**  - Năng lượng điện (được tạo thành từ năng lượng tái tạo và không tái tạo): thường được dùng phổ biến trong các hoạt động của con người.  - Năng lượng chất đốt (năng lượng không tái tạo) thường dùng trong nấu ăn, sưởi ấm…  - Năng lương mặt trời và năng lượng gió (năng lượng tái tạo). |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động: Tìm hiểu về sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả.**  **2.1. Lí do cần phải tiết kiệm năng lượng.**  **a) Mục tiêu:**  - Giúp HS hiểu lí do cần sử dụng tiết kiệm năng lượng.  **b) Nội dung:**  - Các trường hợp khai thác tài nguyên thiên nhiên để sản xuất năng lượng gây tác hại đến môi trường, con người và làm cạn kiệt nguồn tài nguyên.  **c) Sản phẩm:**  - HS trình bày được lí do cần sử dụng tiết kiệm năng lượng.  - HS trình bày được cần có ý thức như thế nào để sử dụng tiết kiệm tài nguyên.  **d) Tổ chức hoạt động:**  **Chuyển giao nhiệm vụ học tập :**  GV chia lớp thành 6 nhóm, thực hiện thảo luận và trình bày kết quả thảo luận trên phiếu học tập theo nội dung như sau:  Tìm hiểu lí do cần sử dụng tiết kiệm năng lượng. Quan sát hình 2.2 và trả lời các câu hỏi:  + Năng lượng điện được sản xuất chủ yếu từ các nguồn năng lượng nào?  + Việc sử dụng điện vượt quá mức cần thiết có thể tác động như thế nào đến việc khai thác tài nguyên thiên nhiên để sản xuất điện?  + Sử dụng chất đốt để đun nấu và sản xuất gây ảnh hưởng như thế nào đến môi trường sống?  + Sử dụng tiết kiệm năng lượng để làm gì?  **Thực hiện nhiện vụ học tập:**  - HS đọc và theo dõi nội dung câu hỏi  - HS thảo luận nhóm tìm đáp án.  - Trình bày các đáp án phù hợp trên phiếu học tập  - GV quan sát, hướng dẫn các nhóm khi có thắc mắc.  **Báo cáo kết quả sản phẩm thực nhiện nhiệm vụ học tập:**  - Đại diện HS trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình.  - Các nhóm còn lại theo dõi, thắc mắc, nhận xét, bổ sung.  \* Dự kiến sản phẩm:  - Tìm hiểu lí do cần sử dụng tiết kiệm năng lượng.  + Năng lượng điện được sản xuất chủ yếu từ các nguồn năng lượng tái tạo (nước, gió, ánh sáng mặt trời) và năng lượng không tái tạo (than, dầu mỏ)?  + Việc sử dụng điện vượt quá mức cần thiết có thể làm tăng việc khai thác tài nguyên thiên nhiên để sản xuất điện, dẫn đến nguồn tài nguyên thiên nhiên bị cạn kiệt.  + Sử dụng chất đốt để đun nấu và sản xuất gây ảnh hưởng đến môi trường sống như: sinh ra nhiều khí độc và chất độc gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khoẻ con người.  + Sử dụng tiết kiệm năng lượng để giảm chi bí, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, bảo vệ sức khoẻ cho con người và cộng đồng.  **Kết quả, nhận định:**  - Các HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  - HS đánh giá theo bảng đán giá.  - GV chính xác hoá kiến thức, HS ghi bài. | **2. Sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả.**  **2.1. Lído cần phải tiếtkiệm năng lượng.**  Sử dụng tiết kiệm năng lượng để giảm chi bí, bảo vêệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, bảo vêệ sức khoẻ cho con người và cộng đồng. |

**C.Hoạt động: Luyện tập**

**a) Mục tiêu**: làm sáng tỏ và củng cố và các kiến thức đã học.

**b) Nội dung**: bài tập phần luyện tập SGK.

**c) Sản phẩm**

- Câu trả lời của HS.

- Bảng nhóm hoàn thành bài tập của HS.

**d) Tiến trình hoạt động.**

**Nhiệm vụ 1.**

**Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS đọc bài tập trong SGK, suy nghĩ trả lời câu hỏi.

**Thực hiện nhiệm vụ học tập:**

- HS đọc câu hỏi.

- HS tập trung nghe và trả lời câu hỏi.

- HS trả lời cá nhân.

**Báo cáo kết quả sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập**:

- Câu trả lời của HS.

- Dự kiến sản phẩm:

1. + Nguồn năng lượng để duy trì cho máy tính cầm tay, quạt bàn, tủ lạnh, đèn pin là năng lượng điện.

+ Nguồn năng lượng để duy trì cho bật lửa, bếp cồn là năng lượng chất đốt.

2. + Những đồ dùng sử dụng năng lượng điện: tivi, máy lạnh, máy giặt,…

+ Những đồ dùng sử dụng năng lượng chất đốt: bếp ga, bếp than,…

**Kết luận, nhận định**

- HS nhận xét, đánh giá, bổ sung.

- GV nhận xét.

**Nhiệm vụ 2.**

**Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS quan sát và hoàn thành sơ đồ tư duy nội dung bài học trong 3 phút.

**Thực hiện nhiệm vụ học tập**

*-* Học sinh quan sát sơ đồ, suy nghĩ và hoàn thành sơ đồ tư duy.

**Báo cáo kết quả sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS trả lời lên trình bày.

- Các nhóm khác theo dõi bổ sung.

**Kết luận, nhận định**

*-* Nhận xét hoạt động

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**D. Hoạt động: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng nội dung bài học giải quyết vấn đề.

**b) Nội dung:**

- GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà thực hiện:

+ Nhà em đang sử dụng những nguồn năng lượng nào? Nguồn năng lượng đó được sử dụng để làm gì?

+ Quan sát các hoạt động của gia đình, cho biết một số hành động gây lãng phí và tiết kiệm năng lượng điện và chất đốt?

**c)Sản phẩm:** báo cáo của học sinh.

**d) Tổ chức hoạt động:** Giáo viên giao nhiệm vụ cho HS về nhà làm và nộp lại báo cáo vào tiết sau.

**Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

- GV yêu cầu HS về nhà quan sát, tìm hiểu và báo cáo vào vở bài tập theo nội dung:

+ Nhà em đang sử dụng những nguồn năng lượng nào? Nguồn năng lượng đó được sử dụng để làm gì?

**Thực hiện nhiệm vụ học tập:**

- HS lắng nghe chuyển giao nhiệm vụ.

- HS về nhà quan sát các việc làm sử dụng các nguồn năng lượng trong gia đình; liệt kê và hoàn thành nội dung báo cáo học tập.

**Báo cáo kết quả sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập:**

- HS trình bày kết quả vào tiết sau.

**Kết quả, nhận định:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh

**Duyệt**

**TIẾT 5: SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG TRONG GIA ĐÌNH**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Về kiến thức:** Sau khi học xong bài này HS đạt được các kiến thức:

- Nêu được các biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm và hiệu quả.

**2. Về năng lực:** Sau khi học xong bài này HS đạt được các kĩ năng:

**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự chủ và tự học: tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát hình ảnh, kiến thức thực tế để tìm hiểu các nguồn năng lượng trong gia đình.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Thảo luận để tìm ra các biện pháp sử dụng hiệu quả và tiết kiệm năng lượng.

**b. Năng lực công nghệ:**

- Năng lực sử dụng công nghệ: sử dụng tiết kiệm và hiệu quả các nguồn năng lượng.

**3. Phẩm chất**

- Trách nhiệm: có ý thức trong việc sử dụng và tiết kiệm các nguồn năng lượng trong gia đình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Tài liệu giảng dạy: SGK và SGV là tài liệu tham khảo chính.

- Đồdùng,phươngtiệndạyhọc:Phiếu học tập

**2. Đối với học sinh:**

- Đọc trước bài học trong SGK.

- Tìm hiểu nguồn năng lượng thông dụng tại địa phương.

- Quan sát cách sử dụng các nguồn năng lượng tại gia đình.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. Hoạt động : Mở đầu**

**a) Mục tiêu**:

- Tạo hứng thú cho HS và tiếp nhận nội dung bài học.

**b) Nội dung:** Đưa tình huống

Lớp 7B, các e rời lớp xuống học tại phòng học Tiếng Anh.Khi rời lớp các e HS không tắt điện, tắt quạt.

**c) Sản phẩm:**Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức hoạt động:**

**Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

*-* GV đặt câu hỏi:

Theo em việc làm trên của các bạn lớp 7B gây ra điều gì?Em nên nhắc các bạn ấy như nào?

**Thực hiện nhiệm vụ học tập:**

*-* HS nghe câu hỏi.

- HS suy nghĩ trả lời

- GV quan sát

**Báo cáo kết quả sản phẩm thực hiện nhiệm vụ:**

- Bảng nhóm gắc các bức tranh lên bảng.

**Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét hoạt động.

- Nhận xét, đánh giá sản phẩm của các nhóm.

- Giám khảo công bố kết quả.

- GV nhận xét 🡪 dẫn dắt vào bài, nêu mục tiêu bài học.

**B.Hoạt động : Hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động: Tìm hiểu về sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả.**  **2.2. Biện pháp tiết kiệm điện trong gia đình.**  **a) Mục tiêu:**  - Giúp HS biết đuược các biện pháp sử dụng tiết kiệm năng lượng điện  **b) Nội dung:**  - Các biện pháp sử dụng tiết kiệm và hiệu quả điện năng.  **c) Sản phẩm:**  - Biện pháp sử dụng điện năng hiệu quả và tiết kiệm.  **d) Tổ chức hoạt động:**  **Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  GV chia lớp thành 6 nhóm, thực hiện thảo luận và trình bày kết quả thảo luận trên phiếu học tập theo nội dung như sau:  Tìm hiểu các biện pháp tiết kiệm điện trong gia đình. Quan sát hình 2.3 và trả lời các câu hỏi:  + Vì sao những việc làm trong hình 2.3 lại gây lãng phí điện năng?  + Kể thêm một số hành động gây lãng phí điện năng trong gia đình.  + Hãy nêu một số biện pháp tiết kiệm năng lượng điện trong gia đình?  **Thực hiện nhiện vụ học tập:**  - HS đọc và theo dõi nội dung câu hỏi của các nhóm.  - HS thảo luận nhóm tìm đáp án.  - Trình bày các đáp án  - GV quan sát, hướng dẫn các nhóm khi có thắc mắc.  **Báo cáo kết quả sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập:**  - Đại diện HS trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình.  - Các nhóm còn lại theo dõi, thắc mắc, nhận xét, bổ sung.  \* Dự kiến sản phẩm:  Tìm hiểu các biện pháp tiết kiệm điện trong gia đình  + Những việc làm trong hình 2.3 lại gây lãng phí điện năng vì: đèn bất khi trơời còn sáng và không có người ở trong phòng; tủ lạnh để mở trong khi nói chuyện điện thoại sẽ làm thất thoát hơi lạnh ra ngoài, lúc này tủ lành cần nhiều điện để cung cấp lạị nhiệt độ phù hợp; bật ti vi khi đang đọc báo, lúc này không có nhu cầu sử dụng tivi, tivi để không có ngơời xem gây lãng phí điện.  + Một số hành động gây lãng phí điện năng trong gia đình: không tắt điện nhà vêệ sinh sau khi sử dụng; học xong không tắt đèn học; không tắt đèn, tắt quạt trong phòng ngủ khi ra ngoài ăn cơm…  + Một số biện pháp tiết kiệm năng lượng điện trong gia đình: tắt các đồ dùng điện khi không có nhu cầu sử dụng; điều chỉnh chế độ của các đồ dùng điện ở mức vừa đủ dùng; thay các đồ dùng thông thường bằng các đồ dùng tiết kiệm điện; tận dụng các nguồn năng lượng tự nhiên như: gió, ánh sáng mặt trời… để giảm bớt việc sử dụng điện.  **Kết quả, nhận định:**  - Các HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  - HS đánh giá theo bảng đán giá.  - GV chính xác hoá kiến thức, HS ghi bài.  **2.3. Biện pháp tiết kiệm chất đốt trong gia đình.**  **a) Mục tiêu:**  - Giúp HS biết đuược các biện pháp sử dụng tiết kiệm năng lượng chất đốt trong gia đình.  **b) Nội dung:**  - Sử dụng chất đốt hiệu quả và tiết kiệm.  **c) Sản phẩm:**  - Biện pháp sử dụng chất đốt hiệu quả và tiết kiệm.  **d) Tổ chức hoạt động:**  **Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  GV chia lớp thành 6 nhóm, thực hiện thảo luận và trình bày kết quả thảo luận trên phiếu học tập theo nội dung như sau:  Tìm hiểu các biện pháp tiết kiệm chất đốt trong gia đình. Quan sát hình 2.4 và trả lời các câu hỏi:  + Trong những trường hợp hình 2.4, giả sử cùng chế biến một món ăn, theo em, trường hợp nào giúp tiết kiệm điện năng, vì sao?  + Hãy kể thêm các trường hợp tiết kiệm chất đốt khác mà em biết.  **Thực hiện nhiện vụ học tập:**  - HS đọc và theo dõi nội dung câu hỏi của các nhóm.  - HS thảo luận nhóm tìm đáp án.  - Trình bày các đáp án  - GV quan sát, hướng dẫn các nhóm khi có thắc mắc.  **Báo cáo kết quả sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập:**  - Đại diện HS trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình.  - Các nhóm còn lại theo dõi, thắc mắc, nhận xét, bổ sung.  \* Dự kiến sản phẩm:  - Tìm hiểu các biện pháp tiết kiệm chất đốt trong gia đình.  + Trong những trường hợp hình 2.4, giả sử cùng chế biến một món ăn, trường hợp giúp tiết kiệm điện: sử dụng lửa vừa đủ để chế biến món ăn vì sử dụng lửa quá to sẽ thất thoát nguồn nhiệt ra môi trường gây lãng phí năng lượng và ô nhiễm môi trường; Sử dụng bếp cải tiến giúp tiết kiệm năng lương chất đốt khi đun nấu đồng thời giảm bớt khói bụi làm ô nhiễm môi trường.  + Các trường hợp tiết kiệm chất đốt khác: điều chỉnh ngọn lửa khi đun nấu phù hợp với đáy nồi và phù hợp với món ăn; tắt thiết bị ngay sau khi sử dụng xong; sử dụng các loại đồ dùng, thiết bị có tính năng tiết kiệm điện.  **Kết quả, nhận định:**  - Các HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  - HS đánh giá theo bảng đán giá.  - GV chính xác hoá kiến thức, HS ghi bài | **2. Sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả.**  **2.1. Lído cần phải tiếtkiệm năng lượng.**  **2.2. Biện pháp tiết kiệm điện trong gia đình.**  Các biện pháp tiết kiệm điện:  - Tắt các đồ dùng điện khi không có nhu cầu sử dụng.  - Điều chỉnh chế độ của các đồ dùng điện ở mức vừa đủ dùng.  - Thay các đồ dùng thông thường bằng cácđồ dùng tiết kiệm điện.  - Tận dụng các nguồn năng lượng tự nhiên như: gió, ánh sáng mặt trời… để giảm bớt việc sử dụng điện.  **2.3. Biện pháp tiết kiệm chất đốt trong gia đình.**  Các biện pháp tiết kiệm chất đốt.  - Điều chỉnh ngọn lửa khi đun nấu phù hợp với đáy nồi và phù hợp với món ăn.  - Tắt thiết bị ngay sau khi sử dụng xong.  - Sử dụng các loại đồ dùng, thiết bị có tính năng tiết kiệm điện. |

**C. Hoạt động : Luyện tập**

**a) Mục tiêu**: làm sáng tỏ và củng cố và các kiến thức đã học.

**b) Nội dung**: bài tập phần luyện tập SGK.

**c) Sản phẩm**

- Câu trả lời của HS.

**d) Tiến trình hoạt động.**

**Nhiệm vụ 1.**

**Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS đọc bài tập trong SGK, suy nghĩ trả lời câu hỏi.

**Thực hiện nhiệm vụ học tập:**

- HS đọc câu hỏi.

- HS tập trung nghe và trả lời câu hỏi.

- HS trả lời cá nhân.

**Báo cáo kết quả sản phẩm thực hiện nhiệm vụ**:

- Câu trả lời của HS.

- Dự kiến sản phẩm:

3. Những biện pháp tiết kiệm điện khi sử dụng tivi, tủ lạnh: chỉ sử dụng khi có nhu cầu; tắt hẳn nguồn điện khi không sử dụng; không mở tủ lạnh quá lâu; không để đôồ ăn còn nóng vào tủ lạnh; không chất đồ ăn quá nhiều; vệ sinh sạch sẽ, …

4. Dùng nồi nhỏ phù hợp với lượng thực phẩm giúp sử dụng nguồn chất đốt hiệu quả và nấu nhanh hơn.

- Dùng kiếng chắn gió cho bếp gas giúp tránh thất thoát nhiệt giúp nấu nhanh hơn và tiết kiệm nguồn chất đốt.

- Ngâm đậu trước khi nấu mềm giúp giảm thời gian nấu, tiết kiệm chắt đốt.

**Kết luận, nhận định**

- HS nhận xét, đánh giá, bổ sung.

- GV nhận xét.

**Nhiệm vụ 2.**

**Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS quan sát và hoàn thành sơ đồ tư duy nội dung bài học trong 3 phút.

**Thực hiện nhiệm vụ học tập**

*-* Học sinh quan sát sơ đồ, suy nghĩ và hoàn thành sơ đồ tư duy.

**Báo cáo kết quả sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS trả lời lên trình bày.

- Các nhóm khác theo dõi bổ sung.

**Kết luận, nhận định**

*-* Nhận xét hoạt động

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá.

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**D. Hoạt động : Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Vận dụng nội dung bài học giải quyết vấn đề.

**b) Nội dung:**

- GV giao nhiệm vụ cho HS về nhà thực hiện:

+ Quan sát các hoạt động của gia đình, cho biết một số hành động gây lãng phí và tiết kiệm năng lượng điện và chất đốt? Để tránh tình trạng lãng phí đó, em cần làm gì?

**c. Sản phẩm:** báo cáo của học sinh.

**d. Tổ chức hoạt động:** Giáo viên giao nhiệm vụ cho HS về nhà làm và nộp lại báo cáo vào tiết sau.

**Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

- GV yêu cầu HS về nhà quan sát, tìm hiểu và báo cáo vào vở bài tập theo nội dung:

+ Quan sát các hoạt động của gia đình, cho biết một số hành động gây lãng phí và tiết kiệm năng lượng điện và chất đốt? Để tránh tình trạng lãng phí đó, em cần làm gì?

**Thực hiện nhiệm vụ học tập:**

- HS lắng nghe chuyển giao nhiệm vụ.

- HS về nhà quan sát các việc làm sử dụng các nguồn năng lượng trong gia đình; liệt kê và hoàn thành nội dung báo cáo học tập.

**Báo cáo kết quả sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập:**

- HS trình bày kết quả vào tiết sau.

**Kết quả, nhận định:**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**TIẾT 6: BÀI 3- NGÔI NHÀ THÔNG MINH**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Biết thế nào là ngôi nhà thông minh.

- Mô tả được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh.

- Thực hiện được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả .

**2. Năng lực**

a)Năng lực chung: tự chủ và tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, giao tiếp, hợp tác.

b) Năng lực công nghệ:

+ Nhận thức công nghệ: nhận biết các dấu hiệu của ngôi nhà hông minh, các đặc điểm của ngôi nhà thông minh;

+ Sử dụng được thuật ngữ về các hệ thống kĩ thuật; các đồ dùng công nghệ trong ngôi nhà thông minh;

+ Sử dụng công nghệ cụ thể: bước đầu khám phá một số chức năng của đồ dùng công nghệ trong ngôi nhà thông minh;

+ Đánh giá công nghệ: nhận xét, đánh giá về những tiện ít của đồ dùng công nghệ trong nhà;

+ Thiết kế công nghệ: bước đầu hình thành ý tưởng về tiện ích của đồ dùng công nghệ để phục vụ cho ngôi nhà thông minh.

**3. Phẩm chất**

Tự tin, chăm chỉ, tự học, trung thực và trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:**

•Tài liệu giảng dạy: SGK và SGV là tài liệu tham khảo chính

•Đồdùng,phươngtiệndạyhọc:tranhảnhcáckiểunhà thông minh,phiếu học tập.

**2. Học sinh:**

•Đọc trước bài học

•Tìm hiểu tính năng của các đồ dùng công nghệ trong ngôi nhà mình.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. Hoạt động : Mở đầu**

**a)Mục tiêu:** Kích thích nhu cầu tìm hiểu về ngôi nhà thông minh.

**b) Nội dung:** Những tiện ích mà các đồ dùng công nghệ trong ngôi nhà mang lại cho con người

**c) Sản phẩm :** Nhu cầu tìm hiểu về ngôi nhà thông minh.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

- GV khuyến khích HS nêu những mong muốn đối với ngôi nhà đang ở để cuộc sống được thuận tiện, thoải mái, an toàn.

- GV đặt câu hỏi khơi gợi nhu cầu tìm hiểu trong thực tế có những đồ dùng công nghệ mang lại tiện ích giúp ngôi thông minh như HS mong muốn

**Thực hiện nhiệm vụ học tập:**

- HS tiếp nhận câu hỏi và tìm ra câu trả lời.

**Báocáokếtquả thực hiện nhiệm vụ:**

+ HS trình bày kết quả

+ GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung

**Kết quả, nhận định:**

- GV đánh giá, nhận xét

- GV giới thiệu mục tiêu bài

**B. Hoạt động : Hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động : Ngôi nhà thông minh**  **a) Mục tiêu:** Nhận biết những dấu hiệu của ngôi nhà thông minh  **b) Nội dung:** Những tính năng có được của các thiết bị, đồ dùng công nghệ trong ngôi nhà thông minh  **c) Sản phẩm học tập:** Dấu hiệu của ngôi nhà thông minh.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - Gvcho HS xem Hình 3.1  - GV yêu cầu các nhóm trả lời:  + Nhận biết được tính năng từng loại thiết bị, nhận biết các thiết bị trong ngôi nhà có sự kết nối với hệ thống điều khiển  + So sánh ngôi nhà thông minh với ngôi nhà thông thường về những thiết bị hoạt động theo ý muốn của người dùng?  + Nhận xét về dấu hiệu của ngôi nhà thông minh  **Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  + HS tiếp nhận nhiệm vụ và tiến hành thảo luận.  +Gv quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.  **Báocáokếtquảthực hiện nhiệm vụ học tập:**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Kết quả, nhận định:**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức  + GV kết luận: Ngôi nhà thông minh là ngôi nhà được trang bị hệ thống điều khiển tự động hoặc bán tự động cho các thiết bị trong nhà tự độn hoạt động theo ý muốn của người sử dụng*.* | **I. Ngôi nhà thông minh**  Ngôi nhà thông minh là ngôi nhà được trang bị hệ thống điều khiển tự động hoặc bán tự động cho các thiết bị trong nhà tự độn hoạt động theo ý muốn của người sử dụng. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động : Đặc điểm của ngôi nhà thông minh**  **a) Mục tiêu:** Biết những đặc điểm của ngôi nhà thông minh  **b) Nội dung:** Những tiện ích của các thiết bị, đồ dùng công nghệ trong ngôi nhà thông minh.  **c) Sản phẩm học tập:** Đặc điểm của ngôi nhà thông minh.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  - GV yêu cầu HS quan sát hình 3.1, 3.2  - GV yêu cầu các nhóm trả lời:  + Cho biết biện pháp an ninh và tiết kiệm năng lượng trong ngôi nhà thông minh được thực hiện như thế nào?  + Đặc điểm của ngôi nhà thông minh so với nhà bình thường (tiện ích; an ninh, an toàn; năng lượng)  **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  +HSngheGVgiảngbài,tiếpnhậncâuhỏi và tiến hành thảo luận.  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **Báocáokếtquả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS trình bày kết quả  + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung  **Kết quả, nhận định:**  + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức.  + GV kết luận:   * Tiện ích: Khi sử dụng đồ dùng trong ngôi nhà trông thường, ta phải tác động trực tiếp (mở, tắt, khóa). Trong khi trong ngôi nhà thông minh, các đồ dùng được cài đặt chương trình để tắt/mở/ khóa tự động. * An ninh, an toàn: trong nhà thông minh có hệ thống giám sát hoạt động các đồ dùng (bằng điện thoại thông minh hoặc máy tính bảng) * Tiết kiệm năng lượng: Những đồ vật trong nhà thông minh được cài đặt chương trình chỉ tự động mở khi cần sử dụng và tự động tắt khi không còn dùng đến, nhằm tiết kiệm năng lượng.... | **II. Đặc điểm của ngôi nhà thông minh**  - Đặc điểm của ngôi nhà thông minh:  + Tiện ích  + An ninh, an toàn  +Tiết kiệm năng lượng. |

**C. Hoạt động : Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** củng cố kiến thức về đặc điểm của ngôi nhà thông minh, giúp HS đánh giá những tình huống thể trong thực tiễn

**b) Nội dung:** Bài tập phần Luyện tập trong SGK

**c) Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

- GV yêu cầu HS tìm hiểu thông tin về: Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu tủa tron gia đình SGK và trả lời câu hỏi”

Để tiết kiệm năng lượng em cần lưu ý những điều gì?

**Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:

**Báocáokếtquảthực hiện nhiệm vụ học tập**

+ HS trình bày kết quả

+ GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung

**Kết quả, nhận định:**

Để tiết kiệm năng lượng em cần lưu ý

+ Thiết kề nhà phải đảm bảo tính thông thoáng, tăng cường sử dụng ánh sáng tự nhiên

+ Sử dụng các vật liệu có khả năng cách nhiệt tốt.

+ Lựa chọn các thiết bị, đồ dùng tiết kiệm năng lượng

+ Sự dụng các nguồn năng lượng thân thiện với môi trường như năng lượng gió, năng lượng mặt trời.

+ Sử dụng các thiết bị, đồ dùng đúng cách tiết kiệm năng lượng.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. Hoạt động: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** Giúp HS củng cố và vận dụng những kiến thức, kĩ năng vừa học vào thực tiễn

**b) Nội dung:** bài tập phần Vận dụng trong SGK

**c) Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

**Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**

- GV hướng dẫn HS về nhà làm bài tập 1 trong phần Vận dụng của SGK:

**Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:

**Báocáokếtquảthực hiện nhiệm vụ học tập**

+ HS trình bày kết quả

+ GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung

**Kết quả, nhận định:**

- GV hướng dẫn HS tự nhận xét, đánh giá thực tiễn ngôi nhà của mình và nhận xét những ngôi nhà đã từng nhìn thấy để mô tả những đồ dùng hoặc ngôi nhà thể hiện đặc điểm của ngôi nhà thông minh

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo vào tiết học sau.

- GV tổng kết lại thức cần nhớ của bài học.

**Duyệt**

**TIẾT 7: DỰ ÁN - NGÔI NHÀ CỦA EM ( T1)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng về nhà ở (đặc điểm chung của nhà ở, các kiến trúc nhà ở đặc trưng, sử dụng năng lượng trong gia đình, đặc điểm của ngôi nhà thông minh) để hình thành ý tưởng thiết kế một ngôi nhà.

- Lắp ráp một mô hình nhà ở với các đồ dùng gia dụng tiêu biểu từ những vật liệu có sẵn.

- Phát triển khả năng sáng tạo, rèn luyện tính tự lực và năng lực cộng tác trong việc tổ chức và thực hiện mô hình ngôi nhà.

**2. Năng lực**

**a) Năng lực công nghệ**

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết các yêu cầu khi thiết kế nhà ở, nhận biết các bước thiết kế và xây dựng nhà ở thông qua việc lắp ráp mô hình ngôi nhà.

- Đánh giá công nghệ: Nhận xét, đánh giá ngôi nhà đối sánh với kiến trúc nhà ở đặc trưng của Việt Nam, cấu tạo chung của nhà ở, đặc điểm của ngôi nhà thông minh.

- Thiết kế công nghệ: Thiết kế được mô hình ngôi nhà thế hiện các yếu tố đặc trưng nhà ở của Việt Nam, sử dụng tiết kiệm năng lượng và đặc điểm của ngôi nhà thông minh.

**b) Năng lực chung**

- Tự chủ và tự học: Biết lập và thực hiện kế hoạch học tập, nhận thức được sở thích, khả năng của bản thân, chủ động, tích cực thực hiện những công việc thuộc nhiệm vụ bản thân để góp phần hoàn thành dự án, vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng về nhà ở trong việc xây dựng ý tưởng thiết kế và lắp ráp mô hình ngôi nhà.

- Giao tiếp và hợp tác: Biết trình bày ý tưởng cho việc thiết kế ngôi nhà, thảo luận những vấn đề của dự án, thực hiện có trách nhiệm các phân việc của các nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được tình huống đã cho để đề xuất kiến trúc ngôi nhà phù hợp, lập được kế hoạch hoạt động với mục tiêu, nội dung, hình thức hoạt động, đánh giá được kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: Có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng về nhà ở để thực hiện dự án.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Dự kiến phân chia nhóm HS trong lớp

- Tranh ảnh về nhà ở

- Mô hình nhà làm mẫu

**2. Học sinh**

- Sưu tầm hình ảnh về kiến trúc bên ngoài và không gian bên trong nhà ở

- Các vật liệu để làm mô hình: Giấy bìa cứng, giấy thủ công, que kem, que tre, hộp nhựa, đất nặn, màu nước, keo dán,…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. GIỚI THIỆU DỰ ÁN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **a)Mục tiêu:**Giúp học sinh nhận biết chủ đề dự án, các nhiệm vụ phải thực hiện để hoàn thành dự án  **b)Nội dung:** Chủ đề, mục tiêu, nhiệm vụ của dự án  **c)Sản phẩm:** Mục tiêu, nhiệm vụ của dự án  **d)Tổ chức thực hiện:**  **Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Giáo viên trình chiếu một số hình ảnh về nhà ở, yêu cầu học sinh quan sát, thảo luận theo nhóm trong thời gian 3 phút và trả lời các câu hỏi sau:  + Để xây được một ngôi nhà như trong hình, theo các em chúng ta cần chuẩn bị những gì?  + Việc xây một ngôi nhà sẽ liên quan đến những ngành nghề nào?  Giới thiệu 50 mẫu nhà đẹp và đẳng cấp  **Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  - Học sinh lắng nghe yêu cầu của giáo viên, quan sát hình ảnh và thảo luận theo nhóm trong thời gian 3 phút để trả lời các câu hỏi vào bảng nhóm.  **Báo cáo kết quảthực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các nhóm trình bày kết quả thảo luận lên bảng  **Kết quả, nhận định:**  + GV đánh giá, nhận xét các nhóm và giới thiệu dự án sẽ thực hiện: Nhà là không gian chung, là tổ ấm của gia đình. Vậy để thiết kế nhà ở, chắc chắn chúng ta sẽ cần chuẩn bị rất nhiều thứ, một trong những công việc rất quan trọng đó là thiết kế mô hình, bản vẽ nhà ở sao cho phù hợp. Người thiết kế chính tạo nên ngôi nhà là kiến trúc sư, kiến trúc sư sẽ dựa trên ý muốn của chủ nhà để thiết kế ngôi nhà phù hợp với các yêu cầu và đạt tính thẩm mĩ. Và trong tiết học hôm nay, các em sẽ được đóng vai là các kiến trúc sư và kĩ sư xây dựng để thiết kế, lắp ráp mô hình một ngôi nhà theo ý thích của mình. Các em sẽ hoạt động theo nhóm 4 để cùng thực hiện dự án đó. | Mục tiêu, nhiệm vụ của dự án |

**B. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **a) Mục tiêu:** Hướng dẫn học sinh lập kế hoạch thực hiện dự án  **b) Nội dung:** Các công việc phải thực hiện, mốc thời gian hoàn thành, dụng cụ, vật liệu cần thiết, phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm  **c) Sản phẩm:** Kế hoạch chi tiết thực hiện các nhiệm vụ của dự án  **d) Tổ chức thực hiện**  **Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Giáo viên hướng dẫn các nhóm học sinh tổ chức thảo luận để lập kế hoạch thực hiện mô hình ngôi nhà:  + Thảo luận dựa trên hình ảnh về kiến trúc nhà ở đã sưu tầm và trả lời các câu hỏi gợi ý trong sách học sinh để thống nhất kiến trúc, phân chia không gian bên trong ngôi nhà, các đồ dùng, thiết bị cần thực hiện;  + Vẽ phác thảo cấu trúc của ngôi nhà;  + Liệt kê các công việc cần làm: Tính toán kích thước ngôi nhà, lắp ráp nhà, lắp ráp các đồ dùng trong từng khu vực, lắp ráp các công trình phụ bên ngoài nhà;  + Lập kế hoạch thời gian, xác định các mốc thời gian cho từng công việc;  + Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm;  + Liệt kê các dụng cụ, vật liệu cần thiết: Bìa cứng, giấy thủ công, que tre, hộp nhựa, mút xốp, màu nước,...  **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh thảo luận nhóm  **Báo cáo kết quảthực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các nhóm trình bày kế hoạch của nhóm  **Kết quả và nhận định**  - Giáo viên kiểm tra tính khả thi trong kế hoạch của các nhóm | - Kế hoạch chi tiết thực hiên các nhiệm vụ của dự án |

**Duyệt**

**TIẾT 8:DỰ ÁN-NGÔI NHÀ CỦA EM (T2)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng về nhà ở (đặc điểm chung của nhà ở, các kiến trúc nhà ở đặc trưng, sử dụng năng lượng trong gia đình, đặc điểm của ngôi nhà thông minh) để hình thành ý tưởng thiết kế một ngôi nhà.

- Lắp ráp một mô hình nhà ở với các đồ dùng gia dụng tiêu biểu từ những vật liệu có sẵn.

- Phát triển khả năng sáng tạo, rèn luyện tính tự lực và năng lực cộng tác trong việc tổ chức và thực hiện mô hình ngôi nhà.

**2. Năng lực**

**a) Năng lực công nghệ**

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết các yêu cầu khi thiết kế nhà ở, nhận biết các bước thiết kế và xây dựng nhà ở thông qua việc lắp ráp mô hình ngôi nhà.

- Đánh giá công nghệ: Nhận xét, đánh giá ngôi nhà đối sánh với kiến trúc nhà ở đặc trưng của Việt Nam, cấu tạo chung của nhà ở, đặc điểm của ngôi nhà thông minh.

- Thiết kế công nghệ: Thiết kế được mô hình ngôi nhà thế hiện các yếu tố đặc trưng nhà ở của Việt Nam, sử dụng tiết kiệm năng lượng và đặc điểm của ngôi nhà thông minh.

**b) Năng lực chung**

- Tự chủ và tự học: Biết lập và thực hiện kế hoạch học tập, nhận thức được sở thích, khả năng của bản thân, chủ động, tích cực thực hiện những công việc thuộc nhiệm vụ bản thân để góp phần hoàn thành dự án, vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng về nhà ở trong việc xây dựng ý tưởng thiết kế và lắp ráp mô hình ngôi nhà.

- Giao tiếp và hợp tác: Biết trình bày ý tưởng cho việc thiết kế ngôi nhà, thảo luận những vấn đề của dự án, thực hiện có trách nhiệm các phân việc của các nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được tình huống đã cho để đề xuất kiến trúc ngôi nhà phù hợp, lập được kế hoạch hoạt động với mục tiêu, nội dung, hình thức hoạt động, đánh giá được kế hoạch và việc thực hiện kế hoạch.

**3. Phẩm chất**

- Chăm chỉ: Có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng về nhà ở để thực hiện dự án.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Dự kiến phân chia nhóm HS trong lớp

- Tranh ảnh về nhà ở

- Mô hình nhà làm mẫu

**2. Học sinh**

- Sưu tầm hình ảnh về kiến trúc bên ngoài và không gian bên trong nhà ở

- Các vật liệu để làm mô hình: Giấy bìa cứng, giấy thủ công, que kem, que tre, hộp nhựa, đất nặn, màu nước, keo dán,…

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**C. THỰC HIỆN DỰ ÁN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **a)Mục tiêu:** Hướng dẫn học sinh thực hiện dự án  **b)Nội dung:** Các công việc phải thực hiện để lắp ráp hoàn chỉnh mô hình ngôi nhà  **c)Sản phẩm:** Mô hình ngôi nhà của mỗi nhóm.  **d)Tổ chức thực hiện**:  **Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Giáo viên cung cấp các thông tin, vật liệu, dụng cụ cần thiết hỗ trợ HS thực hiên dự án  - Giáo viên kiểm tra vật liệu, dụng cụ theo thiết kế của nhóm  - Giáo viên hướng dẫn học sinh thực hiện dự án theo kế hoạch đã đề ra và sự phân công các thành viên trong nhóm, mô hình ngôi nhà được thực hiện theo trình tự chung:  + Dựng khung nhà;  + Lắp ráp tường nhà;  + Dựng các công trình phụ: cầu thang, lối đi, …;  + Thực hiện mô hình các vật dụng chính trong từng khu vực của ngôi nhà;  + Lắp ráp mô hình các vật dụng vào từng khu vực của ngôi nhà;  + Lắp ráp một phần mái nhà (để có thể trông thấy không gian bên trong nhà);  + Tạo hình khung cảnh bên ngoài ngôi nhà;  + Trang trí hoàn thiện mô hình  **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh hoạt động theo nhóm để lắp ráp hoàn chỉnh mô hình ngôi nhà  **Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các nhóm trưng bày mô hình ngôi nhà  **Kết quả, nhận định**  - Giáo viên kiểm tra, nhận xét sản phẩm của dự án | - Mô hình ngôi nhà của mỗi nhóm |

**D. BÁO CÁO DỰ ÁN**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **a) Mục tiêu:** Đánh giá và hướng dẫn học sinh tự đánh giá kết quả dự án  **b) Nội dung:** Nội dung thuyết trình giới thiệu và mô hình ngôi nhà của mỗi nhóm học sinh.  **c) Sản phẩm:** Kết quả đánh giá sản phẩm của dự án  **d) Tổ chức thực hiện**  **Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Giáo viên tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả thực hiện dự án của nhóm gồm các nội dung sau:  + Kiến trúc nhà, ý tưởng bố trí các không gian bên trong nà;  + Cách sử dụng năng lượng của các đồ dùng trong nhà;  + Các yếu tố thể hiện đặc điểm của ngôi nhà thông minh;  + Tự đánh giá quá trình và kết quả thực hiện, rút kinh nghiệm.  **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Đại diện nhóm báo cáo kết quả thực hiện dự án  **Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các nhóm tự đánh giá quá trình và kết quả thực hiện, rút kinh nghiệm  **Kết quả , nhận định**  - Giáo viên nhận xét đánh giá quá trình thực hiện dự án và sản phẩm của mỗi nhóm theo tiêu chí đã đề ra ban đầu | - Kết quả đánh giá sản phảm của dự án |

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

* Nhận xét chung quá trình thực hiện dự án của cả lớp
* Đánh giá chung kết quả đạt được

Bảng theo dõi thực hiện dự án của nhóm

Tên nhóm:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | **MỨC ĐỘ** | | | |
| **1** | **2** | **3** | **4** |
| Tham gia thảo luận, đưa ý kiến | Không có các buổi thảo luận, đưa ý kiến nhóm | Có các buổi thảo luận, đưa ý kiến nhóm nhưng không đầy đủ thành viên hoặc không có biên bản thảo luận nhóm. | Có các buổi thảo luận, đưa ý kiến nhóm với đầy đủ thành viên, có biên bản thảo luận nhóm nhưng ghi chép sơ sài. | Có các buổi thảo luận, đưa ý kiến nhóm với đầy đủ thành viên và ghi chép chi tiết biên bản thảo luận nhóm. |
| Có thành viên không quan tâm tham gia thảo luận với các bạn nhưng không nhận được sự nhắc nhở của nhóm | Các thành viên đều tham gia thảo luận, góp ý kiến nhưng chưa có sự đồng đều giữa các thành viên | Các thành viên đều hăng hái, tích cực tham gia thảo luận và đưa ra ý kiến cá nhân | Các thành viên đều hăng hái, tích cực tham gia thảo luận, có sự tranh luận sôi nổi và đưa ra ý kiến sáng tạo, hiệu quả có thể sử dụng |
| Thái độ hợp tác, cộng tác nhóm | Không có tinh thần hợp tác, lắng nghe ý kiến của mọi người trong nhóm. | Có tinh thần hợp tác, lắng nghe ý kiến của mọi người trong nhóm. | Có tinh thần hợp tác, biết lắng nghe và học hỏi ý kiến của các bạn, bảo vệ quan điểm cá nhân. | Có tinh thần hợp tác, biết lắng nghe và học hỏi ý kiến của các bạn, bảo vệ quan điểm cá nhân, đồng thời giúp cho các bạn hợp tác tốt với nhau |
| Kế hoạch làm việc | Không có kế hoạch | Kế hoạch sơ sài, không thực tế | Có kế hoạch chi tiết, rõ ràng nhưng không thực tế | Kế hoạch chi tiết rõ ràng, thực tế, sáng tạo, khả năng ứng dụng cao |
| Năng lực làm việc | Không thực hiện các công việc được giao hoặc thực hiện không đạt yêu cầu | Tích cực thực hiện các công việc được giao, đạt yêu cầu | Thực hiện các công việc được giao một cách sáng tạo, đạt hiệu quả cao | Thực hiện các công việc được giao một cách sáng tạo, hiệu quả. Xung phong thực hiện những công việc khó. |
| Thời gian hoàn thành công việc | Thường xuyên không hoàn thành công việc đúng hạn | Hoàn thành các công việc không giao đúng thời hạn quy định | Hoàn thành các công việc được giao sớm so với thời hạn quy định | Hoàn thành các công việc được giao sớm, giúp đỡ các bạn khác trong nhóm hoàn thành công việc đúng hạn |

Phiếu đánh giá sản phẩm

Tên nhóm:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TIÊU CHÍ** | | **ĐIỂM** |
| Bài báo cáo | Giới thiệu nhóm ấn tượng. | 8 |
| Nêu được mục đích của buổi báo cáo. | 8 |
| Trình bày rõ ràng, dễ hiểu quy trình làm sản phẩm của dự án. | 8 |
| Đánh giá được ưu, nhược điểm của sản phẩm. | 8 |
| Hình thức đẹp, hợp lý, bố cục rõ ràng. | 8 |
| Sản phẩm | Đặt tên phù hợp, ấn tượng cho sản phẩm. | 8 |
| Chất lượng sản phẩm. | 8 |
| Mức độ sáng tạo thể hiện trong sản phẩm. | 8 |
| Sản phẩm thiết thực, có tác động tích cực tới sức khỏe con người và môi trường. | 8 |
| Chi phí tạo thành sản phẩm phù hợp. | 8 |
| Sắm vai hoạt động | Trình bày mạch lạc, thuyết phục trong thời gian quy định; phù hợp với sự phân vai hoạt động. | 10 |
| Thu hút được sự chú ý của mọi người. | 10 |
| Tổng điểm | | 100 |

**TIẾT 11: BÀI 4 : THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG (TIẾT** I. MỤC TIÊU

**1. Về kiến thức**

- Nêu đuợc vai trò của các chất dinh dưỡng: Sinh tố, khoáng, chất xơ, nước và giá trị dinh dưỡng của các nhóm thức ăn trong bữa ăn hàng ngày.

- Nắm được nhu cầu của mỗi chất dinh dưỡng đối với cơ thể và nhu cầu dinh dưỡng với cơ thể trong một ngày.

- Hình thành thói quen ăn uống khoa học để giúp cơ thể phát triển khỏe mạnh.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực đặc thù**

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết đượcchức năng của từng nhóm thực phẩm chủ yếu đối với cơ thể con người, chế độ dinh dưỡng hợp lí và các bước xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lí.

- Giao tiếp công nghệ: Sử dụng được thuật ngữ về các nhóm thực phẩm, thuật ngữ mô tả món ăn để trình bày về bữa ăn thường ngày của gia đình và chế độ dinh dưỡng hợp lí.

- Sử dụng công nghệ: Sử dụng các món ăn từ thực phẩm giàu dinh dưỡng để phối hợp thành bữa ăn dinh dưỡng hợp lí.

- Đánh giá công nghệ: Nhận xét, đánh giá nhu cầu dinh dưỡng của từng nhóm người khác nhau, nhận xét đánh giá bữa ăn dinh dưỡng hợp lí.

- Thiết kế công nghệ: Đề xuất bữa ăn dinh dưỡng hợp lí cho gia đình.

**b. Năng lực chung**

- Tự chủ và tự học, chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống: vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết những vấn đề trong tình huống mới.

- Giao tiếp và hợp tác: Biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Xác định được và biết tìm hiểu các thông tin liên quan đến vấn đề về dinh dưỡng hợp lí, đề xuất được giải pháp cho bữa ăn dinh dưỡng hợp lí.

**3. Về phẩm chất**

- Nhân ái, yêu quý, quan tâm đến sức khỏe của các thành viên trong gia đình.

- Chăm chỉ: Có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học được ở nhà trườngtrong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hàng ngày.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, ý thức rèn luyện, chăm sóc sức khỏe bản thân.

- Tự chủ tự học, giao tiếp hợp tác giải quyết ván đề và sáng tạo:

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Sưu tầm một số tranh ảnh về các nguồn dinh dưỡng, thông tin về các chất dinh dưỡng: vitamin, chất khoáng, nước, chất xơ.

- Sưu tầm một số tranh ảnh về tác dụng của các chất dinh dưỡng với cơ thể, thông tin về các chất dinh dưỡng và nhu cầu của cơ thể.

- Bảng phụ.

- GV: Tìm hiểu trước bài

**2. Học sinh** - Học và đọc trước bài.

**III. TIẾNTRÌNH DẠY- HỌC**.

**A. Hoạt động : Mở đầu**

1 *Mục tiêu* : phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo tìm tòi kiến thức tạo hứng thú cho hs

2, *Nội dung*: tại sao hàng ngày ta phải sử dụng nhiều loại thực phẩm khác nhau.

3,Sản phẩm : nhu cầu tìm hiểu về các nhóm thực phẩm và chức năng

4, Tổ chức thực hiện :

***\*Chuyển giao nhiệm vụ***

-Gv : Dựa vào kiến thức thực tế các em hãy HĐN tl câu hỏi: Để cơ thể luôn khỏe mạnh, qiúp con người sống và học tập tốt cần đáp ứng đủ các chất dinh dưỡng. Đó là chất dinh dưỡng nào?

***\*Thực hiện nhiệm vụ***

*- Học sinh tiếp nhận trả lờiGV quan sát hướn dẫn hđ của của học sinh*

***\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập***

***Các chất dinh dưỡng :*** Đạm, béo, đường bột, vitamin, khoáng,…

*- Học sinh nhận xét, bổ sung.*

*- Giáo viên nhận xét, đánh giá*

***\* Kết luận, nhận định***

*->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học*

**Đặt vấn đề : C**húng ta đã tìm hiểu về các chất dinh dưỡng cần thiết nhất đối với cơ thể con người. Ngoài những chất dinh dưỡng trên, cơ thể còn cần những chất dinh dưỡng nào khác nữa, và giá trị dinh dưỡng của các nhóm thức ăn ra sao ?

**B. Hoạt động: hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV và HS** | **Nội dung** |
| ***Hoạt động 1: Tìm hiểu giá trị dinh dưỡng của các nhóm thức ăn: 15’***  *1,Mục tiêu* : giới thiệu các nhóm thực phẩm chính và chức năng của mỗi nhóm  2, *Nội dung*: các nhóm thực phẩm và tác động của mmoix nhóm với cơ thể.  *3, Sản phẩm* : chức năng của các nhóm thực phẩm đối với co thể.  4, Tổ chức thực hiện :  **+ Chuyển giao nhiệm vụ học tập**:  - GV yêu cầu HS quan sát hình 4.1 nhớ lại kiến thức đã học và liên hệ vớ thực tế trao đổi cặp đôi trả lời câu hỏi:  ? Em hãy kể tên các nhóm thực phẩm có trong hình 4.1?  ? Dựa váo các hình ảnh ở cột bên phải em hãy cgo biết vai trò của mỗi nhóm thực phẩm đối vói cơ thể con người?  **+ Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  Hs trao đổi cặp đôi, thống nhất câu trả lời  Gv quan sát theo dõi uốn nắn giúp đỡ kịp thời cho các nhóm cần trợ giúp. Nếu nhóm nào làm xong trước gv cho thêm câu hỏi cho nhóm đó  **+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  GV gọi một số nhóm đại diện báo cáo và phân tích  **+ Kết luận, nhận định:** *GV cho diểm và KL* Căn cứ vào giá trị dinh dưỡng, có 4 nhóm thức ăn:  - Nhóm giàu chất đạm  - Nhóm giàu chất đường, bột  - Nhóm giàu chất béo  - Nhóm giàu vitamin, chất khoáng  Mỗi ngày, trong khẩu phần ăn nên chọn đủ thực phẩm của 4 nhóm chính để cơ thể phát triển và khỏe mạnh.  **Hoạt động 2** .**Tìm hiểu nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể:**  *1, Mục tiêu* : nắm được nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể  2, *Nội dung*:các tình trạng cơ thể khi đầy đủ, dư thừa và thiếu dinh dưỡng  *3, Sản phẩm* : ỹ nghĩa của các chất dinh dưỡng đối với sức khỏe con người.  *4, Tổ chức thực hiện :*  ***\*Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV hãy qs hình 4.2 và liên hệ thực tế trả lời câu hỏi sau? Theo em thể trạng của mỗi bạn trong hình 4.2 thể hiện tình trạng dinh dưỡng của cơ thể như thế nào? ?Em có nhận xét gì về thể trạng của cậu bé. Em bé mắc bệnh gì và do nguyên nhân nào gây nên?  - Thiếu chất đạm trầm trọng ảnh hưởng như thế nào đối với trẻ em?  - Nếu ăn thừa chất đạm sẽ có tác hại như thế nào ?  - GV hướng dẫn HS xem hình 4.2 trang 26 và trả lời các câu hỏi SGK  - Em sẽ khuyên cậu bé đó như thế nào để gầy bớt đi?  - Ăn thiếu chất đường bột như thế nào?  - Em hãy cho biết thức ăn nào có thể làm răng dễ bị sâu ? đường  - Ăn quá nhiều chất béo thì cơ thể như thế nào ? sẽ bị hiện tượng gì ?  - Ăn thiếu chất béo cơ thể như thế nào?  chiếu 1 số hình ảnh con người suy dinh dưỡng, béo phì, bình thường, ... và phát phiếu học tập, yêu cầu hs quan sát  ***\*Thực hiện nhiệm vụ***  - HS tiếp nhận nhiệm vụ học tập, làm báo cáo kết quả, lắng nghe ý kiến nhóm khác đánh giá kết quả. HS quan sát sau đó hoạt động nhóm hoàn thành nội dung yêu cầu trong phiếu học tập vào bảng A4  *Hs : hđn* Gv : theo dõi  ***\*Báo cáo kết quả***  - Đại diện nhóm trả lời,  ***\* Kết luận, nhận định***  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, chốt.  **Hoạt động 3** .**Tìm hiểu cách xây dựng bữa ăn hợp lý**  1, Mục tiêu : Giúp HS nhận biết yêu cầu của bữa ăn dinh dưỡng hợp lí  2, *Nội dung*:các yếu tố cấu thành bữa ăn dinh dưỡng hợp lý  *3, Sản phẩm: các yêu cầu của bữa ăn hợp lý*  *4, Tổ chức thực hiện :*  **\*Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  GV yêu cầu: quan sát hình  Quan sát bữa ăn dinh dưỡng hợp lí Hình 4.3 SGK/27. Và thông tin sgk và liên hệ với thực tế để trả lời câu hỏi sau  ? Nêu nhận xét về loại món ăn và thành phần các nhóm thực phẩm chính được sử dụng trong bữa ăn.  - HS hoạt động nhóm  GV phát giấy A1 và bút dạ cho các nhóm  **+ Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  Nhóm trưởng điều hành các bạn hoạt động cá nhân và hoạt động nhóm theo hướng dẫn của GV  **+ Báo cáo kết quả thảo luận thực hiện nhiệm vụ học tập:**  GV nghe báo cáo tại nhóm, nhận xét bổ sung hoàn thiện kiến thức cho các HS trong nhóm sau đó cử các đại diện của nhóm đến nhóm khác nghe trình bày kết quả, giải đáp thắc mắc nếu có.  Bảng báo cáo kết quả làm việc của nhóm  Cá nhân đại diện được GV cử đến nghe báo cáo đánh giá, nhận xét nhóm được phân công  \* GV đưa ra nhận xét về những nhóm thực phẩm được sử dụng trong bữa ăn:  Nhóm thực phẩm giàu vitamin và khoáng chất được sử dụng với lượng nhiều nhất.  Nhóm thực phẩm giàu chất đạm và chất đường bột được sử dụng với lượng vừa phải.  Nhóm thực phẩm giàu chất béo được sử dụng với lượng ít nhất.  GV giúp HS đưa ra kết luận:  **+ Kết luận, nhận định GV**  **KÊT LUẬN**  **Chế độ ăn uống khoa học trước hết cần có bữa ăn dinh dưỡng hợp lí. Bữa ăn dinh dưỡng hợp lí phải có đủ các nhóm thực phẩm chính với tỉ lệ thích hợp và nên có đủ các loại món ăn chính ( canh, xào hoặc luộc, món mặn)**  \* GV cũng lưu ý HS: Có nhiều cách sử dụng thực phẩm trong 4 nhóm chính để chế biến thành những món ăn cung cấp các chất dinh dưỡng khác nhau. Tùy thuộc vào điều kiện của mỗi gia đình để lựa chọn thực phẩm theo mùa, phối hợp thực phẩm trong 4 nhóm để chế biến thành những bữa ăn dinh dưỡng hợp lí. | **1. Giá trị dinh dưỡng của các nhóm thực phẩm**  Căn cứ vào giá trị dinh dưỡng, có 4 nhóm thức ăn:  - Nhóm giàu chất đạm  - Nhóm giàu chất đường, bột  - Nhóm giàu chất béo  - Nhóm giàu vitamin, chất khoáng  Mỗi ngày, trong khẩu phần ăn nên chọn đủ thực phẩm của 4 nhóm chính để cơ thể phát triển và khỏe mạnh.  **2- Nhu cầu dinh dưỡng của cơ thể**  Cơ thể luôn đòi hỏi phải có đủ chất dinh dưỡng để nuôi sống và phát triển. Mọi sự thừa hoặc thiếu đều có hại cho sức khoẻ.  **-** Nếu ăn uống thiếu chất thì bị suy dinh dưỡng làm cho cơ thể phát triển chậm lại hoặc ngừng phát triển. Ngoài ra trẻ em còn dễ bị mắc bệnh nhiễmkhuẩn và trí tuệ kém phát triển.  - Nếu ăn uống thừa so với nhu cầu cơ thể, kèm theo lười vận động gây nên bệnh béo phì, bệnh huyết áp, bệnh tim mạch,. . .  **3. Chế độ ăn uống khoa học**  3.1 Xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lý  **Chế độ ăn uống khoa học trước hết cần có bữa ăn dinh dưỡng hợp lí. Bữa ăn dinh dưỡng hợp lí phải có đủ các nhóm thực phẩm chính với tỉ lệ thích hợp và nên có đủ các loại món ăn chính ( canh, xào hoặc luộc, món mặn)** |

**C. Hoạt động luyên tập:**

*1.Mục tiêu* : Học sinh vận dụng kiến thức vừa học để làm bài tập.

*2.Nội dung:*Hđ cá nhân, hoạt động cả lớp

*3.Sản phẩm* : Nội dung trả lời cá nhân của HS vào vở, phiếu học tập cá nhân, phiếu học tập nhóm.

*4.Tổ chức thực hiện:*

***\*Chuyển giao nhiệm vụ***

- Điều quan trọng nhất các em học được hôm nay là gì? Theo em vấn đề gì là quan trọng nhất mà chưa được giải đáp?

- HS suy nghĩ và viết ra giấy, GV gọi đại diện một số em, mỗi em sẽ có thời gian 1 phút trình bày trước lớp về những điều các em đã học và những câu hỏi các em muốn được giải đáp.

- Yêu cầu Hs trả lời một số câu hỏi và hoàn thiện một số bài tập

**C1- Những chất nào sau ðây không phải chất dinh dýỡng nhýng rất quan trọng**

A. Chất ðạm và chất béo B. Chất bột và ðýờng

C. Nýớc và chất xõ D. Vitamin và chất khoáng

**C2: Nhu cầu dinh dýỡng phụ thuộc vào những yếu tố nào sau ðây?**

A. Lứa tuổi

B. Giới tính và tình trạng sinh lí

C. Mức độ lao động và hoạt động thể lực

D. Tất cả các yếu tố trên.

**C3:Những dấu hiệu nào sau đây cho biết cơ thể em đang thiếu chất dinh dưỡng.**

A. dễ bị đói, mệt, cơ thể ốm yếu.

B. thiếu năng lượng và vitamin, cơ thể ốm yếu, dễ bị mệt, đói.

C. Trẻ em sẽ bị bệnh suy dinh dưỡng, mắc bệnh nhiễm khuẩn và trí tuệ kém phát triển.

***\*Thực hiện nhiệm vụ***

-Hs : **HS** Hđ cá nhân.

- GV: gọi một em trả lời, em khác nhận xét.

- Dự kiến sản phẩm: C1: C; C2: D, C3: C

**+ Báo cáo kết quả thảo luận thực hiện nhiệm vụ học tập:**

GV nghe báo cáo tại nhóm, nhận xét bổ sung hoàn thiện kiến thức cho các HS trong nhóm sau đó cử các đại diện của nhóm đến nhóm khác nghe trình bày kết quả, giải đáp thắc mắc nếu có.

GV giúp HS đưa ra kết luận:

**+ Kết luận, nhận định GV**

C1: C; C2: D, C3: C

*Ngày soạn:*

*Ngạy dạy:*

**TIẾT 12 Bài 4: THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG (tiết 2)**

I. MỤC TIÊU

**1. Về kiến thức**

- Kể tên được một số nhóm thực phẩm chính, nêu được giá trị dinh dưỡng của các nhóm thực phẩm chính đối với sức khỏe con người, yêu cầu của chế độ dinh dưỡng hợp lí.

- Xây dựng được bữa ăn dinh dưỡng hợp lí, ước tính được chi phí tài chính dành cho một bữa ăn gia đình.

- Hình thành thói quen ăn uống khoa học để giúp cơ thể phát triển khỏe mạnh.

**2. Về năng lực**

**a. Năng lực đặc thù**

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết đượcchức năng của từng nhóm thực phẩm chủ yếu đối với cơ thể con người, chế độ dinh dưỡng hợp lí và các bước xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lí.

- Giao tiếp công nghệ: Sử dụng được thuật ngữ về các nhóm thực phẩm, thuật ngữ mô tả món ăn để trình bày về bữa ăn thường ngày của gia đình và chế độ dinh dưỡng hợp lí.

- Sử dụng công nghệ: Sử dụng các món ăn từ thực phẩm giàu dinh dưỡng để phối hợp thành bữa ăn dinh dưỡng hợp lí.

- Đánh giá công nghệ: Nhận xét, đánh giá nhu cầu dinh dưỡng của từng nhóm người khác nhau, nhận xét đánh giá bữa ăn dinh dưỡng hợp lí.

- Thiết kế công nghệ: Đề xuất bữa ăn dinh dưỡng hợp lí cho gia đình.

**b. Năng lực chung**

- Tự chủ và tự học, chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống: vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết những vấn đề trong tình huống mới.

- Giao tiếp và hợp tác: Biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Xác định được và biết tìm hiểu các thông tin liên quan đến vấn đề về dinh dưỡng hợp lí, đề xuất được giải pháp cho bữa ăn dinh dưỡng hợp lí.

**3. Về phẩm chất**

- Nhân ái, yêu quý, quan tâm đến sức khỏe của các thành viên trong gia đình.

- Chăm chỉ: Có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học được ở nhà trườngtrong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hàng ngày.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, ý thức rèn luyện, chăm sóc sức khỏe bản thân.

II. CHUẨN BỊ

1. Giáo viên

- Tìm hiểu mục tiêu bài.

- Chuẩn bị tài liệu giảng dạy: SGK, SGV, SBTvà tài liệu về các loại thực phẩm giàu chất dinh dưỡng, khuyến cáo của Viện Dinh dưỡng Quốc gia về chế độ dinh dưỡng hợp lí….

- Hình ảnh thực phẩm trong từng nhóm, các món ăn thường ngày trong gia đình, trẻ em với nhiều thể trạng khác nhau.

- Các phiếu học tập, giấy A1 (đánh dấu vị trí ghi bài của cá nhân, nhóm), bút dạ

2. Học sinh

- Đọc trước bài

- Tìm hiểu các món ăn thường ngày của gia đình và những loại thực phẩm thường dùng và đơn giá của chúng.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A:Hoạt động Khởi động**

**\* Mục tiêu:**Giúp HS nhận biết yêu cầu của bữa ăn dinh dưỡng hợp lí

**\* Nội dung:** Yêu cầunhận xét về loại món ăn và thành phần các nhóm thực phẩm chính được sử dụng trong bữa ăn.

**\* Sản phẩm:**Câu trả lời của các cặp đôi

**\* Tổ chức hoạt động:**

**+ Chuyển giao nhiệm vụ học tập**:

- GV yêu cầu HS trao đổi cặp đôi trả lời câu hỏi:

? Nếu ngày nào cũng chỉ ăn một món mình ưa thích ( VD trứng tráng) thì có được không?

? Vì sao hàng ngày chúng ta phải sử dụng nhiều loại thực phẩm khác nhau?

**+ Thực hiện nhiệm vụ học tập:**

Hs trao đổi cặp đôi, thống nhất câu trả lời

**+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**

GV gọi một số đại diện báo cáo và phân tích

**+ Kết luận, nhận định:** GV bổ sung và giới thiệu bài, yêu cầu HS đọc mục tiêu bài trong SGK.

HS nghe và nhận xét chéo cặp

GV bổ sung và giới thiệu bài, yêu cầu HS đọc mục tiêu bài trong SGK.

1. **Hoạt động : hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động GV và HS** | **Nội dung** |
| ***Hoạt động 1: Phân chia số bữa ăn hợp lý***  *1, Mục tiêu* : giới thiệu cách ohaan chia số bữa ăn trong ngày hợp lý.  2, *Nội dung*: Thời gian phân chia giữa các bữa ăn trong ngày.  *3, Sản phẩm* : cách phân chia số bữa an trong ngày  4, Tổ chức thực hiện :  **+ Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  Đọc thông tin phần 3.2 SGK/27,28 kết hợp quan sát nghiên cứu tranh vẽ Hình 4.4 trả lời câu hỏi:  ? Thời gian phân chia các bữa ăn của gia đình trong hình vẽ như thế nào? Nếu trung bình thức ăn được được tiêu hóa hết sau 4 h thì việc phân chia các bữa ăn của gia đình này có hợp lý không?Tại sao.  ? Hai bữa ăn chính ăn quá gần hoặc quá xa nhau điều gì sẽ xảy ra.  ? Theo em các bữa ăn chính cách nhau tối thiểu bao nhiêu giờ là hợp lí? Lưu ý gì khi ăn.  **+ Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  HS hoạt động nhóm thực hiện yêu cầu của giáo viên  **+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  Các nhóm báo cáo trước lớp  **+ Kết luận, nhận định GV**  \* GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung vừa tìm được để hoàn thiện kiến thức  **KÊT LUẬN**  **Để có chế độ dinh dưỡng hợp lí phải ăn đúng bữa, đúng cách để giúp cơ thể tiêu hóa thức ăn dễ dàng.**  \* GV cung cấp thông tin bổ sung:  + Bữa sáng:sau khi ngủ dậy bụng đói, nên ăn đủ năng lượng cho lao động và học tập.  + Bữa trưa:sau buổi lao động và học tập, cần ăn bổ sung đủ chất để có năng lượng cho các hoạt động buổi chiều.  + Bữa tối:sau một ngày làm việc vất vả, cơ thể cần bổ sung chất dinh dưỡng để bù đắp năng lượng đã mất đi.  Ngoài ra còn có các bữa phụ, bữa xế để phù hợp với thời gian học tập, làm việc…  **Hoạt động 2: Xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lý**  **a. Các yếu tố của bữa ăn dinh dưỡng hợp lí.**  **\* Mục tiêu:**Ôn lại kiến thức về các yếu tố của bữa ăn dinh dưỡng hợp lí.  **\* Nội dung:** Yêu cầubiết cách xây dựng bữa ăn trong ngày cho hợp lý  **\* Sản phẩm:**Bài làm cá nhân và bài làm chung của nhóm  **\* Tổ chức hoạt động:**  **+ Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  GV đưa ra nhiệm vụ như sau:  Cá nhân chia sẻ với các bạn trong nhóm về các món mình đã ăn trong bữa sáng hoặc bữa trưa hoặc tối.  Nhóm nhận xét xem bữa ăn của bạn mình đã hợp lí chưa? Nếu chưa hợp lí hãy góp ý để bạn điều chỉnh lại cho hợp lí.  Chọn ra một bữa ăn được cho là hợp lí nhất? Giải thích tại sao lại chọn như vậy.  **+ Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  Cá nhân và nhóm thực hiện theo yêu cầu của GV  **+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  Đại diện nhóm báo cáo bài làm cá nhân và bài làm chung của nhóm  **\* Sản phẩm học tập:**  Bài làm cá nhân và bài làm chung của nhóm  **\* Phương án đánh giá**  Tự đánh giá bài làm của cá nhân và của nhóm  \* GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi để hoàn thiện kiến thức  ? Một bữa ăn dinh dưỡng hợp lí cần đảm bảo yếu tố nào  **+ Kết luận, nhận định GV**  **KÊT LUẬN**  **Bữa ăn dinh dưỡng hợp lí có yếu tố sau: Đầy đủ thực phẩm thuộc 4 nhóm chính với tỉ lệ thích hợp. Nên có đủ 3 loại món ăn chính.**  **b. Chi phí của bữa ăn**  **\* Mục tiêu:**Hướng dẫn cách tính chi phí cho một bữa ăn  **\* Nội dung:** Yêu cầubiếtcách tính chi phí cho một bữa ăn  **\* Sản phẩm:**Bài làm cá nhân và bài làm chung của nhóm  **\* Tổ chức hoạt động:**  **+ Chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  GV yêu cầu HS nghiên cứu thông tin và hình 4.3 trao đổi cặp đôi để trả lời câu hỏi ?Em hãy ước lượng chi phí cho bữa ăn hình 4.3 bằn hoạt động cặp đôi  **+ Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  HS thực hiện theo yêu cầu của GV  **+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  Trao đổi phiếu học tập cho cặp đôi bên cạnh  **+ Kết luận, nhận định GV**  Đánh giá chéo bài làm của cặp đôi theo đáp án của GV  \* GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi để hoàn thiện kiến thức  ? Cách tính chi phí cho một bữa ăn.  **KÊT LUẬN**  ***Chi phí của một bữa ăn = Tổng chi phí của các món ăn.***  ***Chi phí của một món ăn = Tổng số tiền mua các loại thực phẩm để chế biến món ăn***  **c. Các bước xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lí**  **\* Mục tiêu:**Hướng dẫn quy trình xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lí và tính chi phí của bữa ăn  **\* Nội dung:**quy trình xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lí và tính chi phí của bữa ăn  **\* Sản phẩm:**bữa ăn dinh dưỡng hợp lý và chi phí của bũa ăn  **\* Tổ chức hoạt động:**  **+ Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS nghiên cứu thông tin phần 4.3 SGK/48,49 trả lời câu hỏi  ? Quy trình xây dựng bữa ăn hợp lí và cách tính chi phí cho một bữa ăn  ? Nêu yêu cầu của một bữa ăn dinh dưỡng hợp lí  **+ Thực hiện nhiệm vụ học tập:**  HS trả lời  GV thống nhất trước lớp quy trình xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lí và cách tính chi phí cho một bữa ăn.  - Yêu cầu các nhóm trao đổi để xây dựng một bữa ăn dinh dưỡng hợp lí và cách tính chi phí cho bữa ăn đó ra phiếu học tập số 3 ( Giấy A4)  Lưu ý: Có thể thay thế các thực phẩm trong cùng nhóm để bữa ăn dạt yêu cầu về mức độ dinh dưỡng, tránh trùng lặp về màu sắc và mùi vị…   * HS trao đổi nhóm hoàn thành phiếu học tập theo yêu cầu * GV theo dõi hỗ trợ nếu cần   **+ Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập:**  Các nhóm treo phiếu học tập số 3 của nhóm về khu vực làm việc của nhóm  - GV phân công đánh giá như sau: Nhóm 1 🡪 Nhóm 2 🡪Nhóm 3 🡪 Nhóm 4 🡪 Nhóm 1.  - GV thông báo tiêu chí đánh giá kết quả thực hành ( Bảng đánh giá thực hành) được đặt tại mỗi nhóm.  + Tiêu chí đánh giá quy trình thực hành  + Tiêu chí đánh giá sản phẩm thực hành  - Các nhóm di chuyển xem sản phẩm của nhóm bạn, nhận xét, chấm điểm vào bảng đánh giá đặt tại nhóm đó, đề xuất cách khắc phục. Sau đó về chỗ tự đánh giá nhóm mình.  - Sau khi HS ổn định về vị trí GV yêu cầu các nhóm giải thích thắc mắc của nhóm bạn, sửa lại nều chưa hợp lí.  - Yêu cầu HS nhắc lại quy trình xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lí và cách tính chi phí cho một bữa ăn. HS ghi vở  **+ Kết luận, nhận định GV**  **KÊT LUẬN**   |  |  | | --- | --- | | ***Xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lí*** | | | 1 | Sắp xếp món ăn theo từng nhóm. | | 2 | Chọn món ăn chính | | 3 | Chon thêm món ăn kèm | | 4 | Hoàn thiện bữa ăn | | ***Tính toán chi phí cho bữa ăn*** | | | 5 | Ước tính số lượng mỗi loại thực phẩm cần dùng | | 6 | Tính chi phí cho mỗi loại thực phẩm cần dùng | | 7 | Tính chi phí cho mỗi món ăn | | 8 | Tính chi phí cho bữa ăn |   *Gv chôt học sinh ghi vào vở* | **3. Chế độ ăn uống khoa học**  3. phân chia số bữa ăn hợp lý  **Để có chế độ dinh dưỡng hợp lí phải ăn đúng bữa, đúng cách để giúp cơ thể tiêu hóa thức ăn dễ dàng.**  + Bữa sáng:sau khi ngủ dậy bụng đói, nên ăn đủ năng lượng cho lao động và học tập.  + Bữa trưa:sau buổi lao động và học tập, cần ăn bổ sung đủ chất để có năng lượng cho các hoạt động buổi chiều.  + Bữa tối:sau một ngày làm việc vất vả, cơ thể cần bổ sung chất dinh dưỡng để bù đắp năng lượng đã mất đi.  Ngoài ra còn có các bữa phụ, bữa xế để phù hợp với thời gian học tập, làm việc…  **4. Xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lý**  ***a. Các yếu tố của bữa ăn dinh dưỡng hợp lBữa ăn dinh dưỡng hợp lí có yếu tố sau: Đầy đủ thực phẩm thuộc 4 nhóm chính với tỉ lệ thích hợp. Nên có đủ 3 loại món ăn***  ***b. Chi phí của bữa ăn***  **KÊT LUẬN**  ***Chi phí của một bữa ăn = Tổng chi phí của các món ăn.***  ***Chi phí của một món ăn = Tổng số tiền mua các loại thực phẩm để chế biến món ăn***  **c. Các bước xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lí** |

***C: Hoạt động Luyện tập***

**\* Mục tiêu:**GiúpHS củng cố khắc sâu kiến thức về các nhóm thực phẩm. Từ đó, đánh giá giá trị dinh dưỡng của những món ăn thường dùng trong gia đình.

**\* Nội dung:Bài tâp 1, 2,3,4,5, 6**

**\* Sản phẩm:**Bài làm cá nhân và bài làm chung của nhóm

**\* Tổ chức hoạt động:**

**Bài tâp 1, 2:**

GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân hoàn thành bài tập 1,2 phần luyện tập sau đó trao đổi với các bạn trong nhóm về kết quả làm được. Nhóm nhận xét, bổ sung, thống nhất cử đại diện báo cáo trước lớp.

GV nhận xét chung, đánh giá

**Bài tập 3**

GV yêu cầu trao đổi cặp đôi để hoàn thành

Báo cáo trước lớp

Các nhóm nhận xét, đưa ra ý kiến kết luận

GV phân tích nhu cầu dinh dưỡng của từng nhóm người để HS thấy được sự khác nhau ở mỗi nhóm, vai trò của bữa ăn hàng ngày đảm bảo cung cấp đủ dinh dưỡng cho mọi thành viên trong gia đình.

***Bài tập 4***

GV yêu câu HS trả lời câu hỏi đặt ra phần khởi động

HS khác nhận xét, bổ sung

GV chốt: ***Ăn uống phải đầy đủ các chất dinh dưỡng (đủ các nhóm thực phẩm chính)***

***Bài tập 5, 6***

GV yêu cầu HS hoàn thành nội dung trong phiếu học tập số 4.

Cử đại diện trình bày trước lớp

Các nhóm khác nhận xét, bổ sung

GV kết luận

***Hoạt động 4. Vận dụng***

**\* Mục tiêu:**Giúp HS củng cố và vận dụng kiến thức, kĩ năngđã học vào thực tiễn trong việc ăn uống của bản thân và gia đình

**\* Nội dung:Phiếu 1,2,3**

**\* Sản phẩm:**Bài làm cá nhân và bài làm chung của nhóm

**\* Tổ chức hoạt động:**

**+ Chuyển giao nhiệm vụ học tập:** GV yêu cầu HS đọc câu hỏi phần vận dụng suy nghĩ để hoàn thành ra vở.

**+ Thực hiện nhiệm vụ học tập:**HS hoạt động cá nhân làm bài

**+ Báo cáo kết quả thục hiện nhiệm vụ học tập:** Báo cáo trực tiếp với GV vào giờ sau.

**\* Sản phẩm học tập:**

Bài làm trong vở của HS

**\* Phương án đánh giá:**

GV đánh giá, HS tự đánh giá

\* GV giao về nhà cho HS hoàn thành

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**

1. Kể tên các chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể người?

2. Dựa vào Hình 7.1 (SGK/45), hoàn thiện thông tin trong bảng sau

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tên nhóm thực phẩm | Tên một số thực phẩm | Vai trò đối với cơ thể con người |
|  |  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Món ăn | Thực phẩm | SL | Đơn giá | Thành tiền (đồng) | |
| Canh cua | Cua | 0,2 kg | 15 000 đ/kg |  |  |
| Rau muống | 1 mớ | 3000đ/bó (mớ) |  |
| Đỗ xào thịt | Đỗ | 0,4kg | 15 000 đ/kg |  |  |
| Thịt nạc | 0,2kg | 150 000 đ/kg |  |
| Đậu xốt cà chua | Đậu | 4 bìa | 20 000đ/kg |  |  |
| Cà chua | 0,2kg | 15 000 đ/kg |  |
| TỔNG CHI PHÍ CHO BỮA ĂN | | | | |  |

**ĐÁP ÁNPHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Món ăn | Thực phẩm | SL | Đơn giá | Thành tiền (đồng) | | |
| Canh cua | Cua | 0,2 kg | 15 000 đ/kg | 30000(1đ) | 33 000  (1đ) |
| Rau muống | 1 mớ | 3000đ/mớ | 3 000(1đ) |
| Đỗ xào thịt | Đỗ | 0,4kg | 15 000 đ/kg | 6 000 (1đ) | 36 000  (1đ) |
| Thịt nạc | 0,2kg | 150 000 đ/kg | 30000(1đ) |
| Đậu xốt cà chua | Đậu | 4 bìa | 1500 đ/bìa | 6 000 (1đ) | 10 000  (1đ) |
| Cà chua | 0,2kg | 20 000đ/kg | 4 000 (1đ) |
| TỔNG CHI PHÍ CHO BỮA ĂN | | | | | 79 000  (1đ) |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 3**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Các bước trong quy trình | Chi tiết minh họa |
| Xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lí | | |
| 1 | Lập danh sách các món ăn theo từng loại |  |
| 2 | Chọn món ăn chính |  |
| 3 | Chon thêm món ăn kèm |  |
| 4 | Hoàn thiện bữa ăn |  |
| Tính toán chi phí cho bữa ăn | | |
| 5 | Ước tính số lượng mỗi loại thực phẩm cần dùng |  |
| 6 | Tính chi phí cho mỗi loại thực phẩm cần dùng |  |
| 7 | Tính chi phí cho mỗi món ăn |  |
| 8 | Tính chi phí cho bữa ăn |  |

**BẢNG ĐÁNH GIÁ THỰC HÀNH**

**Tiêu chí đánh giá quy trình thực hành**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| STT | Các bước trong quy trình | Có | Không |
| 1 | Lập danh sách các món ăn theo từng loại |  |  |
| 2 | Chọn món ăn chính |  |  |
| 3 | Chon thêm món ăn kèm |  |  |
| 4 | Hoàn thiện bữa ăn |  |  |
| 5 | Ước tính số lượng mỗi loại thực phẩm cần dùng |  |  |
| 6 | Tính chi phí cho mỗi loại thực phẩm cần dùng |  |  |
| 7 | Tính chi phí cho mỗi món ăn |  |  |
| 8 | Tính chi phí cho bữa ăn |  |  |

**Tiêu chí đánh giá sản phẩm thực hành**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tiêu chí đánh giá | Mức1 | Mức 2 | Mức 3 |
| 1 | Mức độ hoàn thành bài thực hành |  |  |  |
| 2 | Dinh dưỡng của bữa ăn  + Có đủ các món chính  + Có đủ 4 nhóm thức phẩm  + Tỷ lệ các chất dinh dưỡng hợp lí |  |  |  |

**PHIẾU HỌC TẬP SỐ 4**

***1. Chọn bữa ăn có thành phần các nhóm thực phẩm hợp lí. Vì sao?***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bữa ăn số 1** | **Bữa ăn số 2** | **Bữa ăn số 3** |
| 1  2  3  4 | Cơm trắng  Thịt kho trứng  Cá rán  Canh mướp đắng | Cơm trắng  Su su cà rốt xào  Gía hẹ xào  Canh cà chua nấu thịt băm | Cơm trắng  Cá rô kho tộ  Canh chua nấu cá  Đậu cove xào thịt |
| **KL** |  |  |  |

***2. Bạn nào có thời gian phân chia bữa ăn hợp lí nhất. Điều chỉnh bữa ăn chưa hợp lí?***

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Bữa sáng** | **Bữa phụ** | **Bữa trưa** | **Bữa xế** | **Bữa tối** |
| Bạn A | 6h | 9h | 10h |  | 18h |
| Bạn B | 6h |  | 11h |  | 18h |
| Bạn C | 6h |  | 10h30 | 14h30 | 18h |
| KL |  |  |  |  |  |

**TIẾT 13:BÀI 5: BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TRONG GIA ĐÌNH**

**(TIẾT 1)**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:Sau bài học này học sinh phải**

**1. Kiến thức:**

- Nêu được vai trò, ý nghĩa của việc bảo quản và chế biến thực phẩm;

-Trình bày được một số phương pháp bảo quản, chế biến thực phẩm phổ biến ;

**2. Năng lực:**

2.1. Năng lực công nghệ

-Nhận thức công nghệ: nhận biết được một số phương pháp chế biến thực phẩm phổ biến.

-Sừ dụng công nghệ: lựa chọn và chế biến món ăn đơn giản theo phương pháp không sử dụng nhiệt

-Đánh giá công nghệ: đưa ra nhận xét cho sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống

2.2. Năng lực chung

-Năng lực tự chủ, tự học.chủ động,tích cực trong học tập và cuộc sống vận dụng kiến thức linh hoạt những kiến thức kĩ năng đã học vào việc bảo quản và chế biến thực phẩm trong gia đình

-Năng lực giao tiếp và hợp tác: B iết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến bảo quản và chế biến thực phẩm, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm.

-Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.

**3.Phẩm chất**

-Chăm chỉ: có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

-Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động cá nhân nhóm

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:**

Giấy A4, phiếu học tập, bài tập, ảnh, powerpoint

**2.Học sinh:**

Đọc trước bài học trong SGK

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNGMỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:**Khơi gợi nhu cầu tìm hiểu về việc chế biến thực phẩm để tạo nên những món ăn thường ngày ở gia đình.

**b) Nội dung:**Thực phẩm đã được chế biến thành những món ăn như thế nào?

**c) Sản phẩm:** Nhu cầu cách bảo quản và chế biến thực phẩm trong gia đình

**d) Tổ chức thực hiện:**

***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV yêu cầu HSkể một số món ăn mà thường ngày gđ em thường ăn cho biết cách chế biến món ăn đó.

HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.

***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

- HS quan saát, trao đổi nhóm cặp bàn và nêu tên đúng loại thực phẩm.

GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.

***\* Bước 3: Báo cáo thảo luận***

- GV yêu cầuđại diệnnhóm trả lời, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

***\* Bước 4: Kết luận, nhận định***

GV nhận xét trình bày của HS

GV chốt lại kiến thức.

GV dẫn dắt vào bài mới: thực phẩm phải được chế biến đa dạng, phong phú; cung cấp đủ chất dinh dưỡng và năng lượng cho cơ thể. Vậy có những phương pháp chế biến thực phẩm nào thì chúng ta vào bài học hôm nay.

Giáo viên nêu mục tiêu bài học…

**B.HOẠT ĐỘNG 2 HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**I. BẢO QUẢN THỰC PHẨM**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu về vai trò và ý nghĩa của việc chế biến thực phẩm.**  **a) Mục tiêu:**Giúp HS nhận biết vai trò và ý nghĩa của việc chế biến thực phẩm.  **b) Nội dung:** các trường hợp thực phẩm bị hư hỏng  **c) Sản phẩm:** vai trò và ý nghĩa của việc chế biến thực phẩm  **d) Tổ chức thực hiện:**  ***\* Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV yêu cầu HS qs hình 5.1 và đọc thông tin trong sgk và liên hệ thực tế trả lời câu hỏi sau ? Em nhận thấy thực phẩm có thể bị hư hỏng do những nguyên nhân nào?Làm thế nào hạn chế tác nhân gây hư hỏng thực phẩm?  HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.  ***\* Thực hiện nhiệm vụ***  - Học sinh tiếp nhận  - HS đọc yêu cầu, suy nghĩ trả lời  - GV theo dõi  ***\* : Báo cáo kết quả***  HS trả lời câu hỏi của GV  ***\* Kết quả, nhận định***  - Học sinh tự nhận xét, đánh giá lẫn nhau  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  -GV: chốt kiến thức | 1.V**ai trò và ý nghĩa của việc chế biến thực phẩm.**  Việc chế biến giúp thực phẩm trở nên dễ tiêu hoá, an toàn và thơm ngon hơn. Các phương pháp chế biến thực phẩm làm phong phú bữa ăn cho con người. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 2.2: Tìm hiểu phương pháp cbảo quản thục phẩm**  **a) Mục tiêu** : giới thiệu các phương pháp bảo quản thực phẩm.  **b) Nội dung:** Một số thực phẩm được bảo quản. .  **c) Sản phẩm:** - Thực phẩm có thể được bảo quản nhiều phương pháp khác nhau: phơi khô hoặc sấy khô, ướp lạnh, cấp đong, ngâm giấm,ngâm đường,ướp muối,muối chua,hút chân không… Tùy từng loại thực thực và điều kiện bảo quản, người ta có thể lựa chọn các phương pháp bảo quản cho phù h  **d) Tổ chức thực hiện:**  ***\*Chuyển giao nhiệm vụ***  -GV yêu cầu HSQS ở hình 5.2, cho HS thực hiện yêu cầu sau Theo em, vì sao những phương pháp bảo quản trong hình 5.2 lại giúp thực phẩm lâu hỏng?  ***\* Thực hiện nhiệm vụ***  - HS đọc yêu cầu, suy nghĩ trả lời  - GV theo dõi  ***\* Bước 3: Báo cáo kết quả***  HS trả lời câu hỏi của GV  ***\* Bước 4 Kết quả, nhận định***  - Học sinh tự nhận xét, đánh giá lẫn nhau  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  -GV: chốt kiến thức  HS nghe và ghi nhớ vào vở | 1. **Phương pháp bảo quản thực phẩm**   - Thực phẩm có thể được bảo quản nhiều phương pháp khác nhau: phơi khô hoặc sấy khô, ướp lạnh, cấp đong, ngâm giấm,ngâm đường,ướp muối,muối chua,hút chân không… Tùy từng loại thực thực và điều kiện bảo quản, người ta có thể lựa chọn các phương pháp bảo quản cho phù hợp |

**2 CHẾ BIẾN THỰC PHẨM**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 2.3: Tìm hiểu về vai trò và ý nghĩa của việc chế biến thực phẩm.**  **a) Mụ tiêu:**Giúp HS nhận biết vai trò và ý nghĩa của việc chế biến thực phẩm.  **b) Nội dung:** các thực phẩm chưa chế biến và đã chế biến  **c) Sản phẩm:** vai trò và ý nghĩa của việc chế biến thực phẩm  **d) Tổ chức thực hiện:**  ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV minh hoạ hình ảnh tác dụng của việc chế biến thực phẩm ở hình 5.3 SGK , yêu cầu HS so sánh đặc điểm của những thực phẩm chưa chế biến và được chế biến.  -GV giúp HS phân tích từng trường hợp để nhận biết được sự thay đổi vè tính chất, hương vị của thực phẩm sau khi chế biến trong mỗi trường hợp.  GV yêu cầu HS nêu thêm sự thay đổi sau khi chế biến của các thực phẩm khác.  GV giải thích về tác dụng của việc chế biến với thực phẩm  - Học sinh tiếp nhận  ***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS đọc yêu cầu, suy nghĩ trả lời  - GV theo dõi  ***\* Bước 3: Báo cáo kết quả***  HS trả lời câu hỏi của GV  ***\* Bước 4 Kết quả, nhận định***  - Học sinh tự nhận xét, đánh giá lẫn nhau  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  -GV: chốt kiến thức | **2 CHẾ BIẾN THỰC PHẨM**  2.1.V**ai trò và ý nghĩa của việc chế biến thực phẩm.**  Việc chế biến giúp thực phẩm trở nên dễ tiêu hoá, an toàn và thơm ngon hơn. Các phương pháp chế biến thực phẩm làm phong phú bữa ăn cho con người. |

**C. HOẠT ĐỘNG 3 LUYỆN TẬP:**

**a) Mục tiêu** : Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** hoàn thành được bài tập

**d) Tổ chức thực hiện:**

***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu : trả lời câu hỏi1

1.*V****ai trò và ý nghĩa của việc chế biến thực phẩm***

*2* ***Phương pháp bảo quản thực phẩm***

3. *V****ai trò và ý nghĩa của việc chế biến thực phẩm***- Hs tiếp nhận

***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS đọc yêu cầu, suy nghĩ trả lời

- GV theo dõi

***\* Bước 3: Báo cáo kết quả:***

HS trình bày miệng

***\* Bước 4: Kết luận, nhận định***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV: chiếu kết quả

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu** : Giúp HS củng cố và vận dụng các kiến thức và kĩ năng đạ học vào thực tiễn chế biến thực phẩm ở gia đình.

**b) Nội dung:** bài tập phần vận dụng trong SGK và bài tập về nhà trong SBT.

**c) Sản phẩm:** đáp ánbài tập phần vận dụng trong SGK và bài tập về nhà trong SBT.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu :

Kể tên cácphương pháp bảo quản thực phẩmgia đình em đã bảo quản em xem cách bảo quản như vậy đã phù hợp chưa- Hs tiếp nhận

***\* Thực hiện nhiệm vụ:***

HS hoàn thành yêu câu trả lời vào giấy A4

***\* Bước 3: Báo cáo kết quả:***

Tiết học tiếp theo báo cáo kết quả bằng hình thức thuyết trình

***\* Bước 4: Kết luận, nhận định***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**TIẾT 14: BÀI 5: BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TRONG GIA ĐÌNH**

**( TIẾT 2)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức kĩ năng:**

-Trình bày được một số phương pháp bảo quản, chế biến thực phẩm phổ biến ;

-Lựa chon và chế biến được một số món ăn đơn giản theo phương pháp không sử dụng nhiệt và có sử dụng nhiệt.

- Trình bày được một số phương pháp chế biến thực phẩm phổ biến

**2. Năng lực:**

2.1. Năng lực công nghệ

-Nhận thức công nghệ: nhận biết được một số phương pháp chế biến thực phẩm phổ biến.

-Sừ dụng công nghệ: lựa chọn và chế biến món ăn đơn giản theo phương pháp không sử dụng nhiệt

-Đánh giá công nghệ: đưa ra nhận xét cho sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống

2.2. Năng lực chung

-Năng lực tự chủ, tự học.

-Năng lực giao tiếp và hợp tác: B iết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến bảo quản và chế biến thực phẩm, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm.

-Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.

**3.Phẩm chất**

-Chăm chỉ: có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

-Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.

- Nhân ái: yêu quý quan tâm đến sức khỏe của các thành viên trong gia đình;

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:**

Giấy A4, phiếu học tập, bài tập, ảnh, powerpoint

**2.Học sinh:**

Đọc trước bài học trong SGK

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)**

**a) Mục tiêu:**Khơi gợi nhu cầu tìm hiểu về việc chế biến thực phẩm để tạo nên những món ăn thường ngày ở gia đình.

**b) Nội dung:**Thực phẩm đã được chế biến thành những món ăn như thế nào?

**c) Sản phẩm:** GT phương pháp chế biến thực phẩm ko sử dụng nhiệt và có sủ dụng nhiêt

**d) Tổ chức thực hiện:**

***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV yêu cầu HS trong cùng bàn thảo luận trong thời gian 2 phút và cho biết thực phẩm trong hình đã được chế biến thành món ăn ngon như thế nào?

HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.

***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

- HS quan saát, trao đổi nhóm cặp bàn và nêu tên đúng loại thực phẩm.

GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.

***\* Bước 3: Báo cáo thảo luận***

- GV yêu cầuđại diệnnhóm trả lời, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

***\* Bước 4: Kết luận, nhận định***

GV nhận xét trình bày của HS

GV chốt lại kiến thức.

GV dẫn dắt vào bài mới: thực phẩm phải được chế biến đa dạng, phong phú; cung cấp đủ chất dinh dưỡng và năng lượng cho cơ thể. Vậy có những phương pháp chế biến thực phẩm nào thì chúng ta vào bài học hôm nay.

Giáo viên nêu mục tiêu bài học…

**B.HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**2. CHẾ BIẾN THỰC PHẨM( tiếp)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu phương pháp chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt.**  **a. Trộn hỗn hợp thực phẩm**  **a) Mục tiêu** : giới thiệu khái niệm và quy trình chung của phương pháp trộn hỗn hợp thực phẩm.  **b) Nội dung:**  các bước trong quy trình trộn hỗn hợp thưc phẩm .  **c) Sản phẩm:** khái niệm và quy trình chung của phương pháp trộn hỗn hợp thực phẩm.  **d) Tổ chức thực hiện:**  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  -GV y/c hs qs ở hình 5.4, và đọc thông tin liên hệ thực tế cho biết quy trình trộn hỗn hợp của thực phẩm được thực hiện như thế nào?  -GV gợi mở để HS nêu được khaí niệm phương pháp trộn hỗn hợp thực phẩm  -GV yêu cầu HS kể tên những món ăn được chế biến bằng phương pháp trộn hỗn hợp mà em đã từng ăn.  ***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS đọc yêu cầu, suy nghĩ trả lời  - GV theo dõi  ***\* Bước 3: Báo cáo kết quả***  HS trả lời câu hỏi của GV  ***\* Bước 4 Kết quả, nhận định***  - Học sinh tự nhận xét, đánh giá lẫn nhau  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  -GV: chốt kiến thức  HS nghe và ghi nhớ vào vở  **Ngâm chua thực phẩm**  **a) Mục tiêu** : giới thiệu khái niệm và quy trình chung của phương pháp ngâm chua thực phẩm.  **b) Nội dung:**  các bước trong quy trình ngâm chua thưc phẩm .  **c) Sản phẩm:** khái niệm và quy trình chung của phương pháp ngâm chua thực phẩm.  **d) Tổ chức thực hiện:**  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  -GV y/c hs qs ở hình 5.5, và đọc thông tin liên hệ thực tế cho biết quy trình ngâm chua của thực phẩm được thực hiện như thế nào?nêu được khái niệm về phương pháp ngâm chua thực phẩm?. nêu thêm ví dụ về các món ngâm chua mà các em đã từng ăn.  - Học sinh tiếp nhận  ***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS đọc yêu cầu, suy nghĩ trả lời  - GV theo dõi  ***\* Bước 3: Báo cáo kết quả***  HS trả lời câu hỏi của GV  ***\* Bước 4 Kết quả, nhận định***  - Học sinh tự nhận xét, đánh giá lẫn nhau  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  -GV: chốt kiến thức  HS nghe và ghi nhớ vào vở | **2.2 Phương pháp chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt.**  **a. Trộn hỗn hợp thực phẩm**  - Là cách pha trộn các thực phẩm đã được sơ chế hoặc làm chín bằng các phương pháp khác, kết hợp với gia vị tạo thành món ăn có giá trị dinh dưỡng cao.  \* Quy trình thực hiện: SGK  **b.Ngâm chua thực phẩm**  Ngâm chua là phương pháp ngân thực phẩm vào hỗn hợp nước ngâm một thời gian để thực phẩm lên men vi sinh vật hoặc thấm hỗn hợp nước ngâm, tạo ra món ăn có vị chua đặc trưng. Các loại hỗn hợp nước ngâm thường được sử dụng là hỗn hợp nước muối, hỗn hợp giấm đường.  Quy trình: sgk |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt.**  **a) Mục tiêu** : trình bày được một số phương pháp chế biến có sử dụng nhiệt trong nước, chất béo , bằng hơi nước và nguồn nhiệt trực tiếp  **b) Nội dung: các phương pháp** chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt  **c) Sản phẩm:** phiếu học tập nhóm,hoàn thành nội dung trong vở ghi  **d) Tổ chức thực hiện:**  ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  -GV cho HS quan sát ở hình 5.6 5.7,5,8, cho HS thực hiện yêu cầu SGK  - Nhóm1 nêu kn và phương pháplàm chín thực phẩm trong nước.  -Nhóm2 nêu kn và phương pháp và làm chín thực phẩm trong chất béo.  -Nhóm3 nêu kn và phương pháp và làm chín thực phẩm bằng hơi nước và bằng nguồn nhiệt trực tiếp.  -GV cho HS quan sát ở hình 5.6 cho HS thực hiện yêu cầu SGK  -GV gợi mở để HS nêu được khái niệm về các phương pháp chế biến thực phẩm trong nước: luộc, nấu, kho  -GV giúp HS so sánh và phân biệt được sự khác nhau giữa 3 phương pháp làm chín thực phẩm trong nước.  -GV dẫn dắt HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức bài học.  -GV cho HS quan sát ở hình 5.7, cho HS thực hiện yêu cầu SGK  -GV giúp HS phân tích hình ảnh để nêu được khái niệm về các phương pháp chế biến thực phẩm trong chất béo: rán, xào, rang.  -GV giúp HS so sánh và phân biệt được sự khác nhau giữa 3 phương pháp làm chín thực phẩm trong chất béo.  -GV dẫn dắt HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức bài học.  c.Phương pháp làm chín thực phẩm bằng hơi nước và bằng nguồn nhiệt trực tiếp.  -GV cho HS quan sát ở hình 5.8, cho HS thực hiện yêu cầu SGK  -GV giúp HS phân tích hình ảnh để mô tả được các phương pháp: chưng, hấp, nướng.  -Gv gợi mở để HS phân biệt được phương pháp chưng và phương pháp hấp.  -Gv gợi mở giúp HS phát biểu được khái niệm các phương pháp hấp, chưng và nướng.  -GV yêu cầu HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức bài học.  - Học sinh tiếp nhận  ***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS đọc yêu cầu, suy nghĩ trả lời  - GV theo dõi  ***\* Bước 3: Báo cáo kết quả***  HS trả lời câu hỏi của GV  ***\* Bước 4 Kết quả, nhận định***  - Học sinh tự nhận xét, đánh giá lẫn nhau  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  -GV: chốt kiến thức  HS nghe và ghi nhớ vào vở | **3. Phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt.**  **a.Phương pháp làm chín thực phẩm trong nước.**  -Luộc là làm chín mềm thực phẩm trong môi trường nước với thời gian thích hợp. Thời gian luộc thực phẩm động vật thường lâu hơn luộc thực vật.  -Nấu là làm chín thực phẩm trong môi trường nhiều nước, có nêm gia vị vừa ăn.Với món nấu thực phẩm thường chín mềm hơn luộc.  -Kho là làm chín mềm thực phẩm trong lượng nước vừa phải với vị mặn đậm đà.Món kho thường sử dụng thực phẩm động vật  **b. Phương pháp làm chín thực phẩm trong chất béo.**  -Rán (chiên) là làm chín thực phầm với lượng chất béo khá nhiều, đun với lửa vừa. Thực phẩm sau khi tẩm, ướp gia vị được rán chín, vàng đầu hai mặt.  -Xào là làm chín thực phầm với lượng chất béo vừa phải, đun với lửa to trong thời gian ngắn. Trong khi xào người ta nêm gia vị cho vừa ăn.  -Rang là làm chín thực phầm với lượng chất béo rất ít, đun với lửa vừa. Trong khi rang người ta nêm gia vị cho vừa ăn. Tuy nhiên, với một số loại hạt hoặc đậu, khi rang có thể không cần sử dụng chất béo.  **c.Phương pháp làm chín thực phẩm bằng hơi nước và bằng nguồn nhiệt trực tiếp.**  - Hấp (đồ) và chưng là các phương pháp làm chín thực phẩm bằng sức nóng của hơi nước. Nước được đun sôi với lửa to để hơi nước bốc lên nhiều, làm chín thực phẩm.  - Nướng phương pháp làm chín thực phẩm bằng sức nóng trực tiếp của nguồn nhiệt. Thực phẩm sau khi tẩm, ướp gia vị được nướng chín đều hai mặt. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:**

**a) Mục tiêu** : Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** hoàn thành được bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu : trả lời câu hỏi 2,3,4,5 SGK- Hs tiếp nhận

***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS đọc yêu cầu, suy nghĩ trả lời- GV theo dõi

***\* Bước 3: Báo cáo kết quả:***HS trình bày miệng

***\* Bước 4: Kết luận, nhận định***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV: chiếu kết quả

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu** : Giúp HS củng cố và vận dụng các kiến thức và kĩ năng đạ học vào thực tiễn chế biến thực phẩm ở gia đình.

**b) Nội dung:** bài tập phần vận dụng trong SGK và bài tập về nhà trong SBT.

**c) Sản phẩm:** đáp ánbài tập phần vận dụng trong SGK và bài tập về nhà trong SBT.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu :

Kể tên các món ăn và gia đình em thường dùng và sắp xếp chúng vào từng nhóm phương pháp chế biến phù hợp.

Quan sát và trình bày cách chế biến một món ăn trong gia đình mà em thích nhất.Nội dung trình bày gồm nguyên liệu cần dùng, quy trình chế biến, hương vị của món ăn.

-GV giao bài tập cho HS làm ở nhà

- Hs tiếp nhận

***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***

HS hoàn thành yêu cầu bài tập ở nhà

***\* Bước 3: Báo cáo kết quả:***

Tiết học tiếp theo báo cáo kết quả bằng hình thức thuyết trình

***\* Bước 4: Kết luận, nhận định***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**TIẾT 15:BÀI 5:BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM**

**TRONG GIA ĐÌNH (TIẾT 3)**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải**

**1. Kiến thức:**

-Biết được quy trình chung, yêu cầu kĩ thuật, các bước chế biến món ăn không sử dụng nhiệt một số phương pháp bảo quản, chế biến thực phẩm phổ biến ;

- Trình bày được một số phương pháp chế biến thực phẩm phổ biến

**2. Năng lực:**

2.1. Năng lực công nghệ

-Nhận thức công nghệ: nhận biết được một số quy trình chungyêu cầu kĩ thuật, các bước chế biến món ăn không sử dụng nhiệt

chế biến thực phẩmhỗn hợp phổ biến.

-Sừ dụng công nghệ: lựa chọn và chế biến món ăn đơn giản theo phương pháp không sử dụng nhiệt

-Đánh giá công nghệ: đưa ra nhận xét cho sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống

2.2. Năng lực chung

-Năng lực tự chủ, tự học.

-Năng lực giao tiếp và hợp tác: B iết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến bảo quản và chế biến thực phẩm, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm.

-Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.

**3.Phẩm chất**

-Chăm chỉ: có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

-Tự chủ tự học: chủ động,tích cực trong học tập và cuộc sống vận dụng kiến thức linh hoạt những kiến thức kĩ năng đã học vào việc bảo quản và chế biến thực phẩm trong gia đình

- Giao tiếp và hợp tác: biết trình bày ý tưởng thảo luận những vấn đề của bài học và thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân, phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

-‌ó‌‌ý‌ức‌‌âm‌‌đến‌ông‌ệc‌ội‌ợ‌à‌‌‌úp‌‌đỡ‌‌ẹ‌‌ị‌‌ ‌ọi‌ông‌ệc‌ủa‌‌‌đình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:**

Giấy A4, phiếu học tập, bài tập, ảnh, powerpoint

**2.Chuẩn bị củahọc sinh:**

Đọc trước bài học trong SGK

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:**Khơi gợi nhắc lại phương pháp trộn hỗn hợp thực phẩm,

**b) Nội dung:**thực hành chế biến món ăn không sử dụng nhiệt.

**c) Sản phẩm:** HS thực hành các món trộn hỗn hợp yêu cầu của món ăntrạng thái, mùi, màu sắc, vị.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV yêu cầu HS trong cùng bàn thảo luận trong thời gian 2 phút và cho biết cách chế biến món ăn không sử dụng nhiệt.

HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.

***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

- HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn và chọn các cách chế biến mòn ăn không sử dụng nhiệt.

GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.

***\* Bước 3: Báo cáo thảo luận***

- GV yêu cầuđại diệnnhóm trả lời, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

***\* Bước 4: Kết luận, nhận định***

GV nhận xét trình bày của HS

GV chốt lại kiến thức.

GV dẫn dắt vào bài mới: thực phẩm phải được chế biến đa dạng, phong phú; cung cấp đủ chất dinh dưỡng và năng lượng cho cơ thể. *ực‌ ẩm‌ àng‌ ày‌ ử‌ ụng‌ ‌được‌ ế‌ ến‌ ằng‌ ều‌ ương‌ áp:‌ ppông‌ử‌ụng‌ệt.‌* gồm phương pháp trộn hỗn hợp và phương pháp ngâm chua. Trong đó, trộn hỗn hợp là phương pháp có thể thực hiện nhanh chóng và dễ dàng.

Giáo viên nêu mục tiêu bài học…

**B. HOẠT ĐỘNGHÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 2.1: Quy trình chung**  **a) Mục tiêu:**Giúp HS nhận biết quy trình chung của phương pháp trộn hỗn hợp  thực phẩm  **b) Nội dung:** các bước trong quy trình trộn hỗn hợp thực phẩm  **c) Sản phẩm:** quy trình trộn hỗn hợp thực phẩm  **d) Tổ chức thực hiện:**  ***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  +GV yêu cầu HS nhắc lại khái niệm về phương pháp trộn hỗn hợp thực phẩm.  + GV nêu các loại hỗn hợp nước trộn phổ biến thường được sử dụng trong các món  trộn hỗn hợp  + GV yêu cầu HS nhắc lại quy trình chung của phương pháp trộn hỗn hợp thực phẩm.  - Học sinh tiếp nhận  ***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS đọc yêu cầu, suy nghĩ trả lời:  Quy trình chung của phương pháp trộn hỗn hợp thực phẩm,  Sơ chế các loại nguyên liệu » Pha hỗn hợp nước trộn và trộn nguyên liệu với nước  trộn » Trình bày món ăn.  - GV theo dõi  ***\* Bước 3: Báo cáo kết quả***  HS trả lời câu hỏi của GV  ***\* Bước 4 Kết quả, nhận định***  - Học sinh tự nhận xét, đánh giá lẫn nhau  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  -GV: chốt kiến thức  -HS nghe và ghi nhớ vào vở | **3.1. Quy trình chung**  1. Sơ chế nguyên liệu: làm sạch các loại nguyên liệu và cắt, thái phù hợp. Đối với nguyên liệu động vật phải làm chín trước khi cắt, thái.  2. Chế biến món ăn: pha hỗn hợp nước trộn. Sau đó trộn đều các nguyên liệu với hỗn hợp nước trộn.  3. Trình bày món ăn: sắp xếp món ăn ra đĩa, trang trí đẹp mắt. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 2: Yêu cầu kĩ thuật:**  **a) Mục tiêu:**giúp HS nắm được yêu cầu kĩ thuật của món trộn hỗn hợp.  **b) Nội dung:** yêu cầu kĩ thuật của món ăn**.**  **c) Sản phẩm:** yêu cầu kĩ thuật của món ăn trạng thái, mũi, màu sắc, vị  **d) Tổ chức thực hiện:**  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  + GV yêu cầu HS nêu nhận định về màu sắc, mùi, vị của món trộn hỗn hợp đã từng ăn.  +GV dẫn dắt HS khái quát hoả yêu cầu chung của món trộn hỗn hợp.  + GV giảng giải yêu cầu kĩ thuật của món ăn.  +GV lưu ý HS. Muốn món ăn ngon và bổ dưỡng thì trong quá trình chế biến cần  chú ý giữ cho chất dinh dưỡng của thực phẩm không bị hao hụt và phải giữ vệ sinh an toàn  thực phẩm.  ***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS đọc yêu cầu, suy nghĩ trả lời  - GV theo dõi  ***\* Bước 3: Báo cáo kết quả***  HS trả lời câu hỏi :Yêu cầu kĩ thuật của món ăn.  -Món ăn ráo nước, có độ giòn và không bị nát,  -Có mùi thơm đặc trưng của nguyên liệu  -Có màu sắc đặc trưng của từng loại nguyên liệu.  -Vị vừa ăn.  ***\* Bước 4 Kết quả, nhận định***  - Học sinh tự nhận xét, đánh giá lẫn nhau  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  -GV: chốt kiến thức  HS nghe và ghi nhớ vào vở | **3.2. Yêu cầu kĩ thuật:**  - Món ăn ráo nước, có độ giòn và không bị nát.  - Có mùi thơm đặc trưng của các nguyên liệu.  - Có màu sắc đặc trưng của từng loại nguyên liệu.  - Vị vừa ăn. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 3: Các bước chế biến**:  **a) Mục tiêu:**Tồ chức cho HS thực hành chế biến món ăn bằng pp không sử dụng nhiệt.  **b) Nội dung:** các bước chế biến món ăn bằng phương pháp không sử dụng nhiệt  **c) Sản phẩm:** món ăn được chế biến bằng phương pháp không sử dụng nhiệt.  **d) Tổ chức thực hiện:**  ***\*Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***  +GV giới thiệu về món ăn sắp thực hiện (có thể tổ chức cho mỗi nhóm tự chọn món  ăn mà nhóm đã nghiên cứu cách thực hiện và chuẩn bị nguyên liệu)  +GV gợi mở để HS khai triển quy trình chung trộn hỗn hợp thực phẩm thành các  bước chế biến cho món ăn sắp thực hiện,  +GV thực hiện thao tác mẫu và hướng dẫn HS thực hiện từng giai đoạn của quy trình  +GV nêu mục tiêu của buổi thực hành. Mỗi nhóm HS chế biến được một món ăn  bằng phương pháp không sử dụng nhiệt theo đúng quy trình và đạt yêu cầu kĩ thuật  +GV nêu yêu cầu của buổi thực hành về trật tự, thời gian,  +GV nêu tiêu chí đánh giá: món ăn đạt yêu cầu kĩ thuật:  +GV yêu cầu HS triển khai các bước trong quy trình  **\* Các bước sơ chế nguyên liệu:**  Các nguyên liệu đã được sơ chế ở nhà (nếu có sử dụng nguyên liệu động vật thì  cần phải được làm chín). GV hướng dẫn HS tiếp tục sơ chế phần nguyên liệu còn lại. Ví  dụ: các loại rau củ được thái thành miếng vừa ăn, bóc vỏ trứng. Ngoài ra, GV có thể  hướng dẫn HS tỉa hoa từ rau, củ, quả để trang trí cho món ăn.  **\*Các bước chế biến món ăn**  • Pha hỗn hợp nước trộn hỗn hợp dầu giấm hoặc nước mắm chua ngọt, xốt dầu  trứng, sữa chua,..  • Cho các nguyên liệu đã sơ chế vào bát to và chuẩn bị trộn hỗn hợp. Lưu ý chỉ  trộn các nguyên liệu ngay trước khi ăn;  - Trộn các nguyên liệu với hỗn hợp nước trộn.  **\* Các bước trình bày món ăn**  • Đặt các nguyên liệu vào đĩa và sắp xếp, bố trí sao cho đẹp mắt,  • Trang trí thêm cho món ăn bằng các nguyên liệu khác  + GV nên khuyến khích HS phát huy sự sáng tạo cá nhân để tự mình trang trí món ăn.  +GV theo dõi HS thực hành, thổn hẳn và điều chỉnh thao tác của HS Ngoài ra, GV  cân nhắc nhở HS trong quá trình thực hành phải lưu ý giữ vệ sinh an toàn thực phẩm, tiết  kiện nguyên liệu (giáo dục ý thức sống, bảo vệ cuộc sống an toàn, lành mạnh hưởng đến  sự phát triển bền vững).  ***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***  - HS đọc yêu cầu, suy nghĩ trả lời  - GV theo dõi  ***\* Bước 3: Báo cáo kết quả***  HS trả lời câu hỏi của GV  ***\* Bước 4 Kết quả, nhận định***  - Học sinh tự nhận xét, đánh giá lẫn nhau  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  -GV: chốt kiến thức  Kết luận:  Quy trình chế biến món trộn hỗn hợp:  + Các bước sơ chế nguyên liệu  Bước 1: Nhặt rửa các nguyên liệu thực vật, làm chín nguyên liệu động vật (nếu có);  Bước 2: Cắt thái từng loại nguyên liệu.  Bước 3 Xử lí mùi hăng của nguyên liệu  + Các bước chế biến món ăn  Bước 4: Pha hỗn hợp nước trộn  Bước 5: Trên các nguyên liệu với hỗn hợp nước trộn  + Các bước trình bày món ăn  Bước 6: Dọn món ăn ra đĩa,  Bước 7:Trình bày món ăn kèm với nước chấm.  HS nghe và ghi nhớ vào vở | **3.3. Các bước chế biến**:  Quy trình chế biến món nộm  Ví dụ: Quy trình chế biến món nộm (gói) dưa chuột (dưa leo), cà rốt.  Bảng 5.1.Quy trình chế biến món nộm dưa chuột, cà rốt  - Nội dung: Các bước thực hiện:  \*Sơ chế nguyên liệu:  \*Chế biến món ăn:  \*Trình bày món ăn:  **Tiêu chí đánh giá kết quả thực hành:**  + Tiêu chí đánh giá quy trình thực hành:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **TT** | **Các bước thực hiện** | **Có** | **Không** | | 1 | Nhặt , rửa nguyên liệu |  |  | | 2 | Cắt, thái từng loại nguyên liệu |  |  | | 3 | Xử lý mùi hăng của nguyên liệu |  |  | | 4 | Pha hỗn hợp nước trộn |  |  | | 5 | Trộn các nguyên liệu với nước trộn |  |  | | 6 | Dọn món ăn ra dĩa |  |  | | 7 | Dọn kèm với nước chấm |  |  |   + Tiêu chí đánh giá sản phẩm thực hành:  • Đánh giá mức độ hoàn thành bài thực hành;  • Đánh giá sản phẩm thực hành theo tiêu chí: món ăn đạt các yêu cầu kĩ thuật  Quy trình chế biến món trộn hỗn hợp:  + Các bước sơ chế nguyên liệu  Bước 1: Nhặt rửa các nguyên liệu thực vật, làm chín nguyên liệu động vật (nếu có);  Bước 2: Cắt thái từng loại nguyên liệu.  Bước 3 Xử lí mùi hăng của nguyên liệu  + Các bước chế biến món ăn  Bước 4: Pha hỗn hợp nước trộn  Bước 5: Trên các nguyên liệu với hỗn hợp nước trộn  + Các bước trình bày món ăn  Bước 6: Dọn món ăn ra đĩa,  Bước 7:Trình bày món ăn kèm với nước chấm. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:**

**a) Mục tiêu** : Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** hoàn thành được bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

GV dẫn dắt HS giải bài tập ở phần Luyện tập trong SHS.

• Câu 1. GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh trong SHS về những sản phẩm đã được xử lí bằng các phương pháp bảo quản khác nhau. Sau đó, GV dẫn dắt HS phân tích từng sản phẩm dựa vào các chi tiết trong hình và trải nghiệm thực tế (đã từng ăn) để xác định phương pháp bảo quản đã sử dụng.

Gợi ý đáp án "Lạp xưởng: sấy khô và hút chân không,

• Cá khô, ướp muối và sấy khô (hoặc phơi khô);

GV giải thích lí do phối hợp nhiều phương pháp bảo quản trên một sản phẩm nhằm mục đích gia tăng hiệu quả bảo quản và tạo ra các sản phẩm có khẩu vị phù hợp với người sử dụng GVkhuyến khích HS ghi nhận lại cách bảo quản các loại thực phẩm khác nhau thực phẩm đã chế biến thực phẩm chưa chế biến, thực phẩm động vật, thực phẩm

Câu 3 GV hướng dẫn HS mô tả công việc tìmg bước theo hình Từ đó, củng cố

hiểu biết của HS về quy trình chế biến món trộn dầu giảm

Câu 4. GV gợi ý để HS nhận định công việc nào cần thực hiện trước, công việc

Tháo phải thực luận sau Từ đó, HS sắp xếp các công việc ngan chua hanh theo thứ tự họp và Xác định các bước của quy trình chế biến thái hành ngàn giám

Câu5 GV nêu tên những món ăn thông thường để HS xác định phương pháp chếbiển Tuy theo thực tế. GV có thể nểu thêm tên những nhón ăn phổ biến ở địa phương

Cau 6 Quy trình chế biến món cơm rang trứng

• Sơ chế nguyên liệu nấu cơm, để nguội, trắng trứng, cắt trứng thành sợi nhỏ.

• Chế biến món ăn phi tỏi (hoặc hành) vàng thơm, cho cơm và trứng vào hang

chung với gia vị.

• Trình bày món ăn với cơm ra đĩa, bày thêm trung, hành lá, rau mùi lên mặt cơm.

• Cầu HS xây dựng quy trình thực hiện món rau muống luộc với các hình ảnh gợi

- Hs tiếp nhận

***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS đọc yêu cầu, suy nghĩ trả lời

- GV theo dõi

***\* Bước 3: Báo cáo kết quả:***

HS trình bày miệng

***\* Bước 4: Kết luận, nhận định***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV: chiếu kết quả

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu** : Giúp HS củng cố và vận dụng các kiến thức và kĩ năng đã học vào thực tiễn chế biến thực phẩm ở gia đình.

**b) Nội dung:** bài tập phần vận dụng trong SGK và bài tập về nhà trong SBT.

**c) Sản phẩm:** đáp ánbài tập phần vận dụng trong SGK và bài tập về nhà trong SBT.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu :

Kể tên các món ăn và gia đình em thường dùng và sắp xếp chúng vào từng nhóm phương pháp chế biến phù hợp.

Quan sát và trình bày cách chế biến một món ăn trong gia đình mà em thích nhất.Nội dung trình bày gồm nguyên liệu cần dùng, quy trình chế biến, hương vị của món ăn.

-GV giao bài tập cho HS làm ở nhà

- Hs tiếp nhận

***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***

HS hoàn thành yêu cầu bài tập ở nhà

***\* Bước 3: Báo cáo kết quả:***

Tiết học tiếp theo báo cáo kết quả bằng hình thức thuyết trình

***\* Bước 4: Kết luận, nhận định***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

Kí duyệt

**TIẾT 16:DỰ ÁN 2:Món Ăn Cho Bữa Cơm Gia Đình**

**- EM LÀM KỸ SƯ CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM-**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**

- Lập kế hoạch, chọn món ăn phù hợp cho thực đơn, trình bày ý tưởng

- Có thói quen học tập và làm việc theo quy trình.

-Vận dụng kiến thức kỹ nang về dinh dưỡng hợp lý,chế biến và bảo quả thực phẩm để hình ý tưởng xây dựng bữa ăn theo chủ đề cho trước

- Xây dựng được bữa ăn dinh dưỡng hợp lý.

- Rèn luyện kỹ năng chế biến một món ăn theo phương pháp không sử dụng nhiệt

-Phát triển khả năng sáng tạo, rèn luyện tính tự lực và năng lực hợp tác nhóm trong việc cùng xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lý và chế biến món ăn

- Hình thành thói quyen chế biến thực phẩm an toàn và vệ sinh, tiết kiệm nguyên liệu.

**2. Năng lực:**

- Vận dụng kiến thức, kỹ năng về dinh dưỡng hợp lí, chế biến và bảo quản thực phẩm để thiết kế món ăn bữa cơm gia đình hợp lí.

- Lập thực đơn bữa ăn dinh dưỡng hợp lí và chế biến được một món ăn không sử dụng nhiệt.

- Phát triển khả năng sáng tạo, rèn luyện tính tự lực và năng lực cộng tác trong việc thiết kế một thực đơn dinh dưỡng hợp lí cho bữa ăn hàng ngày và chế biến một món ăn không sử dụng nhiệt.

- Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo.

- Năng lực sử dụng công nghệ cụ thể, năng lực phân tích, năng lực sử dụng ngôn ngữ kỹ thuật.

3. **Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ; Có trách nhiệm bản thân và cộng đồng.

- Nhân ái quan tâm đến dinh dưỡng các thành viên trong gia đình

- Chăm chỉ có ý thức về nhiệm vụ học tập; ý thức vận dụng kiến thức ,kỹ năng về dinh dưỡng, chế biến thực p-hẩm để thực hiện dự án

- Trách nhiệm có trách nhiệm với gia đình, thực hiện món ăn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, có ý thức tiết kiệm chi phí cho bữa ăn gia đình

- Tự chủ và tự học: chủ đọng tích cực thực hiện những công việc thuộc nhiệm vụ của bản thân để góp phần hoàn thành dự án vận dụng một cách linh hoạt kiến thức, kĩ nawngveef dinh dưỡng và chế biến thực phẩm trong việc xây dựng thực đơn bữa ăn dinh dưỡng và chế biến món awntheo chủ đề dự án.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên**- Một số mẫu thực đơn

- Dự kiến phân chia học sinh trong lớp thành các nhóm.- Máy chiếu

**2. Học sinh**

- Chuẩn bị đầy đủ sách giáo khoa, giấy A4, vở ghi, bút, thước…

- Bài thuyết minh về món ăn bữa cơm gia đình.

- Nguyên liệu thực phẩm cần thiết để chế biến món ăn.

- Các dụng cụ để chế biến món ăn.

**III. TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Họat động của giáo viên** | **Họat động của học sinh** | | **Nội dung** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5’)**  **Mục tiêu:** Thông qua câu hỏi tình huống học sinh nắm lại kiến thức về bữa ăn dinh dưỡng hợp lí  **Nội dung:**Phân tích một số thực đơn  **Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh | | | |
| **Tổ chức thực hiện:**  Bước 1 Chuyển giao nhiệm vụ :  + Cho học sinh tham gia thảo luận nhóm  + Giáo viên đưa ra hình ảnh một số thực đơn của bữa ăn hàng ngày, yêu cầu học sinh phân tích các thực đơn đã cho có đầy đủ các nhóm thực phẩm chính theo tỉ lệ thích hợp hay chưa và cho biết thực đơn nào là hợp lí nhất  [http://tbn3.google.com/images?q=tbn:IVL3xWom4TJcgM:http://i84.photobucket.com/albums/k39/DHBA_2006/food%2520decoration/raucuqualuoc.jpg](http://images.google.com.vn/imgres?imgurl=http://i84.photobucket.com/albums/k39/DHBA_2006/food%20decoration/raucuqualuoc.jpg&imgrefurl=http://www.webtretho.com/forum/showthread.php?t=47461&page=17&usg=__hjNodDtx_JyYN9hUgt5bibwCCoc=&h=643&w=800&sz=303&hl=vi&start=3&um=1&tbnid=IVL3xWom4TJcgM:&tbnh=115&tbnw=143&prev=/images?q=rau+lu%E1%BB%99c&hl=vi&)Cơm Rau thập cẩm luộc Canh rau má+ tôm khô  Bữa ăn 1  Cơm Vịt kho gừng Cá rô kho tộ Canh khổ qua + sườn  Bữa ăn 2  Cơm Canh mướp+ mồng tơi+ cua Tôm rang Rau củ luộc  Bữa ăn 3  Bước 2 Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút  Bước 3 Báo cáo thảo luận:Giáo viên gọi một vài nhóm nhanh nhất trình bày, các nhóm khác nhận xét bổ sung  Bước 4 Kết luận nhận định: Giáo viên nhận xét và tuyên dương. Giáo viên nêu vấn đề dinh dưỡng hợp lí trong bữa ăn sẽ giúp cho mỗi chúng ta có sức khỏe tốt. Tuy nhiên hiện nay ở các thành phố lớn do nhịp sống hối hả, bận rộn, một bộ phận người dân ít chú trọng đến dinh dưỡng bữa ăn hàng ngày dẫn đến tình trạng thiếu hụt hoặc thừa các chất, ảnh hưởng đến sức khỏe. Thế nên để có được những bữa ăn hợp lí cần tham khảo thêm ý kiến của bác sĩ dinh dưỡng hoặc các các chuyên gia dinh dưỡng  Vậy tiết học hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau thực hiện dự án để trải nghiệm làm một kỹ sư công nghệ thực phẩm của mọi nhà. | | | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**  **Hoạt động 1: Giới thiệu dự án**  **Mục tiêu:**Giúp học sinh nhận biết chủ đề dự án, các nhiệm vụ phải thực hiện để hoàn thành dự án  **Nội dung:**Chủ đề, mục tiêu, nhiệm vụ của dự án  **Sản phẩm:** Mục tiêu, nhiệm vụ của dự án  **Tổ chức thực hiện** | | | |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH | | SẢN PHẨM DỰ KIẾN | | |
| Bước 1 Chuyển giao nhiệm vụ :  - Giáo viên giới thiệu: Bữa ăn hàng ngày với đủ các nhóm dinh dưỡng hợp lí, theo tỉ lệ thích hợp và đa dạng thực phẩm sẽ giúp cho mỗi chúng ta có đầy đủ năng lượng và các chất dinh dưỡng cần thiết, đảm bảo sức khỏe cho mọi người, giúp làm việc có hiệu quả. Bác sĩ dinh dưỡng, chuyên gia dinh dưỡng, kỹ sư công nghệ hiện nay là một nghề khá phổ biến. Họ sẽ giúp tư vấn cho chúng ta về vấn đề dinh dưỡng hợp lí, từ đó chúng ta sẽ tổ chức được cho bản thân và gia đình những bữa ăn dinh dưỡng hợp lí nhằm đảm sức khỏe, từ đó giúp ta học tập, làm việc có hiệu quả hơn.  Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau trải nghiệm làm kỹ sư công nghiệp thực phẩm, sẽ cùng nhau thiết kế thực đơn cho bữa ăn hàng ngày đầy đủ dinh dưỡng, năng lượng; đồng thời trình bày cách thực hiện 1 món ăn đơn giản mà vẫn đảm bảo giàu dinh dưỡng, với một khoảng thời gian ngắn.  - Giáo viên nêu tiêu chí đánh giá kết quả dự án:  a- Món ăn bữa cơm gia đình:  + Thực đơn có đủ 4 nhóm dinh dưỡng và theo tỉ lệ thích hợp.  + Thực đơn phải có đủ các món ăn chính theo cơ cấu bữa ăn (món mặn; món mặn; món rau,củ,quả xào hoặc luộc) và một món phụ (món trộn)  + Thực đơn đa dạng thực phẩm, không trùng thực phẩm, cách chế biến.  b-Giới thiệu cách thực hiện một món ăn giàu dinh dưỡng, dễ thực hiện (trộn dầu giấm hoặc trộn hỗn hợp).  Để thực hiện dự án lớp sẽ được chia thành 4 nhóm (6 nhóm)  Bước 2 Thực hiện nhiệm vụ: học sinh tập hợp theo nhóm thảo luận 2 phút chọn nhóm trưởng, thư ký  Bước 3 Báo cáo thảo luận:Các nhóm công bố nhóm trưởng và thư ký.  Bước 4 Kết luận nhận định: Giáo viên chốt lại danh sách nhóm | | Sáu nhóm có đủ nhóm trưởng, thư ký. | | |
| **Hoạt động 2: Xây dựng kế hoạch**  **Mục tiêu:**Hướng dẫn học sinh lập kế hoạch thực hiện dự án  **Nội dung:**Các công việc phải thực hiện, mốc thời gian hoàn thành, dụng cụ, vật liệu cần thiết, phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm.  **Sản phẩm:**Kế hoạch chi tiết thực hiện các nhiệm vụ của dự án.  **Tổ chức thực hiện** | | | |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH | | SẢN PHẨM DỰ KIẾN | | |
| Bước 1 Chuyển giao nhiệm vụ :  - Giáo viên hướng dẫn các nhóm tổ chức thảo luận để lập kế hoạch thực hiện dự án  - Các công việc cần làm:  + Liệt kê các món canh, món mặn , món rau củ xào hoặc luộc và món phụ ( món trộn ).  + Lập thực đơn theo yêu cầu.  + Soạn bài thuyết minh về thực đơn giới thiệu.  + Lập kế hoạch thời gian, mốc thời gian cho từng công việc.  + Phân công nhiệm vụ cho các thành viên nhóm  + Liệt kê các dụng cụ vật liệu cần thiết: bao tay, khăn lau, thực phẩm cần thiết, dĩa, thau, đũa, muỗng......  Bước 2 :Thực hiện nhiệm vụ:học sinh thảo luận nhóm  Bước 3: báo cáo thảo luận:các nhóm công bố kế hoạch của nhóm  Bước 4: kết luận nhận định  Giáo viên kiểm tra tính khả thi trong kế hoạch của các nhóm. | | Kế hoạch của các nhóm | | |
| **Hoạt động 3: Thực hiện dự án**  **Mục tiêu:** Hướng dẫn học sinh thực hiện dự án  **Nội dung:** Thực hành chế biến món ăn theo phương pháp không sử dụng nhiệt.  **Sản phẩm:**món ăn đã được chế biến.  **Tổ chức thực hiện:** | | | |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH | | SẢN PHẨM DỰ KIẾN | | |
| Bước 1 Chuyển giao nhiệm vụ :  - GV hướng dẫn HS thực hiện dự án theo kế hoạch đề ra.  - GV kiểm tra việc chuẩn bị dụng cụ, vật liệu của học sinh để thực hiện dự án.  - GV gợi ý:  - Bữa cơm gia đình thường có mấy món, đó là những món nào?  - Bữa cơm hợp lý phải đảm bảo yếu tố nào?  - Cần chuẩn bị nguyên liệu, dụng cụ nào cho món ăn mà nhóm sẽ trình bày?  -Để chế biến món ăn chúng ta cần thực hiện các bước nào?  Bước 2 Thực hiện nhiệm vụ: Học sinh thảo luận nhóm, trả lời câu hỏi.  Bước 3 Báo cáo thảo luận:  - Cá nhân đưa ra các món ăn đã liệt kê, nhóm thảo luận chọn món ăn phù hợp cho bữa cơm gia đình và đảm bảo tính hợp lý.  - Nêu tên món ăn mà nhóm sẽ chế biến và trình bày quy trình thực hiện món ăn .( phần thực hiện chế biến món ăn GV có thể cho học sinh thực hiện ở tiết thực hành chế biến món ăn không sử dụng nhiệt,nên ở tiết này HS trình chiếu các bước thực hiện trên powerpoit.)  Bước 4 Kết luận, nhận định: Giáo viên nhận xét, đánh giá . | | - Thực đơn bữa cơm gia đình :  3 món: canh ; mặn; rau,củ xào hoặc luộc và một món ăn phụ (trộn dầu giấm hoặc trộn hỗn hợp).  - Bữa cơm phải đầy đủ dinh dưỡng và năng lượng thích hợp.  +Liệt kê các món ăn bữa cơm gia đình:          + Quy trình thực hiện một món ăn không sử dụng nhiệt(trộn dầu giấm hoặc trộn hỗn hợp) | | |
| **C. HOẠT ĐỘNG BÁO CÁO DỰ ÁN**  **Mục tiêu:**Đánh giá và hướng dẫn học sinh tự đánh giá kết quả học tập  **Nội dung:**Các món ăn bữa cơm gia đình và quy trình chế biến một món ăn không sử dụng nhiệt.  **Sản phẩm:** Bảngthiết kế bữa cơm gia đình và bài powerpoit trình chiếu của các nhóm.  **Tổ chức thực hiện** | | | |
| HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH | | SẢN PHẨM DỰ KIẾN | | |
| Bước 1 Chuyển giao nhiệm vụ học tập:  - Giáo viên đề cử một bạn dẫn chương trình.  - Người dẫn chương trình lần lượt mời đại diện các nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mình.  Các nhóm trình bày sản phẩm em của nhóm theo các bước:  + Thực đơn có đủ 4 nhóm dinh dưỡng và theo tỉ lệ thích hợp.  + Thực đơn phải có đủ các món ăn chính theo cơ cấu bữa ăn ( món mặn; món mặn; món rau,củ,quả xào hoặc luộc) và một món phụ (món trộn)  + Thực đơn đa dạng thực phẩm, không trùng lắp thực phẩm, cách chế biến.  + Giới thiệu cách thực hiện một món ăn giàu dinh dưỡng, dễ thực hiện ( trộn dầu giấm hoặc trộn hỗn hợp)  Bước 2 Thực hiện nhiệm vụ:Các nhóm báo cáo sản phẩm dự án của nhóm.  Bước 3 Báo cáo thảo luận  Các nhóm tự đánh giá quá trình và kết quả thực hiện ,rút kinh nghiệm  Bước 4 Kết luận nhận định:  Giáo viên nhận xét đánh giá quá trình thực hiện dự án và sản phẩm của mỗi nhóm theo tiêu chí đã đề ra ban đầu. | | - Bảng các món ăn bữa cơm gia đình của mỗi nhóm:  - Quy trình thực hiện món ăn:  +Sơ Chế thực phẩm.  +Chế biến thực phẩm.  +Trình bày món ăn.  -Phiếu đánh giá của nhóm cho từng thành viên. | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG(3’)**  **Mục tiêu:** Tìm tòi và mở rộng kiến thức, khái quát lại toàn bộ nội dung kiến thức đã học  **Phương pháp dạy học:** Giao nhiệm vụ  **Định hướng phát triển năng lực:** tự chủ-tự học, tìm hiểu tự nhiên và xã hội, giải quyết vấn đề. | | | |
| Em hãy tìm hiểu qua người thân: Bà, Mẹ…,qua các kênh thông tin: sách báo,internet, facebook…tự lập thực đơn cho bữa cơm gia đình mình trong một tuần ; thực đơn đảm bảo hợp lý, đa dạng thực phẩm; thay đổi phương pháp chế biến… | | | |

**IV KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

Bảng đánh giá thực hiện dự án của nhóm

Tên nhóm:

Có 4 mức đánh giá, điểm được làm tròn đến 0,5:  
- Mức 1: Từ 8,0 đến 10,0 điểm  
- Mức 2: Từ 6,5 đến 7,5 điểm  
- Mức 3: Từ 5,0 đến 6,0 điểm  
- Mức 4: Dưới 5 điểm – Không đạt

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Mức độ 1 | Mức độ 2 | Mức độ 3 | Mức đô 4 |
| Nội dung  (2điểm) | Nội dung đảm bảo  tính chính xác kiến  thức bộ môn.  - Nhiệm vụ của dự án được trình bày đầy đủ, rõ ràng các bước và có sự sáng tạo.  - Có các bí quyết riên riêng trong chế biến món ăn. | Nội dung đảm bảo  tính chính xác kiến thức bộ môn.  - Nhiệm vụ của dự án được trình bày đầy đủ, rõ ràng các bước. | Nội dung đảm bảo tính chính xác kiến thức bộmôn.  - Nhiệm vụ của dự án được trình bày đầy đủ.  Tuy nhiên, các bước thực hiện chưa được rõ ràng, hình ảnh minh họa các bước ít hoặc chưa phù hợp. | Nội dung có những  chỗ chưa đảm bảo tính chính xác kiến thức bộmôn.  - Nhiệm vụ của dự án được trình bày  cách sơ sài, không rõ ràng các bước, không có hình ảnh minh họa |
| Hình thức  (2điểm) | Thời gian nộp dự án  đúng tiến độ.  - Cấu trúc bài báo cáođược trình bày rõ ràng,đầy đủ .  -Hình ảnh ,âm thanh trong bài cáo rõ ràng,đẹp, phù hợp.  Cách thứctrình bày sáng tạo, có điểm nhấn. | Thời gian nộp dự án  đúng tiến bộ.  -Cấu trúc bài báo cáođược trình bày rõ ràng,đầy đủ .  -Hình ảnh, âm thanhtrong bài báo cáo phùhợp.  - Font chữ, màu sắc,  hiệu ứng đôi chỗ chưa hài hòa. | Thời gian nộp dự ánbị chậm chưa quá 1tuần.  - Cấu trúc bài báo cáođược trình bày chưa rõ ràng.  - Hình ảnh, âm thanh trong bài báo cáo chưa rõ, chưa phù hợp.  - Font chữ, màu sắc,hiệu ứng phần lớn chưa đạt. | Thời gian nộp dự án  bị chậm 1 tuần.  - Cấu trúc bài báo cáokhông đầy đủ.  - Hình ảnh, âm thanhtrong bài báo cáo phầnlớn chưa phù hợp.  - Hình thức trình bày bài báo cáo chưa đạt. |
| Phong cách báo cáo  (1điểm) | -Chủ động, tự tin, giọng nói to, rõ ràng.  -Làm chủ được thời gian, không gian báo cáo. | Chủ động, tự tin.  - rõ ràng  nhưng hơi bé.  - Làm chủ được thời  gian báo cáo nhưng  chưa làm chủ được không gian báo cáo. | Chủ động nhưng còn rụt rè, giọng nói nhỏ, chưa rõ ràng.  - Chưa làm chủ được thời gian, không gian báo cáo. | -Ít sự chủ động còn rụt rè, giọng nói nhỏ, chưa rõ ràng.  - Không làm chủ được thời gian và không gian báo cáo |
| Quy Trình Thực hiện  (2,5điểm) | Trình bày được thực đơn đã lên, giới thiệuđược món ăn lựa chọn  để thực hành.  - Chuẩn bị đầy đủ được  dụng cụ, nguyên liệuđể thực hiện được món  ăn.  -Đảm bảo được điều kiện vệ sinh an toàn  thực phẩm trong quá trình chế biến.  Thực hiện các bước trong quy trình chế  biến món ăn một cách khoa học  - Khu vực nấu ăn và đồdùng được vệ sinh sạch sẽ sau khi chế biến. | - Trình bày được  thực đơn đã lên,giới thiệu được món ăn lựa chọn để thực hành.  - Chuẩn bị đầy đủ  được dụng cụ,  nguyên liệu để thực  hiện được món ăn.  - Đảm bảo được  điều kiện vệ sinh an  toàn thực phẩm  Thực hiện các  bước trong quy  trình chế biến món  ăn chưa khoa học.  - Khu vực nấu ăn và  đồ dùng được vệ  sinh chưa sạch sẽ sau khi chế biến | - Trình bày được thực đơn đã lên, giới thiệu được món ăn lựa chọn  để thực hành.  - Chuẩn bị chưa đầy đủ dụng cụ, nguyên liệu để thực hiện được món ăn.  - Đảm bảo được điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm trong quá chế biến.  Thực hiện các bước trong quy trình chế  biến món ăn chưa khoa học.  - Khu vực nấu ăn và đồ dùng được vệ sinh chưa sạch sẽ sau chế biến. | Trình bày được  thực đơn đã lên,  giới thiệu được  món ăn lựa chọn để  thực hành.  - Chuẩn bị nguyên  liệu, đồ dùng thiếu  nhiều thứ.  - Đ.iều kiện vệ sinh  an toàn thực phẩm  chưa được đảm bảo.  Không thực hiện  theo các bước trong  quy trình chế biến  món ăn.  - Không vệ sinh  khu vực nấu ăn và  đồ dùng sau khi |
| Chất lượng món ăn  (1,5điểm) | Món ăn được trình  bày đẹp mắt, sáng tạo.  - Món ăn có màu sắc hài hòa, mùi vị thơm, ngon, hấp dẫn.  - Trình bày được thành phần dinh dưỡng có trong món ăn. | Món ăn được trình  bày đẹp mắt.  - Món ăn có màu  sắc hài hòa, mùi thơm hấp dẫn nhưng vị hơi mặn hoặc hơi nhạt.  - Trình bày được  thành phần dinh  dưỡng có trong món ăn. | Món ăn được trình bày đẹp mắt.  - Món ăn có vị hơi  mặn hoặc hơi nhạt,màu sắc chưa được hàihòa, mùi thơi chưa hấp dẫn.  - Trình bày được một phần thành phần dinh dưỡng có trong món ăn. | Món ăn được  trình bày sơ sài.  - Màu sắc, mùi vị  của món ăn không  đạtyêu cầu.  - Không trình bày  được thành phần  dinh dưỡng của  món ăn. |
| Trả lời câu hỏi chất vấn  (1điểm) | Trả lời câu hỏi chính xác kiến thức bộ môn,tự tin, rõ ràng, có sự minh họa. | Trả lời câu hỏi chính  xác kiến thức bộ môn | Trả lời câu hỏi đúng một phần kiến thức bộmôn, chưa tự tin. | Không trả lời được  câu hỏi. |

Kí duyệt

Tuần: 17

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**TIẾT 17:**

**ÔN TẬP CHƯƠNG II**

**I. MỤC TIÊU:**

***1. Kiến thức:***

- Nhận biết được một số nhóm thực phẩm chính, dinh dưỡng từng loại, ý nghĩa đối với sức khỏe con người.

- Trình bày được tóm tắt các kiến thức đã học về thực phẩm: thực phẩm và dainh dưỡng, chế độ ăn uống hợp lý, các phương pháp bảo quản chế biến thực phẩm

- Vận dụng những kiến thức đã học trong chương để để giải quyết các câu hỏi bài tập đặt ra xoay quanh chủ đề về bảo quản và chế biến thực phẩm

- Hình thành thói quan ăn, uống khoa học; chế biến thực phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh.

**2. Năng lực :**

**a. Năng lực đặc thù**

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết đượcchức năng của từng nhóm thực phẩm chủ yếu đối với cơ thể con người, chế độ dinh dưỡng hợp lí và các bước xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lí.

- Giao tiếp công nghệ: Sử dụng được thuật ngữ về các nhóm thực phẩm, thuật ngữ mô tả món ăn để trình bày về bữa ăn thường ngày của gia đình và chế độ dinh dưỡng hợp lí.

- Sử dụng công nghệ: Sử dụng các món ăn từ thực phẩm giàu dinh dưỡng để phối hợp thành bữa ăn dinh dưỡng hợp lí và vệ sinh an toàn thực phẩm

- Đánh giá công nghệ: Nhận xét, đánh giá nhu cầu dinh dưỡng của từng nhóm người khác nhau, nhận xét đánh giá bữa ăn dinh dưỡng hợp lí.

- Thiết kế công nghệ: Đề xuất bữa ăn dinh dưỡng hợp lí cho gia đình.

**b. Năng lực chung**

- Tự chủ và tự học, chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống: vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết những vấn đề trong tình huống mới.

- Giao tiếp và hợp tác: Biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Xác định được và biết tìm hiểu các thông tin liên quan đến vấn đề về thực phẩm hợp lí, đề xuất được giải pháp cho bữa ăn dinh dưỡng hợp lí.

**3. Về phẩm chất**

- Nhân ái, yêu quý, quan tâm đến sức khỏe của các thành viên trong gia đình.

- Chăm chỉ: Có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học được ở nhà trườngtrong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hàng ngày.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, ý thức rèn luyện, chăm sóc sức khỏe bản thân.

- Phát triển năng lực tự học, sáng tạo; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực phân tích, tổng hợp kiến thức

**II. CHUẨN BỊ**

- GV: Hệ thống câu hỏi ôn tập, bản đồ tư duy hệ thống hóa kiến thức toàn chương.

+Tranh ảnh, mẫu vật về nhà ở, trang trí nhà ở bằng một số đồ vật, bằng cây cây cảnh và hoa.

- Trò: Đọc lại các bài ở chương II.

- Trả lời câu hỏi ở cuối mỗi bài.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:**

**2. Tổ chức các hoạt động**

**A. Hoạt động khởi động**

**a) Mục tiêu:**- Nhận biết được một số nhóm thực phẩm chính, dinh dưỡng từng loại, ý nghĩa đối với sức khỏe con người.

**b) Nội dung:** Biết được một số nhóm thực phẩm chính, dinh dưỡng

**c) Sản phẩm:**  HS làm bài tập trên giấy A4

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\* *Chuyển giao nhiệm vụ:***

? Hãy lên thực đơn cho bữa ăn thường ngày của gia đình em

HS lắng nghe tiếp nhận nhiệm vụ.

**\**Thực hiện nhiệm vụ:***

HS: Suy nghĩ nhớ lại kiến thức trả lời câu hỏi.

**\**Đánh giá kết quả:***

-Hs nhận xét, bổ sung

GV đánh giá cho điểm.

GV nhận xét và dẫn dắt vào bài:

**B. Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| ***1.Hệ thống hóa kiến thức chương II***  **aMục tiêu:**HS hệ thống hóa kiến thức kĩ năng đã học chương 2  **b) Nội dung:** mmois liên hệ giữa các khopois kiến thức chương 2  + Thực phẩm và chế độ ăn uống khoa học  +Bảo quản thực phẩm  +Chế biến thực phẩm  **c) Sản phẩm:**Vẽ sơ đồ tóm tắt kiến thức trên giấy A4  **d) Tổ chức thực hiện:**  ***\* Chuyển giao nhiệm vụ:***  ***?*** Vẽ sơ đồ tóm tắt kiến thức trên giấy A4  GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk trang 43, trả lời câu hỏi:  - GV: các em hãy hệ thống lại kiến thức cũ theo nhóm như sau:  -Nhóm 1: Chất dinh dưỡng.  -Nhóm 2: Chế độ ăn uống khoa học  -Nhóm 3: Bảo quản  -Nhóm 4: Chế biến  HS tiếp nhận nhiệm vụ  ***\*Thực hiện nhiệm vụ:***  HS các nhóm hệ thống lại kiến thức.  \* Dự kiến sản phẩm:  - Đại diện nhóm 1trình bày nội dung được phân công: - Chất dinh dưỡng.  + nhóm chất dường bột  + nhóm chất đạm  + nhóm chất béo  + nhóm chất khoangsvaf vitamin  \*Đại diện nhóm 2:  - Chế độ ăn uống khoa học  +Bữa ăn dinh dưỡng  + Ăn đúng giờ.  + Ăn đúng cách  \* Đại diện nhóm 3:  -Bảo quản  + Giữ thực phẩm lâu hư hỏng  +Làm cho thực phẩm dda dạng  \* Đại diện nhóm 4:  - Chế biến  + Làm cho thực phẩm thơm ngon dễ tiêu hóa  + Làm cho món ăn đa dạng  **\**Báo cáo kết quả:***  - Đại diện nhóm Hs trình bày miệng.  **\**Đánh giá kết quả:***  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **GV:**hệ thống hóa kiến thức  **II. Câu hỏi:**  **a) Mục tiêu:**HS trả lời các câu hỏi sgk được vai trò của thực phẩm và dinh dưỡng  **b) Nội dung:** 8 câu hỏi trang 43  **c) Sản phẩm:**Trả lời câu hỏi trên vở ghi  **d) Tổ chức thực hiện:**  ***\* Chuyển giao nhiệm vụ:***  ? Trả lời các câu hỏi sgk trang 43 mỗi nhóm trả lời 2 câu hỏi  -Nhóm 1: Câu 1,2  -Nhóm 2: Câu 3,4  -Nhóm 3: Câu 5,6  -Nhóm 4: Câu 7,8  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **1. Hãy cho biết vai trò của mỗi nhóm thực phẩm chính đối với sức khoẻ cơn người.**  **2. Cho biết những thực phẩm sau thuộc nhóm thực phẩm nào.**  **a. Đỗ xanh (đậu xanh), cua, mực, thịt vịt, trứng cút.**  **b. Xoài, rau muống, nho, bí đỏ, đu đủ.**  **c. Bún, khoai lang, ngô (bắp), bột gạo.**  **3. Chế độ ăn uống khoa học cần phải đạt những yêu cầu gì?**  **4. Em hãy tự đánh giá mức độ dinh đưỡng trong bữa ăn hằng ngày của gia đình mình và nêu cách khắc phục nếu chưa hợp lí.**  **5. Nếu không được bảo quản đúng cách, thực phẩm sẽ bị hư hỏng như thế nào?**  **6. Hãy trình bày các phương pháp bảo quản thực phẩm mà gia đình em từng sử dụng.**  **7. Hãy kế các phương pháp chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt mà gia đình em đã thực hiện.**  **8. Trình bày cách tính chỉ phí cho một bữa ăn.**  ***\*Thực hiện nhiệm vụ:***  HS các nhóm hệ thống lại kiến thức trả lời câu hỏi**\**Báo cáo kết quả:***  - Đại diện nhóm Hs trình bày miệng.  **\**Đánh giá kết quả:***  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  **GV:**hệ thống hóa kiến thức  **GV: chốt và cho điểm kl**  - Hãy tìm những món ăn có trong thực đơn khác có sử dụng những thực phẩm tương đương có thể thay thế cho những thực phẩm trong thực đơn sau( lấy ít nhất 3 ví dụ)  1. Thịt lợn rang  2. Đậu rán  3. Canh cua rau đay mồng tơi  4. Cà muối  - Ăn uống hợp lí phải kèm theo chế độ vận động hợp lí. Em hãy quan sát tháp dinh dưỡng- vận động phía sau, liên hệ với bản thân và điền vào bảng sau những việc em cần thực hiện để có chế độ vận động phù hợp, tốt cho sức khỏe. | **I. Kiến thức**  **Thực phẩm và dinh dưỡng**  - Chất dinh dưỡng.  + nhóm chất dường bột  + nhóm chất đạm  + nhóm chất béo  + nhóm chất khoangsvaf vitamin  - Chế độ ăn uống khoa học  +Bữa ăn dinh dưỡng  + Ăn đúng giờ.  + Ăn đúng cách  -Bảo quản  + Giữ thực phẩm lâu hư hỏng  +Làm cho thực phẩm dda dạng  - Chế biến  + Làm cho thực phẩm thơm ngon dễ tiêu hóa  + Làm cho món ăn đa dạng  **II. Câu hỏi**  **1.Vai trò của các nhóm thực phẩm là:**  **Nhóm thực phẩm giàu chất đạm (protein): có vai trò xây dựng, tạo ra các tế bảo mới để thay thể những tế bảo giả chết đi, giúp cơ thế sinh trưởng và phát triển.**  **Nhóm thực phẩm giàu chất đường, bột (glucid): nguồn cung cắp năng lượng chủ yếu cho mọi hoạt động của cơ thể.**  **Nhóm thực phẩm giàu chất béo (lipid): góp phần cung cấp năng lượng, giúp bảo vệ cơ thể và chuyên hoá một số vitamin cần thiết.**  **Nhóm thực phẩm giàu chất khoáng và vitamin: tăng sức đề kháng của cơ thẻ, giúp cơ thể khoẻ mạnh để chống lại bệnh tật.**  **Chúng ta cần sử dụng đây đủ thực phẩm thuộc 4 nhóm chính để cơ thể phát triển vả khoẻ mạnh.**  **2.**  **a. Nhóm thực phẩm chất đạm**  **b. Chất khoáng, vitamin**  **c. Bột, đường**  **3.  Chế độ ăn uống khoa học cần: Chế độ ăn uống khoa học trước hết cần có bữa ăn đinh dưỡng hợp lí. Bữa ăn dinh dưỡng hợp lí phải có sự phối hợp đủ 4 nhóm thực phẩm chính với tỉ lệ thích hợp để cung cấp đầy đủ chất dinh dưỡng cần thiết cho nhu cầu của cơ thể. Đồng thời bữa ăn định dưỡng hợp lí nên có đầy đủ các loại món ăn chính, gồm: món canh, món xào hoặc luộc, món mặn (rán hoặc kho, rang....).**  **4. Mức độ dinh dưỡng trong bữa ăn hằng ngày của em đầy đủ 3 bữa chính: sáng, trưa chiều, tối. Em cần phải ít ăn vặt và uống nhiều nước hơn để có chế độ ăn uống khoa học.**  **5. Nếu không được bảo quản đúng cách, thực phẩm sẽ bị mốc, hỏng, giảm giá trị dinh dưỡng, gây ngộ độc, bệnh, ảnh hưởng tới sức khoẻ con người.**  **6. Các phương pháp bảo quản thực phẩm mà gia đình em từng sử dụng là: ướp lạnh, ngâm đường, hút chân không, muối chua.**  **7. các phương pháp chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt mà gia đình em đã thực hiện là ướp muối, ngâm chua, phơi khô.**  **8. Tính phí cho một bữa ăn có:**  **Rau muống: 7. 000 đ**  **Thịt kho: 30.000 đ 1 lạng**  **Trứng: 10.000 đ 4 quả**  **gạo: 10.000đ 1 bữa**  **=>. 57. 000 đ/ 1 bữa**. |

**C. Hoạt động vận dụng:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ:***

- GV yêu cầu HS tìm hiểu trả lời câu hỏi và làm bài tập:

Mô tả cách bố trí, sắp xếp đồ đạc, trang trí nhà ở của gia đình em. Theo em cách sắp xếp và trang trí như vậy hợp lý chưa? Em có muốn thay đổi gì không?Hãy tìm những món ăn có trong thực đơn khác có sử dụng những thực phẩm tương đương có thể thay thế cho những thực phẩm trong thực đơn sau( lấy ít nhất 3 ví dụ)

1. Thịt lợn rang

2. Đậu rán

3. Canh cua rau đay mồng tơi

4. Cà muối

- Ăn uống hợp lí phải kèm theo chế độ vận động hợp lí. Em hãy quan sát tháp dinh dưỡng- vận động phía sau, liên hệ với bản thân và điền vào bảng sau những việc em cần thực hiện để có chế độ vận động phù hợp, tốt cho sức khỏe.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

***\*Thực hiện nhiệm vụ:***

*-* HS về nhà làm việc cá nhân tìm hiểu thực tế để hoàn thành nhiệm vụ học tập*.*

***\* Báo cáo kết quả:***

+ Tiết học sau HS trình bày kết quả làm việc.

***\*Đánh giá kết quả (Thực hiện ở tiết học sau)***

- HS nhận xét, đánh giá câu trả lời của bạn, bổ sung (nếu có).

=>GV nhận xét, đánh giá.

***\*Dặn dò***: GV yêu cầu HS về nhà học bài và tiếp tục hệ thống lại toàn bộ kiến thức Chương II để tiết sau ôn tập học kì I.

*Ký duyệt*:

**Ngày soạn:**

**Ngày dạy: :**

**TIẾT 18:KIỂM TRA HỌC KỲ I MÔN CÔNG NGHỆ**

**I. Mục tiêu bài học:**

***1. Kiến thức:***

- Kiểm tra để nhận định được việc tiếp thu kiến thức của học sinh và việc truyền tải kiến thức của giáo viên. Từ đó rút kinh nghiệm giữ thầy và trò.

**2. Năng lực**

**\* Năng lực công nghệ:**

- Năng lực nhận thức công nghệ: Mô tả được nội dung của các bài từ bài4,5 dự án 2

- Năng lực giao tiếp công nghệ: Thực hiện các nội dung yêu cầu kiểm tra.

- Năng lực sử dụng công nghệ: Chuẩn bị tốt nội dung các bài đã học

- Năng lực đánh giá công nghệ: Lựa chọn được cách trình bày bài khoa học

hợp lí nhất

- Năng lực thiết kế kĩ thuật: Trình bày bài khoa học

**\* Năng lực chung**:

- NL giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được cách chế biến hợp lí để đạt kết quả tốt.

**3.Phẩm chất**: chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực:

- PC chăm chỉ: HS có ý thức chăm chỉ trong học tập.

- PC trung thực: Thực hiện đúng các nhiệm vụ học tập, báo cáo kq chính xác.

- PC trách nhiệm: Tích cực tham gia các hoạt động học tập.

**II. Chuẩn bị :**

**Thầy: Đề kiểm tra.**

**Trò:**Làm bài kiểm tra.

**III. Tiến trình tổ chức các hoạt động dạy học:**

***1. Ổn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số.***

**Ma trận đề kiểm tra học kì 1 môn Công nghệ năm 2021**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ** **Tên chủ đề** | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng cấp độ thấp** | | **Vận dụng cấp độ cao** | | **Cộng** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **Chủ đề 2**  Chương 2:  Bảo quản và chế biến thực phẩm  Số tiết :8 | 4 nhóm dinh dưỡng, biện pháp phòng ngừa ngộ độc thức ăn |  | quy trình chế biến món ăn k sử dụng nhiêt | 4 nhóm dinh dưỡng, biện pháp phòng ngừa ngộ độc thức ăn  Nguyên tắc tổ chức bữa ăn |  | Quy trình xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lý cho gia đình |  |  |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ % | 2  1  10% |  | 3  1.5  15% | 2  2  20% |  | 2  3  30% |  |  | 9  7.5  75% |
| **Chủ đề 1**  Chương  Nhà ở  Số tiết : 10 | Nhà ở đối với con người |  | Quy trình xây nhà | sử dụng năng lượng trong gia đình |  | Dự án ngôi nhà của em |  |  |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ % | 1  1  10% |  | 1  1.5  15% |  |  |  |  |  | 2  2.5đ  25% |
| T. số câu  T. số điểm  Tỉ l | 3  2  20% |  | 6  5  50% | | 2  3  30% | | | | 11  10đ  100% |

**Đề thi học kì môn Công nghệ lớp 6 năm 2021 - 2022**

|  |  |
| --- | --- |
| **SỞ GD-ĐT**…….....  **TRƯỜNG**…........ | **ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ I NĂM HỌC: 2020-2021 Môn: CÔNG NGHỆ 6** *Thời gian làm bài: 45 phút* |

**A TRẮC NGHIỆM:** Mỗi ý trả lời đúng 0.5 đ.

**Câu 1**: Các thực phẩm thuộc nhóm thức ăn giàu chất béo là

A. Lạc, vừng, ốc, cá C. Thịt heo nạc, cá, ốc, mỡ heo

B. Thịt bò, mỡ, bơ, vừng D. Mỡ heo, bơ, dầu dừa, dầu mè

**Câu 2.** Trong bữa ăn cần phải đảm bảo:

A. Thức ăn có đủ 4 nhóm chất dinh dưỡng  
B. Thức ăn có đủ 1 nhóm chất dinh dưỡng  
C. Thức ăn có đủ 3 nhóm chất dinh dưỡng  
D. Thức ăn có đủ 2 nhóm chất dinh dưỡng

**Câu 3:** Bữa ăn hợp lí sẽ đảm bảo cung cấp đầy đủ cho cơ thể:

A. Năng lượng và chất dinh dưỡng  
B. Năng lượng  
C. Chất dinh dưỡng  
D. Chất đạm, béo đường bột

**Câu 4.** Số bữa ăn trong ngày được chia thành :

A. sáng, tối  
B. trưa, tối  
C. sáng, trưa  
D. sáng, trưa, tối

**Câu 5.**Thay đổi món ăn nhằm mục đích:

A. Tránh nhàm chán  
B. dễ tiêu hoá  
C. thay đổi cách chế biến  
D. chọn đủ 4 món ăn

**Câu 6.** Phương pháp làm chín thực phẩm trong một lượng chất béo khá nhiều thuộc loại:

A. Rán  
B. Rang  
C. Xào  
D. nấu

**Câu 7.** Xào là phương pháp làm chín thực phẩm với một lượng chất béo

A. vừa phải  
B. rất ít  
C. nhiều  
D. không cần

**Câu 8.** Nguyên tắc tổ chức bữa ăn hợp lí trong gia đình ý nào là:

A. Thay đổi món ăn, điều kiện tài chính  
B. Sự cân bằng chất dinh dưỡng  
C. Nhu cầu của các thành viên trong gia đình  
D. Cả 3 ý A, B, C

**B. TỰ LUẬN:** 6đ

**Câu 9:** Để đảm bảo sức khỏe cần ăn uống như thế nào? 2đ

**Câu 10:** Hãy kể tên các phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt và không sử dụng nhiệt? ? 1.đ

**Câu 11:** Quy trình xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lý cho gia đình? ? 3đ

**Hướng dẫn chấm đề thi môn Công nghệ lớp 6**

**I. TRẮC NGHIỆM**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| Đáp án | D | A | A | D | A | A | A | D |

**II. TỰ LUẬN:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Câu 9**: Để đảm bảo sức khỏe cần ăn uống như thế nào? 4 nhóm dưỡng gồm những nhóm nào? 2đ  - Để đảm bảo sức khỏe cần ăn đủ no đủ chất để cơ thể khỏe mạnh và phát triển cân đối, có đủ sức khỏe đề làm việc và chống đỡ với bệnh tật.  - Mỗi loại chất dinh dưỡng có những chức năng khác nhau. Muốn đầy đủ chất, cần phải kết hợp nhiều loại thức ăn trong bữa ăn hằng ngày. Chú ý chọn đủ thức ăn của các nhóm để kết hợp thành 1 bữa ăn hoàn chỉnh. Yếu tố này được gọi là cân bằng các chất dinh dưỡng. | 2.đ |
| **Câu 10**: Hãy kể tên các phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt và không sử dụng nhiệt?  \*Phương pháp chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt  -Trộn hỗn hợp thực phẩm  -Ngâm chua thực phẩm  \*Phương pháp chế biến thực phẩm sử dụng nhiệt  - Phương pháp làm chín thực phẩm trong nước  - Phương pháp làm chín thực phẩm trong chất béo  -Phương pháp chế biến thực phẩm bắng hơi nước và bằng nguồn nhiệt trực tiếp | 1.đ |
| **Câu 11**: Quy trình xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lý cho gia đình?   * Xây dựng bữa ăn dinh dưỡng hợp lý   -Lập danh sách cấ món ăn theo từng loại  -Chọn món chính  +Món canh : chọn 1 món  +Món mặn chọn 1 hoăc 2 món  +Món xào 1 hoạc 2 món  -Chọn thêm món ăn kèm như rau củ quả  - Hoàn thiện bữa ăn .   * Tinh chi phí cho mỗi bữa ăn * Ước tính số lượng mỗi loại thực phẩm cần dùng * Tính chi phí cho mỗi loại thực phẩm cần dùng * Tính chi phí cho mỗi món ăn | 3đ |

..................

***Tuần: 19***

***Ngày soạn: 10/01/2024***

***Ngày dạy:***

**CHƯƠNG III: TRANG PHỤC VÀ THỜI TRANG**

**TIẾT 19 – BÀI 6: CÁC LOẠI VẢI THƯỜNG DÙNG TRONG MAY MẶC**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải**

**1. Về Kiến thức:**

- Nhận biết được các loại vải thông dụng được dùng để may trang phục

**2. Về năng lực:**

2.1. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được các loại vải thông dụng được dùng để may trang phục, nhận biết được thành phần sợi dệt của vải trên nhãn quần áo

- Giao tiếp công nghệ : Đọc được các nhãn thành phần sợi dệt của vải, sử dụng được các thuật ngữ của các loại vải để trình bày nguồn gốc ưu nhược điểm của các loại vải

- Sử dụng công nghệ : Khám phá được ưu, nhược điểm chung của các loại vải thường dùng trong may mặc để co ý thức sử dụng phù hợp

- Đánh giá công nghệ: Nhận xét đành giá ưu, nhược điểm của các loại vải thường dùng trong may mặc

2.2. Năng lực chung

-Năng lực tự chủ, tự học. chủ động,tích cực trong học tập và cuộc sống vận dụng kiến thức linh hoạt những kiến thức kĩ năng về các loại vải thường dùng trong may mặc đẻ giải quyết những vấn đề về trang phục và thời trang

-Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan trang phục và thời trang, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm.

-Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.

**3. Về phẩm chất:**

-Chăm chỉ: có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

-Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động cá nhân nhóm

-Nhân ái:Yêu quý, quan tâm, đến vấn để thời trang của các thành viên trong gia đình:

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

Một số băng vải nhỏ có ghi thành phần sợi dệt, mẫu các loại vải thường dùng trong may mặc

Giấy A4, phiếu học tập, bài tập, ảnh, powerpoint

**2.Chuẩn bị củahọc sinh:**

Đọc trước bài học trong SGK

**III.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:**Tạo hứng thú tìm hiểu về các loại vải thường dung trong may mặc

**b) Nội dung:** Quần áo mặc thường ngày được may bằng loại vải gì?

**c) Sản phẩm:** HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ***

- Hãy chia sẻ với các bạn những hiểu biết của em về loại vải thường dùng trong may mặc, trong gia đình bằng việc trả lời các câu hỏi sau:

+ Em hãy kể tên những vật dụng được may bằng vải của gia đình em?

+ Theo em, có những loại vải nào được dùng trong may mặc?

- HS: lắng nghe câu hỏi.

**\**Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS : Ghi tóm tắt ý kiến và chia sẻ với các bạn trong nhóm.

**\*** Dự kiến câu trả lời:Tùy vào hiểu biết của hs có thể là:

C1: quần áo, chăn màn...

C2: vải tơ tằm, vải bông....

***\* Báo cáo thảo luận***

- GV yêu cầuđại diệnnhóm trả lời, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

***\* Kết luận, nhận định***

GV nhận xét trình bày của HS

**- Gv nhận xét dẫn dắt vào bài:** Các em đã biết, mỗi sản phẩm quần áo chúng ta mặc hàng ngày đều được may từ các loại vải sợi. Nhưng mỗi loại vải sợi đó được tạo ra như thế nào, chúng có đặc điểm gì, làm thế nào để các em có thể phân biệt được các loại vải đó?.Để trả lời cho các câu hỏi trên cô và các em cùng nhau tìm hiểu bài hoc ngày hôm nay. GV ghi đầu bài lên bảng.

- GV nêu mục tiêu bài học

**B.HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **HĐ 1: Tìm hiểu về vải sợi thiên nhiên**  **a) Mục tiêu**:Giới thiệu các loại vải sợi thiên nhiên  **b) Nội dung**: Một số nguyên liệu sản xuất vải sợi thiên nhiên?  c**) Sản phẩm**: Các loại vải sợi thiên nhiên và đặc điểm chủ yếu cảu vải sợi thiên nhiên  **d) Tổ chức thực hiện**:  ***\* Chuyển giao nhiệm vụ***  -GV y/c HS quan sát các mẫu vải đã chuẩn bịsẵn sau đó GV thực hiên thao tác rút từng canh sợi vải để HS nhận biết được vải được tạo thành từ các hệ sợi  GV: Như vậy trong quá trình sản xuất vải thì đều phải kéo thành sợi dệt  GV y/c HS quan sát H6.1 SGK thảo luận cặp đôi trả lời câu hỏi sau:  *?* Cho biết tên cây trồng, vật nuôi cung cấp sợi để dệt vải ?  ?Em hãy biết đặc điểm chung của các nguyên liệu sản xuất vải sơi thiên nhiên?  ? Em vò vải và nhúng vải vào nước để kiểm tra độ nhàu và hút ẩm của vải từ đó nêu ưu nhược điểm của vải sợi thiên nhiên  - HS: lắng nghe câu hỏi  **\**Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS thảo luận cặp đôi về vấn đề đã nêu .  - GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực  ***\* Kết quả, nhận định***  - Học sinh tự nhận xét, đánh giá lẫn nhau  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  -GV: chốt kiến thức  HS nghe và ghi nhớ vào vở  ***HĐ 2: Tìm hiểu về vải sợi hóa học***  **a) Mục tiêu:**Tìm hiểu các loại sợi hóa học  **b) Nội dung:** Nguyên liệu sản xuất vải sợi hóa học và vải sợi tổng hợp  **c) Sản phẩm:** Các loại sợi hóa học và đặc điềm chủ yếu của vải sợi hóa học.  **d) Tổ chức thực hiện:**  ***\* Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV y/c HS quan sát H6.2 SGK thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi sau:  ? Đặc điểm chung của các nguyên liệu để sản xuất vải sợi hóa học ? Đặc điềm của nguyên liệu naỳ có gì khác so với nguyên liệu sản xuất vải sợi thiên nhiên  ? Em hãy vò và nhúng vải vào nước để nhận định về độ nhàu và hút ẩm của vải? Em hãy so sánh về độ nhàu và hút ẩm so với vải sợi thiên nhiên  - HS: lắng nghe câu hỏi  **\**Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS thảo luận nhóm về vấn đề đã nêu .  - GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực  ***\* Kết quả, nhận định***  - Học sinh tự nhận xét, đánh giá lẫn nhau  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  -GV: chốt kiến thức  HS nghe và ghi nhớ vào vở  **Hoạt động 3: Tìm hiểu về vải sợi pha**  **a) Mục tiêu:**Giới thiệu các loại vải sợi pha  **b) Nội dung:**Nguyên liệu sản xuất vải sợi pha  **c) Sản phẩm:** Các loại vải sợi pha và đặc điểm của vải sợi pha  **d) Tổ chức thực hiện:**  ***\* Chuyển giao nhiệm vụ***  - GV y/c HS nhắc lại những ưu, nhược điểm của vải sợi pha  **-** HS trả lời  ? Làm thế nào để khắc phụ được những nhược điểm trên?  HS : kết hợp 2 loại sợi trên lại với nhau  GV yc HS quan sát H6.3 SGK thào luận nhóm trả lời câu hỏi sau  ? Thế nào là vải sợi pha? Người ta tạo ra sợi pha bằng cách nào?  ? Chúng có những ưu điểm gì nổi bật so với những loại vải đã được học? Lấy ví dụ?,  - HS: lắng nghe câu hỏi  **\**Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS thảo luận cặp đôi về vấn đề đã nêu .  - GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực  ***\* Kết quả, nhận định***  - Học sinh tự nhận xét, đánh giá lẫn nhau  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  -GV: chốt kiến thức  HS nghe và ghi nhớ vào vở | **1. Vải sợi thiên nhiên**  - Vải sợi thiên nhiên được dệt bằng các dạng sợi có sẵn trong tự nhiên, có nguồn gốc từ thực vật hoặc động vật như vải bông( cây bông), vải lanh( cây lanh), vải tơ tằm( từ tơ tằm), vải len( từ lông cừu, dê, vịt, lạc đà)  - Ưu điềm: có độ hút ẩm cao, mặc thoáng mát  - Nhược điểm: Dễ bị nhàu, phơi lâu khô  **2. Vải sợi hóa học**  - Vải sợi hóa học được dệt bằng các dạng sợi do con người tạo ra từ một số chất hóa học  - Vải sợi hóa học chia làm 2 loại :  + Vải sợi nhân tạo: ít nhàu có khả năng thấm hút tốt nên mặc thoáng mát  + Vải sợi tổng hợp: Không bị nhàu, ít thấm mồ hôi nên không thoáng mát khi mặc  **3. Vải sợi pha**  **-** - Vải sợi pha được dệt bằng sợi pha được kết hợp hai hoặc nhiều loại sợi khác nhau để tạo thành sợi dệt.  - Vải sợi pha thường có những ưu điểm của các loại sợi thành phần. |

**C. HOẠT ĐỘNG 3 LUYỆN TẬP:**

**a) Mục tiêu** : Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** hoàn thành được bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ:***

GV yc Hs hoàn thiện BT sau vào phiếu học tập

Câu 1: Nêu ưu nhược điểm của các loại sợi pha sau:

a. Vải KT( Kate)kết hợp cotton và polyeste

b. Vải PEVI( viscose và polyeste)

Câu 2:

GV yc HS quan sát các băng vải để xác định các loại vải dựa vào thành phần sợi dệt

***Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS đọc yêu cầu, suy nghĩ trả lời

- GV theo dõi

***\* Báo cáo kết quả:***

HS trình bày miệng

***\* Kết luận, nhận định***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**a) Mục tiêu** : Giúp HS củng cố và vận dụng các kiến thức và kĩ năng đạ học vào thực tiễn chế biến thực phẩm ở gia đình.

**b) Nội dung:** bài tập phần vận dụng trong SGK và bài tập về nhà trong SBT.

**c) Sản phẩm:** đáp ánbài tập phần vận dụng trong SGK và bài tập về nhà trong SBT.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu :

**a) Mục tiêu** : Giúp HS củng cố và vận dụng các kiến thức và kĩ năng đạ học vào thực tiễn chế biến thực phẩm ở gia đình.

**b) Nội dung:** bài tập phần vận dụng trong SGK và bài tập về nhà trong SBT.

**c) Sản phẩm:** đáp ánbài tập phần vận dụng trong SGK và bài tập về nhà trong SBT.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu :

1. Vì sao người ta thích mặc vải bông, vải tơ tằm và ít sử dụng lụa nilon, vải polyste vào mùa hè?

2. Làm thế nào để phân biệt được vải sợi thiên nhiên và vải sợi hóa học?.

3. Với các loại quần áo không có nhãn em hãy dựa vào độ nhàu khi vò vải để nhận biết sự co mặt của vải sợi thiên nhiên trong thành phần của vải

***\* Thực hiện nhiệm vụ:***

HS hoàn thành yêu câu trả lời vào vở

***\* Bước 3: Báo cáo kết quả:***

- Báo cáo kết quả bằng hình thức thuyết trình

***\* Bước 4: Kết luận, nhận định***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

- GV yc HS lại nội dung kiến thức của tiết học và đọc phần ghi nhớ trong SGK

**Kí duyệt**

Tuần:20

Ngày soạn: 10/01/2024

Ngày dạy:

**TIẾT 20 - BÀI 7: TRANG PHỤC( Tiết 1)**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải**

**1. Về Kiến thức:**

- Trình bày được khái niệm của trang phục

- Kể tên được các vật dụng và loại trang phục thông dụng trong cuộc sống

- Trình bày được vai trò và sự đa dạng của trang phục trong cuộc sống

- Mô tả được các loại trang phục phù hợp với hoàn cảnh và công việc

**2. Về năng lực:**

2.1. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: Nhậnbiếtđược các vật dụng khác nhau trong trang phục. Nhận biết được các yếu tố của trang phục ảnh hưởng đến vóc dáng của người mặc

- Giao tiết công nghệ : Nêu được công dụng của trang phục. Phân biệt được các loại trang phục khác nhau

- Đánh giá công nhệ: Lựa chọn được trang phục phù hợp với vóc dáng cơ thể

- Thiết kế công nghệ : Hình thành ý tưởng thiết kế trang phục phù hợp với điều kiện người mặc

2.2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học:Chủ đông và tích cực học tập, vận dụng linh họa t kiến thức vào việc phân biệt và lựa chọn trang phục phù hợp với các tình huống thực tế

- Giao tiếp và hợp tác: Biếtvậndụnglinhhoạt,biếttrìnhbàyýtưởng,thảoluậnvấnđềcủabàihọc. Thựchiệncótráchnhiệmcácphầnviệccủacánhânvàphốihợptốtvớicác thành viên trong nhóm.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học về trang phục vào đời sống hàng ngày

- Trách nhiệm: có ý thức về việc lựa chọn trang phục phù hợp với hoàn cảnh.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

-Tài liệu giảng dạy: SGK và SBT , giáo án

- Đồdùng,phươngtiệndạyhọc:tranhảnhcác loại trang phục khác nhau và các vật dụng đi kèm theo trang phục,tranhảnhvề thời trang và các cách phối hợp trang phục tương ứng với hoàn cảnh thực tế

- Phiếu học tập

**2. Đối với học sinh:**

- Đọc trước bài học trong SGK

- Quan sát và tìm hiểu về các loại trang phục, vật dụng đi kèm với trang phục thông dụng

-Tìm hiểu về những vai trò của trang phục đối với đời sống con người

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a) Mục tiêu:**Kích thích hứng thú tìm hiểu về trang phục, vai trò và các loại trang phục phổ biến hiện nay trong đời sống hàng ngày

**b) Nội dung**: Hình thành khái niệm ban đầu về trang phục cho học sinh. Giải thích câu nói: “ Người đẹp vì lụa”

**c) Sản phẩm:** Nhu cầu tìm hiểu về trang phục và các loại trang phục của HS

**d) Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ***

-GVtrìnhchiếumộtsốbứcảnhvề các người mẫu mặc các loại trang phục và vật dụng khác nhau đi kèm với trang phục

? Xác định tên của các vật dụng có trong hình ảnh?

?Tại sao nói: Người đẹp vì lụa? Trang phục giúp ích như thế nào cho con người?

***\* Thực hiện nhiệm vụ***

- HS xem tranh, tiếp nhận câu hỏi và tìm ra câu trả lời.

***\* Báo cáo thảo luận***

- GV yêu cầuđại diệnnhóm trả lời, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

***\* Kết luận, nhận định***

GV nhận xét trình bày của HS

**- Gv nhận xét dẫn dắt vào bài:**

Như chúng ta đã biết, cuộc sống ngày càng phát triển, yêu cầu về cái đẹp trong mắt con người lại càng được nâng cao hơn. Đẹp không chỉ thể hiện ở khuôn mặt, nụ cười, hàm răng, mái tóc, mà còn cả ở trong cách ăn mặc, trong trang phục thường ngày, và cả trong lối sống, cách ứng xử, cách giao tiếp, văn hóa. Vì vậy, với tầm quan trọng của trang phục hiện nay, để tìm hiểu kĩ hơn về nó chúng ta cùng đi đến bài 7: **Trang phục ( Tiết 1).**

**B.HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| ***HĐ1: Tìm hiểu về trang phục và vai trò của trang phục***  **a. Mục tiêu:** Giúp HS nhận biết được trang phục là gì? Và vai trò của trang phục đối với đời sống con người?  **b. Nội dung:**  - Một số bộ trang phục hoàn chỉnh về áo quần và các vật dụng đi kèm  - Một số bộ trang phục phù hợp với thời tiết (nóng/ lạnh), và trong một số hoàn cảnh khác nhau  **c. Sản phẩm học tập:** Khái niệm của trang phục và vai trò của trang phục đối với đời sống con người.  **d. Tổ chức thực hiện:**  **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  -GVchoHSxemHình7.1 trong SGK  - GV yêu cầu hs hoạt động nhóm nhỏ (2hs/ nhóm) trả lời câu hỏi:  +Em hãy kể tên những vật dụng trong các bộ trang phục người mẫu mặc và mang trên người?  + Em hãy kể thêm một số vật dụng thường xuyên được mang hay mặc trên người trong các hoàn cảnh khác nhau mà chưa được thể hiện trên hình ảnh trên?  ? Những vật dụng nào được gọi là trang phục?  **\*Thực hiện nhiệm vụ học tập**  +HSngheGVgiảngbài,tiếpnhậnnhiệmvụvà tiến hành thảo luận nhóm.  +GVquansát,hướngdẫnkhihọcsinhcầnsự giúp đỡ.  **\* Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu đại diện nhóm trả lời, nhóm khác nhận xét và bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định**  GV nhận xét trình bày của HS  - GV nhận xét và đưa tới kết luận khẳng định, tất cả những vật dụng trên đều là trang phục đưa ra kết luận về khái niệm trang phục hoàn chỉnh  **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yc Hs quan sát H7.2 làm việc cá nhân trả lời câu hỏi sau:  ? Trang phục giúp ích cho con người như thế nào?  **\*Thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS trả lời câu hỏi  **\* Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS khác nhận xét và bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định**  GV nhận xét trình bày của HS  - Giáo viên kết luận tổng hợp vai trò của trang phục  **HĐ 2: Tìm hiểu các loại trang phục**  **a. Mục tiêu:** giúp HS biết được sự đa dạng và phong phú của các loại trang phục trong cuộc sống  **b. Nội dung:** các loại trang phục cho nhiều lứa tuổi, tình huống khác nhau  **c. Sản phẩm học tập:** Sự đa dạng của trang phục trong cuộc sống  **d. Tổ chức thực hiện:**  **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS quan sát hình 7.3 thảo luận nhóm và hoàn thành phiếu học tập sau:  ? Các trang phục trên đây được sử dụng trong hoàn cảnh nào?  ? Hãy kể tên các loại trang phục khác mà em biết?  ? Em hãy hoàn thành nội dung bảng sau:   |  |  | | --- | --- | | Phân loại trang phục | **Loại trang phục** | | 1.Theo thời tiết |  | | 2.Theo công dụng |  | | 3.Theo lứa tuổi |  | | 4. Theo giới tính |  |   **\*Thực hiện nhiệm vụ học tập**  +HSngheGVgiảngbài,tiếpnhậncâuhỏi và tiến hành thảo luận nhóm và làm phiếu học tập 1  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện  **\* Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu đại diện nhóm trả lời, nhóm khác nhận xét và bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định**  GV nhận xét trình bày của HS  **HĐ 3: Tìm hiểu chọn trang phục phù hợp với vóc dáng cơ thể**  **a. Mục tiêu:** hướng dẫn hs lựa chọn vải và kiểu may giúp che khuyết điểm về vóc dáng của người mặc  **b. Nội dung:** Ảnh hưởng của vải và kiểu may đến vóc dáng người mặc  **c. Sản phẩm học tập:** Cách lựa chọn vải và kiểu may ảnh hưởng đến vóc dáng người mặc  **d. Tổ chức thực hiện:**  **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV nói lên tầm quan trọng của việc mặc trang phục phù hợp với vóc dáng  Trang phục phù hợp sẽ làm nổi bật ưu điểm và che đi khuyết điểm của cơ thể  Em đã biết mình thuộc thể trạng vóc dáng như thế nào chưa? GV hướng dẫn học sinh tự nhận xét vóc dáng của bản thân.  -HS lắng nghe và nhận xét vóc dáng của bản thân mình  -Gv yêu cầu hs quan sát hình 7.4 , H 7.5 thảo luận nhóm  ?Đưa ra một số nhận xét về vóc dáng người mặc khi sử dụng trang phục có cùng kiểu may nhưng khác nhau về màu sắc và hoa văn  ? Em hãy nêu nhận xét về vóc dáng người mặc khi sử dụng trang phục có cùng màu sắc nhưng khác nhau về kiểu may?  **\*Thực hiện nhiệm vụ học tập**  +HSngheGVgiảngbài,tiếpnhậncâuhỏi và tiến hành thảo luận nhóm nhỏ, phát biểu ý kiến nhận xét  + GV hướng dẫn, quan sát HS thực hiện.  **\* Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu đại diện nhóm trả lời, nhóm khác nhận xét và bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định**  GV nhận xét trình bày của HS  - GV hướng dẫn hs đưa ra kết luận cụ thể ( Tham khảo ở bảng 7.1, bảng 7.2) | **1.Trang phục và vai trò của trang phục**  **Trang phục là gì?**  - Trang phục là các loại quần áo và một số vật dụng khác đi kèm như: mũ, giày, tất ( vớ), khăn choàng,... Trong đó quần áo là những vật dụng quan trọng nhất  - Trang phục thay đổi theo sự phát triển của xã hội, ngày càng đa dạng và phong phú về kiểu dáng, mẫu mã để phục vụ cho nhu cầu may mặc của con người  **Vai trò của trang phục**  - Bảo vệ cơ thể chống lại những tác hại của môi trường như: nắng nóng, mưa bão, tuyết lạnh, không khí ô nhiễm...  - Làm đẹp cho con người trong mọi hoạt động  **2. Các loại trang phục**  Trang phục rất đa dạng về kiểu dáng và chất liệu  Có 4 cách phân loại một số trang phục như sau:  - Theo thời tiết: trang phục mùa đông, trang phục mùa hè, trang phục mùa thu,....  -Theo công dụng: đồng phục, trang phục thường ngày, trang phục lễ hội, trang phục thể thao,...  -Theo lứa tuổi: trang phục người lớn, trang phục trẻ em  Theo giới tính: trang phục nam, trang phục nữ.  **3. Lựa chọn trang phục**  **3.1. Chọn trang phục phù hợp với vóc dáng cơ thể**  Con người có rất nhiều vóc dáng khác nhau: Thon gọn, tròn, đầy, cao thấp,...  1/ Về màu sắc, chất liệu vải  Bảng 7.1: SGK tr 50  2/ Kiểu may  Bảng 7.2: SGK tr 51  Kết luận: Các màu sắc, hoa văn, chất liệu vải, kiểu may sẽ tạo cảm giác người mặc thon gọn cao lên, hoặc tròn đầy, thấp xuống |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: Làm sáng tỏ, củng cố kiến thức, vận dụng kiến thức vào các tình huống cụ thể

**b. Nội dung:** Bài tập phần Luyện tập trong SGK

**c. Sản phẩm học tập**: Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi 1 và 2 trang 56 SGK:

Câu 1: Em hãy chỉ ra vật dụng nào là trang phục trong những vật dụng dưới đây. Nêu vai trò của từng loại vật dụng đó ( Kèm hình ảnh SGK trang 56)

- GV gợi ý cho hs phân tích từng hình ảnh, vật dụng đó có được mặc, đeo, đội, mang trên người không. Nếu là trang phục thì phải có 1 hoặc cả 2 vai trò của trang phục: Bảo vệ cơ thể và làm đẹp cho con người

Câu2: Theo em, mỗi trang phục dưới đây ảnh hưởng đến vóc dáng người mặc như thế nào ( Kèm hình ảnh SGK trang 56)

-GV gợi ý cho học sinh phân tích theo từng đặc điểm của trang phục theo màu sắc, chất liệu, kiểu may đối với vóc dáng người mặc

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi:

Câu1: Một số vật dụng này là trang phục

-Khăn quàng đỏ là trang phục trong bộ đồng phục của Đội Thiếu Niên Tiền Phong Hồ Chí Minh

-Balo là vật dụng mang theo người trong các bộ trang phục

-Cà Vạt là trang phục mang vẻ đẹp, sự chỉn chu, lịch sự và sang trọng làm đẹp cho con người trong một số hoạt động

Câu 2: Ảnh hưởng của trang phục đến vóc dáng

-Hình a: Trang phục có màu sắc tươi sáng, nhiều hoa văn trên áo nên có thể làm vóc dáng người mặc trở nên tròn đầy hơn

-Hình b: Áo có họa tiết kẻ sọc dọc, chất liệu phẳng, đường nét dọc theo thân áo, kiểu may thẳng suôn sẽ làm cơ thể thon gọn hơn

-Hình c: Trang phục có màu tối, hoa văn nhỏ sẽ làm cơ thể thon gọn hơn

-Hình d: Trang phục màu sáng, áo có họa tiết kẻ sọc ngang, kiểu may rộng, ngang thân sẽ làm cơ thể tròn đầy hơn

Hình e:Kiểu may vừa sát cơ thể, chất liệu vải trơn sẽ làm cơ thể thon gọn hơn

**\*Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS đọc yêu cầu, suy nghĩ trả lời

- GV theo dõi

**\* Báo cáo kết quả:**

HS trình bày miệng

**\* Kết luận, nhận định**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS vận dụng những vấn đề liên quan đến trang phục vào thực tiễn

**b. Nội dung:** Câu hỏi 1,2 phần Vận dụng trong SGK

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV hướng dẫn HS về nhà làm bài tập 1 trong phần Vận dụng của SGK:

**Câu 1:** Hãy kể những vật dụng trong bộ đồng phục trên lớp và đồng phục thể dục của trường em

-GVhướngdẫnHS liệt kê những vật dung có trong bộ trang phục một cách đầy đủ

**Câu 2**: Mô tả bộ trang phục đi chơi phù hợp với vóc dáng của em

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện câu 1 trên lớp và hoàn thành câu 2 ở nhà và báo cáo vào tiết học sau.

- GV tổng kết lại kiếnthức cần nhớ của bài học.

**\*Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS đọc yêu cầu, suy nghĩ trả lời

- GV theo dõi

**\* Báo cáo kết quả:**

HS trình bày miệng

**\* Kết luận, nhận định**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**Kí duyệt**

**Tuần 21**

**Ngày soạn : 10/01/2024**

**Ngày dạy :**

**TIẾT 21 - BÀI 7: TRANG PHỤC (Tiếp theo)**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: 1. Về kiến thức:**

- Lựa chọn trang phụcphù hợp với lứa tuổi.

- Lựa chọn trang phục phù hợp với môi trường và tính chất công việc;

- Lựa chọn phối hợp trang phục.

**2. Về năng lực:**

2.1. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ :Nhận biết được cách lựa chọn trang phục

- Sử dụng công nghệ: Lựa chọn và phối hợp trang phục phù hợp, đúng cách;

- Đánh giá công nghệ : Đánh giá việc lựa chọn trang phục phù hợp với lứa tuổi, môi trường và tính chất công việc và phối hợp trang phục của người mặc;

2.2.Năng lực chung

- Tự chủ và tự học:Chủ đông và tích cực học tập, vận dụng linh họa t kiến thức vào việc phân biệt và lựa chọn trang phục phù hợp với các tình huống thực tế

- Giao tiếp và hợp tác: Biếtvậndụnglinhhoạt,biếttrìnhbàyýtưởng,thảoluậnvấnđềcủabàihọc. Thựchiệncótráchnhiệmcácphầnviệccủacánhânvàphốihợptốtvớicác thành viên trong nhóm.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học về trang phục vào đời sống hàng ngày

- Trách nhiệm: có ý thức về việc lựa chọn trang phục phù hợp với hoàn cảnh.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

-Tài liệu giảng dạy: SGK và SBT , giáo án

- Phiếu học tập

**2. Đối với học sinh:**

- Đọc trước bài học trong SGK

- Quan sát và tìm hiểu về các loại trang phục, vật dụng đi kèm với trang phục thông dụng

-Tìm hiểu về những vai trò của trang phục đối với đời sống con người

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a.Mụctiêu:**

- Huy động kiến thức vốn có của học sinh vềlựa chọn trang phục phù hợp với lứa tuổi, môi trường và tính chất công việc và phối hợp trang phụccủa bản thân và người thân trong gia đình.

**b. Nội dung:**

- Lựa chọn trang phục phù hợp với lứa tuổi, môi trường và tính chất công việc và phối hợp trang phục.

**c. Sản phẩm học tập:**

- Nhu cầu lựa chọn trang phục phù hợp với lứa tuổi, môi trường và tính chất công việc và phối hợp trang phục.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:**

- GV chọn 03 bộ trang phục học sinh đang mặc trong lớp học và yêu cầu HS nêu cách lựa chọn trang phục của mình?.

**\*Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS: làm việc cá nhân huy động kiến thức vốn có của mình sau đó trả lời câu hỏi

- GV: Quan sát, hỗ trợ HS làm việc tích cực.

\* Dự kiến câu trả lời: Theo ý hiểu của HS .

***\* Báo cáo thảo luận***

- GV yêu cầu Hs trả lời, HS khác nhận xét và bổ sung.

***\* Kết luận, nhận định***

GV nhận xét trình bày của HS

**- Gv nhận xét dẫn dắt vào bài:**

Các bạn học sinh trong lớp đến từ vùng nông thôn, thành thị, có thành phần dân tộc,văn hóa khác nhau….nhưng đều có những nhu cầu lựa chọn trang phục phù hợp với lứa tuổi, môi trường và tính chất công việc và phối hợp trang phục.

tìmhiểu kĩ hơn về cách lựa chọn trang phục phù hợp, chúng ta tìm hiểu **bài 7: Trang phục (tiết 2)**

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **HĐ 1: Tìm hiểu chọn trang phục phù hợp với lứa tuổi**  **a.Mục tiêu**: Hướng dẫn HS cách chọn trang phục phù hợp với lứa tuổi.  **b.Nội dung:**Các kiểu trang phục cho từng lứa tuổi khác nhau.  **c.Sản phẩm:**Cách chọn trang phục phù hợp với lứa tuổi.  **d.Tổ chức thực hiện:**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  -GV yêu cầu HS HĐ cá nhân đọc TT và quan sát hình 7.6.  - GV y/c HS HĐ nhóm cặp đôi (6 phút) thực hiện trả lời các câu hỏi:  Quan sát H 7.6 và nhận xét về màu sắc, kiểu dáng trang phục của mỗi lứa tuổi?  - Cho biết vì sao cần chọn vải , kiểu may phù hợp với lứa tuổi?  - Theo em ta nên có các cách chọn vải, kiểu may như thế nào?  - HS: lắng nghe câu hỏi  **\*Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS: làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong cặp.  - GV: Quan sát, hỗ trợ các cặp làm việc tích cực.  **\*** Dự kiến câu trả lời:  1. Cần chọn vải , kiểu may phù hợp với lứa tuổi vì : mỗi lứa tuổi có nhu cầu , điều kiện sinh hoạt , làm việc , vui chơi và đặc điểm tính cách khác nhau, nên sự lựa chọn vải may mặc cũng khác nhau.  2. Nên lựa chọn những vật dụng đi kèm với quần áo có kiểu dáng, màu sắc phù hợp với nhiều bộ trang phục để tránh tốn kém, lãng phí.  **\* Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu đại diện nhóm trả lời, nhóm khác nhận xét và bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định**  GV nhận xét trình bày của HS  -GV: chốt kiến thức  HS nghe và ghi nhớ vào vở  **Hoạt động 2:Tìm hiểu chọn trang phục phù hợp với môi trường và tính chất công việc.**  **a. Mục tiêu:** Hướng dẫn HS cách lựa chọn trang phục phù hợp môi trường và tính chất công việc.  **b. Nội dung:**Các kiểu trang phục phù hợp với môi trường và tính chất công việc.  **c. Sản phẩm**: Cách chọn trang phục phù hợp với môi trường và tính chất công việc.  **d. Tổ chức thực hiện:**  **\* Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS HĐ cá nhân đọc TT và quan sát hình 7.7  - GV y/c HS HĐ nhóm 6 (8 phút) thực hiện trả lời các câu hỏi:  Quan sát H7.7 và so sánh sự khác biệt về màu sắc, kiểu dáng trang phục của các bộ trang phục? Trang phục lao động có đặc điểm gì giúp việc lao động được thuận tiện, an toàn?  **\*Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS: làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong lớn.  - GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.  - Đại diện nhóm báo cáo kết quả, chia sẻ trước lớp.  \* Dự kiến câu trả lời:  . Đồng phục học sinh: kiểu dáng đon giản, rộng rãi, dễ cử động, chất liệu vải thấm hút mồ hôi, màu áo sàng, màu quàn hoặc váy sậm để dễ giữ sạch. Đối vói HS hung học cơ sở: áo có bâu, thắt khăn quàng đỏ (đội viên Đội Thiếu niên Tiền phong Hô Chi Minh).  . Trang phục đi chơi: kiểu dáng đẹp, có thể cầu kì, chất liệu vải cao cấp, có thể dùng các chất liệu lụa, ren, voan mỏng,...; màu sắc tươi tắn, rực rỡ.  . Trang phục lao động: kiểu dáng đơn giản, rộng rãi nhưng đàm bảo gọn gàng để dễ hoạt động, màu sắc sậm hoặc màu tôi, chất liệu vải thâm hút mồ hòi. Tuỳ theo tính chất công việc, trang phục lao động có thể kèm theo nón bảo hộ, kính bảo hộ, giày bảo hộ,...  **\* Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu đại diện nhóm trả lời, nhóm khác nhận xét và bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định**  GV nhận xét trình bày của HS  -GV: chốt kiến thức  HS nghe và ghi nhớ vào vở  **Hoạt động 3:Tìm hiểu lựa chọn phối hợp trang phục.**  **a. Mục tiêu:** Hướng dẫn HS cách lựa chọn phối hợp trang phục.  **b. Nội dung:**Lựa chọn phối hợp trang phục.  **c. Sản phẩm:**Cách phối hợp trang phục.  **d. Tổ chức thực hiện:**  **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yêu cầu HS HĐ cá nhân đọc TT và quan sát hình 7.8 TLH (Tr 52).  - GV y/c HS HĐ nhóm cặp (8 phút) thực hiện trả lời các câu hỏi:  *Quan sát H7.8 và theo em có những cách phối hợp về màu sắc của trang phục?*  **\*Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS: làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm  - GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.  - Đại diện nhóm báo cáo kết quả, chia sẻ trước lớp.  \* Dự kiến câu trả lời:  + H. a. d. Trang phục có màu sắc tương phản, đối nhau, hay kế cận nhau trên vòng màu;  + H b. Trang phục có các sắc độ khác nhau của cùng một màu;  + H c. Trang phục may bằng vải hoa với trang phục may bằng vải hoa có màu trung với một trong những màu chính của vải hoa;  **\* Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu đại diện nhóm trả lời, nhóm khác nhận xét và bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định**  GV nhận xét trình bày của HS  -GV: chốt kiến thức  HS nghe và ghi nhớ vào vở  HĐ 4: Giặt, phơi  **a. Mục tiêu**: Hướng dẫn HS cách giặt, phơi quần áo  **b. Nội dung:** Các công việc trong giặt, phơi quần áo  **c. Sản phẩm:.**Quy trình giặt phơi quần áo  **d. Tổ chức thực hiện:**  **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  Gv yc HS quan sát H7.9 trong SGK thảo luận nhóm trả lời câu hỏi:  ? Hãy sắp xếp các công việc giặt phơi quần áo theo trình tự thích hợp  ? Nếu sử dụng máy giặt thì quy trình giặt, phơi có điểm gì khác so với giặt bằng tay?  **\*Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS: làm việc cá nhân sau đó thảo luận thống nhất câu trả lời trong nhóm  - GV: Quan sát, hỗ trợ các nhóm làm việc tích cực.  - Đại diện nhóm báo cáo kết quả, chia sẻ trước lớp.  \* Báo cáo thảo luận  - GV yêu cầu đại diện nhóm trả lời, nhóm khác nhận xét và bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định**  GV nhận xét trình bày của HS   * GV: chốt kiến thức   HS nghe và ghi nhớ vào vở | **3.2. Chọn trang phục phù hợp với lứa tuổi**  + Trẻ em: chọn loại vải mềm, dễ thấm mồ hôi, màu sắc tươi sáng, hoa văn sinh động, kiểu may rộng rãi;  + Thanh thiếu niên: thích hợp với nhiều loại vâi, kiểu may, màu sắc và hoa văn;  + Người lớn tuổi: màu sắc, hoa văn, kiểu may trang nhã, lịch sự.  3.3. Chọn trang phục phù hợp với môi trường và tính chất công việc.  - Trang phục nên được lựa chọn phù hợp với môi trường và tính chất công việc. Các trang phục nên có màu sắc, kiểu dáng, loại vải phù hợp cho mỗi tình huống: đi học, đi chơi, đi lao động, đi lễ hội, đi dự tiệc…  **3.4. Lựa chọn phối hợp trang phục.**  + Có thể phối hợp các trang phục có màu sắc tương phản, đối nhau, hay kế cận nhau trên vòng màu;  + Có thể phối hợp các trang phục có các sắc độ khác nhau của cùng một màu;  + Có thể phối hợp trang phục may bằng vải hoa phù hợp với trang phục may bằng vải trơn có màu trùng với một trong những màu chính của vải hoa;  + Cần phối hợp màu sắc của các vật dụng đi kèm hài hoà với màu sắc của áo quần.  **4. Sử dụng và bảo quản trang phục**  **4.1. Giặt, phơi**  -Việc giặt phơi quần áo đúng cách trong quá trình sử dụng giúp quần áo được sạch, đẹp khi mặc , đồng thời giữ quần áo được bền lâu.  - Quy trình giặt phơi quần áo như sau:  B1: lấy các vật dụng trong túi quần, túi áo ra; phân loại quần áo màu sáng, màu trắng với quần áo màu tối để giặt riêng  B2: Thực hiện  -Tẩy vết bẩn hoặc vò trước với xà phòng những chỗ bám bẩn nhiều như: cổ áo, nách áo, đáy quần  \* Giặt bằng tay  - Ngâm quần áo trong nước xà phòng khoảng từ 15- 30 phút  -Vò kĩ toàn bộ quần áo  -Xả nước nhiều lần cho sạch, có thể dung them nước xả vải trong lần xả cuối  \*Giặt bằng máy:  - Chọn mức nước và chế độ giặt phù hợp  - Cho xà phòng và nước xả vải(nếu có) vào khoang giặt  Khởi động máy để bắt đầu quá trình giặt, sấy  B3: Hoàn tất phơi quần áo màu sang , quần áo bằng vải bông, vải sợi pha ở ngoài nắng; phơi quần áo màu sẫm, quần áo bằng vải lụa nylon trong bóng râm |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: Làm sáng tỏ, củng cố kiến thức, vận dụng kiến thức vào các tình huống cụ thể

**b. Nội dung:** Bài tập phần Luyện tập trong SGK

**c. Sản phẩm học tập**: Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi 3,4 trang 56 SGK:

**\* Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS đọc yêu cầu, suy nghĩ trả lời

- GV theo dõi

Dự kiến câu trả lời

Câu 3: Phân tích các chi tiết có trên quần áo để HS thấy không phù hợp khi mặc đi học

Câu 4: Trang phục công nhân, trang phục đi chơi, thể thao, công sở

**\* Báo cáo kết quả:**

HS trình bày miệng

**\* Kết luận, nhận định**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS vận dụng những vấn đề liên quan đến trang phục vào thực tiễn

**b. Nội dung:** trả lời các câu hỏi GV nêu

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ**

- Vì sao sử dụng trang phục phải phù hợp với môi trường và công việc?

- GV đưa ra 1 tình huống sau:

Chuẩn bị đến ngày thương binh liệt sĩ 27 tháng 7, nhà trường tổ chức cho học sinh lao động trồng cây, quét dọn vệ sinh ở nghĩa trang liệt sĩ của xã. Các bạn lao động nên sử dụng trang phục nào trong những trang phục sau đây là phù hợp nhất?

**a**. Trang phục có chất liệu là vải sợi bông, màu sáng, kiểu may đơn giản, giày đế cao.

**b**. Trang phục có chất liệu bằng vải sợi hóa học, màu sáng, kiểu may cầu kì, bó sát người, dép thấp.

**c**. Trang phục có chất liệu bằng vải sợi pha, màu tối, kiểu may đơn giản, rộng rãi, dép thấp hoặc giày ba ta.

**d**. Trang phục có chất liệu bằng vải nilon, màu tối, kiểu may

**\*Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS đọc yêu cầu, suy nghĩ trả lời

- GV theo dõi

**\* Báo cáo kết quả:**

HS trình bày miệng

**\* Kết luận, nhận định**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**Kí duyệt**

Tuần: 22

Ngày soạn:10/01/2024

Ngày soạn:

**TIẾT 22 –BÀI 7: TRANG PHỤC (Tiết 3)**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải**

**1. Về kiến thức:**

- Sử dụng và bảo quản được một số loại hình trang phục thông dụng

**2. Về năng lực:**

2.1. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ : Nhận biết được cách bảo quản trang phục

- Sử dụng công nghệ: Đọc được các kí hiệu bảo quản và sử dụng trang phục

- Đánh giá công nghệ : Đánh giá được hành động hợp lí khi sử dụng và bảo quản trang phục

2.2.Năng lực chung

- Tự chủ và tự học:Chủ đông và tích cực học tập, vận dụng linh họa t kiến thức vào việc phân biệt và lựa chọn, bảo quản trang phục phù hợp với các tình huống thực tế

- Giao tiếp và hợp tác: Biếtvậndụnglinhhoạt,biếttrìnhbàyýtưởng,thảoluậnvấnđềcủabàihọc. Thựchiệncótráchnhiệmcácphầnviệccủacánhânvàphốihợptốtvớicác thành viên trong nhóm.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học về trang phục vào đời sống hàng ngày

- Trách nhiệm: có ý thức về việc lựa chọn, bảo quản trang phục phù hợp với hoàn cảnh.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

-Tài liệu giảng dạy: SGK và SBT , giáo án

- Đồdùng,phươngtiệndạyhọc:tranhảnhcác loại trang phục khác nhau và các vật dụng đi kèm theo trang phục,tranhảnhvề thời trang và các cách phối hợp trang phục tương ứng với hoàn cảnh thực tế

- Phiếu học tập

**2. Đối với học sinh:**

- Đọc trước bài học trong SGK

- Quan sát và tìm hiểu về các loại trang phục, vật dụng đi kèm với trang phục thông dụng

-Tìm hiểu về những vai trò của trang phục đối với đời sống con người

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a.Mụctiêu:**Huy động kiến thức vốn có của học sinh vềbảo quản trang phục phù hợp với bản thân và người thân trong gia đình.

**b. Nội dung:**Bảo quản trang phục

**c. Sản phẩm học tập:** Lựa chọn các cách bảo quản trang phục

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Chuyển giao nhiệm vụ:**

Hãy vận dụng kinh nghiệm, hiểu biết thực tế của bản thân để trao đổi với các bạn trong nhóm về tác dụng, cách sử dụng, bảo quản trang phục theo các câu hỏi gợi ý dưới đây:

Sau khi kết thúc mùa đông chúng ta sẽ không sử dụng quần áo màu đông nữa vậy emcó cách nào để bảo quản trang phục của mình để sang năm sử dụng tiếp?

**\*Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS: làm việc cá nhân huy động kiến thức vốn có của mình sau đó trả lời câu hỏi

- GV: Quan sát, hỗ trợ HS làm việc tích cực.

\* Dự kiến câu trả lời: Theo ý hiểu của HS .

***\* Báo cáo thảo luận***

- GV yêu cầuHs trả lời, HS khác nhận xét và bổ sung.

***\* Kết luận, nhận định***

GV nhận xét trình bày của HS

**- Gv nhận xét dẫn dắt vào bài:**

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **HĐ 1: Tìm hiểu về là (ủi)**  **a.Mụctiêu:**Hướng dẫn HS là quần áo đúng quy trình  **b. Nội dung:**Quy trình là quần áo  **c. Sản phẩm học tập:**Quy trình là quần áo  **d. Tổ chức thực hiện:**  **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  Gv y/c Hs quan sát H7.10 trả lời câu hỏi?  ? Nếu các dụng cụ để là quần áo?  HS trả lời  GV cho HS quan sát trang phóng to bộ điều chỉnh nhiệt độ và giải thích các kí hiệu ghi trên bộ điều chỉnh  GVyc HS quan sát H7.11 làm việc cá nhân trả lời câu hỏi sau:  ? Vì sao cần phân loại quần áo theo chất liệu vải trước khi là  ?Sau khi phân loại nên là quần áo may bằng loại vải nào trước  ? Nêu quy trình là quần áo  **\*Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS: làm việc cá nhân trả lời câu hỏi  **\* Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS trả lời, HS khác nhận xét và bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định**  GV nhận xét trình bày của HS  -GV: chốt kiến thức  HS nghe và ghi nhớ vào vở  **HĐ 2: Tìm hiểu cất giữ trang phục**  **a.Mụctiêu:**Hướng dẫn HS cất giữ trang phục đúng cách  **b. Nội dung:**Cách cất giữ các loại trang phục  **c. Sản phẩm học tập:** Cách cất giữ các loại trang phục  **d. Tổ chức thực hiện:**  **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yc Hs quan sát H7.12 trong SGK thảo luận cặp đôi trả lời các câu hỏi sau  ? Loại quần áo nào nên treo vào móc?  ? Loại quần áo nào nên gấp gọn gàng?  ?Những loại quần áo nào ít sử dụng thì nên bảo quản bằng cách nào  **\*Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS: làm việc cá nhân trả lời câu hỏi trao đổi thảo luận  **\* Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS trả lời, HS khác nhận xét và bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định**  GV nhận xét trình bày của HS  -GV: chốt kiến thức  HS nghe và ghi nhớ vào vở  **HĐ 3: Tìm hiểu ý nghĩa của kí hiệu trên nhãn hướng dẫn**  **a.Mụctiêu:**Giải thích ý nghĩa và cách sử dụng và bảo quản trang phục  **b. Nội dung:**Các kí hiệu cơ bản về giặt, sấy, là  + Quy ước vẽ kí hiệu  **c. Sản phẩm học tập:**Ýnghĩa và cách sử dụng và bảo quản trang phục  **d. Tổ chức thực hiện:**  **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  GV yc HS nc nội dung bảng 7.3 SGK và trả lời câu hỏi sau  ? Tại sao việc sử dụng và bảo quản trang phục phải căn cứ vào chất liệu vải và kiểu dáng của trang phục?  **Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS: làm việc cá nhân trả lời câu hỏi  **\* Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS trả lời, HS khác nhận xét và bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định**  GV nhận xét trình bày của HS  GV mở rộng :  + căn cứ vào chất liệu vải để biết vải dễ bị nhàu dễ bị co rút, dễ bị chai cứng do xà phòng  + Căn cứ vào kiểu dáng sản phẩm để sản phẩm không bị xô lệch, méo mó, chảy dãn  -GV: chốt kiến thức  HS nghe và ghi nhớ vào vở  **HĐ 4: Tìm hiểu các bước đọc nhãn hương dẫn**  **a.Mụctiêu:**Hướng dẫn quy trình và tổ chức thực hành đọc nhãn hướng dẫn sử dụng và bảo quản trang phục  **b. Nội dung:**Thực hành đọc nhãn hướng dẫn sử dụng và bảo quản trang phục  **c. Sản phẩm học tập:** Bản báo cáo thực hành đọc nhãn hướng dẫn sử dụng và bảo quản trang phục  **d. Tổ chức thực hiện:**  **\*Chuyển giao nhiệm vụ:**  - GV yc Hs nc bảng 7.4 trong sgk và trả lời câu hỏi  Nêu các bước thực hiện khi đọc nhãn hướng dẫn?  -HS : trả lời  GV yc HS làm việc theo nhóm : Làm thực hành đọc nhãn hướng dẫn sử dụng và bảo quản trang phục vào phiếu học tập  -Xác định các loại trang phục được gắn nhãn:  - Đọc thành phần sợi dệt trên nhãn:  - Đọc các kí hiệu sử dụng và bảo quản:  - Ghi nhận cách sử dụng và bảo quản:  **\*Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS: làm việc cá nhân, thảo luận nhómtrả lời câu hỏi hoàn thành bản báo cáo  **\* Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS trả lời, HS khác nhận xét và bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định**  GV nhận xét trình bày của HS  -GV: chốt kiến thức  HS nghe và ghi nhớ vào vở | **4.2. Là(ủi)**  - Là quần áo giúp làm phẳng quần áo khi sử dụng  - Quy trình gồm các bước sau  +B1: Chuẩn bị phân loại quần áo theo chất liệu vải  +B2: Thực hiện   * Điều chỉnh nhiệt độ của bàn là cho phù hợp với từng loại vải * Là quần áo may bằng các loại vải có yêu cầu nhiệt độ thấp trước, các loại vải có yêu cầu nhiệt độ cao sau. Đối với quần áo nhàu nhiều, trước khi là cần phun nước làm ẩm vải * Cách là: Đưa bàn là đều trên mặt vải không dừng lâu ở một vị trí sẽ làm cháy quần áo   +B3: hoàn tất: Khi là xong rút phích cắm điện dựng bàn là cho nguội hẳn trước khi cất vào nơi quy định  **4.3. Cất giữ trang phục**  Sau khi giặt phơi khô cần cất giữ trang phục ở nơi khô ráo, sạch sẽ  - Treo bằng móc hoặc gấp vào tủ theo từng loại  - Quần áo chưa dùng đến nên gói vào túi nilon tránh ẩm mốc và gián, côn trùng gây hư hỏng  ***Chú ý:***Trong quá trình gấp cần phân loại quần áo (Quần áo của mỗi thành viên trong gia đình- Quần áo dài, quần áo lót)  - Để đúng nơi quy địn  **5.Đọc nhãn hướng dẫn sử dụng và bảo quản trang phục**  **5.1.Ý nghĩa của kí hiệu trên nhãn hướng dẫn**  Bảng 7.3 SGK  **5.2. Các bước đọc nhãn hướng dẫn**  B1:Xác định các loại trang phục được gắn nhãn  B2: Đọc thành phần sợi dệt trên nhãn  B3:Đọc các kí hiệu sử dụng và bảo quản  B4:Ghi nhận cách sử dụng và bảo quản |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: Làm sáng tỏ, củng cố kiến thức, vận dụng kiến thức vào các tình huống cụ thể

**b. Nội dung:** Bài tập5,6 phần Luyện tập trong SGK

**c. Sản phẩm học tập**: Kết quả của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ**

- GV yêu cầu HS thực hiện trả lời câu hỏi 5,6 ,7 trang 56 SGK:

**\*Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS đọc yêu cầu, suy nghĩ trả lời

- GV theo dõi

Dự kiến câu trả lời

**\* Báo cáo kết quả:**

HS trình bày miệng

**\* Kết luận, nhận định**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS vận dụng những vấn đề liên quan đến trang phục vào thực tiễn

**b. Nội dung:** trả lời các câu hỏi 3,4 phần vận dụng trong sgk

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ**

Câu3: Tủ quần áo của em đã được sắp xếp như thế nào?

Câu 4: Em hãy quan sát các nhãn hướng dẫn sử dụng và bảo quản đính trên quần áo của mình để nhận định về cách sử dụng và bảo quản quần áo của bản thân

**\*Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS đọc yêu cầu, suy nghĩ trả lời

- GV theo dõi

**\* Báo cáo kết quả:**

HS trình bày miệng

**\* Kết luận, nhận định**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**Kí duyệt**

Tuần:23

Ngày soạn:10/01/2024

Ngày dạy:

**TIẾT 23 – BÀI 8: THỜI TRANG 9 (TIẾT 1)**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải**

**1. Kiến thức:**

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về thời trang.

- Nhận ra và bước đầu hình thành phong cách thời trang của bản thân.

-Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình.

**2. Năng lực:**

2.1.Năng lực công nghệ :

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết về thời trang, tính chất cơ bản của thời trang, nhận biết các bước lựa chọn trang phục hợp lí.

-Sử dụng công nghệ :Sử dụng được các thuật ngữ để trình bày về thời trang , biểu diễn ý tưởng thiết kế trang phục bằng phác họa đơn giản.

+Sử dụng mẫu quần áo phối hợp thành bộ trang phục phù hợp theo yêu cầu.

- Đánh giá công nghệ: Đưa ra được nhận xét về tính thẩm mỹ của một bộ trang phục theo thời trang, lựa chon trang phục trên cơ sở đánh giá sự phù hợp với vóc dáng, lứa tuổi, môi trường hoạt động của người mặc.

- Thiết kế công nghệ: Bước đầu hình thành phong cách thời trang riêng mình, có ý tưởng thiết kế thời trang phù hợp.

2.2. Năng lực chung:

-Năng lực tự chủ và tự học: chủ động tích cực học tập, vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kỹ năng, về thời trang và lựa chọn trang phục thời trang trong các tình huống cụ thể.

-Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

-Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được tình huống để đề xuất trang phục phù hợp thời trang, đặc điểm bản than và điều kiện kinh tế của gia đình.

**3. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Có ý thức tiết kiệm trong chi tiêu của cá nhân và gia đình dành cho việc may mặc thông qua việc lựa chọn trang phụ phù hợp với điều kiện tài chính của gia đình.

- Chăm chỉ:Có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học về thời trang lựa chọn trang phục thời trang vào cuộc sống hang ngày.

- Nhân ái:Tôn trọng sự khác biệt về phong cách cá nhân của những người khác.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1.Chuẩn bị của giáo viên:**

- Chuẩn bị tài liệu giảng dạy và tài liệu tham khảo.

-Chuẩn bị đồ dùng và phương tiện dạy học, hình ảnh phù hợp về trang phục

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

-Đọc trước bài

-Sưu tập hình ảnh trang phục thời trang.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a.Mục tiêu:** thúc đẩy nhu cầu tìm hiểu về thời trang.

**b.Nội dung:** Thời trang khác trang phục như thế nào?

**c.Sản phẩm** : Nhu cầu tìm hiểu về thời trang.

**d.Tổ chức thực hiện:**

***\*Chuyển giao nhiệm vụ:***

+ GV chia lớp thành 4 đội để thi đua trò chơi nhỏ.

+ HS chuẩn bị phiếu học tập số 1

***\*Thực hiện nhiệm vụ:***

+ GV cho HS quan sát hình ảnh về các loại áo dài mà GV đã chuẩn bị .

+ HS quan sát và ghi nhớ.

***\* Báo cáo kết quả:***

+ GV cho 4 đội nêu nhận xét về các loại áo dài và nêu sự khác nhau về trang phục và thời trang.

+ HS chủ động ghi đáp án.

***\*Đánh giá kết quả:***

GV nhận xét kết luận đội chiến thắng và dẫn vào bài mới.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **HĐ 1: Tìm hiểu về thời trang và phong cách thời trang**  **a.Mục tiêu**: tìm hiểu khái niệm thời trang và phong cách thời trang.  **b.Nội dung:**  + Trình bày các loại trang phục theo thời trang ở nhiều thời kì.  + Trang phục theo một số phong cách thời trang.  **c. Sản phẩm**: Khái niệm thời trang , khái niệm phong cách thời trang.  **d.Tổ chức thực hiện:**  ***\*Chuyển giao nhiệm vụ:***  -GV yêu cầu HS quan sát H8.1và H 8.2 thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi  ? H8.1 cho thấy áo dài Việt Nam thay đổi như thế nào qua 2 thời kì  ? H8.2 cho thây áo sơ mi nam ở 2 thời kì khác nhau thay đổi chi tiết nào của áo?  ? Thời trang làm thay đổi yếu tố nào của trang phục?  **\*Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS: làm việc cá nhân trả lời câu hỏi trao đổi thảo luận  **\* Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS đại diện nhóm trả lời, HS nhóm khác nhận xét và bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định**  GV nhận xét trình bày của HS: H8.1thời trang áo dài ở mỗi thời kì là kiểu dáng áo dài phổ biến, được nhiều người mặc trong thời gian đó. Trong trường hợp này, thời trang là sự thay đổi kiểu dáng trang phục.  H 8.2 thời trang những năm 80 của thế kỉ XX là kiểu hoa văn ca rô được nhiều người mặc trong tliời gian đó. Trong hường hợp này, thời trang là sự thay đổi hoạ tiết, hoa văn của trang phục.   * Thời trang làm thay đổi yếu tố chất liệu, hoa văn   -GV: chốt kiến thức  HS nghe và ghi nhớ vào vở  ***\*Chuyển giao nhiệm vụ:***  Gv Yc HS quan sat H8.3 thảo luận cặp đôi trả lời câu hỏi sau?  Trang phục nào thể hiện phong cách đơn giản? Bộ trang phục nào thể hiện phong cách thể thao?  Theo em bộ trang phục ở H8.3C thể hiện phong cách như thế nào?  **\*Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS: làm việc cá nhân trả lời câu hỏi trao đổi thảo luận  **\* Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS đại diện nhóm trả lời, HS nhóm khác nhận xét và bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định**  -GV: chốt kiến thức  HS nghe và ghi nhớ vào vở  **Hoạt động 2:Tìm hiểu thời trang thể hiện tính cách của người mặc:**  **a. Mục tiêu**: nhận biết đặc điểm chung của thời trang, bước đầu nhận ra phong cách thời trang cuẩ bản thân.  **b. Nội dung**: trang phục theo các phong cách thời trang khác nhau.  **c. Sản phẩm**: Đặc điểm chung của thời trang.  **d.Tổ chức thực hiện:**  ***\*Chuyển giao nhiệm vụ:***  -GV yêu cầu HS quan sát H8.4 thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi  H8.4 a giúp người mặc thể hiện sự cầu kì hay giản dị? Vì sao  H8.4b có giúp người mặc thể hiện sự nghiêm chỉnh,lịch sự không? Vì sao?  H8.4 a,b,c theo em kiểu nào giúp người mặc có vẻ trẻ trung năng động  **\*Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS: làm việc cá nhân trả lời câu hỏi trao đổi thảo luận  Dự kiến trả lời:  Hình 8.4a: thể hiện sự giản dị;  Hình 8.4b: rộng thùng tlùnli, không thể hiện sự gọn gàng nhưng kiểu quần tây, áo so mi cho thấy sự nghiêm chỉnh, lịch sự;  Hình 8.4a vả 8.4c: giúp người mặc có vê trẻ trung, năng động;  Các bộ trang phục lịch sự, trang trọng phù hợp để đến công sở.  **\* Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS đại diện nhóm trả lời, HS nhóm khác nhận xét và bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định**  GV nhận xét kết luận  + GV phân tích: Mỗi người thường mặc những kiểu trang phục họ mà yêu thích. Ví dụ: người có tính cách giản dị sẽ thích mặc những trang phục đon giản chứ không thíchmặc trang phục cầu kì, rườm rà. Do vậy, cách ăn mặc thể hiện tính cách của người mặc: cầu kì, đơn giản, trẻ trung, năng động, lịch sự, xuề xoà,...  + GV rút ra kết luận cách ăn mặc phù hợp với bản thân, với xã hội, cách ứng xử đúng mực tạo nên vẻ đẹp của mỗi người. Không nên sử dụng những trang phục theo thời trang quái dị, lố lăng sẽ làm xấu hình ảnh của bản thân trong mắt mọi người.  + GV khuyến khích HS nêu lên phong cách thời trang mà bàn thân yêu thích. GV điều chỉnh để hướng HS đến việc thể hiện nét đẹp của bản thân qua trang phục.  + GV yêu cầu HS nhắc lại những thông tin vừa tìm được để đúc kết thành kiến thức của bài học  HS nhắc lại kiến thức  -GV: chốt kiến thức  HS nghe và ghi nhớ vào vở | **1.Thời trang và phong cách thời trang**  -Thời trang là những kiểu trang phục được nhiều người ưa chuộng và sử dụng phổ biến trong một thời gian nhất định.  -Thời trang luôn thay đổi theo thời gian và được thể hiện qua kiểu dáng, màu sắc, chất liệu, hoa văn  -Thời trang có các loại: thời trang xuân hè, thời trang công sở, thời trang trẻ em……  Phong cách thời trang là cách ăn mặc theo nhu cầu thẩm mỹ và sở thích tạo nên vẻ đẹp riêng, độc đáo của mọi người.  **2. Thời trang thể hiện tính cách của người mặc:**  Thời trang phản ánh tính cách của người mặc. Do vậy, mỗi người cần lựa chọn phong cách thời trang phù hợp với bản thân và biết cách ứng xử khéo léo |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Giúp học sinh vận dụng kiến thức về thời trang vào tình huống thực tế, giúp học sinh nhận ra phong cách thời trang của bản thân.

**b. Nội dung**: Trả lời câu hỏi 1,2 trong SGK

**c. Sản phẩm**: Đáp án bài tập

**d.Tổ chức thực hiện:**

***\*Chuyển giao nhiệm vụ:***

GV yc Hs thảo luận nhóm làm bài tập 1,2 phần luyện tập trong SGK trang 61

**\*Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS: làm việc cá nhân trả lời câu hỏi trao đổi thảo luận

**\* Báo cáo thảo luận**

- GV yêu cầu HS đại diện nhóm trả lời, HS nhóm khác nhận xét và bổ sung.

**\* Kết luận, nhận định**

-GV: chốt kiến thức

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a.Mục tiêu**: giúp học sinh củng cố và vận dụng kiến thức vừa học vào thực tiễn, xác định phong cách thời trang của bản thân.

**b. Nội dung**: bài tập vận dụng sách bài tập.

**c. Sản phẩm**: đáp án bài tập

**d.Tổ chức thực hiện:**

***\*Chuyển giao nhiệm vụ:***

GV yc HS trả lời câu hỏi sau

? Theo em thế nào là mặc đẹp? Mặc đẹp có nhất thiết phải trang phục đắt tiền không?

**Thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS: làm việc cá nhân trả lời câu hỏi

**\* Báo cáo thảo luận**

- GV yêu cầu HS trả lời, HS khác nhận xét và bổ sung.

**\* Kết luận, nhận định**

-GV: chốt kiến thức

**Kí duyệt**

**Tuần: 24**

**Ngày soạn:10/01/2024**

**Ngày dạy:**

**TIẾT 24 – BÀI 8: THỜI TRANG (TIẾT 2)**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải**

**1. Kiến thức:**

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về thời trang.

- Nhận ra và bước đầu hình thành phong cách thời trang của bản thân.

-Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình.

**2. Năng lực:**

2.1.Năng lực công nghệ :

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết về thời trang, tính chất cơ bản của thời trang, nhận biết các bước lựa chọn trang phục hợp lí.

- Sử dụng công nghệ :Sử dụng được các thuật ngữ để trình bày về thời trang , biểu diễn ý tưởng thiết kế trang phục bằng phác họa đơn giản.

+Sử dụng mẫu quần áo phối hợp thành bộ trang phục phù hợp theo yêu cầu.

- Đánh giá công nghệ: Đưa ra được nhận xét về tính thẩm mỹ của một bộ trang phục theo thời trang, lựa chon trang phục trên cơ sở đánh giá sự phù hợp với vóc dáng, lứa tuổi, môi trường hoạt động của người mặc.

- Thiết kế công nghệ: Bước đầu hình thành phong cách thời trang riêng mình, có ý tưởng thiết kế thời trang phù hợp.

2.2. Năng lực chung:

-Năng lực tự chủ và tự học: chủ động tích cực học tập, vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kỹ năng, về thời trang và lựa chọn trang phục thời trang trong các tình huống cụ thể.

-Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

-Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích được tình huống để đề xuất trang phục phù hợp thời trang, đặc điểm bản than và điều kiện kinh tế của gia đình.

**3. Phẩm chất:**

- Trách nhiệm: Có ý thức tiết kiệm trong chi tiêu của cá nhân và gia đình dành cho việc may mặc thông qua việc lựa chọn trang phụ phù hợp với điều kiện tài chính của gia đình.

- Chăm chỉ:Có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học về thời trang lựa chọn trang phục thời trang vào cuộc sống hang ngày.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1.Chuẩn bị của giáo viên:**

-Chuẩn bị tài liệu giảng dạy và tài liệu tham khảo.

-Chuẩn bị đồ dùng và phương tiện dạy học, hình ảnh phù hợp về trang phục

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

-Đọc trước bài

-Sưu tập hình ảnh trang phục thời trang.

**III. Tiến trình dạy học**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** thúc đẩy nhu cầu tìm hiểu về thời trang.

**b. Nội dung:** Thời trang khác trang phục như thế nào?

**c. Sản phẩm :** Nhu cầu tìm hiểu về thời trang.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\*Chuyển giao nhiệm vụ:***

+ GV chia lớp thành 4 đội để thi đua trò chơi nhỏ.

+ GV trình chiếu hình ảnh về các loại trang phục bé gái theo các phong cách khác nhau.

? Các đội hãy nhận xét về các loại trạng trang phục trong hình trên?

+ HS quan sát và ghi nhớ.

**Thực hiện nhiệm vụ học tập**

+ GV cho 4 đội nêu nhận xét về các loại trang phục

**\* Báo cáo thảo luận**

- GV yêu cầu HS trả lời, HS khác nhận xét và bổ sung.

**\* Kết luận, nhận định**

GV nhận xét kết luận đội chiến thắng và dẫn vào bài mới.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **Hoạt động 1:Tìm hiểu một số lưu ý khi lựa chọn trang phục theo thời trang**  **a. Mục tiêu**: Ôn lại kiến thức về cách lựa chọn trang phục  **b.Nội dung:**  + Lựa chon loại trang phục phù hợp với lứa tuổi, với môi trường hoạt động.  + Lựa chọn màu sắc của vải và kiểu may của trang phục phù hợp với với vóc dáng người mặc.  + Lựa chọn chất vải phù hợp với điều kiện tài chính của gia đình.  + Lựa chọn thêm các vật dụng đi kèm phù hợp với áo quần đã chọn.  **c.Sản phẩm:** cách lựa chọn trang phục phù hợp theo tình huống sử dụng cho trước.  **d.Tổ chức thực hiện:**  ***\*Chuyển giao nhiệm vụ:***  -GV yêu cầu HS nhắc lại cách chọn trang phục đã học bài 7.  ? Để có trang phục phù hợp và đẹp em cần lưu ý vấn đề gì?  **\*Thực hiện nhiệm vụ**  HS nhắc lại kiến thức bài 7  HS trả lời phần lưu ý trong SGK  -GV giải thích lí do cần xác định xu hướng thời trang khi chọn trang phục.  GV lưu ý học sinh chọn chất vải phù hợp với điều kiện tài chính của gia đình và vóc dáng của người mặc.  **\* Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS trả lời  - HS khác nhận xét và bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét KL  - GV giải thích lí do cần xác định xu hướng thời trang khi chọn trang phục.  GV lưu ý học sinh chọn chất vải phù hợp với điều kiện tài chính của gia đình và vóc dáng của người mặc.  **Hoạt động 2: Tìm hiểucác bước lựa chọn trang phục theo thời trang**  **a.Mục tiêu:** hướng dẫn quy trình và tổ chức thực hành lựa chọn trang phục.  **b. Nội dung:** các bước thực hành quy trình lựa chọn trang phục.  **c. Sản phẩm**: hình vẽ phác họa bộ trang phục được lựa chọn phù hợp với tình huống cho trước.  **d.Tổ chức thực hiện:**  ***\*Chuyển giao nhiệm vụ:***  - GV cho HS thảo luận theo nhóm .  -GV giới thiệu quy trình chọn trang phục với tình huống cho trước (ví dụ:đi tiệc, đi sinh nhật, đi du lịch…)?  -GV nêu yêu cầu bộ trang phục:  +Phù hợp với xu hướng thời trang  +Phù hợp với vóc dáng  +Phù hợp với lứa tuổi  +Phù hợp với môi trường hoạt động  +Chất liệu vải phải phù hợp với điều kiện tài chính của gia đình.  ***\*Thực hiện nhiệm vụ:***  - HS làm việc cá nhân trao đổi thảo luận nhóm  -GV theo dõi, hỗ trợ HS phác họa và vẽ chính thức mẫu trang phục.  **\* Báo cáo thảo luận**  - GV yêu cầu HS trả lời  - HS khác nhận xét và bổ sung.  **\* Kết luận, nhận định**  - GV nhận xét kết luận  - GV nêu các tiêu chí đánh giá   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | TT | Các bước | Có | Không | | 1 | Xác định đặc điểm vóc dáng. |  |  | | 2 | Xác định đặc điểm vóc dáng. |  |  | | 3 | Chọn loại trang phục. |  |  | | 4 | Chọn kiểu may. |  |  | | 5 | Chọn màu sắc, hoa vãn. |  |  | | 6 | Chọn chất liệu vải. |  |  | | 7 | Chọn vật dụng ði kèm. |  |  | | 8 | Vẽ minh hoạ bộ trang phục vào giấy. |  |  | | **3. Lựa chon trang phục phù hợp theo thời trang.**  **3.1.Một số lưu ý khi lựa chọn trang phục theo thời**  -Xác định đặc điểm về vóc dáng của người mặc  - Xác định xu hướng thời trang  - Lựa chọn loại trang phục phù hợp với lứa tuổi, môi trường hoạt động và điều kiện tài chính của gia đình  - Lựa chọn màu sắc vải và kiểu may trang phục phù hợp với vóc dáng người mặc  - Lựa chọn thêm các vật dụng đi kèm phù hợp với trang phục đã chọn  **3.2**. **Các bước lựa chọn trang phục theo thời trang**  Quy trình thực hành lựa chọn trang phục như sau:  Bước 1: Xác định đặc điểm vóc dáng  Bước 2: Xác định phong cách thời trang;  Bước 3: Chọn loại trang phục.  Bước 4: Chọn kiểu may  Bước 5: Chọn màu sắc, hoa văn  Bước 6: Chọn chất liệu vải  Bước 7: Chọn vật dụng đi kèm  Bước 8: Vẽ minh họa bộ trang phục đã chọn vào giấy A4 |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu**: Giúp học sinh vận dụng kiến thức về thời trang vào tình huống thực tế, giúp học sinh nhận ra phong cách thời trang của bản thân.

**b. Nội dung**: bài tập

**c. Sản phẩm:** đáp án bài tập

**d.Tổ chức thực hiện:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ**

? Em hãy thực hiện teo quy trình tương tự để chọn bộ trang phục mà em thích mặc vào dịp tết Nguyên đán

***\*Thực hiện nhiệm vụ:***

+HS hoạt động cá nhân trao đổi thảo luận nhóm

+ Học sinh quan sát hình ảnh về thời trang và trang phục thời trang

***\* Báo cáo kết quả:***

Học sinh trình bày phương án của mình

**\* Kết luận, nhận định**

+ GV gọi học sinh nhận xét, giáo viên đánh giá.

+ HS nghe nhận xét và rút kinh nhiệm.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**Giúp học sinh củng cố và vận dụng kiến thức vừa học vào thực tiễn, xác định phong cách thời trang của bản thân.

**b. Nội dung:**Bài tập vận dụng sách bài tập.

**c. Sản phẩm:**Đáp án bài tập

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\*Chuyển giao nhiệm vụ:***

+ GV yêu cầu học sinh làm bài tập về chọn trang phục.

? Em hãy mô tả kiểu trang phục mà em thích mặc trong dịp sinh nhật của mình

***\*Thực hiện nhiệm vụ:***

+ HS thực hiện nhiệm vụ

***\* Báo cáo kết quả:***

HS trình bày kết quả, HS khác nhận xét

**\* Kết luận, nhận định**

+ GV đánh giá, kết luận.

**Kí duyệt**

Tuần:25

Ngày soạn: 29/02/2024

Ngày dạy:

**TIẾT 25: DỰ ÁN 3**

**EM LÀM NHÀ THIẾT KẾ THỜI TRANG**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải**

**1. Về kiến thức:**

- Vận dụng kiến thức, kỹ năng về trang phục và thời trang để hình thành ý tưởng thiết kế một bộ trang phục theo chủ đề cho trước.

- Vẽ phác thảo bộ trang phục đã thiết kế.

- Phát triển khả năng sáng tạo, rèn luyện tính tự lực và năng lực cộng tác trong việc thiết kế và vẽ phác thảo bộ trang phục.

**2. Về năng lực:**

**2.1.Năng lực công nghệ**

- Nhận thức công nghệ: nhận biết các yêu cầu klu tluết kế bộ trang phục, nliận biết các bước thiết kế thời trang thông qua việc thiết kế một bọ trang phục theo tình huống cho trước;

- Giao tiếp công nghệ: biểu diễn ý tưởng thiết kế bộ trang phục bằng phác hoạ đon giản;

- Đánh giá công nghệ: nhận xét, đánh giá bộ trang phục đối sánh VỚI những yêu cầu lựa chọn trang phục phù hợp với lứa tuổi, môi trường và tính chất công việc và xu hướng thờii trang;

- Thiết kế công nghệ: thiết kế được bộ trang phục thể hiện các yếu tố: phù họp với lứa tuổi, môi trường, xu hướng thời trang.

**2.1. Năng lực chung** :

- Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực thực hiện những công việc thuộc nhiệm vụ bản thân để góp phần hoàn thành dự án, vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng về trang phục và thời trang trong việc xây dựng ý tưởng thiết kế và vẽ phác thảo bộ trang phục theo tinh huống cho trước;

- Giao tiếp và hợp tác: biết trình bày *ý* tưởng cho việc thiết kế bộ trang phục, thào luân nhũng vấn đề của dự án, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm;

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: phân tích được tình huống đã cho đễ đề xuất trang phục phù họp thời trang; lập được kể hoạch hoạt động với mục tiêu, nội dung, hình thức hoạt động; đánh giá được kế hoạch, và thực hiện kế hoạch.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Có *ý* thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng về trang phục và thời trang để thực hiện dự án;

- Tự lập, tự tin, tự chủ; Có trách nhiệm bản thân và cộng đồng

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên:**

- Tài liệu dạy học

- Một số bản vẽ thiết kế thời trang

-Tạp chí thời trang

**2. Học sinh:**

- Chuẩn bị đầy đủ sách giáo khoa, vở ghi, bút, thước…

- Đọc và tìm hiểu trước bài, sưu tầm tài liệu, tranh ảnh liên quan.

- Giấy, màu chì hoặc màu nước

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC :**

**HOẠT ĐỘNG : KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:**Thông qua trò chơi học sinh tò mò về nghề thiết kế thời trang

**b. Nội dung:** Tìm hiểu một số nhà thiết kế thời trang

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của học sinh

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*Chuyển giao nhiệm vụ :**

+ Cho học sinh tham gia trò chơi “Họ là ai”

+ Giáo viên đưa ra hình ảnh một số nhà thiết kế kế thời trang nổi tiếng trong nước, yêu cầu học sinh nêu tên những nhà thiết kế này



Đỗ Mạnh Cường

Năm 2008, anh được một tờ tạp chí bình chọn là một trong 15 nhân vật và sự kiện của năm. Anh đã từng tham gia rất nhiều show thời trang trong nước và quốc tế Elle show 2010, Đẹp Fashion show... Ngoài ra anh còn đảm nhận vai trò ban giám khảo trong cuộc thi người mẫu Vietnam Next Top Model.

**\*Thực hiện nhiệm vụ:**

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút

**\*Báo cáo thảo luận:**

- Giáo viên gọi một số học sinh trả lời học sinh khác nhận xét bổ sung

**\* Kết luận nhận định**

- Giáo viên nhận xét và tuyên dương.

- Giáo viên đặt câu hỏi các em có biết những người này làm công việc gì?

Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau thực hiện dự án để trải nghiệm công việc là một nhà thiết kế thời trang

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **Hoạt động 1: Giới thiệu dự án**  **a.Mục tiêu:**Giúp học sinh nhận biết chủ đề dự án, các nhiệm vụ phải thực hiện để hoàn thành dự án  **b.Nội dung:** Chủ đề, mục tiêu, nhiệm vụ của dự án  **c. Sản phẩm:** mục tiêu, nhiệm vụ của dự án  **d.Tổ chức thực hiện**  **\*Chuyển giao nhiệm vụ** :  - Giáo viên giới thiệu: thiết kế thời trang hiện nay là một ngành rất hot, nước ta có rất nhiều nhà thiết kế thời trang thành công trong và cả ngoài nước như là nhà thiết kế Đỗ Mạnh Cường, Nguyễn Công Trí.... Họ không chỉ tạo nên những bộ trang phục đẹp mà còn còn làm cho thời trang Việt Nam có chỗ đứng trên thế giới.  Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau trải nghiệm là những nhà thiết kế qua dự án vẽ thiết kế đồng phục học sinh  - Giáo viên nêu tiêu chí đánh giá kết quả dự án:  +Thứ nhất kiểu dáng phù hợp với xu hướng thời trang về đồng phục học sinh  + Thứ hai kiểu may thoải mái tiện dụng  + Thứ ba màu sắc và hoa văn nếu có phù hợp cho các hoạt động học tập tại trường  + Thứ tư loại vải thấm hút mồ hôi dễ giặt mau khô thứ năm các vật dụng đi kèm mũ giày tất phải đồng bộ với quần áo  Để thực hiện dự án lớp sẽ được chia thành 6 nhóm  **\*Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh tập hợp theo nhóm thảo luận 2 phút chọn nhóm trưởng, thư ký  **\*Báo cáo thảo luận:**  - Các nhóm công bố nhóm trưởng và thư ký  **\*Kết luận nhận định**  Giáo viên chốt lại danh sách nhóm  **Hoạt động 2: Xây dựng kế hoạch**  **a. Mục tiêu:** Hướng dẫn học sinh lập kế hoạch thực hiện dự án  **b. Nội dung:** Các công việc phải thực hiện, mốc thời gian hoàn thành, dụng cụ, vật liệu cần thiết, phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm  **c. Sản phẩm:** Kế hoạch chi tiết thực hiện các nhiệm vụ của dự án  **d.Tổ chức thực hiện**  **\*Chuyển giao nhiệm vụ :**  - Giáo viên hướng dẫn các nhóm tổ chức thảo luận để lập kế hoạch thực hiện dự án  - Các công việc cần làm:  + Nghiên cứu xác định xu hướng đồng phục học sinh Trung học cơ sở, thảo luận để thống nhất bộ kiểu dáng màu sắc trang phục mà nhóm lựa chọn vẽ phác thảo bộ trang phục trên giấy.  + Soạn bài thuyết minh ý tưởng thiết kế đồng phục  + Lập kế hoạch thời gian, mốc thời gian cho từng công việc.  + Phân công nhiệm vụ cho các thành viên nhóm  + Liệt kê các dụng cụ vật liệu cần thiết: giấy màu, vẽ rập thân người  **\*Thực hiện nhiệm vụ:**  - Học sinh thảo luận nhóm  **\*Báo cáo thảo luận:**  - Các nhóm công bố kế hoạch của nhóm  **\*Kết luận nhận định**  Giáo viên kiểm tra tính khả thi trong kế hoạch của các nhóm  **Hoạt động 3: Thực hiện dự án**  **a. Mục tiêu:** Hướng dẫn học sinh thực hiện dự án  **b.Nội dung:** Các công việc phải thực hiện để thiết kế hoàn chỉnh bộ đồng phục cho học sinh trung học cơ sở  **c.Sản phẩm:** hình vẽ hai bộ đồng phục nam và nữ trên giấy  **d.Tổ chức thực hiện**  **\*Chuyển giao nhiệm vụ :**  - Giáo viên hướng dẫn học sinh kiểm tra vật liệu, dụng cụ cần thiết để thực hiện dự án  - Giáo viên cung cấp các thông tin cần thiết, mẫu rập thân người để hỗ trợ học sinh thực hiện dự án  bi-ging-thit-k-mu-rp-y-phc-n-tran-thi-hong-my-9-638  Mẫu rập  - Giáo viên hướng dẫn học sinh thực hiện dự án theo kế hoạch đã đề ra và sự phân công các thành viên trong nhóm  - Giáo viên đặt câu hỏi gợi mở  (1) Đồng phục học sinh Trung học Cơ sở thường có đặc điểm thế nào?  (2) Loại vải nào phù hợp để may đồng phục học sinh?  (3) Kiểu may và màu sắc của trang phục như thế nào để phù hợp với các hoạt động học tập và sinh hoạt tại trường?  (4) Bộ đồng phục có họa tiết trang trí ra sao để tạo điểm nhấn và đạt yêu cầu thẩm mỹ?  **\* Thực hiện nhiệm vụ:**  -Học sinh thảo luận nhóm trả lời câu hỏi  **\* Báo cáo thảo luận:**  - Cá nhân trả lời, các bạn còn lại nhận xét, bổ sung  **\* Kết luận nhận định**  Giáo viên nhận xét, đánh giá |  |

**C.HOẠT ĐỘNG : BÁO CÁO DỰ ÁN**

**a.Mục tiêu:** Đánh giá và hướng dẫn học sinh tự đánh giá kết quả học tập

**b.Nội dung:** Bộ đồng phục cho học sinh trung học cơ sở đã được thiết kế

**c.Sản phẩm:** Bản vẽ phác thảo và nội dung thuyết minh giới thiệu bộ trang phục của mỗi nhóm học sinh

**d.Tổ chức thực hiện**

**\*Chuyển giao nhiệm vụ**

- Giáo viên mời 1 bạn làm người dẫn chương trình

- Người dẫn chương trình mình đều động các nhóm lần lượt trình bày sản phẩm của nhóm mình

Các nhóm trình bày sản phẩm em của nhóm theo các bước

- Ý tưởng thiết kế theo xu hướng thời trang

- Ý tưởng chọn kiểu dáng bộ trang phục

- Ý tưởng chọn màu sắc và hoa văn bộ trang phục

- Ý tưởng chọn vật dụng đi kèm nếu có

**\*Thực hiện nhiệm vụ:**

- Các nhóm báo cáo

**\*Báo cáo thảo luận**

Các nhóm tự đánh giá quá trình và kết quả thực hiện rút kinh nghiệm

**\*Kết luận nhận định**

- Giáo viên nhận xét đánh giá quá trình thực hiện dự án và sản phẩm của mỗi nhóm theo tiêu chí đã đề ra ban đầu

**D. HOẠT ĐỘNG: VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Tìm tòi và mở rộng kiến thức, khái quát lại toàn bộ nội dung kiến thức đã học

**b.Nội dung:**Giao nhiệm vụ

**c.Sản phẩm:**

**d.Tổ chức thực hiện**

**\*Chuyển giao nhiệm vụ**

Em hãy trao đổi với người thân, bạn bè hoặc qua ti vi, internet, sách báo cho biết những người dân sông ở khu vực đồng bằng Sông Cửu Long có những kiểu thời trang nào được ứng dụng nhiều nhất trong cuộc sống

**\*Thực hiện nhiệm vụ:**

- HS tự n/c và hoàn thiện

**\*Báo cáo thảo luận**

Các nhóm tự đánh giá quá trình và kết quả thực hiện rút kinh nghiệm

**IV KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

Bảng theo dõi thực hiện dự án của nhóm

Tên nhóm:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TIÊU CHÍ | MỨC ĐỘ | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 |
| Tham gia thảo luận, đưa ý kiến | Không có các buổi thảo luận, đưa ý kiến nhóm | Có các buổi thảo luận, đưa ý kiến nhóm nhưng không đầy đủ thành viên hoặc không có biên bản thảo luận nhóm. | Có các buổi thảo luận, đưa ý kiến nhóm với đầy đủ thành viên, có biên bản thảo luận nhóm nhưng ghi chép sơ sài. | Có các buổi thảo luận, đưa ý kiến nhóm với đầy đủ thành viên và ghi chép chi tiết biên bản thảo luận nhóm. |
| Có thành viên không quan tâm tham gia thảo luận với các bạn nhưng không nhận được sự nhắc nhở của nhóm | Các thành viên đều tham gia thảo luận, góp ý kiến nhưng chưa có sự đồng đều giữa các thành viên | Các thành viên đều hăng hái, tích cực tham gia thảo luận và đưa ra ý kiến cá nhân | Các thành viên đều hăng hái, tích cực tham gia thảo luận, có sự tranh luận sôi nổi và đưa ra ý kiến sáng tạo, hiệu quả có thể sử dụng |
| Thái độ hợp tác, cộng tác nhóm | Không có tinh thần hợp tác, lắng nghe ý kiến của mọi người trong nhóm. | Có tinh thần hợp tác, lắng nghe ý kiến của mọi người trong nhóm. | Có tinh thần hợp tác, biết lắng nghe và học hỏi ý kiến của các bạn, bảo vệ quan điểm cá nhân. | Có tinh thần hợp tác, biết lắng nghe và học hỏi ý kiến của các bạn, bảo vệ quan điểm cá nhân, đồng thời giúp cho các bạn hợp tác tốt với nhau |
| Kế hoạch làm việc | Không có kế hoạch | Kế hoạch sơ sài, không thực tế | Có kế hoạch chi tiết, rõ ràng nhưng không thực tế | Kế hoạch chi tiết rõ ràng, thực tế, sáng tạo, khả năng ứng dụng cao |
| Năng lực làm việc | Không thực hiện các công việc được giao hoặc thực hiện không đạt yêu cầu | Tích cực thực hiện các công việc được giao, đạt yêu cầu | Thực hiện các công việc được giao một cách sáng tạo, đạt hiệu quả cao | Thực hiện các công việc được giao một cách sáng tạo, hiệu quả. Xung phong thực hiện những công việc khó. |
| Thời gian hoàn thành công việc | Thường xuyên không hoàn thành công việc đúng hạn | Hoàn thành các công việc không giao đúng thời hạn quy định | Hoàn thành các công việc được giao sớm so với thời hạn quy định | Hoàn thành các công việc được giao sớm, giúp đỡ các bạn khác trong nhóm hoàn thành công việc đúng hạn |

Phiếu đánh giá sản phẩm

Tên nhóm:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TIÊU CHÍ | | ĐIỂM |
| Bài báo cáo | Giới thiệu nhóm ấn tượng. | 8 |
| Nêu được mục đích của buổi báo cáo. | 8 |
| Trình bày rõ ràng, dễ hiểu quy trình làm sản phẩm. | 8 |
| Đánh giá được ưu, nhược điểm của sản phẩm. | 8 |
| Hình thức đẹp, hợp lý, bố cục rõ ràng. | 8 |
| Sản phẩm | Đặt tên phù hợp, ấn tượng cho sản phẩm. | 8 |
| Chất lượng sản phẩm. | 8 |
| Mức độ sáng tạo thể hiện trong sản phẩm. | 8 |
| Sản phẩm thiết thực, có tác động tích cực tới sức khỏe con người và môi trường. | 8 |
| Chi phí tạo thành sản phẩm phù hợp. | 8 |
| Sắm vai hoạt động | Trình bày mạch lạc, thuyết phục trong thời gian quy định; phù hợp với sự phân vai hoạt động. | 10 |
| Thu hút được sự chú ý của mọi người. | 10 |
|  | Tổng điểm | 100 |

Kí duyệt, ngày tháng năm

Tuần:26

Ngày soạn: 29/02/2024

Ngày dạy:

**TIẾT 26: ÔN TẬP CHƯƠNG III**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải**

**1. Về Kiến thức:**

- Trình bày được tóm tắt những kiến thức đẵ học về trang phục và thời trang: các loại vải may mặc thông dựng, cách lựa chọn trang phục, cách sử dụng và bảo quản trang phục;

- Vận dụng những kiến thức của Chương 3 để giải quyết các càu hỏi, bài tạp đặt ra xung quanh chủ đề về trang phục và thời hang.

**2. Về năng lực:**

2.1. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ:Nhận biết được các loại vải thường dùng trong may mặc, nhận biết được cách lựa chọn trang phục và cách bảo quản trang phục

- Sử dụng công nghệ: Sử dung trang phục đảm bảo được yêu cầu về thẩm mĩ

- Đánh giá công nghệ: Đề suất được phương án sử dụng, bảo quản trang phục

- Thiết kế công nghệ: Lựa chọn sử dụng trang phục phù hợp với bản thân

2.2. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực học tập; vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng về trang phục và thời trang để giải quyết những vấn đề trong tình huống mói;

- Giao tiếp và hợp tác: biết trinh bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học, thực hiện có trách nhiệm cảc phần việc của cá nhân và phối họp tốt với các thành viên trong nhóm.

**3. Về phẩm chất:**

- Nhân ái: Yêu quý, quan tâm đến sử dụng và bảo quản trang phục của các thành viên trong gia đình.

- Chăm chỉ: Có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học được ở nhà trường trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hàng ngày.

- Phát triển năng lực tự học, sáng tạo: Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực phân tích, tổng hợp kiến thức

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- Hệ thống câu hỏi ôn tập và bài tập

- Nghiên cứu kĩ trọng tâm chương 3

**2. Học sinh**

- Đọc lại các bài ở chương IV.

- Trả lời câu hỏi ở cuối mỗi bài.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC :**

**HOẠT ĐỘNG : KHỞI ĐỘNG**

**a) Mục tiêu:Tạo hứng thú cho HS**

**b) Nội dung:** Liệt kê tên các loại trang phục

**c) Sản phẩm:** HS làm bài tập trên giấy A4

**d) Tổ chức thực hiện:**

**\* *Chuyển giao nhiệm vụ:***

GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi mang tên ”Ai nhanh hơn”

Thể lệ cuộc chơi đội nào liệt kê được nhiều các loại trang phục đội đo chiến thắng

? Em hãy kể tên các loại trang phục hiện nay đang sử dụng rộng rãi?

HS lắng nghe tiếp nhận nhiệm vụ.

**\**Thực hiện nhiệm vụ:***

HS: Suy nghĩ nhớ lại kiến thức trả lời câu hỏi và liệt kê các loại trang phục

GV quan sát Hs tham gia trò chơi

**\*Báo cáo thảo luận**

- Các nhóm tự đánh giá quá trình và kết quả thực hiện

**\*Kết luận nhận định**

- Giáo viên nhận xét đánh giá quá trình thực và công bố đội nào liệt kê đúng được nhiều đội đó chiến thắng

GV dẫn dắt vào bài

**B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **HĐ CỦA GV VÀ HS** | **NỘI DUNG** |
| **HĐ1 :Hệ thống hóa kiến thức chương III**  ***a.Mục tiêu:*** hệ thống hoá các kiến thức, kĩ năng đã học của Chương 3.  ***b.Nội dung:***  Mối liên hệ giữa các khối kiến thức của Chương 3:  + Các loại vải thường dùng trong may mặc;  + Trang phục;  + Thời trang.  ***c.Sản phẩm:*** sơ đồ khối hệ thống hoá các kiến thức, kĩ năng của Chương 3.  **d) Tổ chức thực hiện:**  **\* *Chuyển giao nhiệm vụ:***  + GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung chính đã học ở Chương 3.  + Gv yc HS vẽ sơ đồ mối liên hệ giữa các khối kiến thức của Chương 3 trong SGK. Có thể dùng lược đồ tư duy để nhắc lại những ý chính của từng bài trong Chương 3.  - GV: các em hãy hệ thống lại kiến thức cũ theo nhóm như sau:  -Nhóm 1: Các lọai vải  -Nhóm 2: Vai trò  -Nhóm 3: Lựa chọ trang phục  -Nhóm 4: Sử dụng và bảo quản  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **\*Thực hiện nhiệm vụ***:*  HS các nhóm hệ thống lại kiến thức.  \* Dự kiến sản phẩm:  - Đại diện nhóm 1trình bày nội dung được phân công:  **\* Báo cáo thảo luận:**  - Đại diện nhóm trả lời  **\* Kết luận nhận định**  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  GV:hệ thống hóa kiến thức  **HĐ 2: Câu hỏi ôn tập:**  ***a.Mục tiêu:*** củng cố, khắc sầu kiến thức của Chương 3.  ***b.Nội dung:*** câu hỏi ôn tập trong SHS và bài tập trong SBT.  ***c. Sản phẩm:*** đáp án cho câu hỏi và bài tập.  d) Tổ chức thực hiện:  *\* Chuyển giao nhiệm vụ:*  ? Trả lời các câu hỏi sgk trang 63 mỗi nhóm trả lời 2 câu hỏi  -Nhóm 1: Câu 1,2  -Nhóm 2: Câu 3,4  -Nhóm 3: Câu 5,6  -Nhóm 4: Câu 7,8  - Nhóm 5: Câu 9,10  - Nhóm 6: câu 10,11  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **\*Thực hiện nhiệm vụ:**  HS các nhóm hệ thống lại kiến thức trả lời câu hỏi  **\**Báo cáo kết quả:***  - Đại diện nhóm Hs trình bày miệng.  **\**Đánh giá kết quả:***  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  GV:hệ thống hóa kiến thức  GV: chốt và cho điểm kl | **I. Lí thuyết**  **II. Câu hỏi**  **Câu 1**: Các loại vải thường dùng trong may mặc là;Vải sợi thiên nhiên như tơ tằm, bông...,vải sợi hóa học như satin,polyeste..., vải sợi pha như vải KT( cotton+polyeste)  Câu 2: Vào mùa hè mặc quần áo bằng vải bông và tơ tằm vì mặc thoáng mát và thấm mồ hôi  Câu 3: Trang phục có vai trò  -Bào vệ con người chống lại các tác hại của môi trường  -Làm đẹp cho con người trong mọi hoạt động  Câu 4: Cần chọn vải, kiểu may phù hợp với vóc dáng cơ thể vì để khắc phục bớt khuyết nhược điểm của cơ thể tôn lên vẻ đẹp của người mặc.  Câu 5: Trang phục lao động.  - Chọn quần áo thoải mái, tối mầu, dễ thoát mồ hôi, rộng rãi, dễ làm việc.  - Chất liệu vải : vải sợi bông : dễ thoát mồ hôi  - Màu sắc : màu sẫm : dễ giặt  - Kiểu may đơn giản, rộng:dễ làm việc  - Dép thấp, giày ba ta : đi lại dễ dàng  Câu 6: - Quy trình giặt phơi quần áo như sau:  B1: lấy các vật dụng trong túi quần, túi áo ra; phân loại quần áo màu sáng, màu trắng với quần áo màu tối để giặt riêng  B2: Thực hiện  -Tẩy vết bẩn hoặc vò trước với xà phòng những chỗ bám bẩn nhiều như: cổ áo, nách áo, đáy quần  \* Giặt bằng tay  - Ngâm quần áo trong nước xà phòng khoảng từ 15- 30 phút  -Vò kĩ toàn bộ quần áo  -Xả nước nhiều lần cho sạch, có thể dung them nước xả vải trong lần xả cuối  \*Giặt bằng máy:  -Chọn mức nước và chế độ giặt phù hợp  -Cho xà phòng và nước xả vải(nếu có) vào khoang giặt  -Khởi động máy để bắt đầu quá trình giặt, sấy  B3: Hoàn tất phơi quần áo màu sang , quần áo bằng vải bông, vải sợi pha ở ngoài nắng; phơi quần áo màu sẫm, quần áo bằng vải lụa nylon trong bóng râm  Câu 7: Cần chuẩn bị những dụng cụ là: Bàn là, cầu là, bình phun nước.  Câu 8:  -Thời trang là những kiểu trang phục được nhiều người ưa chuộng và sử dụng phổ biến trong một thời gian nhất định.  - Phong cách thời trang là cách ăn mặc theo nhu cầu thẩm mỹ và sở thích tạo nên vẻ đẹp riêng, độc đáo của mọi người.  Câu 9:  Có Các phong cách thời trang sau: Cổ điển,thể thao, học đường, đơn giản, đường phố |

**C. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Tìm tòi và mở rộng kiến thức, khái quát lại toàn bộ nội dung kiến thức đã học

**b.Nội dung:**Thiết kế sản phẩm

**c.Sản phẩm:** Bản vẽ thiết kế

**d.Tổ chức thực hiện**

**\*Chuyển giao nhiệm vụ**

*\* Chuyển giao nhiệm vụ:*

- GV yêu cầu HS tìm hiểu trả lời câu hỏi và làm bài tập:

? Em hãy tự thiết kế bộ trang phục phù hợp với lứa tuổi và hoàn cảnh sông của em

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

*\*Thực hiện nhiệm vụ:*

*-* HS làm việc cá nhân tìm hiểu thực tế để hoàn thành nhiệm vụ học tập*.*

*\* Báo cáo kết quả:*

+ HS trình bày kết quả làm việc.

*\*Đánh giá kết quả*

- HS nhận xét, đánh giá câu trả lời của bạn, bổ sung (nếu có).

=>GV nhận xét, đánh giá.

*\*Dặn dò*: GV yêu cầu HS về nhà học bài và tiếp tục hệ thống lại toàn bộ kiến thức Chương III để tiết sau kiểm tra½ học kì II.

**Kí duyệt**

Tuần:25

Ngày soạn: 29/02/2024

Ngày dạy:

**TIẾT 27: KIỂM TRA GIỮA KÌ II**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**:

**-** Nắm vững các bước làm việc theo quy trình công nghệ.

**-** Củng cố các kiến thức của chương III

**2. Năng lực**

- Nhận thức công nghệ:Nắm được các đợn vị kiến thức cơ bản để làm kiểm tra

- Sử dụng công nghệ: Sử dung các kiến thức đã học vào là bài tập

- Đánh giá công nghệ: Đánh giá được nội dung bài kiểm tra

**3.Phẩm chất:**

- Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực học tập; vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng để làm bài kiểm tra

- Trung thực; nghiêm túc; tự tin và có tinh thần vượt khó; chấp hành kỉ luật

**II: CHUẨN BỊ**

**1.Giáo viên:** Soạn đề kiểm tra

**2.Học sinh :** Ôn tập nôi dung chương III

-Chuẩn bị giấy bút

**III. MA TRẬN ĐỀ:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Nội**  **dung** | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | | | **Cộng** |
| **Cấp độ thấp** | | **Cấp độ cao** | |
| TN | TL | TN | TL | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |  |
| **Nội dung 1.** Các loại vải thường dùng trong may mặc | Hiểu được nguồn gốc các loại vải. |  | Hiểu được cơ sở để phân loại các loại vải. |  | Vận dụng chỉ ra được đặc điểm của một số loại vải |  |  |  |  |
| *Số câu: 03* | *1* |  | *1* |  |  | *1* |  |  | *3* |
| *Số điểm:*  *Tỉ lệ(10%)* | **0,25**  **2,5** |  | 0,25  2.5 |  |  | **0,25**  **2,5** |  |  | 0,75  7,5% |
| **Nội dung 3.**Trang phục | Biết được chức năng của trang. Biết mục đích của việc là (ủi) | Biết được khái niệm và cách phân loại trang phục |  | B iết được quy trình giặt, phơi | Biết cách vận dụng sử dụng và bảo quản trang phục hợp lí |  |  |  |  |
| *Số câu: 06* | *1* | *1* |  | *1* | *8* |  |  |  | *3* |
| *Sổ điểm:8,25*  *Tỉ lệ:82,5%* | *0,25*  *2,5* | *3,0*  *30* |  | *3*  *30* | *2*  *20* |  |  |  | *8,25*  *35%* |
| Chủ đề 5: Thời trang |  |  |  |  |  |  |  | Thiết kế được bộ trang phục mặ đi học |  |
| *Số câu: 01* |  |  |  |  |  |  |  | 1 |  |
| *Sổ điểm:1*  *Tỉ lệ: 10%* |  |  |  |  |  |  |  | 10 | *1%*  *10* |
| *Tổng số câu hỏi* | *2* | 1 | *1* | *1* | 8 | 1 |  | 1 | *15* |
| *Tổng số điểm*  *Tỉ lệ* | *0,5*  *5%* | 3  30% | *0,25*  *2,5%* | *3*  *30%* | 2  20% | 0,25  2,5% |  | 1  10% | *10,*  *100%* |

ĐỀ KIỂM TRA

I. Trắc nghiệm khách quan (3 điểm)

Khoanh tròn chữ cái trước câu trả lời đúng nhất. Mỗi câu đúng được 0,25 điểm:

**Câu 1: Vải sợi thiên nhiên có nguồn gốc**

a. Từ các dạng sợi có sẵn trong tự nhiên

b. Từ các dạng sợi do con người tạo ra

c. Từ sợi cây đay

d. Từ sợi tơ tằm

**Câu 2: Vải sợi thiên nhiên có tính chất:**

a. Ít thầm mồ hôi, ít bị nhàu

b. Giặt mau khô, hút ẩm thấp

c. Hút ẩm cao, giặt lâu khô

d. Ít thấm mồ hôi,khi đốt tro vón cục

**Câu 3: Chức năng của trang phục:**

a. Giúp con người chống nóng

b.Bảo vệ và làm đẹp cho con người

c. Giúp con người chống lạnh

d. Làm tăng vẻ đẹp cho con người

**Câu 4: Người béo và lùn nên mặc loại vải:**

a. Màu sáng, mặt vải thô, kẻ sọc ngang

b. Màu sáng, mặt vải láng, kẻ sọc dọc

c. Màu tối, mặt vải thô, kẻ sọc ngang

d. Màu tối, mặt vải trơn, kẻ sọc dọc

**Câu 5: Người có dáng cao, gầy nên mặc trang phục:**

a. Áo có cầu vai, tay bồng, kiểu thụng

b. May sát cơ thể, tay chéo

c. Đường may dọc theo thân áo, tay chéo

d. Kiểu may sát cơ thể, tay bồng

**Câu 6: Khi chọn vải phù hợp cho trẻ em từ sơ sinh đến mẫu giáo ta chọn vải:**

a. Vải thô cứng, màu tối

b. Vải mềm, dễ thấm mồ hôi, màu sắc đẹp

c. Vải ít thấm mồ hôi, màu sắc đẹp

d. Màu vải sáng, vải ít thấm mồ hôi

**Câu 7: Trang phục đẹp là trang phục:**

a. Mốt cầu kỳ, đắt tiền

b. Có màu sắc lòe loẹt, rộng thùng thình

c. Hài hòa về màu sắc, phù hợp với công việc

d. Phải có nhiều vật dụng đi kèm

**Câu 8: Khi đi học thể dục em chọn trang phục:**

a. Vải sợi bông, may sát người, giày cao gót

b. Vải sợi tổng hợp, may rộng, giày da đắt tiền

c. Vải sợi bông, may rộng, dép lê

d. Vải sợi bông, may rộng, giày ba ta

**Câu 9: Mục đích của việc là (ủi) là:**

a. Làm quần áo thơm hơn

b. Làm quần áo phẳng

c. Làm quần áo lâu hỏng hơn

d. Làm cho gián,bọ không cắn phá quần áo

**Câu 10: Các em đi lao động nên sử dụng trang phục nào trong những trang phục sau đây là phù hợp nhất?**

a. Trang phục có chất liệu là vải sợi bông, màu sáng, kiểu may đơn giản, giày đế cao.

b. Trang phục có chất liệu bằng vải sợi hóa học, màu sáng, kiểu may cầu kì, bó sát người, dép thấp.

c. Trang phục có chất liệu bằng vải sợi pha, màu tối, kiểu may đơn giản, rộng rãi, dép thấp hoặc giày ba ta.

d. Trang phục có chất liệu bằng vải nilon, màu tối, kiểu may

**Câu 11: Ngưới có vóc dáng cao, gầy nên chọn vải có màu sắc như thế nào cho phù hợp;**

a. Màu trắng ,hoa văn to.

b. Màu vàng có kẻ sọc dọc

c. Màu xanh đen, nâu,tím đậm, có hoa văn nhỏ, kẻ sọc dọc

**Câu 12: Vải polyester co tính chất gì**

a. Hút ẩm cao , dễ nhàu

b. Mặc không bị nhàu hút ẩm kém, ít thấm mồi hôi, có độ bền cao

c. Ít nhàu,kém bền, mặc thoáng mát

**II- Tự luận: (7 điểm)**

Câu 1: Em hãy trình bày quy trình giặt - phơi? (3 điểm)

Câu 2: Trang phục là gì? Các phân chia loại trang phục? (3điểm)

Câu 3: Em hãy chọn vải, kiểu may 1 bộ trang phục đồng phục đi học của em? (1điểm)

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ THANG ĐIỂM

Phần I. Câu hỏi trắc nghiệm khách quan (3điểm)

- Thang điểm: Mỗi câu trả lời đúng được 0.25 điểm x 12 câu = 3 điểm

- Đáp án: Câu 1: a; Câu 2: c; Câu 3:d; Câu 4: b; Câu 5: a; Câu 6: b; Câu 7: c; Câu 8: d; Câu 9: b; Câu 10: c; Câu 11: a; Câu 12: b

Phần II. Câu hỏi tự luận (7điểm)

Câu 1: Quy trình giặt: (3đ)

- Lấy các đồ vật còn sót lại trong túi áo, túi quần ra. (0,5đ)

- Tách riêng quần áo sáng màu và quần áo màu. (0,5đ)

- Ngâm quần áo 10 -15 phút trong nước lã trước khi vò xà phòng. (0,5đ)

- Vò kĩ bằng xà phòng những chỗ bẩn (cổ áo, cổ tay, gấu áo quần) rồi ngâm 15

-30 phút. (0,5đ)

- Giũ quần áo nhiều lần bằng nước sạch. (0,5đ) - Vắt kĩ và phơi. (0,5đ)

Câu 2 :

- Trang phục: Bao gồm các loại áo quần và một số vật dụng khác đi kèm như: mũ, giày, tất, khăn quàng… (1đ)

- Có 4 loại trang phục (2đ)

+ Theo thời tiết: Trang phục mùa lạnh, trang phục mùa nóng.

+ Theo công dụng: Trang phục lễ hội, đồng phục, trang phục thể thao…

+ Theo lứa tuổi: Trang phục trẻ em, trang phục người đứng tuổi.

+ Theo giới tính: Trang phục nam, trang phục nữ.

Câu 3 :

+ Đặc điểm vóc dáng bản thân (0,25đ)

+ Kiểu áo quần định may(0,25đ)

+ Chọn vải: Chất liệu, màu sắc, hoa văn (0,25đ)

+ Chọn vật dụng đi kèm (0,25đ)

*Ký duyệt*, ngày

Tuần:28

Ngày soạn: 29/02/2024

Ngày dạy:

**CHƯƠNG IV: ĐỒ DÙNG ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH**

**TIẾT 28: BÀI 9:**

**SỬ DỤNG ĐỒ DÙNG ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH**

**(Tiết 1)**

**I. MỤC TIÊU: Sau bài học này học sinh phải**

**1. Về kiến thức:**

- Nêu được công dụng của một số đồ dùng điện trong gia đình

- Nhận biết và nêu được chức năng các bộ phận chính của một số đồ dùng điện

- Vẽ được sơ đồ khối và nêu được nguyên lý làm việc của một số đồ dùng điện

- Sử dụng được một số đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, an toàn và tiết kiệm điện năng

**2. Về năng lực:**

2.1.Năng lực công nghệ

*- Năng lực nhận thức công nghệ:* Nhận thức được cấu tạo, nguyên lí làm việc của đồ dùng công nghệ trong gia đình

*- Sử dụng công nghệ:* Sử dụng được các đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, an toàn tiết kiệm điện; vẽ được sơ đồ khối mô tảnguyên lí làm việc của một số đồ dùng điện

- *Giao tiếp công nghệ:* Thông qua bài học HS sử dụng được một số thuật ngữ về đồ dùng điện

2.2. Năng lực chung:

*- Năng lực tự chủ và tự học*

+ Hoàn thành các nhiệm vụ học tập ở nhà và trên lớp theo sự phân công của giáo viên

+ Vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết những vấn đề trong tình huống mới

*- Năng lực giao tiếp hợp tác*: Biết trình bày ý tưởng , thảo luận những vấn đề của bài học, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Có ý thức chăm chỉ trong học tập và vận dụng kiến thức đã học về các đồ dùng điện vào cuộc sống hàng ngày. Có ý thức bảo vệ an toàn điện trong cuộc sống

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU :**

**1. Đối với giáo viên:**

- Tranh ảnh, mô hình hoặc mẫu vật về bàn là, đèn LED, máy say thực phẩm(Theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu).-Giấy A0, A4

- Phiếu học tập

**2. Đối với học sinh:**

- Sgk, dụng cụ học tập

- Quan sát hoạt động của các đồ dùng điện trong gia đình

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

***a. Mục đích****:*Tạo hứng thú cho HS trong học tập, tạo sự tò mò cần thiết của tiết học. Khơi gợi nhu cầu tìm hiểu của HS về các loại đồ dùng điện trong gia đình

Tổ chức tình huống học tập, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

***b. Nội dung:***Cấu tạo và hoạt động của một số đồ dùng điện thông dụng trong gia đình

***c. Sản phẩm:***Nhu cầu tìm hiểu cấu tạo và hoạt động của một số đồ dùng điện

***d. Tổ chức thực hiện:***

***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

Yêu cầu một số hs trong lớp trả lời câu hỏi

? Kể tên các đồ dùng điện đang được sử dụng trong gia đình em ?

Gv trình chiếu hình ảnh các đồ dùng điện phổ biến trong gia đình như bàn là, đèn LED, máy say thực phẩm

? Nêu cấu tạo củabàn là, đèn LED, máy say thực phẩm

? Nêu cách hoạt động của bàn là, đèn LED, máy say thực phẩm

***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

*- Học sinh trả lời*

- HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn và nêu tên đúng loại thực phẩm.

GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.

*- Giáo viên quan sát*

***\* Bước 3: Báo cáo thảo luận***

- GV yêu cầuđại diệnnhóm trả lời, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

***\* Bước 4: Kết luận, nhận định***

GV nhận xét trình bày của HS

GV chốt lại kiến thức.

*->Giáo viên gieo vấn đề cần tìm hiểu trong bài học*

Đồ dùng điện là đồ dùng không thể thiếu trong đời sống sinh hoạt của chúng ta hiện nay. Từ bóng đèn, nồi cơm điện,bàn là,bình đun nước nóng, máy say thực phẩm…..Vậy chúng có cấu tạo và nguyên lý làm việc như thế nào chúng ta cùng tìm hiểu bài

Giáo viên nêu mục tiêu bài học…

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Tìm hiểu một số đồ dùng điện trong gia đình**

**1.1.Bàn là ( Bàn ủi)**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu cấu tạo và thông số kĩ thuật.**  **a. Mục đích:**Mô tả cấu tạo chung và đọc được thông số kĩ thuật của bàn là, giới thiệu một số loại bàn là thông dụng  **b. Nội dung:** Tên gọi chức năng các bộ phận chính của bàn là  **c. Sản phẩm:**Bản ghi chép về tên gọi chức năng các bộ phận chính của bàn là  **d. Tổ chức thực hiện:**\**Chuyển giao nhiệm vụ*  GV treo 1 tờ giấy A0 trên đó kẻ bảng có 3 cột tương ứng với mỗi cột là cấu tạo và chức năng của bàn là  GV chia lớp làm các nhóm, phát giấy A4 cho các nhóm và yêu cầu các nhóm (thời gian 3 phút) quan sát hình ảnh 9.1 và mẫu vật, em và các bạn trong nhóm hãy thảo luận ghép tên và chức năng vào các bộ phận chính của bàn là cho phù hợp vào mỗi tờ giấy A4.  HS nhận nhóm và nhận giấy A4.  *\* Thực hiện nhiệm vụ*  HS tiến hành thảo luận theo yêu cầu của GV.  GV yêu cầu đại diện từng nhóm lên bảng dán tên từng bộ phận cấu tạo và chức năng tương ứng với mỗi cột.  Đại diện nhóm lên dán phương án trả lời của nhóm mình lên giấy A0  \* *Báo cáo kết quả*  Đại diện các nhóm trình bày kết qủa thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  \* *Kết luận, nhận định*  GV nhận xét trình bày của hs, giải thích (những nội dung HS chưa hiểu rõ)  - Chốt lại kiến thức và kết luận như phần dự kiến sản phẩm  \**Chuyển giao nhiệm vụ*  Gv yêu cầu hs đọc thông tin bảng 9.1. Gv giới thiệu hs về thông số kĩ thuật một số bàn là thông dụng như bàn là du lịch, bàn là khô, bàn là hơi nước  Gv cho hs quan sát 1 chiếc bàn là du lịch trên vỏ ghi 220V – 250W. Em hãy đọc các thông số kĩ thuật ghi trên bàn là. Sau đó đưa ra tình huống: Bạn An nói “bàn là có điện áp định mức là 220V, công suất định mức là 250W”; bạn Dung nói “bàn là có điện áp định mức là 250V, công suất định mức là 220W”. Theo em bạn nào nói đúng về thông số kĩ thuật của bàn là? Tại sao?  Gv yêu cầu nhóm cặp đôi thảo luận trong thời gian 2 phút và trả lời câu hỏi trên vào giấy A4.  - HS quan sát tiếp nhận nhiệm vụ  *\* Thực hiện nhiệm vụ*  HS tiến hành thảo luận theo yêu cầu của GV.  Trả lời câu hỏi trên và ghi vào giấy A4  GV theo dõi giúp đỡ nhóm hs gặp khó khăn  \* *Báo cáo kết quả*  Gv chia bảng thành 2 phần tương ứng với vị trí câu trả lời đồng ý với ý kiến bạn An và bạn Dung. Kết thúc thời gian 2 phút, các nhóm HS dán ý kiến của mình lên bảng  Gv yêu cầu đại diện các nhóm trình bày kết qủa thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  \* *Kết luận, nhận định*  GV nhận xét trình bày của hs, giải thích (những nội dung HS chưa hiểu rõ)  - Chốt lại kiến thức và kết luận như phần sản phẩm cần đạt | 1. **Cấu tạo và thông số kĩ thuật.**   **\* Cấu tạo của bàn là:**  - Vỏ bàn là: Bảo vệ các bộ phận bên trong bàn là  - Dây đốt nóng: Tạo sức nóng dưới tác dụng của dòng điện  - Bộ điều chỉnh nhiệt độ: đặt nhiệt độ bàn là phù hợp với từng loại vải  **\* Thông số kĩ thuật của bàn là :**  + Công suất định mức : 250W  + Điện áp định mức : 220V |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 2:** **Tìm hiểu nguyên lí làm việc của bàn là**  **a. Mục tiêu:**Vẽ được sơ đồ khối, mô tả được nguyên lí làm việc của bàn là  **b. Nội dung:** sơ đồ khối mô tả được nguyên lí làm việc của bàn là  **c. Sản phẩm:**Bản ghi chép về nguyên lí làm việc của bàn là  **d. Tổ chức thực hiện:**\**Chuyển giao nhiệm vụ*  Gv yêu cầu hs quan sát hình ảnh sau  Bộ  Bàn là nóng lên  Dây đốt nóng  Cấp điện cho  bàn là  Bộđiều  chỉnh  nhiệt  độ  Sơ đồ khối mô tả nguyên lí làm việc của bàn là  ? mô tả nguyên lí làm việc của bàn là  ? Tại sao bàn là luôn giữ được độ nóng theo nhiệt độ đã đặt trước  ? Em hãy vẽ lại sơ đồ khối mô tả nguyên lí làm việc của bàn là  GV yêu cầu hs hoạt động nhóm cặp đôi thảo luận trong thời gian 4 phút và trả lời câu hỏi trên  - Hs quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ  *\* Thực hiện nhiệm vụ*  HS tiến hành thảo luận theo yêu cầu của GV.  Trả lời câu hỏi trên và ghi vào giấy A4  GV theo dõi giúp đỡ nhóm hs gặp khó khăn  \* *Báo cáo thảo luận*  Kết thúc thời gian 4 phút  Gv yêu cầu đại diện các nhóm trình bày kết qủa thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  \* *Kết luận, nhận định*  GV nhận xét trình bày của hs, giải thích (những nội dung HS chưa hiểu rõ)  - Chốt lại kiến thức và kết luận như phần sản phẩm cần đạt | **b. Nguyên lí làm việc của bàn là**  Khi cấp điện áp cho bàn là và xoay bộ điều chỉnh nhiệt độ đến vị trí thích hợp với loại vải cần là, lúc naỳ dòng điện truyền qua dây đốt nóng làm bàn là nóng lên. Bàn là sẽ tự động ngắt và đóng dòng điện truyền qua dây đốt nóng để giữ nhiệt độ luôn ổn đinh ở giá trị nhiệt độ đã đặt trước |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 3:** Tìm hiểu sử dụng bàn là  **a. Mục tiêu:**Sử dụng được bàn là đúng cách, an toàn và tiết kiệm điện năng  **b. Nội dung:** Ý nghĩa của các kí hiệu trên bộ điều chỉnh nhiệt độ và quy trình sử dụng bàn là  **c. Sản phẩm:**Bản ghi chép về quy trình sử dụng bàn là  **d. Tổ chức thực hiện:**\**Chuyển giao nhiệm vụ*  Gv yêu cầu hs quan sát hình 9.3 sgk/ 66  ? mô tả các kí hiệu trên bộ điều chỉnh nhiệt độ của bàn là  GV yêu cầu hs hoạt động nhóm cặp đôi thảo luận trong thời gian 4 phút và trả lời câu hỏi trên  - Hs quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ  *\* Thực hiện nhiệm vụ*  HS tiến hành thảo luận theo yêu cầu của GV.  Trả lời câu hỏi trên và ghi vào giấy A4  GV theo dõi giúp đỡ nhóm hs gặp khó khăn  \* *Báo cáo thảo luận*  Kết thúc thời gian 4 phút  Gv yêu cầu đại diện các nhóm trình bày kết qủa thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  \* *Kết luận, nhận định*  GV nhận xét trình bày của hs, giải thích (những nội dung HS chưa hiểu rõ)  - Chốt lại kiến thức và kết luận như phần sản phẩm cần đạt | **c. Sử dụng bàn là:**  - Bàn là dùng để là , làm phẳng quần áo, các hàng may mặc, vải...  - Các kí hiệu trên bộ điều chỉnh sgk /66  **-** Các bước sử dụng : sgk/ 67  - Khi sử dụng bàn là cần chú ý:  + Đúng điện áp định mức  + Điều chỉnh nhiệt độ phù hợp cho từng loại vải.  + Giữ gìn mặt đế bàn là sạch và nhẵn  + Đảm bảo an toàn về điện hoặc về nhiệt |

**C. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP:**

**a) Mục tiêu** : Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** hoàn thành được bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu : trả lời câu hỏi

1.*Cấu tạo và thông số kĩ thuật của bàn là?*

*2.Nguyên lí làm việc của bàn là*

3. *Sử dụng bàn là*

- Hs tiếp nhận

***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS đọc yêu cầu, suy nghĩ trả lời

- GV theo dõi

***\* Bước 3: Báo cáo kết quả:***

HS trình bày miệng

***\* Bước 4: Kết luận, nhận định***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV: chiếu kết quả

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu** : Giúp HS củng cố và vận dụng các kiến thức và kĩ năng đã học vào thực tiễn sử dụng bàn là ở gia đình.

**b) Nội dung:** bài tập phần vận dụng trong SGK và bài tập về nhà trong SBT.

**c) Sản phẩm:** đáp ánbài tập phần vận dụng trong SGK và bài tập về nhà trong SBT.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu :

Sử dụng bàn là, cách bảo quản như vậy đã phù hợp chưa

- Hs tiếp nhận

***\* Thực hiện nhiệm vụ:***

HS hoàn thành yêu câu trả lời vào giấy A4

***\* Bước 3: Báo cáo kết quả:***

Tiết học tiếp theo báo cáo kết quả bằng hình thức thuyết trình

***\* Bước 4: Kết luận, nhận định***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

Kí duyệt

Tuần:29

Ngày soạn: 29/02/2024

Ngày dạy:

**TIẾT 29:**

**BÀI 9: SỬ DỤNG ĐỒ DÙNG ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH**

**( Tiết 2 )**

**I. MỤC TIÊU: Sau bài học này học sinh phải**

**1. Về kiến thức:**

- Nêu được công dụng của một số đồ dùng điện trong gia đình.

- Nhận biết và nêu được chức năng các bộ phận chính của một số đồ dùng điện.

- Vẽ được sơ đồ khối và nêu được nguyên lý làm việc của một số đồ dùng điện.

- Sử dụng được một số đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, an toàn và tiết kiệm điện năng.

-Lựa chọn đồ dùng điện tiết kiệm năng lượng, phù hợp với gia đình.

**2. Về năng lực:**

***2.1. Năng lực chung:***

*- Năng lực tự chủ và tự học:*

+ Hoàn thành các nhiệm vụ học tập ở nhà và trên lớp theo sự phân công của giáo viên.

+ Vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết những vấn đề trong tình huống mới

*- Năng lực giao tiếp hợp tác*: Biết trình bày ý tưởng , thảo luận những vấn đề của bài học, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

***2.2. Năng lực công nghệ***

*- Năng lực nhận thức công nghệ:* Nhận thức được cấu tạo, nguyên lí làm việc của đồ dùng công nghệ trong gia đình.

- *Giao tiếp công nghệ:* Thông qua bài học HS sử dụng được một số thuật ngữ về đồ dùng điện.

*- Sử dụng công nghệ:* Sử dụng được các đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, an toàn tiết kiệm điện; vẽ được sơ đồ khối mô tảnguyên lí làm việc của một số đồ dùng điện.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Có ý thức chăm chỉ trong học tập và vận dụng kiến thức đã học về các đồ dùng điện vào cuộc sống hàng ngày.

-Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động cá nhân nhóm

-Nhân ái:Có ý thức bảo vệ an toàn điện trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU :**

**1. Giáo viên:**

- Tranh ảnh, , đèn LED, (Theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu) với các thông số công suất khác nhau.- Sưu tầm 1 số đèn sợi đốt có công suất khác nhau để minh họa cho việc tiêu thụ điện với CS khác nhau.

**2. Học sinh:**

- Sgk, dụng cụ học tập...

- Quan sát hoạt động của các đồ dùng điện trong gia đình...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG: MỞ ĐẦU**

*a. Mục đích:***-**Tạo hứng thú cho HS trong học tập, tạo sự tò mò cần thiết của tiết học. Khơi gợi nhu cầu tìm hiểu của HS về các loại đồ dùng điện trong gia đình ...

- Lưa chọn và sử dụng được các đồ dùng điện tiết kiệm năng lượng, an toàn và phù hợp với điều kiện của gia đình...

-Tổ chức tình huống học tập, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu kiến thức mới.

*b. Nội dung:*  hoạt động của một số đồ dùng điện thông dụng trong gia đình, các thông số kỹ thuật trên các TBĐ...

*c. Sản phẩm:* Lựa chọn các TBĐ, đồ dùng điện qua các thông số kỹ thuật: Công suất tiêu thụ định mức...

*d. Tổ chức thực hiện: cả lớp*

***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

-Gv trình chiếu hình ảnh hoặc sưu tầm các đồ dùng điện phổ biến trong gia đình như bàn là, đèn LED, máy say thực phẩm... với các thông số kỹ thuật như Công suất định mức khác nhau cho HS quan sát trực quan

🡪Yêu cầu một số hs trong lớp trả lời câu hỏi:

+ Công suất trên các TBĐ có ý nghĩa gì?

+Công suất có ảnh hưởng như thế nào đến việc sử dụng điện, tiết kiệm điện...

***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

-HS thảo luận và hoàn thành yêu cầu của GV.

-GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.

***\* Bước 3:* Báo cáo, thảo luận**

-GV giảng giải cho HS nắm bắt được kiến thức mới về thông số kỹ thuật là Công suất định mức ghi trên các TBĐ.

-GV hướng dẫn cho HS biết cách tính toán được lượng điện năng tiêu thụ của các TBĐ

***\* Bước 4:* Kết luận, nhận định**

-HS tiếp thu kiến thức mới, biết cách lựa chọn các TBĐ với các thông số kỵ thuật ghi trên các TBĐ để sử dụng cho an toàn, tiết kiệm ...

-GV chốt lại kiến thức mới sẽ được áp dụng trong thực tế cuộc sống...

**B. HOẠT ĐỘNG: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1. Tìm hiểu một số đồ dùng điện trong gia đình**

**1.2: Đèn LED**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu cấu tạo và thông số kĩ thuật.**  **a. Mục đích:**Mô tả cấu tạo chung và đọc được thông số kĩ thuật của đèn led, giới thiệu một số loại đèn led thông dụng  **b. Nội dung:** Tên gọi chức năng các bộ phận chính của đèn led  **c. Sản phẩm:**Bản ghi chép về tên gọi chức năng các bộ phận chính của đèn led  **d. Tổ chức thực hiện:**\**Chuyển giao nhiệm vụ*  GV treo 1 tờ giấy A0 trên đó kẻ bảng có 3 cột tương ứng với mỗi cột là cấu tạo và chức năng của đèn led  GV chia lớp làm các nhóm, phát giấy A4 cho các nhóm và yêu cầu các nhóm (thời gian 3 phút) quan sát hình ảnh 9.4 và mẫu vật, em và các bạn trong nhóm hãy thảo luận ghép tên và chức năng vào các bộ phận chính của đèn led cho phù hợp vào mỗi tờ giấy A4.  HS nhận nhóm và nhận giấy A4.  *\* Thực hiện nhiệm vụ*  HS tiến hành thảo luận theo yêu cầu của GV.  GV yêu cầu đại diện từng nhóm lên bảng dán tên từng bộ phận cấu tạo và chức năng tương ứng với mỗi cột.  Đại diện nhóm lên dán phương án trả lời của nhóm mình lên giấy A0  \* *Báo cáo kết quả*  Đại diện các nhóm trình bày kết qủa thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  \* *Kết luận, nhận định*  GV nhận xét trình bày của hs, giải thích (những nội dung HS chưa hiểu rõ)  - Chốt lại kiến thức và kết luận như phần dự kiến sản phẩm  \**Chuyển giao nhiệm vụ*  Gv yêu cầu hs đọc thông tin bảng 9.3. Gv giới thiệu hs về thông số kĩ thuật một số đèn led thông dụng như đèn nổi, đèn âm, đèn búp...  Gv cho hs quan sát 1 chiếc đèn led nổi trên vỏ ghi 220V – 25W. Em hãy đọc các thông số kĩ thuật ghi trên đèn led. Sau đó đưa ra tình huống: Bạn Lan nói “đèn led có điện áp định mức là 220V, công suất định mức là 25W”; bạn Dũng nói “bàn là có điện áp định mức là 250V, công suất định mức là 22W”. Theo em bạn nào nói đúng về thông số kĩ thuật của đèn led? Tại sao?  Gv yêu cầu nhóm cặp đôi thảo luận trong thời gian 2 phút và trả lời câu hỏi trên vào giấy A4.  - HS quan sát tiếp nhận nhiệm vụ  *\* Thực hiện nhiệm vụ*  HS tiến hành thảo luận theo yêu cầu của GV.  Trả lời câu hỏi trên và ghi vào giấy A4  GV theo dõi giúp đỡ nhóm hs gặp khó khăn  \* *Báo cáo kết quả*  Gv chia bảng thành 2 phần tương ứng với vị trí câu trả lời đồng ý với ý kiến bạn Lan và bạn Dũng. Kết thúc thời gian 2 phút, các nhóm HS dán ý kiến của mình lên bảng  Gv yêu cầu đại diện các nhóm trình bày kết qủa thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  \* *Kết luận, nhận định*  GV nhận xét trình bày của hs, giải thích (những nội dung HS chưa hiểu rõ)  - Chốt lại kiến thức và kết luận như phần sản phẩm cần đạt | 1. **Cấu tạo và thông số kĩ thuật.**   **\* Cấu tạo của bàn là:**  - Vỏ đèn led: Bảo vệ các bộ phận bên trong đèn led ( bộ nguồn, cách điện..)  - Bộ nguồn: Biến đổi điện áp nguồn điện cho phù hợp  - Bảng mạch led: phát ra ánh sáng  **\* Thông số kĩ thuật của đèn led :**  + Công suất định mức : 9W, 12W, 24W...  + Điện áp định mức : 220V |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 2:** **Tìm hiểu nguyên lí làm việc của đèn led**  **a. Mục tiêu:**Vẽ được sơ đồ khối, mô tả được nguyên lí làm việc của đèn led  **b. Nội dung:** sơ đồ khối mô tả được nguyên lí làm việc của đèn led  **c. Sản phẩm:**Bản ghi chép về nguyên lí làm việc của đèn led  **d. Tổ chức thực hiện:**\**Chuyển giao nhiệm vụ*  Gv yêu cầu hs quan sát hình ảnh sơ đồ khối của đèn led hình 9.5  ? mô tả nguyên lí làm việc của đèn led  ? Em hãy vẽ lại sơ đồ khối mô tả nguyên lí làm việc của đèn led  GV yêu cầu hs hoạt động nhóm cặp đôi thảo luận trong thời gian 4 phút và trả lời câu hỏi trên  - Hs quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ  *\* Thực hiện nhiệm vụ*  HS tiến hành thảo luận theo yêu cầu của GV.  Trả lời câu hỏi trên và ghi vào giấy A4  GV theo dõi giúp đỡ nhóm hs gặp khó khăn  \* *Báo cáo thảo luận*  Kết thúc thời gian 4 phút  Gv yêu cầu đại diện các nhóm trình bày kết qủa thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  \* *Kết luận, nhận định*  GV nhận xét trình bày của hs, giải thích (những nội dung HS chưa hiểu rõ)  - Chốt lại kiến thức và kết luận như phần sản phẩm cần đạt | **b. Nguyên lí làm việc của đèn led**  Khi cấp điện áp cho đèn led , bộ nguồn trong đèn sẽ biến đổi nguồn điện cung cấp phù hợp với điện áp sử dụng của đèn và truyền dòng điện đến bảng mạch LED, làm đèn phát sáng. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 3:** Lưu ý khi sử dụng đèn LED  **a. Mục tiêu:**Sử dụng được đèn LED đúng cách, an toàn và tiết kiệm điện năng  **b. Nội dung:** Ý nghĩa của các kí hiệu trên đèn LED và lưu ý khi sử dụng đèn LED  **c. Sản phẩm:**Bản ghi chép về quy trình sử dụng đèn LED  **d. Tổ chức thực hiện:**\**Chuyển giao nhiệm vụ*  Gv yêu cầu hs ng.cứu sgk/ 69 liên hệ tại gia đình  GV yêu cầu hs hoạt động nhóm cặp đôi thảo luận trong thời gian 4 phút và trả lời câu hỏi trên  - Hs quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ  *\* Thực hiện nhiệm vụ*  HS tiến hành thảo luận theo yêu cầu của GV.  Trả lời câu hỏi trên và ghi vào giấy A4  GV theo dõi giúp đỡ nhóm hs gặp khó khăn  \* *Báo cáo thảo luận*  Kết thúc thời gian 4 phút  Gv yêu cầu đại diện các nhóm trình bày kết qủa thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  \* *Kết luận, nhận định*  GV nhận xét trình bày của hs, giải thích (những nội dung HS chưa hiểu rõ)  - Chốt lại kiến thức và kết luận như phần sản phẩm cần đạt | **c. Lưu ý khi sử dụng đèn LED**  - Không đặt đèn trực tiếp dưới ánh sáng mặt trời hoặc những nơi có nhiệt độ cao, ẩm ướt.  - Không đặt đèn gần những chất dẽ gây cháy nổ.  - Vệ sinh đèn bằng vải khô, sạch |

**C. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP:**

**a) Mục tiêu** : Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** hoàn thành được bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu : trả lời câu hỏi

1.*Cấu tạo và thông số kĩ thuật của đèn LED?*

*2.Nguyên lí làm việc của đèn LED?*

3. *Sử dụng đèn LED?*

- Hs tiếp nhận

***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS đọc yêu cầu, suy nghĩ trả lời

- GV theo dõi

***\* Bước 3: Báo cáo kết quả:***

HS trình bày miệng

***\* Bước 4: Kết luận, nhận định***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV: chiếu kết quả

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu** : Giúp HS củng cố và vận dụng các kiến thức và kĩ năng đã học vào thực tiễn sử dụng đèn LED ở gia đình.

**b) Nội dung:** bài tập phần vận dụng trong SGK và bài tập về nhà trong SBT.

**c) Sản phẩm:** đáp án bài tập phần vận dụng trong SGK và bài tập về nhà trong SBT.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu :

Sử dụng đèn LED, cách bảo quản như vậy đã phù hợp chưa

- Hs tiếp nhận

***\* Thực hiện nhiệm vụ:***

HS hoàn thành yêu câu trả lời vào giấy A4

***\* Bước 3: Báo cáo kết quả:***

Tiết học tiếp theo báo cáo kết quả bằng hình thức thuyết trình

***\* Bước 4: Kết luận, nhận định***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

Kí duyệt

**TIẾT 30:**

**BÀI 9: SỬ DỤNG ĐỒ DÙNG ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH**

**( Tiết 3 )**

**I. MỤC TIÊU: Sau bài học này học sinh phải**

**1. Về kiến thức:**

- Nêu được công dụng của một số đồ dùng điện trong gia đình.

- Nhận biết và nêu được chức năng các bộ phận chính của một số đồ dùng điện.

- Vẽ được sơ đồ khối và nêu được nguyên lý làm việc của một số đồ dùng điện.

- Sử dụng được một số đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, an toàn và tiết kiệm điện năng.

-Lựa chọn đồ dùng điện tiết kiệm năng lượng, phù hợp với gia đình.

**2. Về năng lực:**

***2.1. Năng lực chung:***

*- Năng lực tự chủ và tự học:*

+ Hoàn thành các nhiệm vụ học tập ở nhà và trên lớp theo sự phân công của giáo viên.

+ Vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết những vấn đề trong tình huống mới

*- Năng lực giao tiếp hợp tác*: Biết trình bày ý tưởng , thảo luận những vấn đề của bài học, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

***2.2. Năng lực công nghệ***

*- Năng lực nhận thức công nghệ:* Nhận thức được cấu tạo, nguyên lí làm việc của đồ dùng công nghệ trong gia đình.

- *Giao tiếp công nghệ:* Thông qua bài học HS sử dụng được một số thuật ngữ về đồ dùng điện.

*- Sử dụng công nghệ:* Sử dụng được các đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, an toàn tiết kiệm điện; vẽ được sơ đồ khối mô tảnguyên lí làm việc của một số đồ dùng điện.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Có ý thức chăm chỉ trong học tập và vận dụng kiến thức đã học về các đồ dùng điện vào cuộc sống hàng ngày.

-Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động cá nhân nhóm

-Nhân ái:Có ý thức bảo vệ an toàn điện trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU :**

**1. Giáo viên:**

- Tranh ảnh, máy say thực phẩm, (Theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu) với các thông số công suất khác nhau.- Sưu tầm 1 số máy say thực phẩm có công suất khác nhau để minh họa cho việc tiêu thụ điện với CS khác nhau.

**2. Học sinh:**

- Sgk, dụng cụ học tập...

- Quan sát hoạt động của các đồ dùng điện trong gia đình...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG: MỞ ĐẦU**

*a. Mục đích:***-**Tạo hứng thú cho HS trong học tập, tạo sự tò mò cần thiết của tiết học. Khơi gợi nhu cầu tìm hiểu của HS về các loại đồ dùng điện trong gia đình ...

- Lưa chọn và sử dụng được các đồ dùng điện tiết kiệm năng lượng, an toàn và phù hợp với điều kiện của gia đình...

-Tổ chức tình huống học tập, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu kiến thức mới.

*b. Nội dung:*  hoạt động của một số đồ dùng điện thông dụng trong gia đình, các thông số kỹ thuật trên các TBĐ...

*c. Sản phẩm:* Lựa chọn các TBĐ, đồ dùng điện qua các thông số kỹ thuật: Công suất tiêu thụ định mức...

*d. Tổ chức thực hiện: cả lớp*

***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

-Gv trình chiếu hình ảnh hoặc sưu tầm các đồ dùng điện phổ biến trong gia đình như bàn là, đèn LED, máy xay thực phẩm... với các thông số kỹ thuật như Công suất định mức khác nhau cho HS quan sát trực quan

🡪Yêu cầu một số hs trong lớp trả lời câu hỏi:

+ Công suất trên các TBĐ có ý nghĩa gì?

+Công suất có ảnh hưởng như thế nào đến việc sử dụng điện, tiết kiệm điện...

***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

-HS thảo luận và hoàn thành yêu cầu của GV.

-GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.

***\* Bước 3:* Báo cáo, thảo luận**

-GV giảng giải cho HS nắm bắt được kiến thức mới về thông số kỹ thuật là Công suất định mức ghi trên các TBĐ.

-GV hướng dẫn cho HS biết cách tính toán được lượng điện năng tiêu thụ của các TBĐ

***\* Bước 4:* Kết luận, nhận định**

-HS tiếp thu kiến thức mới, biết cách lựa chọn các TBĐ với các thông số kỵ thuật ghi trên các TBĐ để sử dụng cho an toàn, tiết kiệm ...

-GV chốt lại kiến thức mới sẽ được áp dụng trong thực tế cuộc sống...

**B. HOẠT ĐỘNG: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**1. Tìm hiểu một số đồ dùng điện trong gia đình**

**1.3: Máy xay thực phẩm**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu cấu tạo và thông số kĩ thuật.**  **a. Mục tiêu:**Mô tả cấu tạo chung và đọc được thông số kĩ thuật của máy xay thực phẩm, giới thiệu một số loại máy xay thực phẩm thông dụng  **b. Nội dung:** Tên gọi chức năng các bộ phận chính của máy say thực phẩm  **c. Sản phẩm:**Bản ghi chép về tên gọi chức năng các bộ phận chính của máy xay thực phẩm  **d. Tổ chức thực hiện:**\**Chuyển giao nhiệm vụ*  GV treo 1 tờ giấy A0 trên đó kẻ bảng có 3 cột tương ứng với mỗi cột là cấu tạo và chức năng của máy say thực phẩm  GV chia lớp làm các nhóm, phát giấy A4 cho các nhóm và yêu cầu các nhóm (thời gian 3 phút) quan sát hình ảnh 9.4 và mẫu vật, em và các bạn trong nhóm hãy thảo luận ghép tên và chức năng vào các bộ phận chính của máy say thực phẩm cho phù hợp vào mỗi tờ giấy A4.  HS nhận nhóm và nhận giấy A4.  *\* Thực hiện nhiệm vụ*  HS tiến hành thảo luận theo yêu cầu của GV.  GV yêu cầu đại diện từng nhóm lên bảng dán tên từng bộ phận cấu tạo và chức năng tương ứng với mỗi cột.  Đại diện nhóm lên dán phương án trả lời của nhóm mình lên giấy A0  \* *Báo cáo kết quả*  Đại diện các nhóm trình bày kết qủa thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  \* *Kết luận, nhận định*  GV nhận xét trình bày của hs, giải thích (những nội dung HS chưa hiểu rõ)  - Chốt lại kiến thức và kết luận như phần dự kiến sản phẩm  \**Chuyển giao nhiệm vụ*  Gv yêu cầu hs đọc thông tin bảng 9.4. Gv giới thiệu hs về thông số kĩ thuật một số máy xay thực phẩm thông dụng  Gv cho hs quan sát máy xay thực phẩm trên vỏ ghi 220V – 400W. Em hãy đọc các thông số kĩ thuật ghi trên máy xay thực phẩm  . Sau đó đưa ra tình huống: Bạn Lan nói “máy xay thực phẩm có điện áp định mức là 220V, công suất định mức là 400W”; bạn Dũng nói “máy xay thực phẩm có điện áp định mức là 400V, công suất định mức là 220W”. Theo em bạn nào nói đúng về thông số kĩ thuật của máy xay thực phẩm? Tại sao?  Gv yêu cầu nhóm cặp đôi thảo luận trong thời gian 2 phút và trả lời câu hỏi trên vào giấy A4.  - HS quan sát tiếp nhận nhiệm vụ  *\* Thực hiện nhiệm vụ*  HS tiến hành thảo luận theo yêu cầu của GV.  Trả lời câu hỏi trên và ghi vào giấy A4  GV theo dõi giúp đỡ nhóm hs gặp khó khăn  \* *Báo cáo kết quả*  Gv chia bảng thành 2 phần tương ứng với vị trí câu trả lời đồng ý với ý kiến bạn Lan và bạn Dũng. Kết thúc thời gian 2 phút, các nhóm HS dán ý kiến của mình lên bảng  Gv yêu cầu đại diện các nhóm trình bày kết qủa thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  \* *Kết luận, nhận định*  GV nhận xét trình bày của hs, giải thích (những nội dung HS chưa hiểu rõ)  - Chốt lại kiến thức và kết luận như phần sản phẩm cần đạt | 1. **Cấu tạo và thông số kĩ thuật.**   **\* Cấu tạo của máy xay thực phẩm:**  - Thân máy: gồm 1 động cơ điện đặt bên trong  - Cối xay: gồm cối lớn, cối nhỏ  - Bộ phận điều khiển: gồm nút ( phím) để điều khiển  **\* Thông số kĩ thuật của máy xay thực phẩm:**  + Công suất định mức : 300W;400W  + Điện áp định mức : 220V |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 2:** **Tìm hiểu nguyên lí làm việc của máy xay thực phẩm:**  **a. Mục tiêu:**Vẽ được sơ đồ khối, mô tả được nguyên lí làm việc của máy xay thực phẩm  **b. Nội dung:** sơ đồ khối mô tả được nguyên lí làm việc của máy xay thực phẩm  **c. Sản phẩm:**Bản ghi chép về nguyên lí làm việc của máy xay thực phẩm  **d. Tổ chức thực hiện:**\**Chuyển giao nhiệm vụ*  Gv yêu cầu hs quan sát hình ảnh sơ đồ khối của máy xay thực phẩm hình 9.7  ? mô tả nguyên lí làm việc của máy xay thực phẩm  ? Em hãy vẽ lại sơ đồ khối mô tả nguyên lí làm việc của máy xay thực phẩm  GV yêu cầu hs hoạt động nhóm cặp đôi thảo luận trong thời gian 4 phút và trả lời câu hỏi trên  - Hs quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ  *\* Thực hiện nhiệm vụ*  HS tiến hành thảo luận theo yêu cầu của GV.  Trả lời câu hỏi trên và ghi vào giấy A4  GV theo dõi giúp đỡ nhóm hs gặp khó khăn  \* *Báo cáo thảo luận*  Kết thúc thời gian 4 phút  Gv yêu cầu đại diện các nhóm trình bày kết qủa thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  \* *Kết luận, nhận định*  GV nhận xét trình bày của hs, giải thích (những nội dung HS chưa hiểu rõ)  - Chốt lại kiến thức và kết luận như phần sản phẩm cần đạt | **b. Nguyên lí làm việc của máy xay thực phẩm:**  Khi cấp điện áp cho máy xay thực phẩm và lựa chọn tốc độ xoay phù hợp bằng các nút ở bộ phận điều khiển, động cơ sẽ hoạt động làm quay lưỡi dao trong cối xay để cắt nhỏ thực phẩm. |

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động 3: Sử dụng máy xay thực phẩm**  **a. Mục tiêu:**Sử dụng được máy xay thực phẩm đúng cách, an toàn và tiết kiệm điện năng  **b. Nội dung:** Ý nghĩa của các kí hiệu trên máy xay thực phẩm và lưu ý khi sử dụng máy xay thực phẩm  **c. Sản phẩm:**Bản ghi chép về quy trình sử dụng máy xay thực phẩm  **d. Tổ chức thực hiện:**\**Chuyển giao nhiệm vụ*  Gv yêu cầu hs ng.cứu bảng 9.5 liên hệ tại gia đình  GV yêu cầu hs hoạt động nhóm cặp đôi thảo luận trong thời gian 4 phút và trả lời câu hỏi trên  - Hs quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ  *\* Thực hiện nhiệm vụ*  HS tiến hành thảo luận theo yêu cầu của GV.  Trả lời câu hỏi trên và ghi vào giấy A4  GV theo dõi giúp đỡ nhóm hs gặp khó khăn  \* *Báo cáo thảo luận*  Kết thúc thời gian 4 phút  Gv yêu cầu đại diện các nhóm trình bày kết qủa thảo luận của nhóm mình. Các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  \* *Kết luận, nhận định*  GV nhận xét trình bày của hs, giải thích (những nội dung HS chưa hiểu rõ)  - Chốt lại kiến thức và kết luận như phần sản phẩm cần đạt | **c. Sử dụng máy xay thực phẩm**  **Bảng 9.5: Quy trình sử dụng máy xay thực phẩm** |

**C. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP:**

**a) Mục tiêu** : Vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập.

**b) Nội dung:** HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

**c) Sản phẩm:** hoàn thành được bài tập.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu : trả lời câu hỏi

1.*Cấu tạo và thông số kĩ thuật của* máy xay thực phẩm*?*

*2.Nguyên lí làm việc của* máy xay thực phẩm*?*

3. *Sử dụng* máy xay thực phẩm*?*

- Hs tiếp nhận

***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:***

- HS đọc yêu cầu, suy nghĩ trả lời

- GV theo dõi

***\* Bước 3: Báo cáo kết quả:***

HS trình bày miệng

***\* Bước 4: Kết luận, nhận định***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

GV: chiếu kết quả

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a) Mục tiêu** : Giúp HS củng cố và vận dụng các kiến thức và kĩ năng đã học vào thực tiễn sử dụng máy xay thực phẩm ở gia đình.

**b) Nội dung:** bài tập phần vận dụng trong SGK và bài tập về nhà trong SBT.

**c) Sản phẩm:** đáp án bài tập phần vận dụng trong SGK và bài tập về nhà trong SBT.

**d) Tổ chức thực hiện:**

***\* Chuyển giao nhiệm vụ***

- GV yêu cầu :

Sử dụng máy xay thực phẩm, cách bảo quản như vậy đã phù hợp chưa

- Hs tiếp nhận

***\* Thực hiện nhiệm vụ:***

HS hoàn thành yêu câu trả lời vào giấy A4

***\* Bước 3: Báo cáo kết quả:***

Tiết học tiếp theo báo cáo kết quả bằng hình thức thuyết trình

***\* Bước 4: Kết luận, nhận định***

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

**TIẾT 31:**

**BÀI 9: SỬ DỤNG ĐỒ DÙNG ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH**

**( Tiết 4 )**

**I. MỤC TIÊU: Sau bài học này học sinh phải**

**1. Về kiến thức:**

- Nêu được công dụng của một số đồ dùng điện trong gia đình.

- Nhận biết và nêu được chức năng các bộ phận chính của một số đồ dùng điện.

- Vẽ được sơ đồ khối và nêu được nguyên lý làm việc của một số đồ dùng điện.

- Sử dụng được một số đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, an toàn và tiết kiệm điện năng.

-Lựa chọn đồ dùng điện tiết kiệm năng lượng, phù hợp với gia đình.

**2. Về năng lực:**

***2.1. Năng lực chung:***

*- Năng lực tự chủ và tự học:*

+ Hoàn thành các nhiệm vụ học tập ở nhà và trên lớp theo sự phân công của giáo viên.

+ Vận dụng linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết những vấn đề trong tình huống mới

*- Năng lực giao tiếp hợp tác*: Biết trình bày ý tưởng , thảo luận những vấn đề của bài học, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

***2.2. Năng lực công nghệ***

*- Năng lực nhận thức công nghệ:* Nhận thức được cấu tạo, nguyên lí làm việc của đồ dùng công nghệ trong gia đình.

- *Giao tiếp công nghệ:* Thông qua bài học HS sử dụng được một số thuật ngữ về đồ dùng điện.

*- Sử dụng công nghệ:* Sử dụng được các đồ dùng điện trong gia đình đúng cách, an toàn tiết kiệm điện; vẽ được sơ đồ khối mô tảnguyên lí làm việc của một số đồ dùng điện.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: Có ý thức chăm chỉ trong học tập và vận dụng kiến thức đã học về các đồ dùng điện vào cuộc sống hàng ngày.

-Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động cá nhân nhóm

-Nhân ái:Có ý thức bảo vệ an toàn điện trong cuộc sống.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU :**

**1. Giáo viên:**

- Tranh ảnh, mô hình hoặc mẫu vật về bàn là, đèn LED, máy say thực phẩm... (Theo danh mục thiết bị dạy học tối thiểu) với các thông số công suất khác nhau.- Sưu tầm 1 số đồ dùng điện có công suất khác nhau để minh họa cho việc tiêu thụ điện với CS khác nhau.

**2. Học sinh:**

- Sgk, dụng cụ học tập...

- Quan sát hoạt động của các đồ dùng điện trong gia đình...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG: MỞ ĐẦU**

*a. Mục đích:***-**Tạo hứng thú cho HS trong học tập, tạo sự tò mò cần thiết của tiết học. Khơi gợi nhu cầu tìm hiểu của HS về các loại đồ dùng điện trong gia đình ...

- Lưa chọn và sử dụng được các đồ dùng điện tiết kiệm năng lượng, an toàn và phù hợp với điều kiện của gia đình...

-Tổ chức tình huống học tập, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu kiến thức mới.

*b. Nội dung:*  hoạt động của một số đồ dùng điện thông dụng trong gia đình, các thông số kỹ thuật trên các TBĐ...

*c. Sản phẩm:* Lựa chọn các TBĐ, đồ dùng điện qua các thông số kỹ thuật: Công suất tiêu thụ định mức...

*d. Tổ chức thực hiện: cả lớp*

***\* Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập***

-Gv trình chiếu hình ảnh hoặc sưu tầm các đồ dùng điện phổ biến trong gia đình như bàn là, đèn LED, máy xay thực phẩm... với các thông số kỹ thuật như Công suất định mức khác nhau cho HS quan sát trực quan

🡪Yêu cầu một số hs trong lớp trả lời câu hỏi:

+ Công suất trên các TBĐ có ý nghĩa gì?

+Công suất có ảnh hưởng như thế nào đến việc sử dụng điện, tiết kiệm điện...

***\* Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ***

-HS thảo luận và hoàn thành yêu cầu của GV.

-GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.

***\* Bước 3:* Báo cáo, thảo luận**

-GV giảng giải cho HS nắm bắt được kiến thức mới về thông số kỹ thuật là Công suất định mức ghi trên các TBĐ.

-GV hướng dẫn cho HS biết cách tính toán được lượng điện năng tiêu thụ của các TBĐ

***\* Bước 4:* Kết luận, nhận định**

-HS tiếp thu kiến thức mới, biết cách lựa chọn các TBĐ với các thông số kỵ thuật ghi trên các TBĐ để sử dụng cho an toàn, tiết kiệm ...

-GV chốt lại kiến thức mới sẽ được áp dụng trong thực tế cuộc sống...

**B. HOẠT ĐỘNG: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**2. Lựa chọn đồ dùng điện tiết kiệm điện**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **1. Hoạt động 1: Sử dụng được 1 số đồ dùng điện đúng cách an toàn và tiết kiệm điện**  **a. Mục tiêu:**HS biết lựa chọn được các thiết bị điện sử dụng cho an toàn, tiết kiệm điện năng  **b. Nội dung:** Sử dụng được các thiết bị điện với công suất phù hợp trong sinh hoạt  **c. Sản phẩm:** HS biết cách tính toán điện năng tiêu thụ và lựa chọn các TBĐ sử dụng trong gia đình qua thông số kỹ thuật công suất định mức ghi trên các TBĐ  **d. Tổ chức thực hiện:**  **\**Chuyển giao nhiệm vụ***  -Gv chiếu hình ảnh các TBĐ,hoặc các vật thật với các thông số kỹ thuật có Công suất định mức khác nhau cho các em hs quan sát .  -Gv thực hiện thí nghiệm nhanh cho HS trực quan sát khi sử dụng 2 bóng đèn sợi đốt có công suất khác nhau để minh họa cho việc tiêu thụ điện năng .  🡪lựa chọn TBĐ sử dụng có công suất phù hợp, tiết kiệm điện năng  ***\* Thực hiện nhiệm vụ***  HS quan sát hình ảnh, mẫu vật, thí nghiệm của GV  🡪 tiếp thu kiến thức mới  **\* *Báo cáo thảo luận***  -HS tiếp thu kiến thức mới và biết cách tính toán lượng điện năng tiêu của tất cả các TBĐ trong sinh hoạt ở gia đình và lựa chọn các TBĐ sử dụng cho phù hợp  **\* *Kết luận, nhận định***  GV nhận xét sự tiếp thu kiến thức mới của hs qua cách tính toán điện năng tiêu thụ của các TBĐ và cách so sánh phân biệt được các TBĐ giống nhau nhưng công suất khác nhau( xem hình 2 nồi cơm điện/SGK/trang 72)  - Chốt lại kiến thức và kết luận như phần dự kiến sản phẩm  **2. Hoạt động 2: Lựa chọn được đồ dùng điện tiết kiệm năng lượng điện phù hợp với gia đình trong sinh hoạt**  **a. Mục tiêu:**Nhận biết và phân biệt được các hình ảnh, thông số kĩ thuật an toàn tiết kiệm năng lượng và phù hợp trong sinh hoạt gia đình  **b. Nội dung:** quan sát các thông số kĩ thuật, nhãn dán tiết kiệm năng lượng điện trên các TBĐ  **c. Sản phẩm:**- Lựa chọn đúng các TBĐ sử dụng cho phủ hợp, tiết kiệm và an toàn...  **d. Tổ chức thực hiện:\**Chuyển giao nhiệm vụhọc tập***  -GV trình chiếu về hình ảnh hoặc nhản dán tiết kiệm năng lượng điện trên các TBĐ va hướng dẫn, giảng giải cho HS    ***\* Thực hiện nhiệm vụ học tập***  *.*HS tiếp thu kiến thức mới theo hướng dẫn của GV.  **\* *Báo cáo thảo luận***  HS nhận biết và lựa chọn được các TBĐ có nhản dán tiết kiệm năng lượng  **\* *Kết luận, nhận định***  GV nhận xét trình bày của hs, giải thích (những nội dung HS chưa hiểu rõ)  - Chốt lại kiến thức và kết luận như phần sản phẩm cần đạt | **2.Lựa chọn đồ dùng điện tiết kiệm điện**  Từ công thức tổng quát:  A= P x t  A: Điện năng tiêu thụ ( kWh)  P: Công suất định mức( W )  t : thời gian ( h )  Với 1kW= 1000W  VD: Một máy điều hòa nhiệt độ có công suất định mức là 750W (0,75kW), có thời gian hoạt động trung bình là 10 giờ(h) mỗi ngày. Vậy điện năng tiêu thụ định mức của máy trong 1 ngày là :  A= P.t = 0,75 x 10= 7,5 kWh  -Nếu giả sử giá tiền điện năng là 1856đ/1kWh, thì số tiền phải trả tối đa trong 1 ngày sử dụng là : 0,75kWh x 1856đ/kWh = 13920đ  **( \* LƯU Ý: Nếu tính trong 1 tháng thì ta chọn là 30 ngày)**  🡺 Để tiết kiệm điện, ta cần lựa chọn đồ dùng điện có công suất và các tính năng phù hợp với mục đích, nhu cầu sử dụng của gia đình. Đồ dùng điện nào có công suất định mức càng nhỏ thì tiêu thụ điện năng càng ít.  -TBĐ nào có nhản dán tiết kiệm năng lượng càng nhiều sao thì tiết kiệm năng lượng càng cao |

**C. Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:**HS hiểu rõ công thức tính điện năng tiêu thụ A= P x t

**b. Nội dung:** HS áp dụng công thức để tính điện năng tiêu thụ của các TBĐ trong gia đình( trong 1 ngày)

**c. Sản phẩm:**HS làm phần luyện tập 2-SGK/trang 72, 73

**d. Tổ chức thực hiện:\**Chuyển giao nhiệm vụhọc tập***

Gv cho hs làm luyện tập phần 2-SGK/ trang 72, 73

***\* Thực hiện nhiệm vụ***

HS hoàn thành phần luyện tập.

GV quan sat theo dõi các bạn và hướng dẫn lại nếu cần

***\* Báo cáo, thảo luận***

GV yêu cầu 1HS nêu bài của bạn.

HS nhận xét bài của bạn.

***\* Kết luận và nhận định***

GV nhận xét phần trình bày HS.

GV chốt lại kiến thức như phần sản phẩm cần đạt

**D. Hoạt động 3: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:**HS hiểu rõ công thức tính điện năng tiêu thụ A= P x t

**b. Nội dung:** HS áp dụng công thức để tính điện năng tiêu thụ của các TBĐ trong gia đình trong 1 tháng (30 ngày)

**c. Sản phẩm:**HS làm phần Vận dụng 2, 3-SGK/trang 73

**d. Tổ chức thực hiện:\**Chuyển giao nhiệm vụhọc tập***

Gv cho hs làm phần Vận dụng 2, 3-SGK/ trang 73

***\* Thực hiện nhiệm vụ***

HS hoàn thành phần luyện tập.

GV quan sát theo dõi các bạn và hướng dẫn lại nếu cần

***\* Báo cáo, thảo luận***

GV yêu cầu 1HS nêu bài của bạn.

HS nhận xét bài của bạn.

***\* Kết luận và nhận định***

GV nhận xét phần trình bày HS.

GV chốt lại kiến thức như phần sản phẩm cần đạt

**TIẾT 32: Bài 10:**

**AN TOÀN ĐIỆN TRONG GIA ĐÌNH**

**I. Mục tiêu : Sau bài học này học sinh phải**

**1. Về kiến thức:**

- Kể được một số nguyên nhân gây tai nạn điện.

- Trinh bày được một số biện pháp an toàn khi sử dụng điện.

**2. Về năng lực:**

***2.1.Năng lực công nghệ :***

- Nhận thức công nghệ: nhận thức được các nguyên nhân gây tai nạn điện và những biện pháp an toàn khi sử dụng điện.

- Sử dụng công nghệ: sử dụng được các biện pháp an toàn điện vào các tình huống ở gia đỉnh.

- Đánh giá công nghệ: đánh giá được mức độ an toàn của các đô dùng, thiết bị điện.

***2.2. Năng lực chung:***

- Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống; vận dụng một cách hnh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học về an toàn điện để giải quyết những vấn đề trong tình huống mới.

- Giao tiếp và hợp tác: biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt vói các thành viên trong nhóm.

**3. Phẩm chất:**

***a/Nhân ái:***

- có ý thức quan tâm đến an toàn của các thành viên trong gia đình.

***b/ Chăm chỉ:***

-Có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học về thời trang lựa chọn trang phục thời trang vào cuộc sống hằng ngày.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1.Chuẩn bị của giáo viên:**

-Tìm hiểu mục tiêu bài.

-Chuẩn bị tài liệu giảng dạy và tài liệu tham khảo.

-Chuẩn bị đồ dùng và phương tiện dạy học, hình ảnh phù hợp với bài học về an toàn điện.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

-Đọc trước bài

-Sưu tập hình ảnh về hệ thống điện trong nhà.

Dụng cụ và vật liệu cần thiết:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên dụng cụ, vật liệu | Đơn vị | Số lượng |
| 1 | Giấy (A4) | Tờ | 1 |
| 2 | Bút chì | Cây | 1 |
| 3 | Gôm | Cục | 1 |
| 4 | Bút đỏ | Cây | 1 |

**III. Tiến trình dạy học**

**A. Hoạt động 1:MỞ ĐẦU**

-Mục tiêu: khơi gợi nhu cầu tim hiểu của HS về các biện pháp sử dụng điện an toàn trong gia đinh.

-Nội dung: Clip về hậu quả khi sử dụng điện không an toàn.

-Sản phẩm: nhu cầu tìm hiểu các biện pháp sử dụng điện an toàn trong gia đình.

-Tổ chức thực hiện:

***\*Chuyển giao nhiệm vụ:***

+ GV chia lớp thành nhóm đôi.

+ HS quan sát clip, lắng nghe và trả lời.

***\*Thực hiện nhiệm vụ:***

+ GV giới thiệu các hình ảnh hoặc đoạn video clip về tai nạn điện.

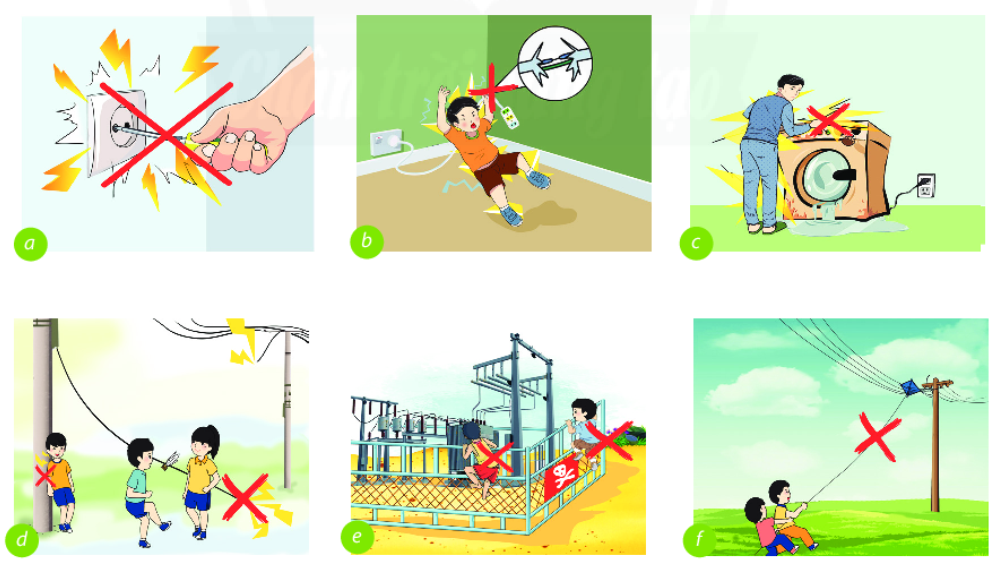
+ GV đặt câu hòi về cách phòng tránh điện giật vá hoả hoạn do điện gây ra.

+ GV giới thiệu mục tiêu bài.

**B.Hoạt động 2 : HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Nguyên nhân gây ra tai nạn điện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động : Nguyên nhân gây ra tai nạn điện**  **a.Mục tiêu:** khơi gợi nhu cầu tim hiểu của HS về các biện pháp sử dụng điện an toàn trong gia đinh.  **b.Nội dung:** hậu quả khi sử dụng điện không an toàn.  **c.Sản phẩm:** nhu cầu tìm hiểu các biện pháp sử dụng điện an toàn trong gia đình.  **d.Tổ chức thực hiện:**  ***\*Chuyển giao nhiệm vụ:***  + GV chia lớp thành 4 đội để thi đua trò chơi nhỏ.  + HS chuẩn bị phiếu học tập số 1  ***\*Thực hiện nhiệm vụ:***  + GV trình chiếu hình ảnh về các tai nạn điện và các nội dung liên quan, học sinh nối các nội dung và hình ảnh cho phù hợp để được đáp án đúng.  Nội dung:   1. Đến gần vị trí dây dẫn điện bị đứt, rơi xuống đất. 2. Thả diều ở nơi có đường dây điện đi qua. 3. Chạm ta trực tiếp vào dây điện trần hoặc dây điện bị hở cách điện. 4. Vi phạm hành lang an toàn trạm điện. 5. Dùng vật liệu kim loại chạm vào nguồn điện. 6. Chạm vào đồ dùng bị rò điện qua lớp vỏ kim loại bên ngoài. | **1. Nguyên nhân gây ra tai nạn điện:**  - Đến gần vị trí dây dẫn điện bị đứt, rơi xuống đất.  - Thả diều ở nơi có đường dây điện đi qua.  - Chạm ta trực tiếp vào dây điện trần hoặc dây điện bị hở cách điện.  - Vi phạm hành lang an toàn trạm điện.  - Dùng vật liệu kim loại chạm vào nguồn điện.  - Chạm vào đồ dùng bị rò điện qua lớp vỏ kim loại bên ngoài. |

****

|  |  |
| --- | --- |
| + HS quan sát và ghi kết quả vào phiếu học tập.  ***\* Báo cáo kết quả:***  + GV cho 4 đội trình bày đáp án và nêu nhận xét về các trường hợp trên.  + Các nhóm nhận xét.  ***\*Đánh giá kết quả:***  GV nhận xét kết luận đội chiến thắng và dẫn vào bài mới. |  |

**2. Một số biện pháp an toàn khi sử dụng điện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Hoạt động :Một số biện pháp an toàn khi sử dụng điện**  **a.Mục tiêu:** giới thiệu các biện pháp an toàn khi sử dụng điện.  **Nội dung:**  + Cách phòng tránh tai nạn điện khi sử dụng đồ dùmg điện trong gia đỉnh;  + Một số biện pháp xử lí đồ dùmg điện kém an toàn trong gia đinh;  + Một số biện pháp phòng tránh tai nạn điện khi hoạt động hay vui chơi ngoài trời.  **c.Sản phẩm:** các biện pháp an toàn khi sử dụng điện.  **d.Tổ chức thực hiện:**  ***\*Chuyển giao nhiệm vụ:***  -GV cho HS thảo luận theo nhóm 4 bạn.  + GV giới thiệu hình anh minh hoạ về các biện pháp an toàn khi sử dụng điện ở Hình 10.2 trong SHS  + GV yêu cầu HS ghép các chú thích với hình anh cho phù hợp.  + GV gợi mở, giúp HS phân tích hình ảnh và giải thích từng trường hợp.  + GV yêu cầu HS nhắc lại các thông tin từ hình ảnh minh hoạ để đúc kết thành kiến thức bài học.  ***\*Thực hiện nhiệm vụ:***  -Nhóm HS thảo luận và ghi lại kết quả.  ***\* Báo cáo kết quả:***  + GV gọi 1 vài nhóm HS trả lời.  + HS chủ động nêu đáp án đã thảo luận.  ***\*Đánh giá kết quả:***  HS nhận xét, đánh giá lẫn nhau. GV kết luận.  GV minh họa thêm các biện pháp an toàn khi sử dụng điện. | **2. Một số biện pháp an toàn khi sử dụng điện:**  Một số biện pháp đảm bảo an toàn khi sử dụng điện:  + Lắp đặt chỗ lấy điện ngoài tầm với của trẻ em hoặc che chắn ổ lấy điện khi chưa sửdụng;  + Thường xuyên kiểm tra dây điện, đồ dùng điện trong gia đinh để phát hiện hư hỏng cách điện, rò điện và khắc phục;  + Sử dụng đồ dùng điện theo đứng hướng dẫn của nhà sản xuất;  + Không đến gần nơi có biển báo nguy hiềm về tai nạn điện;  + Tránh xa khu vực dây dẫn điện bị đứt, rơi xuống đất. |

**C.Hoạt động 3: LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **a.Mục tiêu:** giúp HS củng cố, khắc sâu kiến thức về sử dựng điện an toàn.  **b.Nội dung:** bài tập 1 trong SGK trang 76.  **c. Sản phẩm:** đáp án bài tập.  **d.Tổ chức thực hiện:**  ***\*Chuyển giao nhiệm vụ:***  + GV cho học sinh đọc bài tập và hoạt động cá nhân.  ***\*Thực hiện nhiệm vụ:***  + Học sinh đọc bài tập và hoạt động cá nhân.  ***\* Báo cáo kết quả:***  Học sinh trình bày đáp án của mình.  ***\*Đánh giá kết quả:***  + GV gọi học sinh nhận xét, giáo viên đánh giá.  + HS nghe nhận xét và rút kinh nhiệm. | ***Các nguyên nhân xảy ra tai nạn điện:***   1. Đến gần vị trí dây dẫn điện bị đứt, rơi xuống đất. 2. Thả diều ở nơi có đường dây điện đi qua. 3. Chạm ta trực tiếp vào dây điện trần hoặc dây điện bị hở cách điện. 4. Vi phạm hành lang an toàn trạm điện. 5. Dùng vật liệu kim loại chạm vào nguồn điện. 6. Chạm vào đồ dùng bị rò điện qua lớp vỏ kim loại bên ngoài. |

**D. Hoạt động 4: VẬN DỤNG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **a.Mục tiêu:** giúp học sinh củng cố và vận dụng kiến thức vừa học vào thực tiễn.  **b.Nội dung:** bài tập 2 vận dụng SGK trang 76.  **c.Sản phẩm:** đáp án bài tập  **d.Tổ chức thực hiện:**  ***\*Chuyển giao nhiệm vụ:***  + GV cho học sinh đọc bài tập và hoạt động cá nhân.  ***\*Thực hiện nhiệm vụ:***  + Học sinh đọc bài tập và hoạt động cá nhân.  ***\* Báo cáo kết quả:***  Học sinh trình bày đáp án của mình.  ***\*Đánh giá kết quả:***  + GV gọi học sinh nhận xét, giáo viên đánh giá.  + HS nghe nhận xét và rút kinh nhiệm. | Các biện pháp an toàn khi sử dụng điện:  + Lắp đặt chỗ lấy điện ngoài tầm với của trẻ em hoặc che chắn ổ lấy điện khi chưa sử dụng;  + Thường xuyên kiểm tra dây điện, đồ dùng điện trong gia đinh để phát hiện hư hỏng cách điện, rò điện và khắc phục;  + Sử dụng đồ dùng điện theo đứng hướng dẫn của nhà sản xuất;  + Không đến gần nơi có biển báo nguy hiềm về tai nạn điện;  + Tránh xa khu vực dây dẫn điện bị đứt, rơi xuống đất. |

**TIẾT 33: DỰ ÁN 4:**

**TIẾT KIỆM TRONG SỬ DỤNG ĐIỆN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Về kiến thức, kĩ năng**

- Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học về đồ dùng điện và lựa chọn đồ dùng tiết kiệm điện để đánh giá các loại đồ dùng điện tiết kiệm điện năng;

- Đề xuất được phương án sử dụng đồ dùng điện tiết kiệm

- Phát triển khả năng sáng tạo, rèn luyện tính tự lực và năng lực hợp tác nhóm trong việc cùng xây dựng phương án sử dụng đồ dùng tiết kiệm điện năng;

- Hình thành ý thức tiết kiệm điện trong sử dụng đồ dùng điện tại gia đình

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phẩm chất, năng lực** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **Mã hoá** |
| **2. Về năng lực**  ***2.1.1. Năng lực công nghệ*** | | |
| *Nhận thức công nghệ* | Nhận biết các yêu cầu khi đề xuất đồ dùng điện đáp ứng yêu cầu tiết kiệm điện năng | [a2.1] |
|  | … |
| *Giao tiếp công nghệ* | Biểu diễn được ý tưởng lựa chọn đồ dùng tiết kiệm điện | [b2.1] |
|  | … |
| *Sử dụng công nghệ* | Đọc được các tài liệu thể hiện thông số kỹ thuật của sản phẩm điện gia dụng | [c2.1] |
|  | … |
| *Đánh giá công nghệ* | Nhận xét, đánh giá công suất tiêu thụ của các đồ dùng điện | [d2.2] |
|  | … |
| *Thiết kế kĩ thuật* | Xây dựng được phương án sử dụng đồ dùng điện tiết kiệm điện năng | [e2.2] |
|  | … |
| ***2.1.2. Năng lực chung*** | | |
| *Năng lực Tự chủ và tự học* | Chủ động, tích cực thực hiện những công việc thuộc nhiệm vụ bản thân để góp phần hoàn thành dự án; vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kỹ năng về lựa chọn đồ dùng điện tiết kiệm điện năng theo chủ đề của dự án | [TCTH.1] |
| *Năng lực Giao tiếp và hợp tác* | Biết trình bày ý tưởng cho việc đề xuất các đồ dùng tiết kiệm điện; thảo luận những vấn đề của dự án, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm; | [GTHT1.3] |
| *Năng lực Giải quyết vấn đề và sáng tạo* | Phân tích được tình huống đã cho để đề xuất các đồ dùng tiết kiệm điện; lập được kế hoạch hoạt động với mục tiêu, nội dung, hình thức hoạt động; đánh giá được kế hoạch và thực hiện kế hoạch | [GQST.2] |
| **3. Về phẩm chất** | | |
| *Phẩm chất Chăm chỉ* | Có ý thức về nhiệm vụ học tập và việc vận dụng kiến thức, kỹ năng về đồ dùng điện để thực hiện dự án | [CC1.3] |
| *Phẩm chất Trách nhiệm* | Có trách nhiệm với gia đình, có ý thức tiết kiệm chi phí cho việc sử dụng điện của gia đình | [TN2.1] |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động** | **Giáo viên** | **Học sinh** |
| **Hoạt động 1. Khởi động** | - Bảng  - | - SGK  - |
| **Hoạt động 2. Khám phá** | - Bảng nhóm  - | -  - |
| **Hoạt động 3. Luyện tập** | - máy chiếu  - | - sưu tầm hình ảnh  - tài liệu liên quan  - |
| **Hoạt động 4. Vận dụng** | - máy chiếu  - | - bảng trình bày kết quả  - |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động học**  **(thời gian)** | **Mục tiêu**  (Mã hoá) | **Nội dung dạy học**  **trọng tâm** | **PP/KTDH**  **chủ đạo** | **Phương án đánh giá** |
| **Hoạt động 1. GIỚI THIỆU DỰ ÁN**  (… phút) | Giới thiệu dự án, nhiệm vụ dự án |  | Vấn đáp |  |
| **Hoạt động 2. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**  (… phút) | Hướng dẫn HS lạp kế hoạch thực hiện dự án | Xây dựng kế hoạch | Hoạt động nhóm  Vấn đáp | Tiêu chí đánh giá hoạt động nhóm |
| **Hoạt động 2.1. Phân nhóm, bầu nhóm trưởng, thư ký**  (… phút) |  | Thực hiện biểu mẫu báo cáo | Hoạt động nhóm  Vấn đáp | Tiêu chí đánh giá hoạt động nhóm |
| **Hoạt động 2.2. Thảo luận nhóm lập kế hoạch thực hiện**  (… phút) |  | - Nghiên cứu các loại đồ dùng điện theo yêu cầu của dự án  - Lập kế hoạch thời gian, mốc thời gian cho từng công việc  Phân công nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm  - Liệt kê các dụng cụ, vật liệu cần thiết | Hoạt động nhóm  Vấn đáp | Tiêu chí đánh giá hoạt động nhóm |
| **Hoạt động 3. THỰC HIỆN DỰ ÁN**  (… phút) | Hướng dẫn HS thực hiện dự án | HS thảo luận hoàn thành dự án | Hoạt động nhóm | Tiêu chí đánh giá hoạt động nhóm |
| **Hoạt động 4. BÁO CÁO DỰ ÁN**  (… phút) | Cho các nhóm HS báo cáo kết quả dự án, đánh giá và hướng dẫn HS tự đánh giá | - Báo cáo đề xuất loại đồ dùng điện thế hệ mới và số tiền tiết kiệm được nếu sử dụng các đồ dùng điện này (Bảng 3) | Hoạt động nhóm  Vấn đáp | Tiêu chí đánh giá trình bày nhóm |

**B. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | **Đồ dùng** | **Nội dung** |
|  | | | | |
| phút | **Hoạt động 1. GIỚI THIỆU DỰ ÁN**  \* Giáo viên đặt tình huống:  Điện năng có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội. Nhu cầu điện năng ngày càng tăng và không đồng đều theo thời gian, đòi hỏi người dùng điện phải biết sử dụng hợp lí điện năng.  Hơn nữa điện năng rất có ích cho cuộc sống, nhờ có điện mà cuộc sống của chúng ta trở nên văn minh hiện đại. Ngày nay, điện đã trở thành một phần của cuộc sống hàng ngày.Ngoài tác dụng to lớn của điện năng đối với công cuộc hiện đại hóa đất nước nếu chúng ta sử dụng điện năng không thích hợp dễ dẫn tới xây dựng nhiều các nhà máy điện tràn lan tác động tiêu cực tới môi trường.  Vậy,chúng ta cần phải làm gì để sử dụng điện một cách tiết kiệm cô và các em cùng tìm hiểu bài học hôm nay. | - HS đọc thông tin trong SGK | - Gắn bìa tên chủ đề | Lựa chọn chủ đề : Tiết kiệm trong sử dụng điện |
| Phút | **Hoạt động 2. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**  **Hoạt động 2.1. Phân nhóm, bầu nhóm trưởng, thư ký**  Hỏi: Với chủ đề tiết kiệm điện năng theo các em, chúng ta cần tìm hiểu những nội dung gì?  - Ghi kết quả trả lời của HS  - Gọi HS nhận xét về các ý kiến đã nêu.  - Tổ chức cho HS phát triển mạng ý tưởng.  - Thảo luận với HS để lược bớt các ý kiến trùng nhau và hình thành các nhiệm vụ của dự án. | - HS trả lời  - HS nhận xét, trả lời  - Trao đổi theo cặp, ghi nội dung vào bảng nhóm và gắn lên bảng  - Cùng GV chọn lọc những nội dung để thực hiện dự án. | - Bảng nhóm | Xây dựng các nội dung dự án |
| phút | - Phân nhóm, bầu nhóm trưởng, thư ký  - Cho HS nêu các nhiệm vụ cần thực hiện của dự án.  - GV phân nhóm và phân công nhiệm vụ:  + Nhiệm vụ 1: Nhóm 1  + Nhiệm vụ 2: Nhóm 2  + Nhiệm vụ 3 : Nhóm 3  + Nhiệm vụ 4: Nhóm 4  - Hướng dẫn các nhóm phân công nhiệm vụ trong nhóm và lập kế hoạch.  - Theo dõi, giúp đỡ  - Tổ chức cho HS báo cáo kết quả thảo luận.  - Theo dõi và nhận xét, bổ sung  - Hướng dẫn thực hiện một số kĩ năng (giao tiếp, tìm kiếm trên mạng internet, trình bày trên giấy Ao , sưu tầm tranh ảnh ..) | Các nhiệm vụ của dự án:  1. Tìm hiểu các lợi ích của việc tiết kiệm điện năng  2. So sánh các loại đồ dùng điện đang sử dụng và đồ dùng điện thế hệ mới  3.Các biện pháp tiết kiệm điện năng  4. Tóm tắt nội dung trọng tâm của dự án bằng sơ đồ tư duy  - Ngồi theo nhóm  - Lắng nghe và cùng tham gia  - Thảo luận, xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của nhóm  - Các nhóm trưởng lần lượt báo cáo kế hoạch của nhóm.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - Cùng tham gia hỏi và trả lời. | - máy chiếu  - Bảng phân công nhiệm vụ nhóm | Lập kế hoạch thực hiện dự án |
|  | **Hoạt động 2.2. Thảo luận nhóm lập kế hoạch thực hiện**  - Theo dõi, hướng dẫn, giúp đỡ các nhóm (xây dựng câu hỏi, thu thập thông tin) | - Thực hiện theo kế hoạch:  + Nhóm 1:  \*sưu tập hình ảnh và tư liệu về ô nhiễm môi trường do hoạt động của các nhà máy điện.  \*xây dựng hệ thống câu hỏi : *? Em hãy cho biết vì sao cần phải sử dụng tiết kiệm điện năng?*  *. Việc sử dụng tiết kiệm điện năng có một số lợi ích dưới đây:*  *+ Giảmchi tiêu cho gia đình.*  *+ Các dụng cụ và thiết bị điện được sử dụng lâu bền hơn.*  *+ Giảm bớt các sự cố gây tổn hại.*  *+ Dành phần điện năng tiết kiệm cho sản xuất.*  *+ Giảm việc gây ô nhiễm môi trường.*  *+ Bảo vệ và sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên.*  *? giải thích vì sao sử dụng tiết kiệm điện năng lại giảm việc gây ô nhiễm môi trường và bảo vệ nguồn tài nguyên*  *? Phần điện năng được tiết kiệm còn có thể sử dụng để làm gì đối với lợi ích quốc gia?*  + Nhóm 2:  *- Liệt kê tối thiểu 5 đồ dùng điện mà gia đình em đang sử dụng, điền vào Bảng 1*  *- Dựa vào tên các đồ dùng điện trong Bảng 1, HS tìm các đồ dùng điện thế hệ mới có chức năng gần giống với đồ dùng điện đang sử dụng nhưng có công suất tiêu thụ nhỏ hơn và điền vào Bảng 2*  *- Tính toán mức chênh lệch công suất giữa đồ dùng điện đang sử dụng và đồ dùng điện thế hệ mới là bao nhiêu W và điền vào Bảng 3*  *- Mỗi loại đồ dùng điện được sử dụng bao nhiêu giờ mỗi tháng (Giả sử tháng có 30 ngày)?*  *Giả sử giá tiền của một số điện là 1 856 đồng. Nếu thay thế đồ dùng điện đang sử dụng (Bảng 1) bằng đồ dùng điện thế hệ mới (Bảng 2) thì mỗi tháng (30 ngày) gia đình em sẽ tiết kiệm được bao nhiêu tiền điện?*  *HS điền kết quả vào Bảng 3*  + Nhóm 3:  *?Cần phải lựa chọn, sử dụng các dụng cụ hay thiết bị điện có công suất như thế nào?*  *? Có nên cho bộ phận hẹn giờ làm việc khi sử dụng các dụng cụ hay thiết bị điện hay không? Vì sao?*  *? học sinh cần phải sử dụng tiết kiệm điện năng như thế nào ở gia đình và ở nhà trường, lớp học?*  *+* Nhóm 4: Tóm tắt nội dung trọng tâm của dự án bằng sơ đồ tư duy  - Các em chọn đúng cụm từ “tiết kiệm điện” làm trung tâm.  - Các em vẽ được 2nhánh cấp 1 là: lợi ích tiết kiệm điện, các biện pháp tiết kiệm điện  - Từ nhánh cấp 1 là lợi ích tiết kiệm điện vẽ tiếp các nhánh cấp 2 là: Giảm chi tiêu, giảm các sự cố, giảm việc gây ô nhiễm môi trường…., tương tự với nhánh cấp 3, 4…  - Từ nhánh cấp 1 là các biện pháp tiết kiệm điện vẽ tiếp các nhánh cấp 2 là: lựa chọn đồ dùng điện, cài đặt hẹn giờ cho đồ dùng điện…., tương tự với nhánh cấp 3, 4… | -Mạng Internet, các bài báo.  - Hình ảnh  - Câu hỏi | Lập kế hoạch thực hiện dự án |
|  | **Hoạt động 3. THỰC HIỆN DỰ ÁN**  Theo dõi, giúp đỡ (xử lý thông tin, cách trình bày sản phẩm của các nhóm) | - Từng nhóm phân tích kết quả thu thập được và trao đổi về cách trình bày sản phẩm.  - Xây dựng báo cáo/sản phẩm của nhóm. | Giấy, bút, giấy màu, máy tính | Tổng hợp thông tin và hoàn thành báo cáo của nhóm |
| phút | **Hoạt động 4. BÁO CÁO DỰ ÁN**  - Tổ chức cho các nhóm báo cáo kết quả và phản hồi.  - Nhận xét, bổ sung  - Tổ chức cho HS thực hiện  - Kết luận, tuyên dương nhóm, cá nhân | - Các nhóm báo cáo kết quả:  + Nhóm 1: Trình bày sản phẩm  + Nhóm 2: Trình bày sản phẩm  + Nhóm 3: Trình bày sản phẩm  + Nhóm 4: Trình bày sản phẩm  - Các nhóm tham gia phản hồi về phần trình bày của nhóm bạn.  - Cùng tham gia và đưa ra các hoạt động tiếp nối của dự án:  + Tuyên truyền mọi người về việc tiết kiệm điện năng, bảo vệ môi trường | - Bản trình bày kết quả của các nhóm, hình ảnh  - Máy chiếu  Máy vi tính, | Báo cáo kết quả    Nhìn lại quá trình thực hiện dự án |

**C. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ**

1.Các nhóm hoàn thành bài tập về nhà theo phiếu được giao

2. Trả lời câu hỏi bài ôn tập chương 4 trang 78 SGK

Tuần: 17

*Ngày soạn:*

*Ngày dạy:*

**TIẾT 34:**

**ÔN TẬP CHƯƠNG II**

**I. MỤC TIÊU:**

*1. Kiến thức:*

- Trình bày được tóm tắt các kiến thức, kĩ năng đã học về cấu tạo, nguyên lí làm việc của 1 số đồ dùng điện trong gia đình; các biện pháp sử dụng điện an toàn

- Vận dụng những kiến thức đã học trong chương 4 để để giải quyết các câu hỏi bài tập đặt ra xoay quanh chủ đề về sử dụng đồ dùng điện đúng cách an

2. Năng lực :

a. Năng lực đặc thù

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết và nêu được công dụng chức năng của

1 số đồ dùng điện trong gia đình

- Sử dụng công nghệ: Sử dụng 1 số đồ dùng điện trong gia đình hiệu quả an toàn

- Đánh giá công nghệ:Đề suất được phương án sử dụng đồ dùng điện tiết kiệm

- Thiết kế công nghệ: Lựa chọn sử dụng đồ dùng điện tiết kiệm năng lượng phù hợp với đk gia đình

b. Năng lực chung

- Tự chủ và tự học, chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập và trong cuộc sống: vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết những vấn đề trong tình huống mới.

- Giao tiếp và hợp tác: Biết trình bày ý tưởng, thảo luận những vấn đề của bài học, thực hiện có trách nhiệm các phần việc của cá nhân và phối hợp tốt với các thành viên trong nhóm.

- Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Xác định được và biết tìm hiểu các thông tin liên quan đến vấn đề về thực phẩm hợp lí, đề xuất được giải pháp cho bữa ăn dinh dưỡng hợp lí.

3. Về phẩm chất

- Nhân ái, yêu quý, quan tâm đến sức khỏe của các thành viên trong gia đình.

- Chăm chỉ: Có ý thức về nhiệm vụ học tập, ý thức vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học được ở nhà trường trong sách báo và từ các nguồn tin cậy khác vào học tập và đời sống hàng ngày.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân, ý thức rèn luyện, chăm sóc sức khỏe bản thân.

- Phát triển năng lực tự học, sáng tạo; Năng lực giao tiếp; Năng lực hợp tác; Năng lực phân tích, tổng hợp kiến thức

**II. CHUẨN BỊ**

1. GV:

- Hệ thống câu hỏi ôn tập và bài tập

- Nghiên cứu kĩ trọng tâm chương 4

2. Trò:

- Đọc lại các bài ở chương IV.

- Trả lời câu hỏi ở cuối mỗi bài.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:**

**A. Mở đầu**

a) Mục tiêu: Nhận biết được một số đồ dùng điện trong thực tế

b) Nội dung: Biết sử dụng đồ dùng điện an toàn hiệu quả

c) Sản phẩm: HS làm bài tập trên giấy A4

d) Tổ chức thực hiện:

\* *Chuyển giao nhiệm vụ:*

? Hãy kể tên các đồ dùng điện trong gia đình em? Nêu cách sử dụng bàn là điện, máy say sinh tố...

HS lắng nghe tiếp nhận nhiệm vụ.

\**Thực hiện nhiệm vụ:*

HS: Suy nghĩ nhớ lại kiến thức trả lời câu hỏi.

\* Báo cáo kq

- Bóng đèn, bàn là điện, máy say sinh tố...

\**Đánh giá kết quả:*

-Hs nhận xét, bổ sung

GV đánh giá cho điểm.

GV nhận xét và dẫn dắt vào bài:

**B. Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV và HS | Nội dung |
| *1.Hệ thống hóa kiến thức chương IV*  a)Mục tiêu: HS hệ thống hóa kiến thức kĩ năng đã học chương 4  b) Nội dung: mối liên hệ giữa các khối kiến thức chương 4  + Cấu tạo, nguyên lílàm việc của 1 số đồ dùng điệnthông dụng trong gia đình  + Hướng dẫn sử dụng điện an toàn  c) Sản phẩm:Vẽ sơ đồ tóm tắt kiến thức vào vở  d) Tổ chức thực hiện:  *\* Chuyển giao nhiệm vụ:*  *?* Vẽ sơ đồ tóm tắt kiến thức vào vở  GV yêu cầu học sinh nghiên cứu sgk trang 78,79 trả lời câu hỏi:  - GV: các em hãy hệ thống lại kiến thức cũ theo nhóm như sau:  -Nhóm 1: Bàn là điện.  -Nhóm 2: Đèn LED  -Nhóm 3: Máy xay thực phẩm  -Nhóm 4: Sử dụng điện an toàn  HS tiếp nhận nhiệm vụ  *\*Thực hiện nhiệm vụ:*  HS các nhóm hệ thống lại kiến thức.  \* Dự kiến sản phẩm:  - Đại diện nhóm 1trình bày nội dung được phân công:  + cấu tạo bàn là: vỏ, dây đốt nóng, bộ điều chỉnh nhiệt độ  + nguyên lí: s/d điện năng làm nóng bộ phận là  + sử dụng theo qui trình  \*Đại diện nhóm 2: Đèn LED…  \* Đại diện nhóm 3: Máy xay thực phẩm…  \* Đại diện nhóm 4: Sử dụng điện an toàn…  \**Báo cáo kết quả:*  - Đại diện nhóm Hs trình bày miệng.  \**Đánh giá kết quả:*  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  GV:hệ thống hóa kiến thức  **II. Câu hỏi ôn tập:**  a) Mục tiêu: HS trả lời các câu hỏi sgk về đồ dùng điện trong gia đình  b) Nội dung: 7 câu hỏi trang 78,79  c) Sản phẩm:Trả lời câu hỏi trên vở ghi  d) Tổ chức thực hiện:  *\* Chuyển giao nhiệm vụ:*  ? Trả lời các câu hỏi sgk trang 43 mỗi nhóm trả lời 2 câu hỏi  -Nhóm 1: Câu 1,2  -Nhóm 2: Câu 3,4  -Nhóm 3: Câu 5,6  -Nhóm 4: Câu 7  HS tiếp nhận nhiệm vụ  Câu 1. Em hãy kể tên các bộ phận chính của bàn là.  Câu 2. Hãy giải thích ý nghĩa các kí hiệu trên bộ điều chỉnh nhiệt độ của bàn là.  Câu 3. Đèn LED có cấu tạo gồm những bộ phận chính nào?  Câu 4. Quy trình sử dụng máy xay thực phẩm gồm mấy bước? Cho biết tên mỗi bước.  Câu 5. Khi lựa chọn đồ dùng điện tiết kiệm năng lượng, ta cần dựa trên những tiêu chí nào?  Câu 6. Em hãy cho biết hinh ảnh dưới đây và cho biết tai nạn điện có xảy ra không?  Câu 7. Với tủ lạnh có dung tích 301 lít, nếu là thế hệ cũ, trên nhãn năng lượng có 3 sao thì điện năng tiêu thụ định mức của tủ lạnh này là 564 kWh/năm. Trong khi đó, với loại tủ lạnh thế hệ mới, trên nhãn năng lượng có 5 sao thì điện năng tiêu thụ định mức là 325 kWh/năm. Nếu chọn mua loại tủ lạnh thế hệ mới thì tiến điện mà gia đình em tiết kiệm được trong mỗi năm là bao nhiêu? Giả sử đơn giá của 1 số điện là 1 856 đồng.  *\*Thực hiện nhiệm vụ:*  HS các nhóm hệ thống lại kiến thức trả lời câu hỏi  Dự kiến trả lời:  1. Các bộ phận chính của bàn là là: vỏ bàn là, dây đốt nóng, bộ điều chỉnh nhiệt độ.  3. Đèn LED có cấu tạo gồm những bộ phận: Vỏ dèn, bộ nguồn, bảng mạch led.  5.Khi lựa chọn đồ dùng điện tiết kiệm năng lượng, ta cần dựa trên những tiêu chí cần lựa chọn đồ dùng điện có công suất và các tính năng phủ hợp với mục đích sử dụng của gia đình. Đồ dùng điện nào có công suất định mức càng nhỏ thì tiêu thụ điện năng càng ít.   6.Tai nạn điện có thể xảy ra vì cần cẩu vướng vào dây điện vượt quá chiều cao của an toàn điện.  7. Nếu chọn mua loại tủ lạnh thế hệ mới thì tiến điện mà gia đình em tiết kiệm được trong mỗi năm là: 204.584đ  \**Báo cáo kết quả:*  - Đại diện nhóm Hs trình bày miệng.  \**Đánh giá kết quả:*  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  GV:hệ thống hóa kiến thức  GV: chốt và cho điểm kl | **I. Lí thuyết**  Đồ dùng điện trong gia đình   * Bàn là điện * Đèn LED * Máy xay thực phẩm * Sử dụng điện an toàn   **II. Câu hỏi ôn tập**  Câu 1:  Trả lời  Các bộ phận chính của bàn là là: vỏ bàn là, dây đốt nóng, bộ điều chỉnh nhiệt độ.  Câu 2:Trả lời   * Kí hiệu NYLON: vị trí đặt nhiệt độ bàn là phù hợp với nhóm quân áo may băng vải nyÌon. Hình 9.3. Vịtrí đặt trước nhiệt độ * Ki hiệu SILK: vị trí đặt nhiệt độ bản là phủ hợp củo bên là với nhóm quân áo may bằng vải lụa, tơ tăm. * Kí hiệu WOOL: vị trí đặt nhiệt độ bản là phủ hợp với nhóm quần áo may bằng vải len. * Kí hiệu COTTON: vị trí đặt nhiệt độ bàn là phủ hợp với nhóm quần áo may bằng vải bông (vải cotton). * Kí hiệu LINEM: vị trí đặt nhiệt độ bản là phù hợp với nhóm quản áo may bằng vải lanh (vải linen). * Kí hiệu MAX: vị trí đặt nhiệt độ bản là ở mức cao nhất. * Kí hiệu MIN: vị trí đặt nhiệt độ bàn là ở mức thấp nhất.   Câu 3.  Trả lời  Đèn LED có cấu tạo gồm những bộ phận: Vỏ dèn, bộ nguồn, bảng mạch led.  Câu 4:Trả lời  Quy trình sử dụng máy xay thực phẩm gồm các bước:  1. Sơ chế các loại thực phẩm cần xay.  2 Cắt nhỏ thực phẩm  3 Lắp cối xay vào thân máy  4. Cho nguyên liệu cần xay vào cối và đậy nắp  5. Cảm điện và chọn chế độ xay phù hợp  6 Sau khi xay xong, tắt máy và lấy thực phẩm ra khỏi cối xay.  7. Vệ sinh và bảo quản máy xay thực phẩm sau khi sử dụng xong  Câu 5.  Trả lời  Khi lựa chọn đồ dùng điện tiết kiệm năng lượng, ta cần dựa trên những tiêu chí cần lựa chọn đồ dùng điện có công suất và các tính năng phủ hợp với mục đích sử dụng của gia đình. Đồ dùng điện nào có công suất định mức càng nhỏ thì tiêu thụ điện năng càng ít.  Câu 6:Trả lời   Tai nạn điện có thể xảy ra vì cần cẩu vướng vào dây điện vượt quá chiều cao của an toàn điện.  Câu 7.  Trả lời   Nếu chọn mua loại tủ lạnh thế hệ mới thì tiến điện mà gia đình em tiết kiệm được trong mỗi năm là: 204.584đ |

**C. Hoạt động vận dụng:**

*\* Chuyển giao nhiệm vụ:*

- GV yêu cầu HS tìm hiểu trả lời câu hỏi và làm bài tập:

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Kể tên, nêu công dụng của một số đồ dùng điện trong gia đình?

Công suất trên các TBĐ có ý nghĩa gì? Công suất có ảnh hưởng như thế nào đến việc sử dụng điện tiết kiệm điện?

*\*Thực hiện nhiệm vụ:*

*-* HS làm việc cá nhân tìm hiểu thực tế để hoàn thành nhiệm vụ học tập*.*

*\* Báo cáo kết quả:*

+ HS trình bày kết quả làm việc.

*\*Đánh giá kết quả*

- HS nhận xét, đánh giá câu trả lời của bạn, bổ sung (nếu có).

=>GV nhận xét, đánh giá.

*\*Dặn dò*: GV yêu cầu HS về nhà học bài và tiếp tục hệ thống lại toàn bộ kiến thức Chương III, IV để tiết sau kiểm tra học kì II.

**TIẾT 35: KIỂM TRA HỌC KÌ II**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**:

**-** Nắm vững các đợn vị kiến thức cơ bản của học kì .

**-** Củng cố các kiến thức của chương III, IV

**2. Năng lực**

- Nhận thức công nghệ: Nắm được các đợn vị kiến thức cơ bản để làm kiểm tra

- Sử dụng công nghệ: Sử dung các kiến thức đã học vào làm bài tập

- Đánh giá công nghệ: Đánh giá được nội dung bài kiểm tra

**3.Phẩm chất:**

- Tự chủ và tự học: chủ động, tích cực học tập; vận dụng một cách linh hoạt những kiến thức, kĩ năng để làm bài kiểm tra

- Trung thực; nghiêm túc; tự tin và có tinh thần vượt khó; chấp hành kỉ luật

**II: CHUẨN BỊ**

**1.Giáo viên:** Soạn đề kiểm tra

**2.Học sinh :** Ôn tập nôi dung chương III, IV

- Chuẩn bị giấy bút

**III. MA TRẬN ĐỀ:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Nội**  **dung** | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | | | **Cộng** |
| **Cấp độ thấp** | | **Cấp độ cao** | |
| TN | TL | TN | TL | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |  |
| **Nội dung 1.**Trang phục và thời trang | Biết được chức năng của trang. Biết mục đích của việc là (ủi) | Biết được khái niệm và cách phân loại trang phục | Hiểu được cơ sở để lựa chọn trang phục. |  | Vận dụng chỉ ra được đặc điểm của một số loại vải |  |  |  |  |
| *Số câu: 05* | *1* | *1* | *2* |  | *1* |  |  |  | *5* |
| *Số điểm:*  *Tỉ lệ(40%)* | **0,25**  2,5% | **3**  30% | 0,5  5% |  | **0,25**  2,5% |  |  |  | 4  40% |
| **Nội dung 2.**  Đồ dùng điện trong gia đình | B iết được cách sử dụng đồ dùng điện trong gia đìnhhiệu quả an toàn |  | Hiểu được  Cấu tạo,  Nguyên lí làm việc của đồ dùng điện trong gia đình |  | Biết lựa chọn đồ dùng điện  hợp lí, tiết kiệm điện năng |  |  |  |  |
| *Số câu: 07* | *2* |  | *2* |  | *3* |  |  |  | *7* |
| *Sổ điểm:7*  *Tỉ lệ:70%* | *3,5*  *20* |  | *0,5*  *20* |  | *3*  *30* |  |  |  | *7*  *60%* |
| *Tổng số câu hỏi* | *3* | 1 | *2* |  | 4 | 1 |  |  | *12* |
| *Tổng số điểm*  *Tỉ lệ* | *3,75*  *30,75%* | 0,25  3,5% | *2,5*  *20,5%* |  | 3,25  30,25% | 0,25  15% |  |  | *10,*  *100%* |

**A. ĐỀ KIỂM TRA**

### I. Trắc nghiệm (3 điểm)

**Câu 1: Chức năng của trang phục:**

a. Giúp con người chống nóng

b.Bảo vệ và làm đẹp cho con người

c. Giúp con người chống lạnh

d. Làm tăng vẻ đẹp cho con người

**Câu 2: Người béo và lùn nên mặc loại vải:**

a. Màu sáng, mặt vải thô, kẻ sọc ngang

b. Màu tối, mặt vải trơn, kẻ sọc dọc

c. Màu tối, mặt vải thô, kẻ sọc ngang

d. Màu sáng, mặt vải láng, kẻ sọc dọc

**Câu 3: Người có dáng cao, gầy nên mặc trang phục:**

a. Áo có cầu vai, tay bồng, kiểu thụng

b. May sát cơ thể, tay chéo

c. Đường may dọc theo thân áo, tay chéo

d. Kiểu may sát cơ thể, tay bồng

**Câu 4: Khi đi học thể dục em chọn trang phục:**

a. Vải sợi bông, may sát người, giày cao gót

b. Vải sợi tổng hợp, may rộng, giày da đắt tiền

c. Vải sợi bông, may rộng, dép lê

d. Vải sợi bông, may rộng, giày ba ta

**Câu 5: Em hãy chỉ ra đâu không phải bộ phận chính của bàn là:**

A. vỏ bàn là,

B. dây đốt nóng

C. bộ điều chỉnh nhiệt độ.

D. Núm hẹn giờ

**Câu 6:Đèn LED có cấu tạo gồm những bộ phận chính nào?**

A. Vỏ dèn, bộ nguồn, bảng mạch led.

B**.** Vỏ dèn, đuôi đèn, bộ nguồn, bảng mạch led.

C. Vỏ dèn, bộ nguồn, bộ điều khiển, bảng mạch led.

D. Vỏ dèn, bộ nguồn, bảng mạch led, chân đèn.

**Câu 7: Em hãy sắp xếp theo đúng các bước để nói lên nguyên lí làm việc của máy say thực phẩm:**

1. Lưỡi dao trong cối quay để xay thực phẩm

2. Lựa chọn tốc độ quay

3. Cấp điện cho máy xay

4. Điện truyền vào động cow máy xay

**Câu 8: Qui trình sử dụng bàn là gồm mấy bước**

A. 3 bước B. 4 bước C. 5 bước. D. 6 bước

**Câu 9: Hãy giải thích ý nghĩa các kí hiệu trên bộ điều chỉnh nhiệt độ của bàn là sau.**

* Kí hiệu NYLON
* Ki hiệu SILK
* Kí hiệu WOOL
* Kí hiệu COTTON

**II. TỰ LUẬN: (7đ)**

1. Trang phục là gì? Trang phục được phân làm mấy loại? (3đ)

2. Em hãy nêu guyên nhân gây ra tai nạn điện?(3đ)

3. Em hãy nêu cách lựa chọn đồ dùng điện tiết kiệm điện năng? (1đ)

**B. HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ THANG ĐIỂM**

**I. Câu hỏi trắc nghiệm khách quan (3điểm)**

- Thang điểm: Mỗi câu trả lời đúng được 0.25 điểm x 8 câu = 2 điểm

câu 9 giải thích 4 ý, mỗi ý 0,25đ

- Đáp án: Câu 1: D; Câu 2: B; Câu 3:C; Câu 4: D; Câu 5: D; Câu A: b; Câu 7: 3,2,4,1; Câu 8: C;

Câu 9: Mỗi ý 0,25đ

* Kí hiệu NYLON: vị trí đặt nhiệt độ bàn là phù hợp với nhóm quân áo may băng vải nyÌon. Hình 9.3. Vịtrí đặt trước nhiệt độ
* Ki hiệu SILK: vị trí đặt nhiệt độ bản là phủ hợp củo bên là với nhóm quân áo may bằng vải lụa, tơ tăm.
* Kí hiệu WOOL: vị trí đặt nhiệt độ bản là phủ hợp với nhóm quần áo may bằng vải len.
* Kí hiệu COTTON: vị trí đặt nhiệt độ bàn là phủ hợp với nhóm quần áo may bằng vải bông (vải cotton).

**II. TỰ LUẬN**

**1. Trang phục là gì? Trang phục được phân làm mấy loại?**

- Trang phục: Bao gồm các loại áo quần và một số vật dụng khác đi kèm như: mũ, giày, tất, khăn quàng… (1đ)

- Phân chia loại: Có 4 loại trang phục

+ Theo thời tiết: Trang phục mùa lạnh, trang phục mùa nóng. (0. 5đ)

+ Theo công dụng: Trang phục lễ hội, đồng phục, trang phục thể thao… (0. 5đ)

+ Theo lứa tuổi: Trang phục trẻ em, trang phục người đứng tuổi. (0. 5đ)

+ Theo giới tính: Trang phục nam, trang phục nữ. (0.5đ)

**2. Nguyên nhân gây ra tai nạn điện: ( 3 đ mỗi ý đúng 0,5đ)**

- Đến gần vị trí dây dẫn điện bị đứt, rơi xuống đất.

- Thả diều ở nơi có đường dây điện đi qua.

- Chạm ta trực tiếp vào dây điện trần hoặc dây điện bị hở cách điện.

- Vi phạm hành lang an toàn trạm điện.

- Dùng vật liệu kim loại chạm vào nguồn điện.

- Chạm vào đồ dùng bị rò điện qua lớp vỏ kim loại bên ngoài

**3. Em hãy nêu cách lựa chọn đồ dùng điện tiết kiệm điện năng? (1đ)**

Để tiết kiệm điện ta cần

- Lựa chọn đồ dùng điện có công suất định mức và các tính năng phù hợp với mục đích, nhu cầu sử dụng của gia đình.

- Lựa chọn đồ dùng điện nào có tính năng tiết kiệm điện năng ( đò dùng có số ngôi sao trong nhãn năng lượng càng nhiều sao thì càng tiết kiệm điện năng )

**IV. THU BÀI:**

- Giáo viên thu bài kiểm tra về nhà chấm.

- Giáo viên nhận xét đánh giá giờ kiểm tra.

.